

PHẢN BIỆN XÃ HỘI VỀ
DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI



VIỆN NGHIÊN CỨU SINH THÁI CHÍNH SÁCH XÃ HỘI (SPERI)

PHẢN BIỆN XÃ HỘI VỀ DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

Sự tham gia của xã hội
trong tiến trình soạn thảo Luật về Hội (2005-2006)

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

MỤC LỤC

LỜI TỰA	11
---------	----

PHẢN BIỆN XÃ HỘI: DỰ THẢO LẦN THỨ 5 - LUẬT CŨNG PHẢI ĐI VÀO LÒNG NGƯỜI

LỜI NÓI ĐẦU	15
MỘT SỐ TƯ TƯỞNG CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG LUẬT VỀ HỘI	17
<i>Hoàng Ngọc Giao</i>	
LUẬT PHẢI LÀ SỰ THỂ HIỆN MỐI QUAN HỆ ĐA DẠNG	21
<i>Trần Thị Lành</i>	
LUẬT KHÔNG PHẢI LÀ SỰ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỚI HỘI	25
<i>Phạm Hữu Nghị</i>	
NHỮNG TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ CẦN CÓ QUY ĐỊNH RIÊNG	27
<i>Phạm Quang Lê</i>	
NÊN THAM KHẢO LUẬT HỘI CỦA CÁC NƯỚC KHÁC, NHƯNG KHÔNG THỂ RẬP KHUÔN	30
<i>Phạm Sỹ Liêm</i>	
Vẫn không bằng những sắc lệnh cũ	33
<i>Bùi Tường Anh</i>	
LUẬT CŨNG PHẢI ĐI VÀO LÒNG NGƯỜI	36
<i>Nguyễn Vượng</i>	
LUẬT VỚI HIỆN THỰC SINH ĐỘNG CỦA CUỘC SỐNG	38
<i>Nguyễn Vi Khải</i>	

PHẢN BIỆN XÃ HỘI: DỰ THẢO LẦN THỨ 8 - Vẫn đang tìm một tiếng nói chung

MỘT RỪNG CÂY HAY NHỮNG CÀNH ÈO UỘT?	47
<i>Nguyễn Chí Dũng</i>	

QUẢN LÝ HỘI NHƯ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THÌ KHÔNG ỔN	50
<i>Trần Thị Lành</i>	
XÂY DỰNG LUẬT TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ	52
<i>Phạm Hữu Nghị</i>	
TÔI KHÔNG HIỂU VÌ SAO CÓ TÌNH TRẠNG NHU VẬY	55
<i>Trần Hữu Huỳnh</i>	
MỘT SỐ Ý KIẾN THAM GIA DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI	57
<i>Nguyễn Đình Anh</i>	
TÔI KHÔNG ĐỒNG Ý QUAN ĐIỂM PHẢI CÓ BỘ CHỦ QUẢN	63
<i>Đinh Ngọc Mậu</i>	
MỘT TƯ DUY HẾT SỨC CŨ KỸ KIỂU BAO CẤP	65
<i>Tô Ngọc Thanh</i>	
ĐỪNG XEM HỘI NHƯ MỘT TỔ CHỨC KINH TẾ	67
<i>Hàn Mạnh Tiến</i>	
TÔI ĐỒNG Ý ĐỀ NGHỊ BỎ KHOẢN 3 ĐIỀU 7	69
<i>Phạm Chi Lan</i>	
CẦN PHÂN BIỆT RÕ CÁC LOẠI TỔ CHỨC HỘI	70
<i>Trần Khánh Chương</i>	
CẦN CÓ TIẾNG NÓI THỐNG NHẤT CỦA CÁC LIÊN HIỆP HỘI	71
<i>Lê Công Lương</i>	
NHỮNG ĐIỀU CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC THÌ PHẢI ĐƯỢC ĐẢM BẢO	72
<i>Vũ Duy Thái</i>	
Ý KIẾN CỦA TỔ BIÊN TẬP CŨNG KHÔNG ĐƯỢC GHI NHẬN	74
<i>Dương Đình Khuyển</i>	
CỤ THỂ KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ CHI TIẾT HÓA LUẬT	75
<i>Phạm Công Lạc</i>	
CẦN CÓ BỘ CHỦ QUẢN LÀ TƯ TƯỞNG LẠC HẬU, BAO CẤP	77
<i>Phạm Tuấn Khải</i>	
CẦN ĐỔI MỚI TƯ DUY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG LUẬT PHÁP	80
<i>Nguyễn Vi Khải</i>	

LUẬT CHƯA LÀM RÕ SỰ KHÁC BIỆT CƠ BẢN GIỮA HỘI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	82
<i>Nguyễn Quang Tuyền</i>	
SỬA LẠI HAY LÀM LUẬT MỚI ĐỀU TỐT	84
<i>Phạm Quốc Anh</i>	
TIẾNG NÓI ĐỒNG TÌNH SẼ TÌM ĐƯỢC SỰ CHIA SẺ	85
<i>Hữu Thịnh</i>	
 PHỤ LỤC: NHỮNG VẤN ĐỀ XUNG QUANH DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI	
TẠO DỰNG LUẬT VỀ HỘI TRONG KHÔNG GIAN TỰ DO LẬP HỘI VÀ TỰ QUẢN CỦA HỘI	89
<i>Đinh Văn Mậu</i>	
TOẠ ĐÀM TẠI LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM (VUSTA), NGÀY 8/9/2005	95
TRUNG ƯƠNG LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM	104
TOẠ ĐÀM TẠI LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM (VUSTA), NGÀY 23/12/2005	112
CÁC CUỘC TOẠ ĐÀM DO HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM VÀ LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM TỔ CHỨC	117
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT VỀ HỘI	124
<i>Lê Văn Hòe</i>	
MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VÀO DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI	131
<i>Phạm Văn Tân</i>	
MỘT SỐ Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI	136
<i>Trần Công Đáng</i>	

PHẢN BIỆN XÃ HỘI: DỰ THẢO LẦN 9 - CÁC HỘI CẦN PHẢI ĐƯỢC BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT GIỚI THIỆU	141
---	-----

VẤN ĐỀ CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC LÀ XÁC ĐỊNH RÕ NHỮNG QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC CHUNG CHO DỰ THẢO LUẬT	144
<i>Nguyễn Xuân Thiều</i>	
MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ NGHỊ ĐỊNH 88 VÀ DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI	148
<i>Nguyễn Văn Quế</i>	
LUẬT CẦN XÁC ĐỊNH RÕ VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC CỦA TỔ CHỨC HỘI TRONG THỜI KỲ MỚI	153
<i>Khương Bá Tuân</i>	
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘI NÊN THEO NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ BẰNG PHÁP LUẬT	160
<i>Lương Đức Trụ</i>	
MỤC TIÊU LÀ KHƠI DẬY VÀ PHÁT HUY HẾT TRÍ LỰC CỦA MỌI NGƯỜI DÂN	163
<i>Phạm Hồng Thực</i>	
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NHƯ THẾ NÀO ĐỂ KHÔNG HẠN CHẾ ĐẾN QUYỀN LẬP HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP CỦA HỘI	169
<i>Trần Huy Liệu</i>	
GÒ VỀ KHUÔN CHỦ QUẢN ĐỒNG NGHĨA VỚI VIỆC LÀM THUI CHỘT VAI TRÒ CHỦ ĐỘNG SÁNG TẠO CỦA HỘI	171
<i>Phan Trung Hiếu</i>	
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC KHÔNG ĐƯỢC KIÊM NHIỆM ĐỨNG ĐẦU HỘI CÙNG LĨNH VỰC	175
<i>Nguyễn Quốc Khanh</i>	
LUẬT VỀ HỘI PHẢI XÂY DỰNG BÌNH ĐẲNG TRÊN NGUYÊN TẮC LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ	179
<i>Nguyễn Ngọc Minh</i>	
LUẬT VỀ HỘI CẦN PHẢI CỎI MỞ HƠN	182
<i>Nguyễn Thanh Văn</i>	
DỰ THẢO ĐANG NẶNG VỀ QUẢN LÝ MẶT TRÁI CỦA HỘI	185
<i>Trần Khắc Thuận</i>	
LUẬT VỀ HỘI HỢP LÝ, KHOA HỌC SẼ TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO CÁC HỘI PHÁT TRIỂN	189
<i>Lê Công Lương</i>	

PHẢN BIỆN XÃ HỘI: DỰ THẢO LẦN 9 - LUẬT VỀ HỘI	
CẦN TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ ĐIỀU CHỈNH	199

PHẢN BIỆN XÃ HỘI: DỰ THẢO LẦN 9 - TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN	
GIỚI THIỆU	203
CẦN PHẢI CÓ GIẢI PHÁP LỒNG GHÉP VÀ KẾ THỪA HIỆU QUẢ	205

Trần Thị Lành

LẤY Ý KIẾN LÀ CẦN THIẾT, NHƯNG QUAN TRỌNG HƠN LÀ CÁC Ý KIẾN ĐÓ PHẢI ĐƯỢC TIẾP NHẬN VỚI SỰ CẦU THỊ VÀ TRÂN TRỌNG	211
--	------------

Trần Hữu Huỳnh

NHỮNG CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG LUẬT VỀ HỘI CỦA CÁC TỔ CHỨC HỘI	215
--	------------

Hoàng Ngọc Giao

LUẬT VỀ HỘI CẦN PHẢN ÁNH VÀ ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA THỰC TIỄN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI	236
--	------------

Nguyễn Thị Hậu

LUẬT VỀ HỘI CẦN BÌNH ĐẲNG GIỮA HỘI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ HỘI PHI CHÍNH PHỦ	241
--	------------

Trần Công Hoàng Quốc Trang

ĐỀ NGHỊ THẬT SỰ CẦU THỊ	245
--------------------------------	------------

Trương Văn Đa

ĐẢNG: HOA TIÊU NHÀ NƯỚC: CẦM LÁI NHÂN DÂN: BOI CHÈO	248
--	------------

Phan Phùng Sanh

SỰ PHÂN BIỆT CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI SẼ TẠO NÊN SỰ BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ MẶT PHÁP LÝ GIỮA CÁC TỔ CHỨC HỘI	253
--	------------

Nguyễn Trần Khanh

PHẢN BIỆN XÃ HỘI: DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI - CHUYÊN ĐỀ TRÊN THỜI BÁO KINH TẾ SÀI GÒN: KHÓ KHĂN CHUYỂN LẬP HỘI	
VẤN NHÀ NƯỚC HÓA, HÀNH CHÍNH HÓA	259
NGƯỜI DÂN CÓ QUYỀN LẬP HỘI	265

Lê Hiếu Đăng

LẬP HỘI - SAO MÀ KHÓ!	266
------------------------------	------------

Nguyễn Chơn Trung

HỘI SOẠN LUẬT - TẠI SAO KHÔNG? 267

Nguyễn Tấn

CẢ NƯỚC CÓ ĐẾN HÀNG NGÀN HỘI TỪ CẤP QUẬN TRỞ LÊN 270

Thời báo Kinh tế Sài Gòn ngày 6/4/2006

**XUNG QUANH DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI CỦA CÁC TỔ CHỨC HỘI
LUẬT VỀ HỘI LÀ QUY ĐỊNH PHÁP LÝ VỀ QUYỀN TỰ DO LẬP HỘI
ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG HIẾN PHÁP** 275

Nguyễn Hữu Tăng

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI THẢO LUẬN DỰ ÁN LUẬT VỀ HỘI 279

Hương Giang

THỦ TỤC THÀNH LẬP CÒN RUỒM RÀ 281

Lê Sơn

NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC LẬP HỘI TẠI VIỆT NAM 284

Văn Tiến

**PHẢN BIỆN XÃ HỘI: DỰ THẢO ĐÓNG GÓP BỞI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
PHỤ NỮ DÂN TỘC (TEW) - LUẬT PHẢI XẤT PHÁT TỪ DÂN, BỞI DÂN
VÀ VÌ DÂN**

BẢN ĐÓNG GÓP VÀO DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI DO TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
PHỤ NỮ DÂN TỘC (TEW) ĐÓNG GÓP 291

LỜI TỰA

Hành lang pháp lý về Hội đã được Nhà nước Việt Nam đề cập tại Sắc lệnh số 102/1957/SL-L năm 1957. Sau gần 40 năm, đến năm 1993, Luật về Hội tiếp tục được Chính phủ đưa ra cân nhắc. Tới năm 2005, bản thảo lần thứ ba ‘Luật về Hội’ được Bộ Nội vụ ra mắt lấy ý kiến từ Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA). Kể từ đó, với sự vào cuộc phản biện của VUSTA dưới ánh sáng soi đường tại Quyết định 22/2002/QĐ-TTg ngày 30/01/2002 của Thủ Tướng Phan Văn Khải, đến tháng 12/ 2006, các bản thảo thứ tư đến thứ 13 liên tục được đưa ra trưng cầu dân ý. Đây là động lực cho làn sóng xã hội dân sự cởi lòng, mở trí, trách nhiệm và tâm huyết cùng chung sức đóng góp, phân tích và kiến nghị bằng nhiều hình thức như: tọa đàm bàn tròn, hội nghị và viết bài đóng góp các điều, các điểm gửi tới ban soạn thảo Luật về Hội và các đại biểu Quốc hội tại các kỳ họp lần thứ 7, 8, 9, 10 từ tháng 5/2005 đến tháng 11/2006 Quốc hội khóa XI với *tâm nguyện là sớm được sống và làm việc trong hành lang pháp lý của Luật Hội.*

Trước làn sóng chia sẻ tâm huyết của toàn xã hội, Ban Xây dựng Pháp luật - Văn phòng Chính phủ, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức cuộc hội nghị vào ngày 13/12/2006 với một gợi ý lập pháp tới các tổ chức hội tham gia soạn thảo dự luật về Hội. Triển khai gợi ý này, ngày 23/12/2006, một tọa đàm giới thiệu bản dự thảo Luật về Hội do nhóm chuyên gia đệ trình trên cơ sở thực tiễn và khoa học của tiến trình lập pháp ra mắt gửi tới ban soạn thảo và Quốc hội để nghiên cứu do VUSTA chủ trì: *“Lần đầu tiên trong lịch sử phát triển Việt Nam, đối tượng bị điều chỉnh của Pháp luật đã đệ trình một dự luật để điều chỉnh chính bản thân mình”!*

Kết cục quá trình góp ý xây dựng Luật về Hội là một quyết định tạm dừng ở bản Dự thảo lần thứ 13 và chưa đưa ra lấy ý kiến tại kỳ họp cuối cùng, Quốc hội khóa XI (năm 2006) theo như dự kiến. Việc chưa ban hành Luật về Hội tại thời điểm đó (và cho đến hiện tại, 2014, vẫn đang đưa ra xem xét lại) vừa thể hiện tính hạn chế của hoạt động lập pháp, vừa là một thành công của quá trình phản biện chính sách trong thay đổi nhận thức về pháp luật trên phạm vi toàn xã hội.

Quyển sách do **Nhóm Truyền thông** của Viện Nghiên cứu Sinh thái Chính sách Xã hội (SPERI) đã và đang theo sát những diễn biến của các hoạt động góp ý xây dựng Dự thảo Luật về Hội xin được biên tập lại các đóng góp tâm huyết của các nhà nghiên cứu, giới báo chí và luật sư cách đây gần 10 năm để chia sẻ cùng bạn đọc.

Cuối cùng chúng tôi xin được cảm ơn tới Tổ chức ICCO, Hà Lan và Đại sứ quán Hà Lan tại Việt Nam đã tạo điều kiện giúp đỡ chúng tôi trong tiến trình đóng góp ý kiến tới dự thảo Luật về Hội trong thời gian 2005-2006.

Trần Thị Lành

TEW-CHESH-CIRD/SPERI

Phản biện xã hội: Dự thảo lần thứ 5

LUẬT CŨNG PHẢI ĐI VÀO LÒNG NGƯỜI

Diễn đàn tại Hà Nội

Mùa xuân 2005

PHÂN BIỆT XÃ HỘI VỀ DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Được bắt đầu tiến hành xây dựng từ năm 1993, cho đến nay đã qua 12 năm, trong đó có hơn hai năm tập trung cao độ, Luật về Hội đã bước sang Dự thảo lần thứ 8. Có thể nói đây là một trong số những Dự thảo Luật tuy được chuẩn bị tương đối lâu dài, song cho đến phút chót vẫn còn có nhiều ý kiến trái ngược. Ngày 13/12/2005, Ban Xây dựng Pháp luật - Văn phòng Chính phủ, phối hợp với Bộ Nội vụ đã tổ chức cuộc Toạ đàm để lấy ý kiến về dự án của Bộ luật này và đã đi đến kết luận: "...Ngay cả khi Dự án luật có thể được Chính phủ cho ý kiến, thì chắc chắn các Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội cũng còn phải xem xét dưới góc độ thẩm tra, và chắc chắn còn phải quay lại tiếp thu, xin ý kiến tiếp tục...". Đặc biệt có ý kiến cho rằng một số tổ chức Hội là những đối tượng sẽ chịu tác động của bộ luật này sau khi được ban hành có thể tổ chức một nhóm chuyên gia độc lập để làm việc với Ban Soạn thảo, thậm chí có thể soạn thảo một dự luật mới để nghiên cứu. Ý kiến này đã được Đại diện Hội Luật gia Việt Nam nhấn mạnh trong lời kết luận của buổi toạ đàm. Điều này cho thấy ngay cả những người có trách nhiệm trong việc tham mưu, thẩm tra, điều chỉnh Dự án luật lần cuối trước khi trình Chính phủ để xem xét thông qua Dự luật này cũng còn ít nhiều phân vân...

Thực hiện đề xuất này, ngày 23/12/2005, tại Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã có cuộc toạ đàm giới thiệu một bản Dự thảo Luật về Hội (Bản dự thảo không chính thức) do một nhóm chuyên gia vừa gấp rút hoàn thành trong 10 ngày, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của những lần Dự thảo trước đây, có thêm một số điều chỉnh từ

các ý kiến đóng góp qua các kỳ tọa đàm về Luật Hội do nhiều cơ quan tổ chức trong thời gian vừa qua, để các đại biểu tham khảo. Điều này càng chứng tỏ rằng Luật về Hội thực sự đang được quan tâm một cách cụ thể và rộng khắp.

Luật về Hội được ban hành sẽ có một ý nghĩa hết sức to lớn trong sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đặc biệt là đối với tiến trình hội nhập đã, đang và sẽ tiếp tục diễn ra, như một tất yếu của sự nghiệp Cách mạng.

Từ nhiều năm nay, chuyên mục Diễn đàn của các nhà khoa học trên báo *Văn nghệ* đã thu hút được sự quan tâm của giới khoa học cũng như độc giả cả nước. Chính vì vậy, nhân việc đặt ra vấn đề này, Tuần báo *Văn nghệ* đã kết hợp với một số cơ quan chuyên môn tổ chức các cuộc trao đổi nhỏ trong phạm vi chuyên mục này, xung quanh những vấn đề liên quan đến Luật về Hội, để đáp ứng với nguyện vọng của đông đảo độc giả cũng như góp phần cho Luật về Hội sớm được ban hành một cách hoàn chỉnh và dân chủ. Tập kỷ yếu này được tổng hợp từ nội dung các buổi tọa đàm trên.

TUẦN BÁO VĂN NGHỆ

MỘT SỐ TƯ TƯỞNG CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG LUẬT VỀ HỘI

Luật sư, TS. luật học HOÀNG NGỌC GIAO

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Một trong những đặc điểm cơ bản của các Hội, tổ chức nhân dân là sự liên kết, hoạt động trên cơ sở tự nguyện giữa các thành viên. Về vấn đề này, chính sách khuyến khích sự phát triển của xã hội dân sự đã được ghi nhận chính thức trong Nghị quyết của Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam với chủ trương: “mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị từ thiện - nhân đạo”. Từ đó có thể thấy quan hệ pháp lý phát sinh do sự hình thành và hoạt động của Hội - là đối tượng điều chỉnh của Luật về Hội, mang tính chất tư (riêng tư) và chủ yếu tùy thuộc vào ý chí, nguyện vọng và khả năng của cá nhân (hoặc tổ chức) hội viên. Chính vì vậy vai trò của Nhà nước đối với các hoạt động của Hội chỉ nên giới hạn và không mang tính áp đặt hay can thiệp quá sâu, còn Luật về Hội *chỉ định ra những khuôn khổ pháp lý chủ yếu, nhằm tạo dựng một môi trường pháp lý rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Hội, đồng thời đảm bảo cho Hội không hoạt động trái với lợi ích chung của xã hội.*

Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định tại Điều 69: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập Hội, biểu tình theo quy định của pháp luật”. Như vậy, hoạt động của Hội, của các tổ chức nhân

dân, là Quyền Hiến định. Mọi quy định pháp luật được soạn thảo và ghi nhận trong các bộ luật, đạo luật hay bất kỳ một văn bản pháp luật nào khác không được mâu thuẫn với tinh thần và lời văn của Điều luật Hiến pháp. Vì thế, các nhà soạn thảo luật có nghĩa vụ cụ thể hóa quyền này bằng những quy định cụ thể theo hướng tạo nên một môi trường pháp lý thuận lợi nhất cho hoạt động của Hội. *Những quy định Pháp luật có nội dung hạn chế, hoặc làm thu hẹp khả năng thực hiện quyền tự do lập hội (nếu không vì những lý do về an ninh quốc gia, lý do làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và tự do của người khác, những lý do khác do luật định), thì có thể bị coi là những quy định vi Hiến (vi phạm Hiến pháp), và trở nên vô hiệu.* Trong điều kiện Việt Nam chưa có Tòa án Hiến pháp thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền giải thích pháp luật có thể xem xét tính hợp hiến của một văn bản pháp luật.

Quyền tự do lập Hội là một trong những Quyền cơ bản của con người, được hầu hết các quốc gia trên thế giới trình trọng công nhận trong Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người năm 1948. Nhà nước Việt Nam cũng đã chính thức tham gia Công ước Quốc tế về các quyền chính trị và dân sự năm 1966. Điều này có nghĩa là *việc soạn thảo và ban hành Luật về Hội chính là việc thi hành nghĩa vụ pháp lý quốc tế của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực tôn trọng và bảo vệ Quyền con người.*

Những quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp quy định, trong đó có quyền lập hội, có nghĩa là dù có Luật hay chưa có Luật thì các hình thức tổ chức hội như các câu lạc bộ, trung tâm, một số Hội như Hội đồng hương, Hội bảo thọ, Hội khuyến học, v.v. vẫn được Nhà nước công nhận một cách mặc nhiên mà không cần quan tâm nhiều đến “*tư cách pháp nhân*” của nó, bởi lẽ những nội dung hoạt động của các tổ chức này hoàn toàn dựa trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện. Tuy nhiên, một Hội có tư cách pháp nhân, nghĩa là được Nhà nước chính thức công nhận là điều kiện pháp lý quan trọng để hội có thể tham gia các quan hệ về hành chính, dân sự, kinh tế, v.v. Luật về Hội cần có

những quy định cụ thể, rõ ràng về những điều kiện, tiêu chí về tư cách pháp nhân của Hội. *Tư cách pháp nhân chỉ cần thiết đối với Hội như một sự công nhận chính thức từ phía Nhà nước và là điều kiện pháp lý để thực hiện các giao dịch dân sự, kinh tế, hành chính... mà thôi.*

Thực tiễn xã hội công dân của Việt Nam hiện nay rất đa dạng. Có các tổ chức chính trị xã hội - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức cộng đồng, tổ chức phát triển, tổ chức khoa học công nghệ... Trong số những tổ chức này, các tổ chức chính trị - xã hội có vị trí chính trị đặc biệt, là những tổ chức lớn, có quy mô hoạt động ở tất cả các cấp hành chính - lãnh thổ, được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước, có lịch sử hoạt động vẻ vang. Tuy nhiên, xét dưới những tiêu chí cơ bản của thiết chế thuộc xã hội công dân, các tổ chức này về mặt hình thức cũng giống như các tổ chức nhân dân, các tổ chức phi chính phủ khác. Đây cũng là những tổ chức nằm ngoài bộ máy nhà nước với những tiêu chí của “Hội” như là: hoạt động trên cơ sở tự nguyện ý chí của các thành viên, không vì mục đích lợi nhuận, vì lợi ích của thành viên và vì lợi ích cộng đồng... *Do vậy, việc để các tổ chức chính trị xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật về Hội sẽ tạo nên sự bình đẳng về mặt pháp lý giữa các tổ chức trong xã hội dân sự.* Với đối tượng là người nước ngoài, việc công nhận cá nhân cũng như tổ chức nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật về Hội có thể được hiểu là: người nước ngoài, tổ chức nước ngoài cư trú, hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, cũng có quyền hội họp, lập Hội, tham gia Hội như các thể nhân, pháp nhân Việt Nam. *Đây cũng là nguyên tắc phổ biến ở các nước hiện nay, được áp dụng với người nước ngoài trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.*

Mối quan hệ giữa Hội, các tổ chức nhân dân với Nhà nước phải là mối quan hệ bình đẳng. Luật về Hội phải quy định rõ cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Hội với công chức, cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước (theo Luật Khiếu nại, thông qua tòa án). Vấn đề quản lý nhà nước chuyên ngành với hoạt động của Hội cũng cần được quy định cụ thể:

Quản lý theo giấy phép hoạt động chuyên ngành? Quản lý theo kiểu cơ quan chủ quản? Quản lý theo pháp luật?... Nhà nước thực thi chức năng cảnh giới sự tuân thủ pháp luật của Hội, giám sát hoạt động của Hội, đảm bảo sao cho hoạt động của các tổ chức này trở nên có trách nhiệm và minh bạch đối với cộng đồng, xã hội và đối với chính ngay các thành viên của Hội, tổ chức phi chính phủ. Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là những hạn chế theo quy định của Khoản 2 của Điều 22 về Công ước các quyền chính trị dân sự năm 1966 cần phải được thể hiện một cách cụ thể rõ ràng, minh bạch, giảm thiểu tối đa sự tùy tiện khi giải thích và áp dụng điều luật.

Thực tiễn của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam cho thấy tính đa dạng về hình thức tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội đã và đang phát huy tối đa các nguồn lực xã hội. Sự tham gia của các tổ chức xã hội vào những công việc, lĩnh vực mà Nhà nước đang thực hiện có thể được coi như một sự chia sẻ gánh nặng trách nhiệm từ Nhà nước sang cho xã hội dân sự. Nhận thức được tầm quan trọng và khả năng đóng góp của các tổ chức xã hội, Nhà nước Việt Nam có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện xã hội dân sự tham gia công việc nhà nước. Nghị định 86/2003/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ và Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg ngày 30/1/2002 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã đề cập tương đối cụ thể về vấn đề này. Điều đó cho thấy Chính phủ Việt Nam đã có chính sách rõ ràng nhằm phát huy sự tham gia của Hội vào các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội. Khi xây dựng Luật về Hội cần quán triệt và thể hiện rõ Chính sách đối với Hội bằng những quy định cụ thể của Luật.

LUẬT PHẢI LÀ SỰ THỂ HIỆN MỐI QUAN HỆ ĐA DẠNG

Bà **TRẦN THỊ LÀNH**

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Năng lực Phụ nữ Dân tộc (TEW)

Nhà nước pháp quyền thực hiện ý chí thống trị đối với toàn xã hội thông qua luật pháp, tức là thực hiện chức năng xã hội chính trị của Nhà nước. Đồng thời nhà nước pháp quyền cũng phải giải quyết tất cả những vấn đề trong đời sống xã hội - dân sự có liên quan đến luật pháp, tức là thực hiện chức năng xã hội - dân sự của Nhà nước. Nhà nước pháp quyền là mô thức tổ chức Nhà nước, cho phép có thể thực hiện thống nhất các chức năng xã hội chính trị và xã hội - dân sự, một cách hiệu quả nhất, đồng thời có nhiều khả năng nhất để thắt chặt mối quan hệ giữa Nhà nước với xã hội - dân sự bằng pháp luật và thông qua pháp luật.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, và vì dân, chứa đựng trong bản chất của mình khả năng thống nhất việc thực hiện các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự. Chính trị và dân sự đòi hỏi lẫn nhau sự thống nhất ngày càng cao thông qua pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

“Luật về Hội là một nhu cầu tất yếu, xuất phát từ cả hai phía chính trị và dân sự. Là sự thể hiện tập trung mối quan hệ đa dạng, đa chiều, giữa nhà nước xã hội chủ nghĩa và đời sống xã hội - dân sự. Vì vậy, Luật về Hội chỉ thực sự có ý nghĩa, khi nó thể hiện được tầm tư tưởng của thời đại. Thậm chí, Luật về Hội cần phải đi trước một bước để lường

được những diễn biến phức tạp của thời đại. Để vừa có tác dụng điều chỉnh vừa có ý nghĩa hướng dẫn, thúc đẩy các hoạt động xã hội - dân sự, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững.

Với cách đặt vấn đề như trên, chúng tôi mong muốn đóng góp một số ý kiến, chủ yếu mang tính chất phê phán, những mặt chưa được của bản Dự thảo Luật về Hội. Hy vọng nó sẽ có tác dụng cho Ban Dự thảo luật, tham khảo để hoàn thiện bản Dự thảo.

1. Mục tiêu chiến lược trong bản Dự thảo luật chưa tương xứng với tư tưởng của Đảng và Nhà nước thể hiện trong các chính sách, đường lối phát triển kinh tế - xã hội

Trước hết, chúng tôi thẳng thắn nói rằng, nội dung tư tưởng của bản Dự thảo Luật về Hội lần này, về căn bản, không khác gì nội dung tư tưởng thể hiện trong Sắc lệnh ban bố Luật số 102 SL/L/004 ngày 20/5/1957, quy định về quyền lập Hội. Mặc dù, thời gian cách nhau giữa hai luật đã gần 50 năm.

Chúng ta đang ở trong một tình thế lịch sử với những đặc điểm chưa từng có trước đây - KỶ NGUYÊN TOÀN CẦU HÓA. Đại hội IX của Đảng đã nhận định: *“Toàn cầu hóa là một xu hướng khách quan”*. Đại hội cũng đã khẳng định chủ trương: *“Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững”*. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 07 NQ/TW ngày 27/11/2001 về Hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết 07 đã xác định Hội nhập kinh tế quốc tế là một yếu tố của phát triển. Nghị quyết đã đề ra **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**, trong đó đã chỉ ra việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung pháp luật.

Nghiên cứu Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị, chúng tôi không tìm thấy tinh thần, tư tưởng của Nghị quyết 07 trong bản Dự thảo Luật về Hội. Bản Dự thảo Luật về Hội chỉ mới đề ra được khuôn phép cho Hội

và những thủ tục hành chính mà Hội phải thực hiện, trong khi đó vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Hội - loại hình Tổ chức xã hội - dân sự, chủ yếu hiện nay, đã không hề được thể hiện. Cần phải được bổ sung, để Luật về Hội tương xứng với tầm tư tưởng của Đảng và Nhà nước thể hiện trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đường lối hội nhập kinh tế quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa của mọi quốc gia.

2. Sự không thống nhất giữa dự thảo Luật về Hội với các Luật hiện hành

Khi một Luật mới ra đời để thay thế một Luật đã lỗi thời trong cùng một phạm vi điều chỉnh, tất nhiên, nó cần phải phủ định những quy định đã không còn phù hợp. Nhưng nó không được phép phủ định những quy định của các Luật khác đang còn hiệu lực. Vì nếu được phép phủ định các luật khác thì xảy ra tình trạng phủ định lẫn nhau giữa các luật, luật tự nó sẽ rối loạn và mất hiệu lực điều chỉnh.

Điều 3 trong Dự thảo Luật về Hội quy định: *“Trường hợp có sự khác nhau giữa Quy định Luật về Hội với các Quy định của Luật khác về Tổ chức, hoạt động của Hội thì áp dụng các Quy định của Luật về Hội”*.

Một cách trực giác có thể đặt ngay hai câu hỏi:

Thứ nhất: *“Vì sao không quy định cho phù hợp mà lại phải phủ định các quy định của luật khác?”*

Thứ hai: *“Luật về Hội có đứng trên các luật khác không?”*

Chỉ cần trả lời hai câu hỏi này đã thấy có điều gì đó bất ổn trong quy định tại Điều 3 của bản Dự thảo.

Để làm sáng tỏ điều này, chúng tôi xin lấy một ví dụ sau đây:

Điểm 4, Điều 44 quy định: *“Pháp nhân trực thuộc Hội phải hoạt động theo Điều lệ pháp nhân do Hội phê duyệt, không trái với Điều lệ Hội và Pháp luật hiện hành”*.

Điểm C, Điều 7 của Dự thảo: “Quy định các hành vi bị nghiêm cấm: sử dụng tư cách pháp nhân của Hội để thực hiện các hoạt động kinh tế nhằm thu lợi nhuận, chia cho Hội viên và Ban Lãnh đạo Hội”.

Trong khi đó, Điểm 3, Điều 15 của Luật Khoa học và Công nghệ quy định: “Các tổ chức khoa học và công nghệ có quyền hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ từ các tổ chức, cá nhân. Góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, để tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật”.

Trên thực tế có rất nhiều pháp nhân trực thuộc Hội là những tổ chức khoa học và công nghệ - “Luật về Hội thì nghiêm cấm, Luật Khoa học và Công Nghệ thì được phép.

Có lẽ chỉ cần một ví dụ thôi cũng đã đủ để xác định sự cần thiết phải sửa đổi các quy định của Luật về Hội cho phù hợp với các quy định của luật khác.

3. Về vấn đề sử dụng và quản lý tài chính tài sản của Hội

Vấn đề quản lý, sử dụng tài sản của Hội cũng như xử lý tài chính, tài sản của Hội trong các trường hợp chia tách, sáp nhập, giải thể, bị đình chỉ hoạt động, quy định tại các Điều 45, 55, 58, 60, 77, 78 trong bản Dự thảo chúng tôi thấy không minh bạch và chưa nhất quán. Chúng tôi đề nghị, đối với những vấn đề liên quan đến việc quản lý sử dụng các nguồn tài chính, việc xử lý tài chính trong các trường hợp Hội chia tách, sáp nhập, giải thể, ngừng hoạt động là những vấn đề tỉ mỉ, sự vụ và phức tạp. Đòi hỏi phải sử dụng thuật ngữ chuyên môn về tài chính - kế toán một cách chính xác. Các quy định phải phù hợp với Luật Kế toán, Kiểm toán, Luật Ngân sách Nhà nước. Vì vậy, không nên quy định một cách thiếu tính thống nhất ở trong luật này mà nên giao trách nhiệm đó cho Chính phủ, để chính phủ giao cho Bộ Tài chính ra thông tư hướng dẫn.

LUẬT KHÔNG PHẢI LÀ SỰ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỚI HỘI

TS. PHẠM HỮU NGHỊ

Tổng Biên tập Tạp chí Nhà nước và Pháp luật

Trong bối cảnh hội nhập, vai trò của các tổ chức Hội ngày càng tăng là tất yếu không cản được. Vấn đề là phải tạo điều kiện cho Hội vì lợi ích chung của quốc gia, của chính các Hội cũng như của cộng đồng. Chính vì vậy mà điều chỉnh tổ chức và hoạt động của các Hội không phải ở luật mà vai trò quan trọng hơn là ở điều lệ của các Hội. Bản dự luật này can thiệp tương đối sâu vào điều lệ của các Hội là một điều chưa hợp lý. Chính vì vậy mà có thể nói về một số điểm chưa thành công của bản dự thảo Luật về Hội này như sau:

Thứ nhất, Dự luật chưa tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức thực hiện quyền tự do lập Hội. Nhiều điều còn chưa bằng luật năm 1957, chưa có quy định rõ quyền lập Hội trong Chương I, như vậy là còn kém Luật Doanh nghiệp (Chương I Luật Doanh nghiệp khẳng định quyền tự do kinh doanh và nghiêm cấm việc cản trở quyền tự do kinh doanh). Tại sao ta không dám quy định như vậy trong Luật về Hội? Theo tôi, cần thể hiện rõ một số nội dung về quyền lập Hội của công dân như: Quyền lập hội của nhân dân được tôn trọng và bảo đảm; mọi người đều có quyền lập Hội, trừ những người mất quyền công dân hoặc đang bị truy tố trước pháp luật; mọi người có quyền tự do vào Hội thành lập hợp pháp, và có quyền tự do ra Hội; không ai được xâm phạm quyền lập Hội và quyền tự do vào Hội, ra Hội của

người khác... Cụ thể, rõ ràng luôn là một trong những đặc trưng cơ bản của luật.

Thứ hai, việc không đưa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức tôn giáo vào phạm vi điều chỉnh của Luật về Hội là chưa có sức thuyết phục. *Phải chăng các tổ chức này được coi như là cơ quan nhà nước hoặc được coi là các tổ chức đặc biệt không mang tính chất của Hội, nên không nói đến vấn đề này? Không nên có Khoản 3 Điều 3.*

Thứ ba, bản Dự luật chưa thể hiện rõ vai trò của các Hội trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát, tư vấn phản biện xã hội đối với việc quản lý nhà nước, đặc biệt là trong các hoạt động chuyên môn, một trong số các chức năng đã được xác định của các tổ chức Hội từ lâu nay, là điều chưa hợp lý. Cần phải nhìn nhận vấn đề này một cách nghiêm túc và khoa học từ góc độ luật pháp.

Từ những lý do vừa kể trên, có thể nói rằng Dự luật này nghiêng về quản lý nhà nước với Hội thì chính xác hơn. Quá coi trọng vấn đề quản lý nhà nước đối với Hội mà coi nhẹ quyền chủ động, quyền tự định đoạt, quyền quyết định của Hội sẽ là một điều bất cập. Tôi đồng ý với ý kiến cho rằng Luật chỉ nên quy định những phạm vi bị cấm (như vi phạm an ninh quốc gia...). Còn ngoài phạm vi đó ra thì nên để người ta chủ động làm mới là điều hợp lý.

NHỮNG TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ CẦN CÓ QUY ĐỊNH RIÊNG

Ông PHẠM QUANG LÊ

Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ

Về sự cần thiết có Luật về Hội để thay thế Luật “quy định về quyền lập Hội” ban hành từ năm 1957, dường như ai cũng thấy rõ. Bởi lẽ khung pháp lý cũ tuy mang tinh thần tiến bộ song từ nhiều năm qua đã tỏ ra không còn phù hợp trước những biến đổi to lớn và sâu sắc của đất nước. Song cũng phải chờ đến khi Nghị quyết Đại hội IX, việc xây dựng Luật về Hội mới được đặt ra. Tuy nhiên, quá trình triển khai việc soạn thảo Dự luật (từ năm 2001) đã gặp không ít trở ngại với những ý kiến khác nhau ngay từ phạm vi, đối tượng điều chỉnh đến những điều kiện, thủ tục... và sự quản lý của Nhà nước. Trước tình hình đó, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định trước mắt hãy ban hành một Nghị định (NĐ 88/2003), để qua một thời gian thực hiện sẽ làm sáng tỏ thêm. Và đến năm 2004, công việc soạn thảo Luật về Hội lại được tiếp tục sau khi đã có sơ kết tình hình thực hiện NĐ 88 và Thủ tướng đã có tư tưởng chỉ đạo cho việc xây dựng Luật này.

Qua các lần dự thảo Luật về Hội, nhiều điểm hạn chế trong NĐ 88 đã được xem xét để điều chỉnh. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng nhất vẫn chưa được giải quyết, đó là *phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật*. Và như vậy Luật vẫn chưa tạo được bước bứt phá để tạo chuyển biến về chất trong đó thể hiện tinh thần bình đẳng trước pháp luật để lại một khoảng trống về khung pháp lý trong khi ta đang cần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền.

Với sự hạn chế đó, dường như đến lúc này việc xây dựng Luật về Hội (hoàn thiện và nâng cao hơn NĐ 88) *vẫn chưa thực sự chín muồi* để có một luật như mọi người mong đợi. Đã có ý kiến cho rằng nếu về cơ bản Luật không hơn NĐ 88 thì tốt nhất là hãy *tiếp tục thi hành NĐ 88 với một vài điểm điều chỉnh khả thi*; và đầu tư nghiên cứu thêm làm sáng tỏ vấn đề tồn tại lớn nói trên, thể hiện tư duy chính trị mới mà chúng ta có thể hy vọng Đại hội Đảng lần thứ X sắp tới đạt tới. Để góp một phần rất nhỏ vào quá trình chuẩn bị thêm, ở đây tôi xin được gọi ra vài suy nghĩ về vấn đề tồn tại nói trên.

Luật về Hội. Điều đó có nghĩa đối tượng điều chỉnh của Luật này là các Hội. Hội nói ở đây không chỉ là thuật ngữ thông thường (có nhiều nghĩa), mà là một khái niệm có nội hàm được xác định, có lẽ cần viết với chữ hoa “Hội” để phân biệt. Các Hội dù có hình thức tổ chức khác nhau (như Hiệp hội, Liên đoàn...), song về bản chất là loại hình Hội.

NĐ 88 đã quy định Hội (đối tượng điều chỉnh của Luật này) tương đối cụ thể. Tuy nhiên, để có một nội hàm đầy đủ, chặt chẽ hơn trong Luật cần tham khảo thêm để hoàn chỉnh. Tài liệu về các tổ chức phi chính phủ (NGO) của Ngân hàng Thế giới (WB) coi Hội *phải có hội viên* (phân biệt với các Quỹ và Tổ chức từ thiện - nhân đạo không có hội viên và ban chấp hành, chỉ có người sáng lập và người điều hành); Hội *phải là pháp nhân* (nhưng không nằm trong khu vực Nhà nước); Hội không bao gồm tổ chức Đảng, giáo hội, công đoàn, doanh nghiệp (theo luật riêng).

Từ những quy ước về khái niệm, một vấn đề rất nhạy cảm là *các tổ chức ngoài phạm vi điều chỉnh*. NĐ 88 quy định đó là các tổ chức chính trị - xã hội (hay đoàn thể quần chúng): Mặt trận Tổ quốc, Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức giáo hội... ngoài ra còn có quy định ngoài Luật là một số tổ chức “chính trị - xã hội” khác (được nhà nước trợ cấp thường xuyên). Đối với Luật về Hội, có

hai luồng ý kiến khác nhau: *Luật phải điều chỉnh tất cả các tổ chức này* (trừ giáo hội) vì chúng có đầy đủ các tiêu chí của Hội đã xác định, và như vậy phải bình đẳng trước pháp luật. Ý kiến khác cho rằng *không điều chỉnh các tổ chức này vì “có đặc thù”* (trong hệ thống chính trị).

Nhân đây cũng xin gợi ra một kiến nghị về việc định danh tính chất của các Hội theo tiêu chí nào. Hiện nay, phân loại ra các loại tổ chức: Đảng là tổ chức chính trị, ngoài ra có một số tổ chức chính trị - xã hội, một số khác là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp còn lại là các tổ chức thuần túy xã hội, nghề nghiệp. Tôi cho rằng khái niệm “chính trị” ở đây đã bị lạm dụng theo cách “phục vụ công tác chính trị”. Ví dụ, Hội Luật gia thực chất là Hội nghề nghiệp của các Luật gia (tương tự các hội nghề nghiệp khác) song lại cho rằng lĩnh vực luật pháp gắn chặt với quyền lực chính trị, do đó phải có tính chất chính trị. Có người giải thích bằng lý do lợi ích, là tổ chức chính trị... thì được Nhà nước trợ cấp kinh phí.

Một vấn đề cuối cùng là các tổ chức bao trùm nhiều Hội, gọi là Liên hiệp các hội (văn học - nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật...) không muốn coi là đối tượng điều chỉnh của Luật về Hội. Đây cũng là một trường hợp “đặc thù” của Việt Nam và cũng là vấn đề nhạy cảm. Toàn bộ những trường hợp “đặc thù” nói trên, nếu muốn giải quyết cơ bản đòi hỏi có quan điểm mới về hệ thống chính trị của nước ta. Cũng như các tổ chức chính trị - xã hội nói ở trên, theo tôi trước mắt có thể xử lý tạm bằng cách có một chương trong Luật về Hội đề cập riêng về loại tổ chức đặc thù này.

NÊN THAM KHẢO LUẬT HỘI CỦA CÁC NƯỚC KHÁC, NHƯNG KHÔNG THỂ RẬP KHUÔN

TS. PHẠM SỸ LIÊM

Phó Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam

Việc ban hành Luật về Hội là cần thiết, nhưng việc soạn thảo Luật phải xuất phát từ các quan điểm đổi mới. Đó là vì tổ chức Hội trong kinh tế thị trường rất khác về tính chất, về chức năng và về phương thức hoạt động với Hội trong kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Bên cạnh đó, công tác dân vận của Đảng đang cần được đổi mới, rất cần rút kinh nghiệm qua các biến cố ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây.

Vai trò của xã hội công dân cũng là vấn đề cần được nghiên cứu và đánh giá đúng. Gần đây các nhà xã hội học đã có nhiều nghiên cứu về xã hội dân sự, trong đó Hội là một tổ chức xã hội dân sự, hoạt động bên ngoài bộ máy nhà nước và khối kinh doanh.

Luật về Hội thuộc về thể chế chính trị cụ thể của mỗi nước, vì vậy nên tham khảo Luật Hội của các nước khác, nhưng không thể rập khuôn, bởi lẽ chúng ta đang trong quá trình cải cách. Việc xét đến hiện trạng của các Hội là điều cần thiết, song phải hết sức thận trọng. Không thể ngay lập tức làm đảo lộn trật tự hiện có, nhưng đồng thời lại phải mở đường cho cải cách sắp tới. Đặc biệt phải nhìn đến xu hướng hội nhập quốc tế, Hội không thể không giao thiệp với Hội các nước và gia nhập các tổ chức quốc tế. Nếu Hội của ta không giống ai thì khó có tiếng nói chung được. Đó sẽ là một sự cản trở lớn đối với sự phát triển của đất nước.

Xuất phát từ những điều trình bày ở trên, Luật chỉ nên vạch ra hành lang pháp lý cho các Hội hoạt động, bao gồm mục đích lập Hội, có điều lệ, trụ sở, có đăng ký với chính quyền, hoạt động thường xuyên, hàng năm có báo cáo với chính quyền, tự chủ về tài chính, quyền hạn và những hoạt động bị nghiêm cấm...

Luật không nên đi vào chi tiết của điều lệ và phương thức hoạt động của Hội vì có rất nhiều loại hình Hội. Những gì đã có trong Luật khác thì không cần đưa vào Luật này nữa như xuất bản báo chí, lập doanh nghiệp...

Chính vì vậy, các điều khoản thuộc về hoạt động của Hội như Điều 12 (Nội dung chính của Điều lệ Hội) và Điều 15 (Nội dung chủ yếu trong Đại hội thành lập Hội) nên bỏ vì không cần thiết phải đi sâu vào chi tiết như vậy. Các Chương III về hội viên và Chương IV về tổ chức hoạt động Hội cũng không nên đưa vào Luật, mà thay bằng một chương chung chỉ gồm một số Điều có liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của Hội, đến tính không chia lợi nhuận, tính công khai, tính minh bạch và tính thường xuyên của hoạt động Hội.

Cũng không nên có sự phân biệt giữa sáu tổ chức xã hội như trong Khoản 3 Điều 2 vì đây sẽ là một trở ngại cho chính những tổ chức này trong quá trình hội nhập sau này. Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Công đoàn thì đã có Điều 9 và Điều 10 của Hiến pháp.

Về Khoản 2 Điều 5 nên quy định rõ: Một số Hội nên được Chính phủ thừa nhận là công ích. Hội công ích có thể được Chính phủ ủy nhiệm thực hiện một số dịch vụ công thích hợp và được Chính phủ tài trợ.

Có một điều cũng rất cần phải lưu ý, đó là sự nghèo nàn về từ ngữ của người soạn thảo luật. Trong một văn bản luật chưa đầy 20 trang mà có tới trên dưới 20 lần dùng cụm từ "*Theo quy định của pháp luật...*" thì quả là không thể chấp nhận được. Đã soạn thảo luật mà còn phải dựa vào Quy định của pháp luật thì thật vô lý. Lĩnh vực nào cũng có luật

chi phối, điều chỉnh của lĩnh vực đó rồi (như Luật Đầu tư chẳng hạn).
Viết như vậy khác nào người soạn thảo luật đó không tự tin, phải lấy
các Luật khác ra để dựa vào. Làm như vậy chẳng hóa ra cuối cùng là
đưa Luật Hình sự ra thôi?

VẪN KHÔNG BẰNG NHỮNG SẮC LỆNH CŨ

Ông BÙI TƯỜNG ANH

Phó Tổng thư ký Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam

Đã gần nửa thế kỷ, kể từ khi ban hành sắc lệnh 102/SL/L004 ngày 20/5/1957, về “Quy định quyền lập Hội” (do Hồ Chủ tịch và Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký), đến nay Nhà nước ta mới có Dự thảo luật về Hội”. 48 năm đã trôi qua, nhưng theo chúng tôi, Dự thảo “Luật về Hội” hoàn toàn chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập, thậm chí không tiến bộ bằng sắc lệnh cũ.

Mở đầu sắc lệnh cũ (Điều 1) là lời khẳng định: “Quyền lập Hội của nhân dân được tôn trọng và bảo đảm, lập Hội phải có lợi ích chính đáng phù hợp với chế độ dân chủ nhân dân của nước ta” và “Mọi người đều có quyền lập Hội, trừ những người bị tước quyền công dân hoặc đang bị truy tố trước pháp luật. Mọi người đều có quyền tự do vào Hội thành lập hợp pháp và có quyền tự do ra Hội. Không ai được xâm phạm quyền tự do lập Hội và quyền tự do vào Hội, ra Hội của người khác” (Điều 2). Thật là ngắn gọn, thật là đầy đủ và tự tin biết bao, tôn trọng nhân dân biết bao và sòng phẳng biết bao. Còn Dự thảo luật hiện nay, hình như người ta lo ngại một điều gì đó nhưng không tiện nói ra, cứ muốn can thiệp quá mức vào quyền của dân, sự can thiệp thậm chí trở thành phi pháp và phi lý. Xin đơn cử một vài trường hợp:

Thứ nhất, trong Điều 1 ghi, “Luật này quy định về quyền lập Hội, tổ chức hoạt động và quản lý Hội” là thừa, vì không có nó người ta cũng không hiểu khác. Điều 2 ghi “công dân và các tổ chức Việt Nam,

trừ các tổ chức quy định tại Khoản 3 Điều này”, người dự thảo quên mất rằng, Luật này điều chỉnh hành vi lập Hội, nên chỉ những công dân và tổ chức lập Hội mới phải tuân thủ Luật, Luật không điều chỉnh mọi công dân, mọi tổ chức nói chung... Vì vậy, chúng tôi đề nghị, về cơ bản nên quay lại hai điều mở đầu của Sắc lệnh cũ, chỉ sửa đổi Điều 1 như sau: “Quyền lập hội của công dân và các tổ chức của công dân được tôn trọng và bảo đảm”...

Thứ hai, trên thực tế không thể thống nhất quản lý nhà nước về Hội được. Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được quy định trong văn bản thành lập cơ quan, hoặc trong lúc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chứ không phải mỗi luật lại mọc thêm một số chức năng, nhiệm vụ mới. Quy định như thế sẽ không đảm bảo tính nhất quán. Làm như vậy thì cơ quan nhà nước cũng không thể “Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo chuyên môn” làm việc cho Hội, cũng không thể “quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Hội” được. Chính vì vậy mà Chương “Nội dung quản lý nhà nước về Hội” đặt ra là không cần thiết.

Thứ ba, nếu đã quay lại với những điều mở đầu tương tự như Sắc lệnh cũ, thì Điều 7 (“Các hành vi bị nghiêm cấm”) là hoàn toàn thừa. Viết như thế vô tình phát lộ một điều là người viết chỉ ngăn cấm chuyện “Cản trở quyền lập Hội, ép buộc tham gia Hội, lập Hội”, chứ không ngăn cấm “ép buộc ra Hội”, rõ ràng là không sòng phẳng. Do đó, Điều 7 này cũng hoàn toàn không cần thiết phải đưa vào Luật. Hơn nữa trong Luật Hình sự đã có đủ các loại tội danh để quy kết mọi hành vi phạm tội, nói như ở đây không những không đủ, mà lại làm cho văn bản trở nên phức tạp hơn rất nhiều. Về việc khen thưởng và xử lý vi phạm (Điều 57, Điều 58) cũng vậy. Nói là “khen thưởng và xử lý vi phạm” nhưng trong thực tế, nếu có vi phạm thì Luật Hình sự, Luật Hành chính quy kết tội danh đủ lắm rồi, Luật này không cần nêu lại nữa. Còn nếu có hành vi đáng khen thưởng thì dân thường Nhà nước cũng khen thưởng được, không cần phải nêu ra trong Luật. Trong Dự

thảo có để Chương VI điều chỉnh “Hội của các cá nhân và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam”. Chúng tôi đề nghị bỏ hẳn chương này ra ngoài Dự thảo để trình một Luật hoặc Pháp lệnh hoặc Nghị định riêng. Vì trong Dự thảo này cũng chỉ nói được hai điều còn để cho Chính phủ quy định cụ thể (mà để thế là đúng, vì thật ra Hiến pháp không quy định quyền lập Hội của người nước ngoài). Như vậy, đưa vào đây chỉ thêm rườm rà.

Với những tồn tại như trên, nếu Dự thảo này được dùng làm cơ sở để thông qua thì quả thực chúng ta đang đứng trước một bước lùi về lập pháp. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị Bộ Nội vụ nên dự thảo lại một cách bài bản, theo một quy trình hợp lý khoa học hơn, nhằm làm cho luật đáp ứng được yêu cầu văn minh, tiến bộ, đổi mới thực sự và phù hợp với xu thế hội nhập. Tôi đề nghị cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật tổ chức một nhóm chuyên gia độc lập góp ý kiến với Ban Soạn thảo.

LUẬT CŨNG PHẢI ĐI VÀO LÒNG NGƯỜI

GS. TS. NGUYỄN VƯỢNG

Phó Tổng thư ký Tổng hội Y Dược học Việt Nam

Tổng hội Y Dược học bao gồm hơn 40 hội chuyên môn với hơn 100.000 hội viên trên tổng số 265.000.000 biên chế của ngành Y tế, có lịch sử tuyệt đối trong sáng. Hơn 60 năm chúng tôi tuyệt đối trung thành với Tổ quốc. Có 1/3 danh nhân được Bộ Chính trị duyệt là thuộc ngành Y tế, là lãnh đạo của Tổng hội chúng tôi. Là những người thầy giáo đứng vững trên giảng đường, người thầy thuốc hết lòng vì người bệnh, nay thấy Dự thảo luật thể này anh em vô cùng thất vọng!

Hội là tổ chức hoạt động theo điều lệ. Vậy mà Bộ Nội vụ duyệt điều lệ (quy định trong Dự thảo Luật về Hội) là anh vi phạm pháp luật. Không những thế, Dự thảo luật còn có rất nhiều điều khoản mà trên thực tế chính là trói chân tay anh em lại, làm thui chột khả năng hoạt động độc lập của Hội. Hội nghị 14 tỉnh vừa qua đã nói rõ đây là một bước thụt lùi trong việc này. Không thể có tình trạng tổ chức Hội là đứa con của chính quyền được.

Luật chung đã vậy, còn riêng với ngành Y tế thì nay lại có chỉ thị của Bộ yêu cầu các Hội phải báo cáo hoạt động của mình lên Bộ. Trong khi đó thực tế từ lâu nay các Hội đã không báo cáo cho Tổng hội nữa, mà thường xuyên báo cáo thẳng lên Bộ rồi. Rõ ràng ở đây có hiện tượng các Hội "sợ" Bộ... Nếu như Luật không xác định được rõ điều này thì sẽ là kẻ hở để phát sinh tiêu cực.

Cũng theo Dự thảo của bộ luật này, chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội của các Hội bị cắt đi cái đuôi. Không có giám định

xã hội thì còn gì là hoạt động chuyên môn của Hội nữa. Không những thế, việc sử dụng ngôn ngữ trong Luật cũng cần phải hết sức chính xác và cụ thể. Để tiến tới hội nhập, trước hết là vấn đề ngôn ngữ cần phải được đảm bảo và chia sẻ. Vậy mà bao nhiêu điều trong Luật dùng từ không chấp nhận được. Thế nên mới có những chuyện Tây cười luật Ta là vì thế.

Nói khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, vậy thì phải có cách ứng xử phù hợp với nó. Đề ra luật mà hoạt động của các tổ chức này lại không được tôn trọng, phải quy lụy nhiều thì sẽ không ai còn muốn hoạt động nữa. Văn kiện, chủ trương của Đảng đã chuẩn mực rồi, nhưng để Nghị quyết có hơi thở cuộc sống thì bản thân nó phải mang tính khả thi. Luật cũng phải đi vào lòng người và đảm bảo tính công bằng, dân chủ. Nói một cách cụ thể thì Dự thảo Luật về Hội lần này vẫn còn gây ức chế nhiều hơn là sự cởi mở...

LUẬT VỚI HIỆN THỰC SINH ĐỘNG CỦA CUỘC SỐNG

Ông NGUYỄN VI KHẢI

Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG, QUAN ĐIỂM, NHẬN THỨC

Một mục tiêu quan trọng hàng đầu là luật ra đời nhằm điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội sao cho xã hội ngày càng phát triển theo đúng hướng của giai cấp thống trị. Điều này đã được thể hiện ngay từ khi có những bộ luật của những nhà nước đầu tiên như Luật Hamurabi đã xuất hiện ở Nhà nước Babilon cổ đại cách đây khoảng 4.000 năm (1792 - 1750 trCN). Với 282 điều, Luật Hamurabi khá chi tiết, cho phép nô lệ cung đình có thể được lập gia đình, có tài sản, nhà cửa... Tuy nhiên, cái hạn chế lớn nhất trong Luật này là chỉ nhằm bảo vệ quyền lợi ích của thiểu số, một nhóm người thống trị. Nói như vậy để thấy cái khác cơ bản về bản chất Luật của Nhà nước thời đại hiện nay nói chung, của Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nói riêng đã đang và sẽ ban hành (trong đó có Luật về Hội) là nhằm bảo vệ quyền lợi, lợi ích của đa số, của nhân dân chứ không phải là bảo vệ lợi ích của một nhóm người, một tổ chức nào đó có đặc quyền, đặc lợi.

Thực tế cho thấy song song với Nhà nước pháp quyền là xã hội dân sự phát triển, loài người tiến bộ, văn minh có ba cơ chế “tác động” điều chỉnh hành vi đối với một con người nói riêng và với toàn xã hội nói chung. Đó là *cơ chế thị trường* với quy luật riêng của nó, là *Nhà nước pháp quyền* với các luật định và bên cạnh đó là sự ràng

buộc của cộng đồng (các tổ chức của cộng đồng tập hợp lại từ thời xa xưa, ngày nay gọi là xã hội công dân hay là xã hội dân sự). Các nhà kinh điển cũng đã từng nói đến xã hội công dân này như là một yếu tố không thể thiếu bên cạnh Nhà nước: “Nhà nước chính trị không thể tồn tại nếu không có cơ sở tự nhiên là gia đình và cơ sở nhân tạo là xã hội công dân. Chúng là điều kiện cần thiết của Nhà nước”. Trong đó mỗi quan hệ biện chứng, giữa ba thể chế là điều quan trọng nhất. Nhận thức được điều này, từ Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định việc Nhà nước giao cho các tổ chức xã hội đảm nhận một số dịch vụ công để “Nhà nước tập trung làm nhiệm vụ quan trọng hơn”.

II. MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ LUẬT HỘI DỰ THẢO

1. So sánh hai bản Dự thảo lần thứ tư và lần thứ năm thì có tới hơn 30 chi tiết ý, chương mục được điều chỉnh bổ sung. Vấn đề đáng bàn ở đây là ở Chương V nói về Liên hiệp hội. Điều 39 (trang 11) với tiêu đề Liên hiệp hội, Tổng hội (sau đây gọi chung là Liên hiệp hội). Đây là một điều luật chứa đựng bốn nội dung trong bốn mục 1, 2, 3, 4. Nội dung của các mục này rất chung và trong thực tế rất ít tính khả thi. Ví dụ: Mục 1 nói về “các Hội đang hoạt động trong cùng lĩnh vực có thể liên kết thành lập Liên hiệp hội”. Khái niệm *lĩnh vực* là rất trừu tượng, không có tính xác định về phạm vi rộng hẹp. Cụ thể hơn, ví dụ lĩnh vực Nội khoa trong y học, có Hội Nội khoa, bên cạnh đó cũng có các Hội khác có tính chất nội khoa như Hội Nội tiết, Hội Tim mạch, Hội Tiêu hóa, Hội Tiết niệu... Nhưng rất nhiều Hội như vậy không thể có một Liên hiệp hội Nội khoa được...

Mục 4 trong Điều 39 này quy định: “Việc thành lập Liên hiệp hội theo quy định tại các điều của Chương II luật này”. Đối chiếu với Chương II thì rất nhiều điều và khoản không phù hợp với thực tế vì rất nhiều lý do. Ví dụ nhiều Liên hiệp hội, Tổng hội hiện nay được thành lập do cấp trên ra quyết định không phải làm đơn như Khoản 1 Điều

l 1, hoặc việc ra Quyết định thành lập Hội lại là cơ quan cấp trên rất cao như Chính phủ hoặc Ban Bí thư chứ không phải là Bộ Nội vụ như Khoản 1 Điều 17 quy định. Do đó, có thể nói Điều 39, Chương V trong Dự thảo Luật lần này là hoàn toàn không thích hợp. Thậm chí có thể nói là rất lủng lờ chẳng hiểu là điều luật này có ý nghĩa đối với loại Liên hiệp hội kiểu nào.

2. Một cách nhìn tổng quát có tính hệ thống trong việc soạn thảo “Luật về Hội” có thể nêu lên một số ý như sau.

Ưu điểm: “Luật về Hội” được tổ chức soạn thảo, biên tập công phu khoa học, có khảo sát tham khảo ý kiến nhiều đối tượng, có tính kế thừa và quán triệt quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác quản lý đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh thế giới đang có nhiều biến động, đất nước Việt Nam cũng đã trải qua thời kỳ chuyển đổi quan trọng từ quan liêu bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đổi mới. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng sau 20 năm đất nước cũng đã thoát ra được cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng (trong bối cảnh các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô sụp đổ) điều này cũng còn nhiều ý kiến.

Dự thảo Luật về Hội đã nâng cao được cả về tầm lý luận cũng như đáp ứng được phần nào nhu cầu của thực tiễn. Từ việc tổng kết Nghị định 88/2003/NĐ-CP đến việc đánh giá các hoạt động của Hội, công tác quản lý của Hội trên phạm vi toàn quốc... Dự luật này đã trải qua năm lần biên tập lại. Điều chung nhất ở các lần thay đổi này là đã khắc phục được một số vấn đề vướng mắc ở các văn bản trước như thủ tục đăng ký dễ dàng hơn, thoáng hơn (không cần giấy phép), yếu tố cá nhân và tổ chức người nước ngoài đã được đề cập tới (ở Dự thảo lần thứ 5)... Tuy nhiên, ở ba lần sau, Chương V nói về Liên hiệp hội là ghép lại với nhiều nội dung khác làm cho tính khả thi của Luật trở nên “có vấn đề”, như đã nêu ở trên. Có thể nêu thêm một số ưu điểm nữa như tính tập trung và khẩn trương cả Ban Soạn thảo, có nhiều cuộc khảo sát lắng nghe ý kiến nhiều chiều, tham khảo kinh nghiệm quốc tế... Nhưng đây

không phải là trọng tâm. Điều cần thiết là nêu lên được những vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, đề nghị lưu ý khi soạn thảo.

Nhiều ý kiến luận bàn Điều 2, Khoản 3: Có sáu tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nêu lên là không áp dụng Luật này, vậy thì có các tổ chức chính trị - xã hội khác tại sao lại không nằm trong diện này? Vấn đề “bình đẳng” ở đâu? Đặc biệt phần lớn các Hội này là tổ chức đoàn thể của trí thức mà vai trò của trí thức trong hiện tại và kể cả trong quá khứ đã có truyền thống yêu nước đi theo Đảng, nằm trong khối liên minh Công - Nông - Trí... Theo thống kê sơ bộ của Bộ Nội vụ từ tháng 3/2005 có tới hơn 330 hội của tầng lớp trí thức, văn nhân nghệ sĩ, doanh nhân. Đây thực sự là một lực lượng hùng hậu không thể “lướt qua”, coi nhẹ. Không phải ngẫu nhiên văn kiện của Đảng và Nhà nước luôn nhắc tới vai trò quan trọng của đội ngũ này trong cả quá khứ và càng quan trọng hơn trong tương lai vì đây chính là nguồn, là môi trường đào tạo nên hiền tài, vốn quý của xã tắc.

Nhân dịp này, chúng tôi cũng xin nhấn mạnh bốn chức năng cũng rất quan trọng của văn học nghệ thuật đối với sự phát triển nói chung, sự phát triển bền vững nói riêng là: Chức năng phản ánh, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mỹ và chức năng dự báo. Với những chức năng quan trọng như trên, đội ngũ trí thức Việt Nam trên “mặt trận” văn hóa thực sự là một lực lượng có vai trò đặc biệt trong sự phát triển của đất nước. Sản phẩm của họ là tấm gương phản ánh mọi khía cạnh của cuộc sống một cách sinh động.

III. NHỮNG PHƯƠNG ÁN ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

Nhận thức được tính nhạy cảm của Bộ luật này ở khía cạnh cấp bách của nhu cầu phát triển toàn diện kinh tế-xã hội, nhóm soạn thảo đã chất lọc nhiều ý kiến đóng góp qua năm lần biên tập lại, và chắc sẽ còn nhiều lần nữa. Đây là một luật khẳng định quyền tự do của con người, không thuần túy đáp ứng nhu cầu mưu sinh về vật chất như

một số luật kinh tế, mà đáp ứng một nhu cầu tinh thần mang đậm tính nhân văn, văn hóa. Nói như thế không có nghĩa coi thường các luật kinh tế. Tính đặc thù của Luật này đã buộc những người biên tập và cả cơ quan chịu trách nhiệm làm tờ trình không chỉ là xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, mà còn ở cấp cao hơn nữa, để tính khả thi của Luật được bảo đảm. Điều vướng mắc nhất nằm ngay ở Chương I, Điều 2 đã có nhiều phương án đưa ra kiến nghị như sau:

1. Nếu đối tượng không áp dụng Luật này là sáu tổ chức chính trị - xã hội (như trong Dự thảo lần 5 nêu lên) thì đề nghị nên đưa thêm các tổ chức chính trị - xã hội khác nữa vì các tổ chức chính trị - xã hội khác như Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, các Hội hữu nghị đại diện cho tầng lớp trí thức có vai trò đặc biệt như trên đã nói.

2. Có ý kiến cho rằng Luật này không áp dụng với các tổ chức chính trị - xã hội thì cũng coi các tổ chức chính trị - xã hội khác là bình đẳng như nhau thì chỉ cần ghi một câu chung nhất là “không áp dụng với các tổ chức chính trị - xã hội” thế là đủ. Một số tổ chức đã có Luật, pháp lệnh riêng thì sẽ do Luật, Pháp lệnh đặc thù đó quy định.

3. Phương án khác hình thành một chương riêng về Liên hiệp hội như là một giải pháp quá độ trước khi có luật riêng với tri thức. Tuy nhiên, nếu có một chương riêng thì phải viết khác, nội dung quan trọng là phải nêu được chức năng quan trọng là tư vấn, phản biện, giám sát... như Văn bản của Ban Bí thư, Bộ Chính trị đã nói.

Phân tích các phương án trên để có sự lựa chọn và đề xuất với cấp trên chỉ đạo tiến tới việc có một Bộ luật đảm bảo tính khả thi cao, bình đẳng dân chủ khoa học phù hợp với giai đoạn phát triển mới của lịch sử. Đặc biệt, quá trình đổi mới 20 năm đã cho chúng ta nhiều bài học quý giá trong đó có bài học rất quan trọng là đổi mới tư duy, nhận thức lại hàng loạt vấn đề mà thời bao cấp với kiểu duy ý chí bất chấp quy luật khách quan. Chúng ta đã phải trả giá vì hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng từ cuối những năm 1970 đến

cuối nhưng năm 1980 mới thoát ra được. Nhân đây cũng phải nói đến nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng trì trệ đó là “công tác tổ chức cán bộ và công tác tư tưởng” còn bất cập nhiều yếu kém. Hiện nay nguyên nhân này cũng vẫn như là sự thách thức đang làm hạn chế sự phát triển của đất nước.

Trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội chúng ta cũng không quên rằng hàng loạt những vấn đề gọi là “riêng” có của chủ nghĩa tư bản như “kinh tế thị trường”, “thất nghiệp”, “lạm phát”, “sức lao động là hàng hóa”, v.v. không còn xa lạ với chế độ xã hội chủ nghĩa. Gần đây phát triển kinh tế nhiều thành phần, coi trọng kinh tế tư nhân đã được ghi nhận trong cả một nghị quyết của Đảng (có Đảng viên vẫn còn phản đối). Nhận thức là một quá trình không thể khác được, phải từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng rồi lại trở về với “thực tiễn” mới tiếp cận dần đến chân lý khách quan (theo cách nói của V. I. Lenin). Luật về Hội cũng phải như vậy, phải trở về với hiện thực sinh động của cuộc sống mà đổi mới tư duy trong quá trình biên soạn, ban hành.

Phản biện xã hội: Dự thảo lần thứ 8

VẪN ĐANG TÌM MỘT TIẾNG NÓI CHUNG

Diễn đàn tại Hà Nội

Thu - Đông 2005

MỘT RỪNG CÂY HAY NHỮNG CÀNH ÈO UỘT?

TS. NGUYỄN CHÍ DŨNG

Văn phòng Quốc hội

Luật này cụ thể hóa Điều 69 của Hiến pháp, quy định về quyền lập Hội của công dân. Hiến pháp đề cập: *“Công dân có quyền tự do lập Hội... theo quy định của pháp luật”*. Hiến pháp dùng chữ *“theo quy định của pháp luật”* thì hoàn toàn được phép, bởi nó khác với Luật. Còn đã là Luật thì phải quy định cụ thể, không thể dùng cách nói như vậy. *“Theo quy định của pháp luật”* trong Luật là câu chung chung, chỉ có giá trị bảo đảm an toàn cho người soạn thảo mà rất khó cho người thực hiện.

Đối chiếu nội dung của Luật về Hội với Điều 69 của Hiến pháp có mấy ý ta phải bàn. Công dân có quyền tự do ý chí. Vậy thì cá nhân hay là tổ chức có quyền lập Hội? Cái thiêng liêng nhất là sự liên kết tự nguyện của các cá nhân chứ không phải của các tổ chức như Dự thảo 8 đề ra. Điều này gợi cho tôi nghĩ đến Hội trong Hội. Nghĩa là khi bóp quản lý lại thì các Hội buộc phải mọc như nhánh trên một thân cây (như kiểu trong các Liên hiệp hội). Còn nếu tự do thì chẳng tội gì mọc như nhánh, mà Hội sẽ mọc lên như rừng cây. Vậy thì chúng ta muốn một xã hội như một rừng cây hay chỉ bao gồm một số cây với những cành èo uột? Điều này liên quan đến cách hiểu về quyền tự do ý chí của công dân, nếu không Hội sẽ chỉ là một kiểu gom lại cho dễ quản.

Cũng liên quan đến Điều 69 của Hiến pháp. Luật này ra đời để đảm bảo quyền tự do lập Hội của cá nhân. Vậy, các Hội khi thành lập phải xin phép hay chỉ cần đăng ký? Vấn đề này phải làm cho rõ. Tuy

Luật quy định chỉ phải đăng ký, không phải xin phép, nhưng đã có ví dụ cụ thể về những vướng mắc kiểu này: Pháp lệnh quy định tổ chức phải đăng ký, nếu không thì không hợp pháp. Nhưng đến khi đăng ký thì lại không cho phép. Tự tập trung lại, dù ngay ở nhà thì lại đụng đến vấn đề tự do hội họp... Nếu Luật không cẩn thận, phải xin phép mới thành Hội thì sẽ lại giống Pháp lệnh kia.

Dự thảo 8 quy định nghĩa vụ đăng ký: Hội muốn thành lập phải nộp đơn rồi chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét, sau đó mới được công nhận, đó là một cách hiểu. Cách hiểu khác đó là Hội thành lập theo đúng thủ tục, có điều lệ... tuyên bố xong đem đi đăng ký. Cơ quan đăng ký xem xét lại có gì vi phạm không rồi công nhận. Đăng ký rồi thì cho anh cái sổ, sau này kiểm tra. Đây thực chất là cách diễn đạt của quá trình xin phép. Điều này là không đúng với quan điểm tự do ý chí. Anh không thể lấy giấy đăng ký để phủ nhận Hội đã thành lập.

Đối với các tổ chức chính trị - xã hội, có một số quan điểm sau.

Thứ nhất là Luật nên quy định rõ loại Hội nào không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật này, và có những quy định riêng như Luật Mặt trận Tổ quốc chẳng hạn, để điều chỉnh các tổ chức này, trong đó ghi rõ đây là các tổ chức có đặc quyền là được dùng ngân sách nhà nước để hoạt động, và như vậy phải công khai tài chính. Luật Ngân sách cũng phải nói rõ điều này.

Thứ hai, vẫn dựa vào Điều 69 của Hiến pháp. Không phải là các Hội do các công dân lập nên, các tổ chức chính trị - xã hội kia có lịch sử riêng, có quy định riêng, có quy chế đặc biệt và phải công khai điều này để phân biệt với các Hội được thành lập tự nguyện.

Thứ ba là Bộ chủ quản. Một thực tế là trước đây nhiều Hội rất muốn có cơ chế Bộ chủ quản để có được sự bảo trợ, được ưu tiên việc làm. Song cho đến nay, hầu hết mọi hoạt động có nguồn thu các Bộ đều giao cho các bộ phận dịch vụ của mình. Đó là sự phát triển không lành mạnh. Vừa là đơn vị hành chính sự nghiệp, đồng thời có thu, đó

là cách nửa vời, tạo ra một mô hình không rõ ràng, rất khó cho các hoạt động của Hội.

Cuối cùng, cần làm rõ quyền hạn của cơ quan đăng ký trong Luật này. Dường như mới chỉ thấy quyền cho phép thành lập thôi, còn một loạt chuyện như giải quyết tranh chấp trong Hội, giữa Hội với các cơ quan, tranh chấp dân sự... thì thẩm quyền can thiệp của cơ quan đăng ký đến đâu, thì chưa thấy nói tới. Thậm chí Luật còn can thiệp cả vào nội dung đại hội, điều lệ Hội thì quả thực nó sẽ tạo ra rất nhiều điều nguy hiểm...

QUẢN LÝ HỘI NHƯ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THÌ KHÔNG ỔN

Bà TRẦN THỊ LÀNH

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Năng lực Phụ nữ Dân tộc (TEW)

Trong xu thế chung của hội nhập, theo Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị nói rất rõ là chúng ta phải rà soát lại từng câu, từng chữ, từng điều các cam kết quốc tế, các luật, các điều không phù hợp để vào hội nhập thì phải sửa. Luật này của chúng ta đang là bản nháp, cái gì không phù hợp thì chúng ta nên thay đổi.

Cụ thể, nếu theo quy định của Dự thảo luật hiện nay thì tất cả sáu tổ chức (được đặt ra ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật) không được lập Hội. Điều này rất nguy hiểm, bởi vì Nhà nước ta nắm trong tay các tổ chức này. Nhưng các tổ chức này không nằm trong Luật, có nghĩa là không được lập Hội. Điều này là phi lý. Chưa nói đến ý: Nhà nước phải tồn tại vững như kiềng ba chân (Công-Nông-Trí thức).

Chúng tôi là một tổ chức khoa học công nghệ làm việc 15 năm trong lĩnh vực sử dụng, phát huy và phát triển các tri thức bản địa của các cộng đồng dân tộc thiểu số sống trong các vùng rừng phòng hộ đầu nguồn, để làm nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo theo phương thức, chiến lược tự quyết và tự sống, theo đúng cơ chế của Đảng và Nhà nước. Tôi thấy chế độ tập trung quyền của Nhà nước trong quản lý các dạng tài nguyên thiên nhiên tại các rừng phòng hộ đầu nguồn còn nhiều điều bất cập. Ví dụ chỉ có trên dưới 1 triệu cán bộ, công nhân viên nông lâm trường và kiểm lâm quản lý và được quyền khai thác

sử dụng hơn 10 triệu ha đất và rừng tự nhiên và rừng phòng hộ, một nguồn tài nguyên chung của toàn quốc gia, trong khi khoảng 15 triệu dân nghèo và các tộc người thiểu số chỉ được quyền quản lý, sử dụng chưa đến 1 triệu ha đất rừng. Con số này nói lên sự bất cập do cơ chế tập trung quyền, nó không chỉ làm cạn kiệt nguồn tài nguyên đa dạng sinh học của quốc gia mà còn là nguyên nhân gây nên các xung đột về các mối quan hệ xã hội, các xung đột giữa cộng đồng người dân sống trong rừng với các cán bộ nhà nước tại các nông lâm trường này. Hậu quả là tình trạng mất tin giữa các cộng đồng với những chủ trương của Chính phủ đang ngày một tăng lên. Cho đến bây giờ rừng và đất cạn kiệt. Tôi đang tưởng tượng nếu ta đưa vào Chương VII - sự quản lý nhà nước đối với Hội mà chúng ta không xem xét lại một cách nghiêm túc thì cũng không khác gì Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đưa ra các chính sách về quản lý tài nguyên rừng mà không thực hiện được. Điều này sẽ dẫn tới tình trạng các xung đột trong xã hội sẽ còn nguy hiểm hơn nhiều so với ví dụ vừa nêu trên.

Ngoài ra, nếu nói đến bản chất thì Hội hoàn toàn độc lập, khác hẳn Nhà nước ở ba vấn đề:

- Thứ nhất, bản chất của Hội khác với bản chất của Nhà nước.
- Thứ hai, văn hóa Hội khác với văn hóa của Nhà nước.
- Thứ ba rất quan trọng, là cấu trúc tổ chức, quản lý, vận hành của Hội hoàn toàn khác với của Nhà nước.

Bởi vì Hội có ba yếu tố rất quan trọng là: 1) tự nguyện, 2) tự chủ và 3) tự chịu trách nhiệm với chính mình, với hội viên của mình, và với pháp luật của Nhà nước. Chính vì vậy mà chúng ta quản lý Hội như quản lý Nhà nước thì không ổn.

XÂY DỰNG LUẬT TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ

TS. PHẠM HỮU NGHỊ

Tổng biên tập Tạp chí Nhà nước và Pháp luật

Tôi cho rằng cần coi trọng những quan điểm sau đây khi xây dựng Luật về Hội.

Thứ nhất, phải bảo đảm nguyên tắc tự do ý chí của cá nhân, tổ chức trong việc lập Hội. Dự thảo 8 chưa thể hiện được nguyên tắc này. Với tư cách là tổ chức công quyền, Nhà nước phải tạo ra môi trường pháp lý rõ ràng, thuận lợi nhất cho việc hình thành và hoạt động của các tổ chức Hội, đồng thời có cơ chế giám sát các Hội. Phải nói tính chất quan hệ Nhà nước - các Hội ở đây không phải quan hệ cấp trên cấp dưới, hành chính mệnh lệnh, mà là quan hệ dân chủ, bình đẳng, cùng hỗ trợ, tạo điều kiện và kiểm tra giám sát lẫn nhau. Chính các Hội cũng kiểm tra, giám sát công chức Nhà nước. Đó là hai mặt của vấn đề. Quản lý nhà nước mà gây khó khăn cho Hội như Dự thảo 8 là không nên.

Tiếp đến là xây dựng Luật về Hội phải đặt trong bối cảnh đang xây dựng Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự, cùng với những chuyển biến của nền kinh tế thị trường. Vai trò của các tổ chức xã hội ngày nay đã thay đổi nhiều lắm rồi, không còn như trong điều kiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp nữa. Đây chính là điều cần nhấn mạnh vì tư duy bao cấp, tình trạng xin, cho trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội ở nước ta còn nặng nề, điều này thể hiện khá rõ trong Dự thảo 8.

Về một số nội dung trong Dự án Luật, một vấn đề mấu chốt là việc xác định đối tượng điều chỉnh của Luật. Tôi đồng ý với ý kiến cho rằng, trước vấn đề nêu trên, người soạn thảo Luật về Hội phải đứng trước những sự lựa chọn sau:

Lựa chọn thứ nhất, có thể là đưa các tổ chức chính trị - xã hội vào phạm vi điều chỉnh của Luật về Hội. Trong trường hợp này, các tổ chức chính trị - xã hội được coi là thành phần thực sự của xã hội dân sự, có vị trí bình đẳng như các tổ chức nhân dân, Hội khác. Đồng thời, các tổ chức chính trị - xã hội sẽ hội hoạt động và phát triển theo hướng tự lập hơn và gần gũi với dân hơn. Nói cách khác, hoạt động trong khuôn khổ của Luật về Hội, các tổ chức chính trị - xã hội sẽ có điều kiện phát triển theo hướng “xã hội hóa”. Điều này khắc phục được tình trạng “nhà nước hóa” các tổ chức xã hội.

Lựa chọn thứ hai, Luật về Hội có thể dành một chương riêng quy định về hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Về nguyên tắc, cần khẳng định rằng những tổ chức này là những tổ chức phi chính phủ, là thành phần của xã hội dân sự chịu sự điều chỉnh của Luật về Hội như các tổ chức phi chính phủ khác. Đồng thời, Luật về Hội có thể có một số quy định cụ thể phản ánh tính chất đặc thù của một số tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp.

Lựa chọn thứ ba, Luật về Hội sẽ không điều chỉnh hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Như vậy, các tổ chức chính trị - xã hội vẫn có một sân chơi riêng, đặc biệt, được Đảng và Nhà nước bao cấp, bảo trợ.

Theo quan điểm của tôi, ta nên chọn phương án thứ hai vì không nên tiếp tục “nhà nước hóa” các tổ chức chính trị - xã hội trong bối cảnh đất nước đã chuyển sang kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, cũng cần có những bước quá độ và việc có một chương riêng về các tổ chức chính trị - xã hội là để thể hiện được một số quy định có tính quá độ ấy.

Việc công nhận cá nhân và tổ chức nước ngoài cũng có quyền lập Hội, tham gia Hội như các cá nhân, pháp nhân Việt Nam là phù hợp

với thực tiễn của nhiều nước và với xu thế toàn cầu hóa. Vì vậy theo tôi, trong Luật về Hội đã cần quy định cụ thể về quyền lập Hội của cá nhân, tổ chức nước ngoài mà không nên quy định như trong Dự thảo là giao cho Chính phủ quy định.

Ngoài ra, còn hai vấn đề cũng nên đưa vào Luật:

Thứ nhất, quy định về việc giải quyết tranh chấp giữa Hội và các cơ quan nhà nước và xác định thẩm quyền giải quyết phải là tòa án (giải quyết theo con đường tư pháp chứ không giải quyết theo con đường hành chính). Trong quá trình thành lập và hoạt động của các Hội không thể tránh khỏi việc phát sinh tranh chấp giữa Hội với các cơ quan nhà nước. Vì vậy, việc xây dựng một cơ chế pháp lý để giải quyết loại tranh chấp này là rất cần thiết.

Thứ hai, quy định bảo đảm quyền của các Hội có thể khiếu nại các cơ quan hành chính, khiếu kiện ra trước tòa án về các hành vi, sự việc ngăn cản quyền lập Hội, xâm phạm các quyền và lợi ích chính đáng và hợp pháp của Hội.

Cuối cùng, cần cần nhắc kỹ hơn quy định: Các Bộ quản lý chuyên ngành có quyền (cũng có nghĩa là có trách nhiệm, nghĩa vụ) quản lý các Hội. Giai đoạn hiện nay là giai đoạn phát triển của xã hội dân sự trong điều kiện kinh tế thị trường, Hội là các thiết chế của xã hội dân sự. Trong điều kiện ấy nên thừa nhận sự độc lập tương đối của các Hội trong mối liên hệ với các Bộ. Nếu Bộ chuyên ngành có quyền quản lý các Hội thì Hội khó có thể thực hiện chức năng giám sát và phân biện xã hội đối với hoạt động quản lý của Bộ đó.

TÔI KHÔNG HIỂU VÌ SAO CÓ TÌNH TRẠNG NHƯ VẬY

Luật sư TRẦN HỮU HUỖNH

Trưởng ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Để nói về Luật về Hội, trước hết xin lấy một ví dụ cụ thể vừa mới diễn ra là Luật Đầu tư. Trong tình trạng rất nhiều nhà doanh nghiệp, Hiệp hội và các nhà khoa học không nhất trí mà Luật này vẫn được đưa ra xét. Thậm chí ngay cả khi Quốc hội chưa biểu quyết mà một số người có trách nhiệm vẫn khẳng định là Luật nhất định sẽ được thông qua... Đây là một Dự luật được đóng góp, xây dựng khá chu đáo, nhiều cuộc họp lấy ý kiến các Hội, các doanh nghiệp, tập hợp thành sách, mời đại biểu Quốc hội ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh nghe góp ý kiến, vậy mà sự tiếp thu của Ban soạn thảo hầu như không có gì. Chỉ khi có ba Phòng Thương mại nước ngoài cùng ký vào một tuyên bố gửi lên thì mới thành sự kiện...

Tôi không thể hiểu được vì sao lại có tình trạng như vậy? Giờ lại đến Luật về Hội! Nếu không khéo thì rất dễ lặp lại tình trạng cũ. Đã có người nói đùa rằng tọa đàm thể này là để nâng cao nhận thức, góp phần cho Luật vào cuộc sống đỡ vấp hơn...

Thực tế là đã có rất nhiều hội thảo và hầu như tất cả mọi ý kiến đều không đồng tình. Vậy mà Dự thảo Luật vẫn không được điều chỉnh lại. Nếu cứ như thế này đưa ra Quốc hội, được thông qua thì công sức và tâm huyết của chúng ta chẳng có ý nghĩa gì cả...

Tuy nhiên, lần này tôi thấy có dấu hiệu đáng mừng, đó là có một bản Dự thảo mới của Luật này để chúng ta tham khảo. Trước hết, đây là

một biểu hiện tích cực của tính công dân đối với xã hội. Sau đó đọc qua tôi thấy Dự thảo này có phần tích cực hơn, giải quyết được rất nhiều vấn đề đang vướng mắc, dễ được chấp nhận.

Về nội dung Dự thảo Luật lần thứ 8, tôi có ý kiến như sau.

Luật này là Luật về thủ tục, vì quyền là đương nhiên rồi. Từ xã hội nguyên thủy đã có cộng đồng, đây là quyền tự nhiên của con người từ xa xưa, có lịch sử sinh tồn. Vậy, nó cần phải được tôn trọng. Nó còn cao hơn ở chỗ nó là quyền hiến định! Với tinh thần như vậy thì không được có hành động nào gây cản trở quyền này. Tuy nhiên, nội dung của Luật lại mang tinh thần khác. Phải có ngày đại hội được chấp nhận mới tổ chức. Thế thì còn gì là quyền hiến định. Hội lại còn số lượng đủ mới được, tại sao lại vậy? Không chỉ riêng Ban soạn thảo, nói chung tiềm thức xây dựng pháp luật của ta này còn nặng kế hoạch hóa, như vậy là không đúng.

Bản chất Nhà nước là của dân, do dân. Cộng đồng lớn mạnh, vui vẻ, dân giàu, văn minh dân chủ là mục tiêu của Nhà nước ta. Tại sao phải hạn chế Hội về số lượng thành viên, về đăng ký? Quy định phải có ban kiểm soát, phải có vận động thành lập Hội theo tôi cũng không cần thiết. Cây đời xanh tươi, nó phải đa dạng. Nên quy định sao cho đơn giản và minh bạch, như vậy mới tốt.

Xu hướng nổi chữ *Chính trị* vào Hội hiện nay hơi nhiều. Theo tôi về nguyên tắc, các Hội đều có tính chính trị, tham gia xây dựng xã hội văn minh cũng là chính trị chứ sao! Đáng ra Nhà nước không nên vướng đến cơm áo gạo tiền, chỉ làm trọng tài, như vậy sẽ tốt hơn trong vai trò điều hành xã hội. Luật chỉ cần giải quyết mối quan hệ giữa Hội với Nhà nước cũng như với đối tác khác mà thôi. Mối quan hệ trong nội bộ Hội, Luật không cần đề cập đến. Việc chia tách, giải thể Hội cũng vậy, có trong Luật Dân sự rồi...

Với việc thành lập, quản lý Hội cũng vậy. Vấn đề mà Luật cần đặt ra chỉ là trình tự lập và công tác giám sát Hội hoạt động đúng chức năng mà thôi, chứ không phải quản lý Hội làm gì. Làm được như vậy thì Hội, Nhà nước càng mạnh hơn, cây đời xanh tươi hơn.

MỘT SỐ Ý KIẾN THAM GIA DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

NGUYỄN ĐÌNH ANH

Vụ Tài chính Đối ngoại - Bộ Tài chính, Thành viên Ban Soạn thảo

Xung quanh Dự thảo “Luật về Hội” đã có rất nhiều hội thảo, rất nhiều cuộc tọa đàm do các cơ quan khác nhau tổ chức ở quy mô và phạm vi khác nhau, đặc biệt là những cuộc hội thảo do chính Bộ Nội vụ (cơ quan chủ trì Dự thảo Luật) tổ chức để lấy ý kiến tham gia rộng rãi cho dự thảo Luật về Hội, nhất là các ý kiến từ phía các tổ chức Hội (đối tượng chịu sự điều chỉnh của Luật về Hội). Tôi nghĩ rằng, Luật về Hội ra đời vào thời điểm này của lịch sử là thực sự cần thiết và phù hợp. Với tư cách là thành viên Ban Soạn thảo, tôi xin có một số ý kiến cá nhân như sau:

1. Về khái niệm “Hội” nêu ở Điều 4 của bản Dự thảo: “Hội” được hiểu là tổ chức tự nguyện, có tư cách pháp nhân, hoạt động thường xuyên, không vì mục đích lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tôi xin bổ sung thêm hai chi tiết sau đây vào khái niệm “Hội”:

Một là để phân biệt “Hội” với các cơ quan Nhà nước, Hội là tổ chức ngoài Nhà nước, không thuộc Nhà nước. Cần nói rõ đây cũng là một thuộc tính quan trọng của Hội phải được thể hiện trong khái niệm về “Hội”.

Hai là vai trò của Hội, Hội phải có một vai trò gì đó cao hơn cả việc “... nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên”.

Trước khi bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên thì “Hội” phải có tôn chỉ, mục đích hoạt động riêng của mình nhằm vào những lợi ích cộng đồng, xã hội. Vai trò, ý nghĩa của Hội phải được thể hiện trong khái niệm về Hội. Đây là Luật về Hội, vì vậy cần có một khái niệm về Hội hoàn thiện, phản ánh đầy đủ và đúng bản chất những đặc điểm của Hội. Theo tôi cấu trúc khái niệm về Hội nên thiết kế theo hai khối. Khối thứ nhất phản ánh bản chất Hội: Hội là tổ chức pháp nhân không thuộc Nhà nước, có tôn chỉ mục đích phù hợp với lợi ích cộng đồng, vì sự tiến bộ xã hội, hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ.

Khối thứ hai phản ánh các đặc tính của Hội, gồm:

- Tính tự nguyện
- Tính độc lập
- Tính chuyên nghiệp
- Tính tự chịu trách nhiệm
- Tính không vì mục đích lợi nhuận.

Khi có một khái niệm hoàn thiện về Hội nên đưa khái niệm đó vào Điều 1 của Luật. Sau khi định nghĩa Hội là gì mới quy định các điều tiếp theo: Quyền lập Hội phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguyên tắc tổ chức... Như vậy sẽ hợp lý hơn.

2. Điểm 2, Điều 4 của bản Dự thảo giải thích “không vì mục đích lợi nhuận” là không tìm kiếm lợi nhuận để chia cho các hội viên mà dành cho hoạt động của Hội theo điều lệ. Sự giải thích như trên tôi thấy còn bất ổn ở một số khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, cách giải thích như trên cho phép hiểu rằng Hội được phép tìm kiếm lợi nhuận tối đa, miễn là không chia cho hội viên mà dành cho các hoạt động của Hội theo điều lệ. Nếu Hội được tìm kiếm lợi nhuận tối đa thì đâu còn thuộc tính “không vì mục đích lợi nhuận” của Hội.

Thứ hai, Điều 37 của bản Dự thảo quy định pháp nhân thuộc Hội phải hoạt động phù hợp với quy định của Điều lệ Hội mà điều lệ Hội

phải tuân thủ nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận, nghĩa là pháp nhân thuộc Hội cũng phải tuân thủ nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận, không tìm kiếm lợi nhuận để chia cho hội viên. Đây là vấn đề thực sự bất ổn vì nó chứa đựng rất nhiều mâu thuẫn. Tôi xin đưa ra một ví dụ như sau. Hiện nay nhiều tổ chức pháp nhân thuộc Hội là những tổ chức khoa học công nghệ được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép hành nghề, được Luật Khoa học và Công nghệ cho phép “hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật” (Điểm 3, Điều 15, Luật Khoa học và Công nghệ). Quy định như trên của Luật Khoa học và Công nghệ cho phép tổ chức khoa học và công nghệ được liên doanh góp vốn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật, đương nhiên là cả việc phân chia lợi nhuận. Trên thực tế hàng trăm tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức pháp nhân thuộc các Hội trong quá trình hoạt động, khi các tổ chức này góp vốn hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, theo Dự thảo Luật về Hội, thì vẫn không được phép chia lợi nhuận, rõ ràng là mâu thuẫn với Luật Khoa học và Công nghệ.

3. Về đối tượng áp dụng quy định tại Điều 3 của bản Dự thảo “công dân, tổ chức Việt Nam, trừ các đối tượng: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức tôn giáo”.

Về vấn đề này, trong Ban Soạn thảo Luật đã có người hỏi tại sao lại phải trừ sáu tổ chức chính trị ra ngoài đối tượng áp dụng luật và đã có người giải thích vì sáu tổ chức chính trị này thực chất không phải là Hội – với cách giải thích đó, đã có ý kiến phản hồi rằng:

Nếu thực chất không phải là Hội thì không cần quy định loại trừ khỏi sự điều chỉnh của Luật về Hội. Một cách tự nhiên nó cũng không

thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật về Hội, giống như các Bộ chẳng hạn, ta không quy định loại trừ các Bộ khỏi sự điều chỉnh của Luật về Hội vì các Bộ không phải là Hội, nhưng đã không phải là Hội thì tại sao không gọi là Bộ hoặc một tên gọi gì khác mà lại cứ gọi là Hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ...). Rõ ràng đó là Hội chứ không thể nói không phải là Hội.

Ban Soạn thảo đã từng bàn đến phương án 2 quy định về đối tượng áp dụng là “công dân, tổ chức Việt Nam, trừ các tổ chức có quy định pháp luật riêng”.

Cá nhân tôi nhận thấy phương án 2 này là hợp lý vì nó giải quyết được ba vấn đề sau:

Thứ nhất, thỏa mãn được việc loại trừ ra khỏi sự điều chỉnh của Luật về Hội những tổ chức chính trị như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... vì các tổ chức này đã có luật riêng.

Thứ hai, cách loại trừ như vậy là rất tinh tế và rất mềm dẻo. Tinh tế là vì vừa thực hiện được ý muốn loại trừ, vừa thể hiện được tính song phẳng, minh bạch của Luật trước mọi đối tượng (kể cả tổ chức quốc tế). Mềm dẻo vì nó không đóng khung một cách cứng nhắc trong sáu tổ chức chính trị. Theo thiện nghĩ của tôi, việc xác định tổ chức nào là tổ chức chính trị sẽ phụ thuộc vào vai trò chính trị của tổ chức đó trong từng giai đoạn phát triển của cách mạng. Ví dụ đến một thời điểm nào đó, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, do yêu cầu của công cuộc phát triển, trở thành một tổ chức chính trị hiện tại, chẳng lẽ lúc đó lại phải bổ sung thêm tổ chức này vào nhóm các tổ chức không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật hay sao?

Thứ ba, việc quy định cứng nhắc trừ sáu tổ chức chính trị không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật về Hội làm cho một số tổ chức Hội khác thấy mình bị đối xử bất bình đẳng nên tìm cách đấu tranh để được đứng ngang hàng với các tổ chức chính trị đó, trên thực tế điều này đã và đang xảy ra gây nên khá nhiều điều phức tạp.

4. Vấn đề Liên hiệp hội quy định tại Điều 40 của Dự thảo Luật, tư tưởng chủ đạo của Dự thảo không muốn Liên hiệp hội là cơ quan cấp trên của các Hội thành viên nên chức năng của Liên hiệp hội chỉ là “phối hợp, điều hòa các hoạt động chung... của các hội thành viên...” không có chức năng quản lý. Vì trên thực tế các hội thành viên không muốn có một tổ chức hội cấp trên quản lý mình và cũng vì trên thực tế Liên hiệp hội không đủ năng lực và bộ máy để quản lý các hội thành viên. Tôi không phủ nhận thực tế này nhưng tôi không tán thành với Dự thảo. Tôi đề nghị phải cân nhắc thêm một số vấn đề sau đây:

Trước hết tôi thấy chức năng “phối hợp, điều hòa” của Liên hiệp hội là không có nội dung, chỉ có chức năng quản lý mới chứa đựng những nội dung cụ thể.

Nếu ngại các Hội thành viên không chấp nhận sự quản lý của Liên hiệp hội thì đã được giải quyết theo quy định ở Điểm 2 của Điều 40 “việc gia nhập hoặc rút khỏi thành viên Liên hiệp hội trên cơ sở tự nguyện do Đại hội của mỗi Hội quyết định”. Tôi đề nghị đưa chức năng quản lý với những nội dung cụ thể của Liên hiệp hội đối với các Hội thành viên vào Luật vì mỗi Liên hiệp hội (kể cả ở địa phương) có đến hàng trăm Hội thành viên trong hiện tại và sẽ là hàng ngàn Hội thành viên trong tương lai. Trong trường hợp đó nếu không có một đầu mối quản lý và Liên hiệp hội thì sẽ là quân hời vô phòng, sẽ là không thể tập hợp được thành một lực lượng, sẽ không ai thực hiện được một số loại công việc mang tính chất nghiệp vụ (như việc thẩm định, phê duyệt dự án viện trợ như việc thẩm định, phê duyệt, tổng hợp quyết toán tài chính hàng năm như việc tổng hợp báo cáo thống kê tài chính...). Vì vậy, rất cần chức năng quản lý của Liên hiệp hội đối với các Hội thành viên được quy định thành Luật.

5. Về quản lý Nhà nước đối với Hội:

Nhiều ý kiến của đại biểu các Hội phản ứng mãnh liệt về vấn đề Bộ chủ quản đối với Hội. Trong Dự thảo “Luật về Hội” tôi không thấy

có điều nào nói đến Bộ chủ quản của Hội. Điểm 2, Điều 7 của Dự thảo quy định: “Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của Hội thuộc lĩnh vực do Bộ quản lý trong phạm vi cả nước...”. Quy định này tôi không thấy điểm nào không đúng. đương nhiên Bộ phải quản lý theo chức năng thuộc lĩnh vực của Bộ đối với hoạt động của Hội mà điều đó thì không có nghĩa là Bộ trở thành Bộ chủ quản của Hội.

TÔI KHÔNG ĐỒNG Ý QUAN ĐIỂM PHẢI CÓ BỘ CHỦ QUẢN

GS.TS. ĐINH NGỌC MẬU

Phó Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia

Thứ nhất, **Căn cứ làm Luật?** Quan trọng nhất là tự do công dân. Nếu không thừa nhận tự do công dân thì chúng ta không làm Luật này. Trong xã hội, rồi đưa vào Hiến pháp có mấy thứ tự do: Thứ nhất là tự do ngôn luận; thứ hai là tự do hội và họp; thứ ba là tự do tín ngưỡng; và thứ tư là tự do làm ăn, sang kinh tế thị trường ta có tự do kinh doanh. Còn nhiều thứ tự do nữa nhưng tôi xin kể bốn thứ trên.

Từ nhận thức biến thành hành vi. Nhận thức Hội là tự do, và những hành vi của Hội cũng là hành vi tự do. Nếu chúng ta quan niệm được như thế thì mới bàn được Luật về Hội.

Thứ hai là **Nguyên tắc làm luật**. Nguyên tắc này chúng ta có rồi. Tách hành chính công quyền với các hoạt động dân sự. Mọi hành động của Hội phải tách hành chính công quyền. Càng tách được nhiều, xã hội càng có nhiều tự do và càng phát triển. Hội đâu có phải là thứ phải có đủ ban bộ, cơ cấu tổ chức do Chính phủ quy định. Nếu không thừa nhận nguyên tắc ấy thì rất khó làm luật.

Thứ ba là về **Phạm vi**. Phạm vi Luật này điều chỉnh các Hội chính danh. Điều 9 của Luật quy định phải có số lượng thành viên xác định mới được lập Hội. Vậy nếu thành lập Hội có số thành viên dưới mức quy định thì gọi là gì? Nhà nước vẫn phải coi nó là một cơ thể sống hợp pháp khi nó không vi phạm pháp luật chứ. Vậy thì phạm vi ở đây là

gì?... Cho nên quan niệm về Hội ở trong Luật này không rành mạch. Đề nghị nghiên cứu vấn đề này.

Thứ tư là **Phương thức quản lý**. Thực ra đã gọi là Luật thì chỉ có ba phương thức quản lý. Điều thứ nhất là cấm. Nhà nước cấm là quan trọng nhất trong nền kinh tế thị trường, nhưng trong luật này cấm quá ít. Hãy cứ viết trong Dự thảo đi đã, rồi cấm đúng hay cấm sai thì bàn. Điều thứ hai là bắt buộc. Theo tôi, điều bắt buộc duy nhất đối với Hội là đăng ký. Nếu đủ điều kiện, hợp pháp thì cho hoạt động. Còn nguyên tắc lớn nhất của Nhà nước là hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Ai vi phạm lĩnh vực nào, thuộc thẩm quyền của ai thì người đó chịu trách nhiệm. Sau khi cấm đoán, bắt buộc rồi thì Hội làm gì? Hội tự quản theo điều lệ đăng ký đã được công nhận là điều lệ hợp pháp. Như vậy Nhà nước phải chịu trách nhiệm làm điều lệ của Hội trở thành hợp pháp. Tôi không đồng ý với quan điểm phải có Bộ chủ quản để quản lý các hoạt động của Hội.

MỘT TƯ DUY HẾT SỨC CŨ KỸ KIỂU BAO CẤP

GS.TS. TÔ NGỌC THANH

Chủ tịch Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam

Tôi được tham gia ba lần vào Dự thảo Luật này. Lần này cũng không khác lần trước, mà có khác thì cũng không phản ánh đúng thực tiễn.

Thứ nhất, chúng tôi là Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật, được Đảng thành lập từ Hội Văn hóa cứu quốc từ năm 1943, đánh Tây đuổi Nhật. Từ năm 1943 đến nay các chuyên ngành lớn lên, thành ra các Hội chuyên ngành, chứ trước kia là Hội Văn nghệ. Chúng tôi không phải tự đứng ra thành lập Hội, do đó chúng tôi không thuộc về đối tượng điều chỉnh tự nguyện, hoạt động thường xuyên. Chúng tôi được thành lập cùng với Đoàn Thanh niên Cứu quốc, mà bây giờ chúng tôi không được nằm trong cái khối được gọi là tổ chức chính trị-xã hội. Theo Nghị quyết 08 của Đảng, chúng tôi được gọi là tổ chức chính trị-xã hội nghề nghiệp. Tôi xin hỏi các đồng chí: Trong lúc chiến đấu thì Đảng bảo là có Công - Nông - Trí. Nay kháng chiến thành công rồi thì Trí thức lại không được vào một chỗ với Công - Nông. Tôi cho rằng đây là sai về nguyên tắc tư tưởng. Hai anh trí thức là Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật và Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật phải nằm ngang với Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, bởi vì đó là thành phần cơ bản của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhân danh một xã hội dân sự, nhưng xin nhớ rằng do Đảng lãnh đạo, và đây tôi cho là kim chỉ nam, là hòn đá tảng để các đồng chí làm việc chứ không phải một vài điều cụ thể này cụ thể kia. Đó là nguyên tắc tư tưởng, tôi xin nói thẳng như thế.

Điều thứ hai, có ý kiến nói trong Luật không hề có chữ “chủ quản” nào, nhưng tôi xin nói là tinh thần chủ quản hiện ra rõ mồn một. Sinh ra để hoạt động mà Nhà nước lại quản lý toàn bộ hoạt động, thế thì còn cái gì nữa! Mà chúng tôi quá lắm thì thuộc cái ngành Bộ Văn hóa. Bộ Văn hóa làm được nhiều việc rất đáng kính trọng, nhưng họ không phải lĩnh vực của chúng tôi nên không thể quản lý chúng tôi... Cho nên tôi rất nhất trí là các Bộ chỉ quản lý bằng pháp luật, và đề nghị bỏ hẳn Khoản 2 và 3, Điều 7 trong Dự thảo này. Đây là một tư duy hết sức cũ kỹ kiểu bao cấp, nếu không nói đây là một thứ tước quyền lãnh đạo của Đảng với chúng tôi...

ĐỪNG XEM HỘI NHƯ MỘT TỔ CHỨC KINH TẾ

TS. HÀN MẠNH TIẾN

Viện Nghiên cứu và Đào tạo về Quản lý

... Một điểm tôi cho là nhầm lẫn, đó là cách nhìn nhận về Hội ở đây như một tổ chức kinh tế. Đây là một sai lầm cơ bản.

Điều này được thể hiện ở hai điểm sau đây:

Thứ nhất là thành lập Hội phải đăng ký tài sản. Làm gì có chuyện như vậy! Tôi có 300 hội viên, sau khi tổ chức đại hội, nếu trái luật thì bác. Quy trình như vậy là đúng. Nếu Hội thành lập sai quy định thì rõ ràng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, đó là việc bình thường. Lúc bắt đầu gia nhập Hội mà phải đăng ký tài sản thì đây là cách tư duy cho doanh nghiệp.

Thứ hai là ở quy định lúc giải thể. Nếu là doanh nghiệp, Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp mắc lỗi không có nghĩa là doanh nghiệp phải giải thể. Ban chấp hành của Hội mắc lỗi cũng không có nghĩa phải giải thể Hội. Trong trường hợp Hội phải giải thể thì quy trình giải thể lẽ ra là vấn đề cần lưu tâm, nhưng ở Dự thảo Luật này, điều được quan tâm nhất trong giải thể lại là tài chính. Trong khi ảnh hưởng xã hội, quyền lợi hội viên thì gần như bị bỏ qua. Cách nhìn nhận, tiếp cận từ lúc đăng ký cho đến khi giải thể Hội như vậy là theo kiểu của doanh nghiệp.

Từ logic như vậy tôi mạo muội đề nghị sau:

Đã qua tám vòng dự thảo rồi, nếu thấy rằng chỉ sửa một vài ngôn từ trong Luật là đủ thì các anh cứ trình. Còn ý kiến riêng của tôi, cũng

như thay mặt nhiều anh chị khác, thì tôi rất tha thiết đề nghị chưa nên trình vội, mà có những cái khái niệm mang tính nguyên tắc cần được thống nhất đã, rồi sau đó sửa tiếp một vài vấn đề thuộc về kỹ thuật thì tác động của Luật sẽ cụ thể, sâu sắc hơn. Như vậy nếu có thể dừng lại được, chậm lại được thì rất tốt.

TÔI ĐỒNG Ý ĐỀ NGHỊ BỎ KHOẢN 3, ĐIỀU 7

Bà PHẠM CHI LAN

Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ

Tôi đồng ý đề nghị bỏ Khoản 3, Điều 7 khỏi Dự án Luật. Các Bộ cứ việc quản lý chuyên ngành theo pháp luật quy định, bất cứ ai hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành của mình thì đều có quyền thanh tra, kiểm tra. Có thể thổi còi nếu người ta vi phạm, còn bình thường cứ để cho người ta hoạt động chứ làm gì phải có quy định quản lý ở đây. Ngoài ra tôi cũng đề nghị bỏ Khoản 3, Điều 11, yêu cầu đặt trụ sở Hội ở quận huyện nào thì phải đăng ký, báo cáo với Ủy ban Nhân dân quận, huyện đó. Quận, huyện làm sao biết nổi Hiệp hội, ngay cả nhiều khi là tổ chức hiệp hội khá lớn, có quy mô hoạt động toàn quốc. Quận, huyện không hiểu mà lại trao cho họ vai trò quản lý thì chỉ nặng nề thêm cho họ và lại càng tai hại cho người bị quản lý. Thực tế chỉ cần đặt trụ sở ở đâu thì báo với cơ quan đăng ký là đủ. Ngay cả đối với các doanh nghiệp người ta cũng không quy định như vậy.

Bỏ cơ quan quản lý cấp huyện và bộ chủ quản, chỉ theo một quy trình đăng ký với một địa chỉ đăng ký nhanh gọn. Ở Trung ương hoặc liên vùng thì có thể là Bộ Nội vụ, ở địa phương thì có thể giao cho cấp tỉnh đăng ký, như vậy là thuận tiện.

Luật cũng nên thiết kế một số quyền, nghĩa vụ với nghĩa là Nhà nước công nhận một số quyền, nghĩa vụ cơ bản của Hội. Còn các quyền và nghĩa vụ chi tiết thì phải để điều lệ của hội xử lý. Vì trong điều lệ của mọi Hội thì bao giờ cũng phải quy định mọi quyền và nghĩa vụ của Hội và hội viên rất là rõ ràng, có như vậy mới thu hút được hội viên tham gia...

CẦN PHÂN BIỆT RÕ CÁC LOẠI TỔ CHỨC HỘI

Ông **TRẦN KHÁNH CHUONG**

Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam

Về Luật về Hội thì chắc chắn Quốc hội sẽ phải bàn nhiều, nhưng vì là Đại biểu Quốc hội nên tôi rất lo, vì các đại biểu Quốc hội làm việc ở các Hội rất ít, cho nên những Luật như thế này đưa ra rồi là rất dễ biểu quyết. Cũng giống như Luật Điện tử, Luật Hàng không vậy. Cho nên nếu Luật về Hội này không được bàn kỹ ở các Hội, ra trước Quốc hội thì tôi nghĩ là 5-7 đại biểu ở các Hội ngồi đấy chúng tôi không nói lại được.

Có thể gọi tên khác về Luật Hội cho rõ được không? Ví dụ Luật về các tổ chức phi chính phủ, hay Luật về các đoàn thể xã hội chẳng hạn? Luật về Hội mà Hội Phụ nữ không nằm trong đấy thì tôi thấy cực kỳ vô lý. Vậy, Hội Mỹ thuật, Hội Văn học Nghệ thuật kém hơn hay sao? Cho nên nếu đã trừ các Hội này thì phải trừ ra nhiều lắm. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật và Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật, Hội Nhà báo... Hội nào cũng quan trọng vì công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm sao thiếu khoa học kỹ thuật được; muốn văn hóa là nền tảng thì sao lại thiếu văn học - nghệ thuật được? Cho nên nói Luật về Hội mà có Hội đứng ngoài thì tôi thấy không ổn. Vì vậy, đề nghị trong Luật về Hội nên có một chương phân biệt rõ các loại hội ở Việt Nam...

Những điều bất hợp lý như vậy trong Luật về Hội của ta còn nhiều. Tóm lại, tôi rất mong các đồng chí tiếp tục sửa. Nhưng tôi cũng đề nghị thế này: Các đồng chí làm công tác Hội thì hiểu sâu, các đồng chí nên sửa chi tiết vào văn bản này. Câu chữ thì các đồng chí cân nhắc, vì theo kinh nghiệm nếu chỉ nói chung chung như vừa qua là chưa đủ. Điều các đồng chí định nói thì sửa câu nào thành chữ gì và đương nhiên Ban Soạn thảo sẽ chọn một từ phù hợp cho chúng ta, phù hợp cho quản lý.

CẦN CÓ TIẾNG NÓI THỐNG NHẤT CỦA CÁC LIÊN HIỆP HỘI

Ông LÊ CÔNG LUONG

Phó Chủ tịch, Tổng thư ký

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Tĩnh

Cho đến hôm nay tôi đã dự bốn cuộc hội thảo về Luật về Hội rồi. Chính vì vậy, có thể nói đây thực sự là một bước dân chủ hóa trong việc ban hành bộ luật của Chính phủ.

Ngoài một số ý kiến cụ thể đã đóng góp cho Dự thảo Luật về Hội, còn một vấn đề cuối cùng theo tôi nghĩ, đó là việc hoàn chỉnh Bộ luật này khó là phải, vì hiện nay ở ta, chỉ tính phạm vi hoạt động trên toàn quốc đã có đến hơn 300 tổ chức phi chính phủ, rồi Liên hiệp hội, các Hiệp hội cũng phải có đến hàng trăm. Bây giờ lắng nghe ý kiến của tất cả thì với Ban Soạn thảo là cực kỳ khó khăn.

Vì vậy, tôi đề nghị trước khi trình Quốc hội bản Dự thảo này, để đạt được hiệu quả cao mà lại tập trung được ý kiến thì nên giao cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Liên hiệp các Hội Văn học và Nghệ thuật Việt Nam tập hợp ý kiến của thành viên, có văn bản chính thức của hai tổ chức này gửi lên ban soạn thảo để trình lên Chính phủ. Theo chúng tôi, rất cần có tiếng nói chung, thống nhất của hai Liên hiệp hội. Đó là một trong những căn cứ để Ban Soạn thảo xem xét, tham khảo.

NHỮNG ĐIỀU CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC THÌ PHẢI ĐƯỢC ĐẢM BẢO

Ông VŨ DUY THÁI

Chủ tịch Hiệp hội Công Thương Hà Nội

Hiệp hội chúng tôi có cái khó là tổ chức đại hội phải có cơ quan Nhà nước địa phương phê chuẩn. Thế nên đến kỳ hẹn rồi mà cứ phải chờ. Đã gửi báo cáo, điều lệ, dự kiến nhân sự rồi, nhưng chỉ có mỗi chuyện nhân sự không xong, thế là đành phải gác lại đến chín năm nay chưa tổ chức Đại hội được. Cho nên tôi đề nghị phải đưa vào trong Luật này một nội dung là: trong trường hợp các tổ chức, cá nhân xin đăng ký thành lập các Hiệp hội mà cơ quan chức năng cố tình trì hoãn, hoặc đến kỳ tổ chức đại hội mà cố tình trì hoãn thì có bị xử lý hay không, và xử lý thì như thế nào. Có như vậy thì nó mới đảm bảo được quyền lợi của Hội.

Hội căn bản là tự túc, tự chủ về tài chính, trừ các Hội có đặc thù như Hội Người mù thì có thể cần hỗ trợ, còn các Hội khác thì phải xem lại. Cho nên theo tôi, tất cả các tổ chức đã được điều chỉnh của các văn bản pháp luật khác thì không nằm trong điều chỉnh của Luật này. Chỗ này nên viết mềm mỏng hơn, dễ hiểu hơn, tùy nghi cho người ta vận dụng thì có lẽ tốt hơn là rạch ròi. Việc liệt kê Hội này, Hội kia không nằm trong phạm vi điều chỉnh thì không ổn.

Chúng tôi cũng đồng ý có thể thông cảm với Ban Soạn thảo một số điểm, nhưng cái gì có tính nguyên tắc, như Hội là một định chế dân chủ, là một đối tác của chính quyền, nó phải có tính độc lập tương đối

chứ không phải là công cụ... thì phải được đảm bảo. Có như vậy thì các hoạt động của Hiệp hội mới có tính cập nhật hơn, mới có thể có thêm hội viên nhiều hơn. Còn nếu Hội chỉ là cánh tay nối dài của chính quyền thì việc tập hợp được như khối doanh nghiệp như chúng tôi là hơi khó.

Là một người trong cuộc, tôi tin rằng ý kiến của những người trong cuộc bao giờ nó cũng có tính thực tiễn hơn. Hy vọng nó sẽ được chú ý đúng mức.

Ý KIẾN CỦA TỔ BIÊN TẬP CÙNG KHÔNG ĐƯỢC GHI NHẬN

Ông DƯƠNG ĐÌNH KHUYẾN

Phó Văn phòng Hội Luật gia Việt Nam, Thành viên Tổ Biên tập

Là một thành viên trong Tổ Biên tập của Dự thảo này, ngay từ Dự thảo 5 chúng tôi bắt đầu phát hiện Luật này có nhiều vấn đề, chúng tôi báo cáo với Chủ tịch Hội Luật gia gửi công văn xin phép tổ chức lấy ý kiến trong phạm vi hẹp. Chúng tôi đã góp ý từ Dự thảo số 6, gồm thành viên Hội Luật gia, Sở Nội vụ..., buổi nào cũng đều mời thành viên Tổ Biên tập, Ban Soạn thảo đến nghe mà kết quả thì vô cùng chậm...

Về đối tượng điều chỉnh của Luật, Dự thảo 6 và 7 đề ra hai phương án. Thứ nhất là loại sáu tổ chức xã hội ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Luật và thứ hai là có văn bản khác điều chỉnh. Tổ Biên tập chúng tôi thống nhất trình phương án hai, có giải trình phương án thứ nhất tại sao không đưa vào đây. Nhưng kết quả đến Dự thảo lần thứ 8 lại hoàn toàn ngược lại đề nghị này. Ý kiến của Tổ Biên tập cũng không được ghi nhận, không được phản hồi lý do vì sao có thay đổi như vậy?

Tổ Biên tập cũng đã có đề nghị bỏ Khoản 2 của Điều 7, quy định về Bộ chuyên ngành, vì Hội hoạt động theo điều lệ, tuân thủ pháp luật thì điều này là không cần thiết. Vai trò quản lý nhà nước quá chặt với các Hội, tính năng động của các Hội sẽ bị hạn chế. Hầu như trong tất cả các hội thảo đều đưa ra đề nghị này, hơn nữa trong Khoản 2 của Điều 39 Dự thảo này cũng đã có quy định cụ thể cho các hoạt động của Hội, vậy mà không thấy điều chỉnh lại. Không những thế, nếu theo dõi từ những Dự thảo trước, sẽ rất dễ nhận thấy rằng Dự thảo 8 lần này có nhiều điểm còn không bằng Dự thảo 7 nữa.

CỤ THỂ KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ CHI TIẾT HÓA LUẬT

Ông **PHẠM CÔNG LẠC**

Chủ nhiệm khoa Luật Dân sự, Đại học Luật Hà Nội

Cách đây đúng một tuần chúng tôi cũng có một buổi hội thảo về Dự thảo này. Tuy chưa hoàn chỉnh văn bản để báo cáo, song tôi thấy có đến 80 - 90 % ý kiến trong hội thảo trùng với những điều có trong bản Dự thảo luật mới được đưa ra tham khảo ở đây.

Cũng bắt đầu từ phạm vi điều chỉnh. Theo quy định ở Điều 3 của Dự thảo lần thứ 8 này thì chỉ loại trừ sáu tổ chức xã hội như hiện nay là chưa đủ. Lẽ ra tất cả loại Hội thành lập theo nguyên tắc tự nguyện đều phải nằm trong phạm vi điều chỉnh này. Còn nếu có quy định một số tổ chức đặc biệt để đưa ra ngoài luật này thì cũng cần có phương án điều chỉnh riêng. Ngoài ra cũng có rất nhiều Hội không có tư cách pháp nhân, không cần đăng ký. Vậy, Luật này cũng phải phải bao hàm các Hội như thế. Để như hiện nay thì phạm vi điều chỉnh là không đảm bảo.

Vấn đề thứ hai là sự quản lý của Nhà nước. Trước đây Nhà nước cứ nghĩ cái gì cũng phải nắm hết; như vậy là không cần thiết. Nếu Luật quy định về sự quản lý của Nhà nước với hoạt động của các Hội như hiện nay thì không những thừa mà còn làm mất đi hành lang pháp lý cho hoạt động của Hội.

Thứ ba liên quan tới *kỹ thuật lập pháp*. Theo đánh giá của bộ phận chuyên môn, gọi là tổ kỹ thuật xây dựng văn bản, của chúng tôi đánh giá thì Dự thảo này bộc lộ một chuyên môn kỹ thuật lập pháp kém, cần

phải xây dựng lại từ đầu. Có thể ví dụ điều này ở chỗ còn có một số nội dung điều luật ngắn cả hơn tên điều luật, nghe lằng nhằng, khó hiểu.

Chúng ta có nhiều loại Hội. Luật muốn bao hàm được hết thì cần phải có sự rõ ràng, rành mạch và cụ thể. Tuy nhiên, đó không có nghĩa là phải chi tiết hóa các điều khoản của Luật. Những điều khoản nào đã có trong các bộ luật khác rồi thì không cần phải đưa vào làm gì cho phức tạp. Đặc biệt cũng có ý kiến nói rằng Luật này sẽ được áp dụng với tất cả các Hội, hay chỉ với những Hội được thành lập sau khi Luật ban hành cũng là điều cần phải được làm rõ.

CẦN CÓ BỘ CHỦ QUẢN LÀ TƯ TƯỞNG LẠC HẬU, BAO CẤP

TS. PHẠM TUẤN KHẢI

Phó trưởng ban Xây dựng Pháp luật, Văn phòng Chính phủ

Chủ trương để các Hội tham gia vào một số hoạt động xưa nay vẫn thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước là một trong những tư duy sáng của Đảng ta. Trong một cuộc họp gần đây Thủ tướng Chính phủ đã xác định Luật về Hội ra đời tuy phức tạp, nhưng phải làm sao để các Hội có được sự đồng tâm nhất trí và gắn liền được với Nhà nước để làm được những việc lớn. Khi xây dựng Luật phải quán triệt tinh thần đó. Tư tưởng chỉ đạo của Luật này hiện nay nói thẳng là chưa được rõ ràng. Có hai luồng trái ngược: Thứ nhất là Nhà nước muốn ôm toàn bộ; thứ hai là các Hội muốn tuột khỏi tay Nhà nước.

... Khi chúng ta đặt Hội là một chủ thể chính trong hoạt động của một xã hội đang hướng tới: xã hội dân chủ, xã hội dân sự hiện nay, đó là vấn đề quản lý nhà nước với Hội. Đây cũng là điều rất quan trọng. Quản lý nhà nước đối với Hội đương nhiên là có, nhưng vấn đề là quản lý cái gì và quản lý như thế nào để cho Hội phát triển. Tôi rất không bằng lòng với một số Dự án luật và một số cơ quan thi hành pháp luật hiện nay rằng chúng ta quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực khác nhau, nhưng khi chúng ta không quản lý nổi thì một là buông lỏng, hai là xiết lại, hoặc là cấm. Thí dụ như có ý kiến đề nghị là bây giờ các loại hình karaoke loạn quá, có nhiều tiêu cực quá, phải cấm! Tôi nghĩ đó là vi phạm nghiêm trọng quyền tự do kinh doanh của dân.

Chúng ta không làm được mà lại cấm mặc dù các quyền đó là đòi hỏi từ xã hội, từ phía người dân. Hoặc vừa rồi là quy định đăng ký một xe máy hoặc cấm xe máy, v.v. Như quý vị đã xem trên đài báo, Thông tư 02 của Bộ Công an đã được sửa.

Một điểm nữa cũng liên quan đến nội dung quản lý nhà nước đó là cơ quan quản lý nhà nước đối với Hội. Trong Dự thảo có đề cập nhiều chủ thể, trong đó Chính phủ là chính, sau đó là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, rồi Bộ Nội vụ. Như vậy vấn đề đặt ra là khi nào thì là Bộ Nội vụ, khi nào là cơ quan ngang Bộ. Đã có một ý kiến, nếu như quản lý nhà nước của các Bộ đối với Hội như hiện nay thì cũng là vấn đề cần xem xét lại. Quản lý nhà nước thì có nhiều cách tiếp cận, nhưng theo quan điểm của chúng tôi thì khi đề cập quản lý nhà nước thì phải nói đến một chủ thể chứ không phải là một đối tượng lại chịu tác động của nhiều chủ thể quản lý.

Điều kiện lịch sử của ta khác các nước khác, là một nước xã hội chủ nghĩa, một đảng lãnh đạo, nên ngay một lúc Hội không thể buông khỏi sự quản lý nhà nước một cách toàn bộ được. Phải xác định vị trí vai trò của Hội trong giai đoạn này. Tác động từ Nhà nước đối với Hội trong thành lập, kiểm tra, tác động của Hội với Nhà nước, trong đó có kiểm tra với Nhà nước thế nào?... Phải xuất phát từ tư tưởng ở Điều 69. Chính vì vậy mà có lẽ Luật này chỉ quy định xoay quanh quyền lập Hội của công dân, là cụ thể hóa Hiến pháp, là những quy phạm mang tính thủ tục để đưa quyền công dân vào thực tiễn.

Xuất phát từ tư tưởng này, Luật chỉ xoay quanh quyền và nghĩa vụ công dân trong lập Hội như giá trị pháp lý ra sao? Thủ tục lập thế nào? Vai trò của Nhà nước đối với Hội ra sao...? Xác định Hội là gì? Tôi nhất trí với ý kiến cho rằng phải phân biệt rõ các loại Hội để về sau cơ chế quản lý tài chính mới rõ ra được. Việc phân biệt các loại Hội cũng sẽ làm rõ được địa vị pháp lý, nghĩa vụ của thành viên trong Hội. Đây nên là vấn đề xuyên suốt trong quá trình làm Luật.

Những cuộc Hội thảo thế này theo tôi là rất bổ ích cho quá trình xây dựng luật, chứ không phải chỉ cho nhận thức. Không có luật nào có thể phản ánh hết thực tiễn cả. Một trong những lý do cần Luật sư là phải tìm những cái chưa đủ của Luật để bảo vệ thân chủ của mình. Vậy nên ngay cả Luật về Hội nếu có hoàn chỉnh đến đâu đi nữa thì cũng không thể thỏa mãn được tất cả mọi người. Chính vì vậy, chúng ta chỉ giới hạn nội dung của Luật theo những tư tưởng chỉ đạo như đã xác định ở trên. Về vấn đề quản lý nhà nước với Hội, tôi vẫn cho rằng tư tưởng có Bộ hoặc cơ quan ngang Bộ để quản lý Hội là tư tưởng lạc hậu, bao cấp. Việc giảm hành chính hóa một số hoạt động, trong đó có hoạt động Hội là phải giải quyết được vấn đề này. Đầu mối là Bộ Nội vụ, giúp Chính phủ cho đăng ký. Còn Hội hoạt động không tuân thủ luật pháp, quy định của Nhà nước thì Hội phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Phải nói điều này vì thực tế hiện nay có nhiều Hội mất đoàn kết, đấu đá, thậm chí còn không tổ chức được đại hội nữa. Lúc đó vai trò của Bộ Nội vụ thế nào?

CẦN ĐỔI MỚI TƯ DUY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG LUẬT PHÁP

Ông NGUYỄN VI KHẢI

Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ

Điều đầu tiên phải khẳng định mối quan hệ theo thể chân vạc một cách biện chứng giữa Nhà nước pháp quyền, Xã hội công dân và Kinh tế thị trường là một nhận thức mới về quy luật phát triển. Đó là mối quan hệ giữa cấu trúc và chức năng. Nhà nước của ta đã chuyển dần từ chức năng cai trị sang chức năng phục vụ, còn vai trò của Xã hội công dân là ở tính tự quản, nó làm chủ thực sự đời sống xã hội. Chỉ có như vậy mới thực sự có Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Còn kinh tế thị trường sẽ giữ vai trò phân loại, đánh giá và đào thải. Như vậy, mỗi chủ thể ấy đều có tổ chức bộ máy và cấu trúc riêng của nó. Với Nhà nước là bộ máy hành chính với cơ chế bổ nhiệm, với xã hội công dân thì có tổ chức tự quản (các tổ chức xã hội) với cơ chế dân cử bầu, còn thị trường có các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh (chống độc quyền). Từ đó dẫn đến có sự phân biệt rất khác nhau về phương thức tồn tại và phát triển: Nhà nước có Luật gốc (Hiến pháp) cùng các Bộ luật, Nghị định, Thông tư; Xã hội dân sự có các quy ước, tiền lệ (Hội), hay hương ước (làng xã), thậm chí có khi chỉ là tín ước; Thị trường thì có quy luật (cung cầu, giá cả), có thước đo giá trị, giá trị sử dụng của sản phẩm. Vì vậy, mối quan hệ trong thể chân vạc này đòi hỏi phải có sự hài hòa, đồng thuận giữa các yếu tố cấu thành; Luật vì thế cũng phải thoáng để xã hội dân sự có nền tảng phát triển dân chủ và bình đẳng. Luật lại càng phải rõ ràng,

mạch lạc để tránh hiện tượng sẽ sinh ra những thị trường ngầm để lách, chui.

Thế nhưng hiện nay vẫn còn một số quan điểm muốn né tránh khái niệm xã hội dân sự, nó làm nên sự trì trệ trong Luật này. Luật không thấy vai trò của thị trường (khác rất xa thời bao cấp, nó năng động, không tĩnh, có độ mở). Đây chính là điều còn hạn chế của Luật.

LUẬT CHƯA LÀM RÕ SỰ KHÁC BIỆT CƠ BẢN GIỮA HỘI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

TS. NGUYỄN QUANG TUYẾN

Đại học Luật Hà Nội

Không khó để nhận thấy quan điểm định hướng xây dựng Luật về Hội là chưa rõ ràng. Điều này thể hiện ở chỗ các quy định trong Dự thảo còn đề cao vai trò quản lý của Nhà nước đối với hoạt động Hội. Trong khi các Hội lại có xu hướng muốn giảm thiểu sự can thiệp của Nhà nước vào các hoạt động của mình. Vậy quan điểm như thế nào được xác định mang tính định hướng khi xây dựng Luật về Hội?

Chúng tôi chia sẻ quan điểm Dự thảo Luật về Hội là sự cụ thể hóa bằng pháp luật quyền tự do lập Hội được quy định tại Điều 69 của Hiến pháp: *Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật*. Vì vậy, Dự thảo Luật về Hội nên chẳng cần tập trung vào việc đề cập trình tự, thủ tục để bảo đảm cho quyền tự do lập Hội của công dân được thực hiện nhanh chóng, đơn giản, minh bạch và không nên có các quy định gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng đến quyền này. Tiếc rằng một số quy định trong Dự thảo Luật về Hội lại chưa làm được điều đó.

Về nội dung Dự thảo Luật về Hội, chúng tôi xin có một vài góp ý như sau:

Thứ nhất, về phạm vi điều chỉnh. Chỉ nên quy định “Luật này quy định về tổ chức và hoạt động Hội”, không nên đề cập vấn đề quản lý hội bởi lẽ Hội là một tổ chức xã hội được thành lập dựa trên cơ sở tự

nguyện, tự quản và hoạt động tuân theo Điều lệ hội và pháp luật. Hội khác với các cơ quan nhà nước, nên không nên có chế độ quản lý hoạt động của Hội mang tính chất hành chính. Với cách tiếp cận như vậy, theo chúng tôi cũng nên bỏ Khoản 3 của Điều 7 trong Dự thảo Luật về Hội về cái gọi là Bộ chủ quản đối với hoạt động của Hội. Việc áp dụng chế độ Bộ chủ quản sẽ làm cho Hội bị xơ cứng, gò bó và “Nhà nước hóa” hoạt động hội, đi ngược lại chủ trương xây dựng xã hội dân sự.

Thứ hai, về khái niệm Hội được đề cập tại Khoản 1 của Điều 4 Dự thảo Luật về Hội chưa nêu được vị trí, vai trò của Hội đối với xã hội cũng như chưa làm nổi bật được sự khác biệt cơ bản giữa Hội với các cơ quan nhà nước. Việc giải thích khái niệm “Không vì mục đích lợi nhuận” tại Khoản 2 của Điều 4 Dự thảo Luật chưa chính xác cần xem xét lại.

Thứ ba, theo chúng tôi một số điều khoản quy định tại Chương II liên quan tới điều kiện, thủ tục thành lập Hội nên bỏ. Điều 25 về Quyền và nghĩa vụ của Hội viên cũng vậy, vì vấn đề này đã được Điều lệ Hội quy định cụ thể rồi. Việc quy định những nội dung này trong Dự thảo Luật về Hội là không cần thiết.

Thứ tư, Dự thảo Luật về Hội nên bổ sung các quy định về quyền khiếu nại, quyền khiếu kiện hành chính đối với các hành vi gây cản trở hoặc ngăn cản quyền tự do lập Hội. Đồng thời, cần bổ sung các quy định về giải quyết các tranh chấp, xung đột về lợi ích giữa Hội với các cơ quan nhà nước. Nên áp dụng cơ chế tố tụng tư pháp để giải quyết những tranh chấp kiểu này.

SỬA LẠI HAY LÀM LUẬT MỚI ĐỀU TỐT

Ông PHẠM QUỐC ANH

Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam

Nói chung chúng ta thấy rằng Luật còn nhiều vấn đề, rất là khó khăn, mặc dầu các đồng chí ở Bộ Nội vụ đã có nhiều cố gắng. Luật bắt đầu được làm kể từ năm 1993, nhưng thời gian mà Quốc hội không chế, thực sự bắt tay vào làm như thế này là hai năm nay. Tôi được biết các đồng chí làm hết sức chật vật. Đến Dự thảo lần thứ 8 được thế này là có sự cố gắng rất lớn, đó là cái không thể phủ nhận được. Nhưng vì nó là Hội, mà lại có lắm Hội, nên có nhiều ý kiến khác nhau là tất yếu.

Bây giờ chốt lại xin ý kiến đề nghị thế này. Thứ nhất là thành lập một nhóm để sửa lại câu chữ và trên cơ sở thêm bớt, làm thành phương án để trình Chính phủ. Quyết tâm thứ hai là làm Luật mới, trong phạm vi 10 ngày trên cơ sở chúng ta đã bàn ở đây. 10 ngày ta viết lại mà được các đồng chí chấp nhận thì tôi cho cả hai phương án ấy đều là điều tuyệt vời.

TIẾNG NÓI ĐỒNG TÌNH SẼ TÌM ĐƯỢC SỰ CHIA SẺ

Nhà thơ HỮU THỈNH

Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng Biên tập báo Văn nghệ

Có lẽ Đại biểu Quốc hội nên có những thông tin đầy đủ trước khi có Dự thảo Luật trong tay thì việc thông qua Dự thảo này tại diễn đàn Quốc hội sẽ đảm bảo kết quả tốt hơn, và như vậy thì việc tổ chức hội thảo xung quanh những nội dung này chính là nhằm cung cấp thêm cho xã hội một kênh thông tin mang tính pháp lý. Rút kinh nghiệm từ Luật Di sản chẳng hạn, theo đó Luật lại không coi ngôn ngữ là Di sản Văn hóa. Ta đang sử dụng một di sản vô giá mà lại đặt nó ra ngoài luật, điều đó đã từng xảy ra.

Không biết các anh xem Luật về Hội của Trung Quốc chưa, nó khác ta vô cùng, mặc dù họ có Đảng gần giống ta. Hội Nhà văn là Hội có tài khoản, đảng đoàn, còn các Hội còn lại thì hai bên ngang nhau (hàm Bộ trưởng cho Chủ tịch Hội Nhà văn). Một nhà văn đi thực tế xuống địa phương cấp thấp nhất cũng phải giữ chức Phó Chủ tịch huyện. Có như vậy mới đảm bảo nắm chắc được thông tin. Đây chính là vấn đề Nhà nước hóa cao độ ở Trung Quốc.

Luật về Hội ở ta hiện nay đang tồn tại một mâu thuẫn. Hội cần Nhà nước ở chỗ kinh phí, việc làm, nhưng lại không thích Nhà nước quản lý. Đó là xung đột giữa lợi ích giữa Nhà nước với Hội. Đây là điều tế nhị, điều khó cho nhà làm luật. Cây đời xanh tươi, nên cái áo cho Luật này không thể bao hàm hết. Chính vì vậy mà không nên đi quá vào những vấn đề chi tiết trong Luật. Khái niệm Hội vốn rất đa dạng,

có những Hội bản thân nó vốn là những liên kết lỏng lẻo. Vì vậy, Luật càng chi tiết hóa ra lại càng thiếu. Phương án là nên làm sao để có thể chấp nhận được.

Điều đáng lưu ý nữa là mối quan hệ giữa Luật này với Luật khác nữa. Càng cụ thể là càng quá nhiều đặc thù, và như vậy lại càng dễ vênh nhau, nên chúng ta cần chú trọng đến tính khả thi và tính hiệu quả nữa. Luật về Hội sau Chính phủ thông qua vẫn sẽ còn nhiều giai đoạn như trình Quốc hội, xin ý kiến Bộ Chính trị nữa. Nếu chúng ta cùng nhất trí chắc chắn sẽ có sự cộng hưởng, nhiều người đang chờ tiếng nói của chúng ta. Các Đại biểu Quốc hội nếu như có tư duy chia sẻ với chúng ta thì chắc chắn những ý kiến đóng góp của chúng ta cho Luật về Hội sẽ có hiệu quả.

Phụ lục:

NHỮNG VẤN ĐỀ XUNG QUANH DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

(Tổng hợp các cuộc tọa đàm do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam và Hội Luật gia Việt Nam tổ chức)

TẠO DỰNG LUẬT VỀ HỘI TRONG KHÔNG GIAN TỰ DO LẬP HỘI VÀ TỰ QUẢN CỦA HỘI

PGS.TS. ĐÌNH VĂN MẬU

Học viện Hành chính Quốc gia

Ý tưởng về ban hành đạo luật về Hội xuất hiện khá lâu, vào khoảng đầu thập niên 1990. Đến nay việc đó được đẩy tới một bước căn bản là có Dự thảo Luật về Hội làm cơ sở để các chuyên gia trong lĩnh vực này và những ai quan tâm bàn luận và đóng góp.

1. Là người có nghiên cứu ít nhiều vấn đề này, tôi xin được trình bày đôi điều suy ngẫm. *Trước hết*, kể từ nửa đầu những năm 1990 đến nay các Hội truyền thống được củng cố, phát triển và nhiều loại Hội mới ra đời ở tầm quốc gia và cả mức địa phương. Theo số liệu từ Bộ Nội vụ (tháng 3/2005) cả nước có 301 Hội có phạm vi hoạt động cả nước. Trong đó có những Liên hiệp hội lớn như Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam bao gồm 53 hội thành viên là Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật với 10 Hội chuyên ngành và 61/64 Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật cấp tỉnh. Ở cấp tỉnh hiện có 2.155 Hội được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thành lập và số hội cấp quận. Vì sao vậy? Có nhiều nguyên nhân trong đó, do thừa nhận nền kinh tế thị trường, nên yếu tố “lợi ích” có vai trò hàng đầu. Nhiều nhóm người có chung lợi ích xuất hiện và cần được bảo đảm, bảo vệ bằng một tổ chức có tính chất Hội.

Thứ hai, tổ chức xã hội cần chính danh (thừa nhận bởi Nhà nước) và không chính danh (thừa nhận của nhóm). Tổ chức xã hội tồn tại

theo cấp hành chính, trong cộng đồng cư dân (thí dụ làng xã) và trong các tổ chức, kể cả các cơ quan nhà nước. Vì vậy, sự thừa nhận của Nhà nước cần theo nguyên tắc đa cấp: Trung ương, tỉnh, huyện.

Thứ ba, tổ chức xã hội hết sức đa dạng. Có lẽ sự đa dạng lợi ích được thừa nhận thì việc xuất hiện Hội khác nhau là phù hợp với sự phát triển của xã hội. Sự đa dạng khó dự đoán trước, nên việc thừa nhận tự do lập Hội phải theo nguyên tắc chỉ được hạn chế tự do đó bằng các đạo luật trong phạm vi xác định.

Thứ tư, tổ chức xã hội ra đời và hoạt động nhờ ý chí chung và sức mạnh của chính nó. Lập Hội theo đúng nghĩa là có quyền tự tập hợp hội viên, tự tìm kiếm kinh phí cho hoạt động, tự thiết lập bộ máy tự quản và tự vận hành theo cơ chế có lợi cho hội viên thì nhóm sáng lập cần tính tới lộ trình. Muốn ra đời một Hội và làm thật sự để nó tồn tại hiện thực phụ thuộc vào ý chí của nhóm lợi ích - hiểu biết (tri thức) về Hội, huy động sức lực, nguồn lực tạo dựng, duy trì Hội và có kỹ năng, thao tác tổ chức nó là sức mạnh của nhóm lợi ích.

Thứ năm, Hội tự quản công việc của mình và có điều chỉnh từ phía công quyền. Xây dựng và thực hành nhà nước pháp quyền là đặt cá nhân, tổ chức vào trong khuôn khổ của luật và sự quản lý nhà nước trên cơ sở luật và nhằm thực hiện luật. Đồng thời, cần nhấn mạnh rằng cùng với nhà nước pháp quyền cần có xã hội dân sự đích thực. Vấn đề là tạo ra được sự tương tác có hiệu quả xã hội giữa Nhà nước và xã hội theo mục tiêu phát triển.

2. Bàn về Hội trong điều kiện hiện nay cần trả lời Hội là gì? Hiện trạng Hội ở nước ta là ra sao và sẽ phát triển theo hướng nào? Quan trọng hơn là cần có thể chế về Hội.

Trước hết, cần khẳng định nguyên lý cơ bản là: Tự do lập, vào Hội và ra Hội thuộc về mọi cá nhân, tổ chức hợp pháp tại Việt Nam. Sự khẳng định này xuất phát từ quan niệm công dân khác với thần dân (thảo dân) ở chỗ họ là một thực thể tự do kể cả bán sức lao động cũng

phải thông qua tự do ý chí bằng hợp đồng). Tự do là cái vốn có của họ, không phải trời cho hoặc ai đó ban phát mà do họ giành lại một cách thật sự trong chế độ chính trị dân chủ. Đồng thời, công dân (cũng là thần dân) có quyền năng pháp lý được gọi là quyền công dân. Tất nhiên phạm vi, mức độ các quyền tùy thuộc vào bản chất của chế độ chính trị và điều kiện kinh tế - xã hội. Đó là khả năng có thể làm và không cần làm mà vẫn thừa nhận là hợp pháp. Cùng với quyền, công dân còn có lợi ích vật chất và tinh thần được thừa nhận là hợp pháp.

Từ sự khẳng định này xin đề nghị làm Luật theo tinh thần: *Lập Hội, vào Hội và ra Hội là tự do của công dân và nếu công dân cần sự chính danh của Hội thì đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định.*

Thứ hai, trong Nhà nước pháp quyền được xây dựng trên nền xã hội dân sự thì mọi tổ chức, cá nhân phải được thiết lập và hoạt động trong khuôn khổ luật và nhằm thực hiện luật, tức là thừa nhận luật là chuẩn mực pháp lý cao nhất. Một khuôn khổ pháp luật phù hợp với quy luật phát triển là cần để bảo đảm, bảo vệ quyền tự do. Vậy, phạm vi và đối tượng của luật về Hội cần được xác định là *Luật này thừa nhận Hội là thiết chế tự do và điều chỉnh quan hệ giữa Nhà nước và Hội.*

Quan niệm về Hội như trên xuất phát từ khẳng định rằng Hội (chính thức hoặc phi chính thức) là một thiết chế tất yếu của dân trong đời sống dân sự. Do vậy, Nhà nước phải thừa nhận Hội là một thực thể ra đời từ ý chí tự do của dân. Hội tồn tại trong Nhà nước pháp quyền nên nó phải hợp pháp, nghĩa là trong khuôn khổ pháp luật và nhằm thực hiện pháp luật. Vì vậy, Nhà nước có thẩm quyền ban hành luật điều chỉnh quan hệ giữa Nhà nước và Hội.

Hội và Nhà nước là những thiết chế tồn tại tất yếu, phải quan hệ với nhau theo trật tự: Nhà nước có thẩm quyền quản lý và Hội chịu sự tác động quản lý. Nhưng quản lý như thế nào là phù hợp với chính trị dân chủ trong nền kinh tế thị trường lại là câu chuyện phải quan tâm bằng những quy định cụ thể. Dù quy định thế nào vẫn không thể bỏ

qua nguyên tắc phải lấy lợi ích của đối tượng quản lý làm trung tâm, quản lý là mang lại lợi ích xã hội, quản lý không có nghĩa là làm thay Hội và can thiệp vào công việc nội bộ của pháp nhân tự do. Quản lý nhà nước theo nghĩa đó chính là thực hiện sự giám sát bằng thủ tục đăng ký, thừa nhận Điều lệ, đánh giá hoạt động lập quỹ, phòng ngừa lạm dụng Hội để kiểm lời hoặc gây phương hại về mặt kinh tế đối với hội viên, xem xét việc tham gia chính sách của nhóm, tập đoàn có thể lực kinh tế phương hại đến lẽ công bằng, hài hòa lợi ích công cộng.

Từ những căn cứ trên mà xét đoán thì Dự thảo Luật về Hội còn những quy định cần phải bàn thêm.

Một là, Nhà nước quản lý Hội bằng ban hành chính sách, cơ chế, tổ chức thực hiện chính sách, cơ chế và kiểm tra, thanh tra. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nội dung đó, không thuần túy là trách nhiệm (như ghi trong Điều 6) mà thực chất là nghĩa vụ được thực hiện qua các nội dung vật chất.

Thứ hai, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các hoạt động quản lý được luật định. Các bộ chuyên ngành, lĩnh vực không có quyền quản lý Hội theo tư cách “Bộ chủ quản”. Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật, chứ không trực tiếp chịu trách nhiệm trước bộ chủ quản. Điều này đã được nhiều Nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước khẳng định theo nguyên tắc mà hầu như những người có quan tâm đến quản lý ngành lĩnh vực đều biết. Đó là sự phân biệt giữa quản lý hành chính với quản trị kinh doanh, là tách hành chính công quyền với hoạt động của đơn vị sự nghiệp. Hội không phải là doanh nghiệp, tổ chức sự nghị thì nguyên tắc tách bạch ấy càng cần phải áp dụng triệt để hơn.

Thứ ba, sáu tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) có địa vị pháp lý thuộc loại tổ chức nào trong xã hội thì vẫn còn những ý kiến khác nhau xuất phát từ quan niệm về chính trị và phi nhà nước.

Theo Hiến pháp và pháp luật về Mặt trận, Công đoàn, v.v. thì sáu tổ chức đó thuộc phạm trù tổ chức chính trị - xã hội, tức là trực tiếp làm chính trị nhưng không với tư cách Đảng cầm quyền và Nhà nước công quyền. Các tổ chức chính trị - xã hội cùng với Đảng và Nhà nước tạo thành hệ thống chính trị, thực hiện chức năng liên quan đến lợi ích quốc gia, lợi ích nhóm và lợi ích cộng đồng, trong đó Nhà nước là trung tâm của quyền lực chính trị, trụ cột của hệ thống chính trị.

Các tổ chức chính trị - xã hội có những dấu hiệu phân biệt với các Hội. Các Hội không trực tiếp thực hiện quyền lực chính trị như Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Các Hội có hội viên tự nguyện, trong khi đó đa số các tổ chức chính trị - xã hội không có hội viên (cá nhân) tự nguyện. Các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức theo cấp hành chính, gắn liền với tổ chức quyền lực chính trị, còn các Hội thì không hoàn toàn cần và phải như vậy. Các tổ chức chính trị - xã hội mặc dù tham gia trực tiếp thực hiện quyền chính trị theo quy định nhưng không quản lý hành chính nhà nước, do vậy không có bất cứ tổ chức nào trong các tổ chức chính trị - xã hội được đứng ra để thu hút các Hội vào hệ thống tổ chức chính trị - xã hội. Tức là không được chính trị hóa các Hội đang có và sẽ ra đời.

Thứ tư, Hội là một trật tự Điều lệ, khác với Nhà nước vốn là trật tự pháp lý. Tổ chức và công vụ Nhà nước được chế định bởi Luật và các văn bản pháp quy, nếu nhà nước có ban hành văn bản có tên gọi Điều lệ để quy định về tổ chức và hoạt động của một cơ cấu nào đó thì điều lệ ấy vẫn là văn bản quy phạm pháp luật, hay nói theo giọng điệu của người nghiên cứu pháp luật là “khoác áo pháp lý”. Từ đó, nội dung của Luật về Hội chủ yếu là tạo khung (khuôn khổ) pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Hội, không can thiệp sâu vào công việc nội bộ của Hội.

Có thể hình dung khung pháp lý của Hội như một “sân chơi”, ở đó Nhà nước bằng quyền hạn điều chỉnh pháp lý của mình, chỉ đưa ra các điều cấm, ấn định các quy tắc bắt buộc (có tính hạn chế) đòi hỏi các

Hội phải thực hiện sự quản lý hành chính Nhà nước nhằm tạo ra quan hệ hành chính giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các Hội với tư cách là pháp nhân dân sự.

Từ khẳng định quan niệm tài chính công quyền khởi pháp nhân dân sự, trong đó Hội là một loại cơ cấu, cần phải xem kỹ lại các Chương III (Hội viên), Chương IV (Tổ chức, hoạt động của Hội), Chương V (Liên hiệp hội, chia tách và giải thể Hội). Theo tôi, nội dung của nó “can thiệp sâu” vào công việc nội bộ của Hội, tức là Luật đã làm thay nhiều nội dung của Điều lệ và làm “cứng hóa” tổ chức và hoạt động của Hội vốn là rất khác nhau trong tổ chức và hoạt động. Vì nó không phải là thiết chế công quyền nên các Hội không cần giống nhau về tổ chức và hoạt động, miễn là những nội dung về tổ chức và hoạt động phải hợp pháp, hợp pháp với luật theo nghĩa rộng chứ không phải chỉ hợp với Luật về Hội.

Hội là một thiết chế rất xưa cũ, nhưng luôn là vấn đề mới, vì nó rất linh hoạt và đa diện. Hội nằm trong phạm vi đời sống dân sự để thực hiện mục đích dân sự trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền và chỉ có thể là Nhà nước pháp quyền khi nó tồn tại trong một xã hội công dân. Trong Nhà nước đó, mọi tổ chức phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Do vậy, rất cần có Luật về Hội. Nhưng Luật này không cần và không thể có kết cấu na ná như Luật tổ chức các cơ quan nhà nước ấn định một lượng nhiệm vụ, quyền hạn nhất định và đòi hỏi cơ quan đó phải thực hiện đủ, nếu thực hiện thiếu là lẩn tránh trách nhiệm và nếu thừa là lạm dụng quyền hạn. Luật về Hội phải khác ở chỗ Hội là thiết chế của xã hội công dân, được làm tất cả những gì mà Luật không cấm và theo thủ tục có tính bắt buộc tự do lập Hội cũng như tính tự quản của Hội.

TOA ĐÀM TẠI LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM (VUSTA)

53 NGUYỄN DU, HÀ NỘI NGÀY 8/9/2005

BIÊN BẢN TOA ĐÀM GÓP Ý KIẾN CHO DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI
(Tóm tắt)

THÀNH PHẦN THAM GIA

- GS.VS. Vũ Tuyên Hoàng và GS.TS. Nguyễn Hữu Tăng (chủ tọa)
- Ông Nguyễn Ngọc Lâm, Vụ trưởng Vụ quản lý Tổ chức Phi chính phủ - Bộ Nội vụ
- Đại diện các cơ quan quản lý nhà nước
- Các tổ chức khoa học công nghệ thành viên Liên hiệp hội và các nhà khoa học.

NỘI DUNG

GS. Vũ Tuyên Hoàng

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Vấn đề cần đặt ra ở đây là tại sao Liên hiệp hội lại được nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật này, còn các tổ chức chính trị - xã hội khác lại không? Cũng giống như Nghị định 88, Luật chưa đặt chúng ta lên đúng vị trí của nó khi nêu ra liên minh công - nông - trí thức.

Chừng nào áp dụng luật này cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam mà không đặt sáu tổ chức chính trị - xã hội khác ra

ngoài thì đây là phân biệt đối xử, trí thức Việt Nam như vậy lại bị phân biệt đối xử. Không có lý do gì liên minh công - nông - trí mà lại đặt trí thức ra ngoài? Sắp tới xây dựng kinh tế trí thức, ta có đồng ý cứ làm như thế này mãi được không? Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có văn bản kính gửi Ban Chấp hành Trung ương sửa cách đặt vấn đề thế này. Chúng ta không đòi tiền, không phải đòi đặt lên cho ngang hàng với các tổ chức chính trị - xã hội mà vì quyền lợi chung xây dựng đất nước mà đề nghị. Nếu nói liên minh là nền tảng thì tại sao đặt trí thức đứng ở đẳng sau. Đã quá muộn nếu ta sửa đổi điều này. Xã hội hóa giáo dục, khoa học công nghệ làm động lực phát triển, cạnh tranh, cái gì cũng đặt hàng đầu như trong Hiến pháp nhưng trong Luật này lại đặt đằng đuôi thì không được. Điều này sai cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Ông Phạm Sỹ Liêm

Phó Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam

Trước tiên cần nói mục đích lập pháp của Luật này là gì? Thứ hai định hình Luật này thế nào? Thực hiện quyền của công dân đã được Hiến pháp quy định. Lập Hội có nhiều mục đích rất khác nhau. Pháp có quy định luật về Hội, nhưng luật này còn quy định cho cả các công ty chứ không như ở ta. Ta phải giải quyết việc của ta, mỗi nước có hoàn cảnh riêng. Thể chế xã hội khác nhau ở mỗi nơi nên không thể chung chung được. Luật của ta sau Pháp hơn 100 năm thì nay phải lập cho hiện đại. Cần nghiên cứu kỹ hơn về lý luận, về tư vấn phản biện là có liên quan đến chính ta.

Gần đây tôi hiểu thêm rõ hơn về xã hội dân sự (XHDS). Các nhà xã hội học trên thế giới nghiên cứu vấn đề này rất kỹ. Tư duy phát triển sau Chiến tranh Thế giới II đã qua ba giai đoạn, người ta đang quan tâm xã hội hiện đại. XHDS được coi như một trong ba bộ phận của quốc gia: Nhà nước, khối kinh doanh, XHDS. Nay người ta không quan niệm rằng Nhà nước được bầu ra là dân chủ. Vì vậy, cần có kênh

thông tin giám sát Nhà nước, như Hội cũng cần có ban kiểm tra làm kênh thông tin. Diễn biến hòa bình có tận dụng lý luận của XHDS. Gần đây có hội thảo, XHDS kỳ vọng vào tầng lớp trung lưu. Nếu xã hội tiến tới cộng sản thì tất cả là trung lưu chứ gì. Nó muốn dùng trung lưu để khống chế tầng lớp giàu có ở trên.

Nói liên minh công - nông là khái niệm trước Đổi mới. Tôi không hâm mộ gì vị trí của công nhân khi thấy thực tế công nhân bị lao động cho doanh nghiệp nước ngoài, cũng bị đánh trong khi nông dân phải đi làm thuê ở Đài Loan nhiều. Tại sao trong xã hội hiện đại không thể hiện vai trò của tầng lớp trung lưu, trí thức? Xin nhường lý sự ở đây cho nhà nghiên cứu. Nếu dùng khuôn khổ suy nghĩ cũ mà bàn luật thì sẽ rất khó khăn.

Luật Hội chỉ nên tạo khung pháp lý cho Hội hoạt động thôi. Tại sao muốn người ta xếp hàng đi một hai. Quy định gì mà như là ông làm thay Hội cho chúng tôi, hành chính hóa trong tư duy này thể hiện rất rõ.

Luật của Nhà nước thì Nhà nước giao nhiệm vụ cho tổ chức của mình, còn Hội tuân theo luật là được chứ không quy định Hội phải tuân thủ ông này ông kia. Tôi tán thành quản lý nhà nước, nhưng nói nhiệm vụ của Hội chỉ tuân theo luật là được.

Hội với tổ chức kinh doanh trực thuộc Hội là hai việc khác nhau. Ta có quyền tổ chức ra tổ chức kinh doanh, nhưng tổ chức đó phải theo luật lệ của luật kinh doanh, còn Hội không vụ lợi thì không phải đóng thuế. Tiền mà tổ chức kinh doanh nộp cho Hội là không phải đóng thuế.

Nói Nhà nước hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, thì chúng tôi không cần. Nhà nước cứ đào tạo công chức của mình đi đã. Thiếu một cái: Nhà nước có thể ủy nhiệm một số công việc, dịch vụ công cho Hội.

Ở một số nước, kiến trúc sư, luật sư làm cá nhân một mình, người ta có giao cho các Hội tự quản lý lấy, nếu không gia nhập hội kỹ sư

chuyên nghiệp, không đăng bạ là không được ký vào các văn bản, bản vẽ của kiến trúc sư chẳng hạn. Phải là bác sĩ chuyên nghiệp mới được có dấu, ký vào đơn thuốc. Làm được như vậy giúp cho Chính phủ đỡ công kênh bộ máy mà lại cho các Hội phát huy được tính tự quản.

Ông Lã Trọng Long

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hải Phòng

Liên hiệp hội ở địa phương không áp dụng Luật này được vì nó được Thành ủy lập ra. Làm lý lịch không phải đưa qua Bộ Nội vụ đâu. Sự đối xử của Nhà nước và Đảng với Liên hiệp hội từ Trung ương đến địa phương là như Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh cho mấy chục tỉ đồng để Liên hiệp hội Thành phố làm trụ sở. Nếu Liên hiệp hội không được đưa vào Luật như các Hội chính trị - xã hội khác thì sẽ không phản ánh như đúng sự thật. Điều 8 nói không trùng tên, theo tôi cần thêm nữa là không trùng lĩnh vực. Như vậy sẽ hạn chế được cả Hội nước ngoài đăng ký trùng lĩnh vực với Hội trong nước.

Ban vận động thông báo hay chỉ cần công nhận, được thành lập đến bao giờ? Nhà nước triệu tập đại hội bất thường thì có bỏ tiền ra không? Hội viên không đến đủ một nửa số thành viên thì sẽ xử lý ra sao? Theo tôi nên bỏ điều này!

Trong Luật có đề cập người đứng đầu của Hội là người Đại diện. Nhưng Sắc lệnh 102 không quy định như vậy. Quyền hạn Chủ tịch Hội có đủ quyền không, nếu chịu hết trách nhiệm thì phải có quyền triệu tập và giải tán Hội khi cần. Nếu không thì quyền rơ vạ đá.

Hội có quyền ngôn luận, lập báo chí xuất bản không? Nếu không có thì Hội lập ra là vô duyên. Theo tôi phải ghi quyền này của Hội vào.

Hội giải thể: được thông báo trên cơ quan ngôn luận.

Ông Lê Xuân Thảo

Chủ tịch Quỹ VIFOTECH

Luật này nặng về quản lý hành chính chứ không phải phát huy vai trò của Hội. Chưa thể hiện được tinh thần của Chỉ thị 45 và Nghị định 06. Có cảm giác Luật này như Điều lệ Hội mở rộng. Thiếu tính đổi mới, hành chính hóa. Doanh nghiệp tuân thủ Luật thôi, Hội cũng vậy, cần bỏ quy định cơ quan quản lý. Cấp Trung ương ở Bộ Nội vụ, cấp tỉnh có Sở Nội vụ làm đầu mỗi công nhận Hội là được.

Về thủ tục, cần nhiều nơi đăng ký quá: Bộ Nội vụ, Bộ ngành chủ quản, quận huyện có trụ sở... Như vậy có nghĩa là tăng đầu mỗi phải đăng ký đối với việc lập Hội.

Hội có quyền tư vấn phản biện tất cả vấn đề khác chứ không riêng lĩnh vực của Hội. Ví dụ như có những vấn đề chướng tai như vấn đề nước Hồ Tây, nếu như Hội được tư vấn thì Nhà nước đỡ phải chi mấy trăm triệu đô-la cho việc này.

Không phải Nhà nước ban cho Hội quyền gì, mà trách nhiệm là giao cho Hội việc công, từ đó Hội thực hiện được chức năng mà có kinh phí Nhà nước giao cho. Tôi nhất trí bỏ Điểm 3 trong Điều 2. Ngoài ra, cần phải bổ sung thêm Liên hiệp hội và Hội Văn học Nghệ thuật vào trong Luật này.

Ông Nguyễn Văn Thát

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Tôi quan tâm lớn nhất là Điểm 3 của Điều 2. Luật thể hiện đường lối, không thuần túy là việc của cơ quan quản lý nhà nước. Chỉ thị 35 năm 1988, Chỉ thị 45 cũng đã khẳng định vị trí chính trị - xã hội của Liên hiệp hội, không thể coi như tổ chức xã hội nghề nghiệp để bỏ ra ngoài. Đặc biệt trong hoàn cảnh phát huy vai trò khoa học công nghệ

trong điều kiện nền kinh tế tri thức. Nhìn vấn đề phải có quan điểm lịch sử đồng thời hiện đại trong điều kiện công nghiệp hóa đất nước.

Nếu luật chỉ nặng cơ chế quản lý của cơ quan quản lý chủ quản thì Hội khó có thể phát triển được.

Ông Nguyễn An Lương

Chủ tịch Hội An toàn Lao động

Xoay quanh ý kiến của ông Vũ Tuyên Hoàng là vấn đề rất lớn, nó là tiền đề nên có Luật này hay không? Liên quan đến cách nghĩ về đội ngũ trí thức Việt Nam. Chưa có nghị quyết đi tiên phong thì chưa đưa quan điểm vào Luật này được.

Có thực tế có Luật Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ rồi mà Liên hiệp hội chưa có luật thì bị bỏ ra ngoài. Là hội xã hội nghề nghiệp, chúng tôi phải được điều chỉnh bằng luật. Nếu đưa Liên hiệp hội, Hội Nhà văn, Nhà báo vào Điều 2 Khoản 3 thì sao Hội chuyên ngành lại đặt ra ngoài phạm vi điều chỉnh.

Tôi đề nghị phương án trung gian: đưa riêng một Chương là Liên hiệp hội. Tổ chức chính trị - xã hội thì được điều chỉnh như tổ chức khác.

Quan điểm quản lý nhà nước cần phù hợp hơn: vạch hành lang pháp lý, phát huy vai trò hoạt động trong hành lang, xử phạt vi phạm. Với quan điểm ấy không nên đưa ý Nhà nước có chức năng đăng ký, đào tạo chuyên môn, chỉ quản lý việc xét duyệt đăng ký thôi.

Điều 37 - Quyền của Hội chưa đúng. Ta đang xã hội hóa, vai trò của các Hội phải được tham gia nhiều: Tham gia phát triển kinh tế-xã hội, quản lý xã hội chưa được nhắc đến, mới chỉ quanh quanh việc của Hội thôi; tham gia tư vấn, phản biện, giám định chưa được rõ, mờ nhạt vì còn tránh từ giám định. Trong khi đó cần thấy rõ rằng vai trò của Hội rất lớn trong việc chống tham nhũng.

Duy nhất tôi thấy Luật này đặt Ban Kiểm tra ngang hàng Ban Chấp hành, Ban Lãnh đạo. Đặt cơ chế này sợ Hội làm bậy nhiều hay sao mà tạo cơ chế đối trọng đến vậy. Đề nghị Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu ra chứ không phải Đại hội bầu.

Điều 27 - Nội dung Đại hội... viết như cái điều lệ của Hội. Luật phải định hướng thôi chứ ai lại quy định như vậy?

Tôi đề nghị phải báo cáo Bộ Chính trị. Nếu khối của Liên hiệp hội lớn chưa được đặt đúng tầm thì chưa nên vội ra Luật. Không nên đánh đồng đều Liên hiệp hội như Hội ở dưới. Phải thể hiện được vai trò đội ngũ trí thức.

Ông Dương Trung Quốc

Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

Qua 60 năm rồi ta không bỏ qua yếu tố truyền thống. Luật sau bảy năm là điều chỉnh, tuổi thọ của Luật ít. Nó phản ánh trình độ làm luật của ta. Dùng khái niệm chung là Hội, vậy Hội là gì? Theo văn bản này nghĩa thì nông, nhiều khe hở.

Ta còn né tránh sự thật lịch sử: Phúc tạp liên quan đến chính trị. Tiền thân Đảng ta là Hội, vì mục tiêu chính trị, khi đó bất hợp pháp.

Công đoàn thực chất là Hội chính trị. Liên hiệp hội ta có là Hội chính trị không, phải xác định rõ. Tôi nghĩ nếu tất cả hướng về lợi ích quốc gia thì không Hội nào là chính trị cả. Nếu có đặc thù thì rất khó hội nhập quốc tế.

Chúng ta chấp nhận vấn đề có tính truyền thống hay quá độ. Nếu không chấp nhận quá độ thì Luật không đi vào đời sống được, lại còn gây tác hại. Cần tạo hành lang phù hợp, chấp nhận 5-10 năm nữa điều chỉnh tiếp. Hội nhập nhưng phải quá độ.

Nên trở lại nguyên tắc 60 năm trước, nói rõ: Luật về quyền lập

Hội. Nếu không ta cảm thấy như có bước lùi lịch sử, kể cả so với bạn bè. Phải có tính an toàn trong lập Hội. Sắc lệnh năm 1956 và 1957 có nói về quyền lập Hội, Hội phải rèn luyện năng lực, ý thức dân chủ của công dân.

Cho quy định lập Hội thành viên, rồi Tổng hội không trong đối tượng điều chỉnh: Văn bản tương chặt nhưng lại rất lỏng, có tính chất hành lang cho việc lập nhiều Hội chi nhánh, có thể dẫn đến tình trạng như vô chính phủ.

Cần bảo đảm nguyên tắc cơ bản: kế thừa, có tính quá độ, bảo đảm hội nhập.

GS. Nguyễn Hữu Tăng

Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật

Các đồng chí phát biểu sôi nổi, rất có trách nhiệm từ sáng đến nay. Đảng đoàn Liên hiệp hội sẽ có ý kiến tổng kết chính thức sau.

Luật về Hội tạo bước phát triển, nếu thoáng, mở thì huy động được sức mạnh của mọi người dân. Với đối ngoại người ta thấy xã hội này cởi mở đến đâu, có nhập cuộc được không. Do đó, ta không nên vội vã ra Luật khi chuẩn bị chưa kỹ. Luật này liên quan đến toàn xã hội, đến nhiều người. Chính vì vậy mà phải đảm bảo tự do dân chủ, sáng tạo để có thể phát triển được.

Luật ở tầm vĩ mô, không thể thể hiện ở tầm vi mô được. Tồn tại trong xã hội ta... có thể đoàn thể chính trị - xã hội được tổ chức chặt chẽ, nhưng chưa chắc đã chặt chẽ hơn Liên hiệp hội đâu. Nhóm xã hội nghề nghiệp và nhóm rộng hơn nữa là xã hội. Vậy, phải xác định rõ nhóm nào để chi phối, không lẫn lộn. Không nên thể hiện sự thiếu bình đẳng.

Nước ngoài sẽ thấy khó chơi với Hội đoàn thể. Luật như thế này còn làm sai Nghị quyết 45 của Bộ Chính trị. Chúng ta nên hình thành

Luật mang tính định hướng hay quản lý chặt chẽ, hành chính hóa? Nếu là tầm vĩ mô thì phải là Luật không chứ không thể là chi tiết bao hàm các tổ chức xã hội được.

Tôi tán thành ý của ông Dương Trung Quốc: Luật về quyền lập Hội. Phải xác định trách nhiệm của Nhà nước với Hội.

Công bố công khai thì ta chỉ làm Luật khung thôi. Có vấn đề cần xin ý kiến, kiến nghị thì nên có văn bản chi phối bằng nghị định. Ta có thể làm Luật nhỏ gọn thôi, mang tính chất luật khung. Nếu chúng tôi tham gia vào Ban Soạn thảo thì sẽ có ý kiến đóng góp trực tiếp vào được.

Có lẫn lộn giữa tổ chức xã hội nghề nghiệp với công quyền, tại sao Nhà nước phải ôm hết mọi việc, tại sao không phát huy sức mạnh của Hội nghề nghiệp, như quản lý, giám sát? Nếu cứ lẫn lộn thì rất khó làm việc.

Tôi kiến nghị nếu cần trình Luật cuối năm thì phải có nghiên cứu kỹ, quy định rõ chức năng nhiệm vụ của Liên hiệp hội. Tôi rất phân vân với nội dung Dự luật này.

TRUNG ƯƠNG LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

51 TRẦN HUNG ĐẠO, HÀ NỘI, NGÀY 28/10/2005

BIÊN BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN TẠI CUỘC TỌA ĐÀM “LUẬT VỀ HỘI”

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng biên tập các Hội Văn học Nghệ thuật (Hội VHNT) Trung ương gồm: Hội Mỹ thuật Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam. Các Hội VHNT địa phương: Phú Thọ, Hà Tây, Hòa Bình, Hải Dương, Thái Bình, Ninh Bình.

Đại diện của các cơ quan Trung ương: Ông Đỗ Kim Công - Vụ trưởng Vụ Văn nghệ, Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương; ông Nguyễn Văn Sim - Vụ phó Vụ Tổ chức phi Chính phủ, Bộ Nội vụ; ông Phạm Văn Tần - Phó Tổng thư ký Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

NỘI DUNG

Ông Lê Phúc - Phó Chủ tịch thường trực Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam tuyên bố lý do tổ chức cuộc tọa đàm và giới thiệu đại biểu tham dự và nêu mục đích yêu cầu của cuộc tọa đàm.

GS.TS. Tô Ngọc Thanh

Chủ tịch Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam

Hội Văn hóa cứu quốc ra đời từ năm 1943 luôn luôn hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng và đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc. Nội dung văn bản Luật về Hội không thể đánh đồng các Hội với nhau, nhiều vấn đề, nhiều điều khoản, chương mục bất hợp lý (Ai lãnh đạo? Ai quản lý? Trong quá trình hoạt động phải báo cáo và xin phép ai? Bộ Văn hóa - Thông tin không đủ tầm quản lý được công việc sáng tạo văn học nghệ thuật)? Đề nghị Bộ Nội vụ nên thận trọng và sáng suốt trong việc biên soạn, ban hành các văn bản.

Ông Chu Chí Thành

Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam

Một số điều trong văn bản chưa rõ ràng, thiếu hợp lý, đặc biệt là các chương mục, điều khoản và các vấn đề kinh tế tài chính của các Hội, phân chia lợi nhuận ra sao để đảm bảo đúng pháp luật, đúng nguyên tắc kinh tế.

Đặc thù hoạt động và tầm quan trọng của các Hội khác nhau nên không thể đồng nhất các Hội VHNT với các Hội nuôi ong hay làm vườn...

Ông Bình Nguyên

Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Ninh Bình

Nội dung văn bản có nhiều vấn đề bất cập, đánh đồng một cách khiên cưỡng, cần phải xác định rõ thể chế tổ chức, quy mô hoạt động, đặc thù trong công việc giữa các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp.

Nên khẳng định rõ ràng và mạch lạc trong việc lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và điều hành của Chính phủ với các tổ chức Hội. Trong nội dung văn bản của luật phải thể hiện đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối, tư tưởng, đặc biệt là tinh thần căn bản của các Nghị quyết của Đảng, sự định hướng lớn với mọi hoạt động của các tổ chức Hội. Bộ Nội vụ cần có văn bản cụ thể và thống nhất trong toàn quốc các vấn đề như tổ chức biên chế, quy chế tổ chức hoạt động...

PGS. Trần Luân Kim

Chủ tịch Hội Điện ảnh Việt Nam

Tôi tán thành với các ý kiến trên. Song quan điểm của chúng ta với nội dung văn bản này như thế nào? Theo tôi, đây là sự nhầm lẫn lớn và đáng tiếc trong chủ trương và cách nhìn nhận của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính. Sự đánh giá có tính đồng nhất như vậy thật đáng thất vọng.

Việc ban hành luật lệ là cần thiết, song các nội dung trong từng chương, mục, điều khoản thì dường như lại rất mâu thuẫn, trái ngược với tinh thần Nghị quyết Trung ương V.

Nhạc sĩ ĐỖ HỒNG QUÂN

Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam

Theo tôi, đây không phải là Luật, một văn bản quá vô vi, nội dung thiếu sức thuyết phục, hoàn toàn không thể chấp nhận được. Xin nhắc lại và nhấn mạnh sau thành công rực rỡ của Đại hội các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương, trong khi giới văn học nghệ thuật đang phần chấn và hồ hởi trong bầu không khí trong lành và tiếp tục sáng tạo nên những tác phẩm có giá trị cao phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân thì văn bản trên như một “tiếng sấm” báo hiệu một “trận mưa lạnh lẽo”.

Nhà văn Đỗ Kim Cương

Vụ trưởng Vụ Văn nghệ, Ban Tư tưởng Văn hóa TƯ

Quan điểm của Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương luôn ủng hộ việc xây dựng và thống nhất các thể chế tổ chức hoạt động sao cho phải thể hiện được đầy đủ đường lối, quan điểm, tư tưởng của Đảng về vấn đề VHNT. Đáng tiếc, nội dung văn bản có quá nhiều vấn đề không hợp lý. Chưa nhìn nhận, đánh giá được nỗ lực lớn lao của giới VHNT, một số điều khoản bó buộc, kìm hãm sự phát triển sáng tạo VHNT, nhiều nội dung mâu thuẫn, thậm chí trái ngược với tinh thần Nghị quyết của Quốc hội. Nên chăng, cần phải có cố vấn chuyên ngành tham gia xây dựng và hoàn chỉnh, văn bản trên.

Nhà thơ Phạm Tiến Duật

Tổng biên tập Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam

Việc xây dựng và ban hành Luật về Hội để Quốc hội thông qua là cần thiết, nhưng nên chăng cần xem xét lại ngay từ tên gọi, theo tôi phải gọi là “Luật về các tổ chức phi Chính phủ ở Việt Nam” và không đưa các tổ chức Hội VHNT vào trong đó.

Nhạc sĩ Nguyễn Thành Viên

Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Hòa Bình

Văn bản Luật về Hội không thể hiện đầy đủ tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII), Chỉ thị 18 của Ban Bí thư, Nghị quyết Trung ương 10 (Khóa IX). Vấn đề tôn giáo, dân tộc tại các tỉnh miền núi gây xáo trộn, tác động sâu sắc đến vấn đề phát triển chung, trong đó có văn hóa. Cần thiết phải có điều luật và những biện pháp cụ thể song cũng cần phải lưu ý sự hợp lý, tính kịp thời.

Ông Lê Chức

Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam

Cần thống nhất quan điểm để xây dựng nên Luật của chúng ta. Luật này phải có tính đại diện cao cho giới VHNT. Văn bản Dự thảo Luật này gây phản ứng dây chuyền không đồng tình mạnh mẽ.

Họa sĩ Trần Khánh Chương

Chủ tịch Hội Mỹ thuật Việt Nam

Trong việc phấn đấu xây dựng, củng cố Nhà nước pháp quyền phải có Luật và các hoạt động phải đảm bảo tính Luật. Song triển khai và thực hiện thế nào cần lưu ý luôn quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm về văn học nghệ thuật của Đảng, bám sát tình hình phát triển của đất nước, thể chế chính trị và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nội dung văn bản Dự thảo Luật này chưa hợp lý, mâu thuẫn về nội dung, thể hiện sự lúng túng. Dự thảo Luật này cần phải được nghiên cứu lại sâu hơn để đảm bảo đầy đủ quyền lợi và sự phát triển bền vững của nền văn hóa văn nghệ theo đường lối của Đảng.

Ông Phạm Văn Tân

Phó Tổng Thư ký Liên hiệp KHKT Việt Nam

Tôi hoàn toàn thông cảm vì chúng ta có những nhìn nhận tương đồng và chung thái độ với văn bản này. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có nhiều Hội với chức năng hoạt động đa dạng, đa chiều, vượt khỏi sự quản lý của Bộ Nội vụ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh. Do đó, văn bản này không thỏa mãn sự mong đợi chung.

Đại diện Hội Kiến trúc sư Việt Nam

Nhất trí với các ý kiến, nội dung văn bản chưa có quy định hệ thống tổ chức Hội cụ thể từ Liên hiệp đến các Hội chuyên ngành Trung ương. Đề nghị Bộ Nội vụ quy định rõ hơn bằng văn bản chặt chẽ, nhưng phải linh hoạt và mềm dẻo để đáp ứng yêu cầu phát triển sáng tạo VHNT.

PGS. Hoà sĩ Vũ Giáng Hương

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam

Vấn đề xây dựng Dự thảo Luật về Hội là cần thiết. Tôi nghĩ rằng Luật về Hội phải đảm bảo quyền lợi của người hoạt động trong các lĩnh vực khoa học, VHNT... và phải thể hiện được tính dân chủ và nhân quyền. Phải đoàn kết được các tầng lớp nhân dân, giữa đội ngũ trí thức VHNT và trí thức khoa học, với nông dân - công nhân và các tầng lớp khác.

Luật về Hội không áp dụng với sáu Hội và các tổ chức tôn giáo, vậy các Hội đó đứng ngoài vòng pháp luật hay là tổ chức của Đảng(?). Vì vậy, đề nghị sáu Hội và các tổ chức tôn giáo cũng phải được nêu rõ trong Luật về Hội, có thể dành một chương riêng.

Trong Điều 4, Chương I, "*góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...*", phải thêm từ **văn hóa**.

Trong Điều 5, *các hoạt động của Hội gắn với nhiệm vụ nhà nước được Nhà nước hỗ trợ kinh phí như thế nào?*

Điều 19 cần phải xem xét lại.

Chúng ta đã biết, tiền thân của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam là Hội Văn hóa Cứu quốc, chính thức được thành lập năm 1948 dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và các Hội VHNT đã thực hiện

tốt nhiệm vụ phát triển nền văn hóa, văn nghệ từ đó đến nay. Khi có Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá VIII), các Hội VHNT đã được xác định là Hội chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Kết luận Nghị quyết 10 Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 đã có phương hướng chỉ đạo cho các Hội VHNT và khẳng định các Hội VHNT có đóng góp to lớn trong việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội.

Như đã nói ở trên, sự ra đời của Luật về Hội là cần thiết nhưng Luật về Hội do Bộ Nội vụ soạn thảo (lần 6) vẫn chưa phù hợp với các Hội VHNT và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Có thể nói, đây là văn bản không thể chấp nhận được vì giữa Bộ Nội vụ và các Hội VHNT và Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam là quan hệ phối hợp, Bộ Nội vụ chỉ quản lý các Hội trên quy định hành chính, quản lý nhà nước còn về hoạt động chuyên môn Bộ Nội vụ không thể quản lý.

KIẾN NGHỊ

1. Các Hội VHNT từ Trung ương đến địa phương với số lượng hội viên hơn 30.000 văn nghệ sĩ là một Liên hiệp hội lớn, có uy tín đã được Đảng thành lập cách đây gần 60 năm. Vì vậy, để đảm bảo quyền dân chủ, sự công bằng, thúc đẩy hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ nhằm xây dựng một nền văn hóa, văn nghệ tiên tiến cho đất nước, Bộ Nội vụ cần soạn thảo văn bản Luật riêng hoặc dành một chương riêng quy định các hoạt động của các Hội VHNT từ Trung ương đến địa phương mà cái gốc hoạt động như sáu Hội chính trị - xã hội (đã phát biểu ở Hội nghị Trung ương 10).

2. Việc soạn thảo Luật về Hội cần phải xuất phát từ tinh thần các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng và cần có sự tham gia góp ý kiến trực tiếp xây dựng của những người có chuyên môn.

TỔNG KẾT CUỘC TỌA ĐÀM

Ông Lê Phúc

Phó Chủ tịch thường trực Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam

Qua buổi tọa đàm hôm nay, chúng ta đã thống nhất được quan điểm và bày tỏ rõ thái độ không đồng tình với văn bản này. Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam sẽ tổng hợp các ý kiến và soạn thảo kiến nghị gửi lên Quốc hội trước khi bản Dự thảo được thông qua.

TOẠ ĐÀM TẠI LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM (VUSTA),

53 NGUYỄN DU, HÀ NỘI, NGÀY 23/12/2005

CÁC NHÀ KHOA HỌC ĐỀ XUẤT MỘT DỰ ÁN MỚI

- Trong một tuần, các chuyên gia của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) đã hoàn thành một dự thảo với 6 Chương, 58 Điều.

- Đối tượng bị điều chỉnh đưa ra một Dự thảo mới là điều hiếm có trong lịch sử lập pháp!

Chiều 23/12/2005, VUSTA họp công bố bản góp ý chỉnh sửa Dự thảo Luật về Hội của Bộ Nội vụ. Điều rất đặc biệt là tại buổi họp này họ còn đưa ra một Dự thảo mới do chính các nhà khoa học thiết kế sau... một tuần làm việc. Đại diện Ban Nghiên cứu của Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ tỏ ra rất bất ngờ và thú vị trước sự kiện này.

CHƯA CÓ DỰ LUẬT NÀO ĐƯỢC GÓP Ý TOÀN DIỆN NHƯ THẾ!

Ông Trần Quốc Thuận

Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Việc các nhà khoa học nói rằng Luật về Hội viết không đạt yêu cầu, họ tự viết một Dự thảo khác là rất đáng hoan nghênh. Điều đó phải được đánh giá là sự góp ý tích cực. Nếu Dự thảo họ viết ra được nhiều người đồng tình thì rất có thể dự thảo ấy sẽ thành Luật.

Quốc hội là hoạt động nghị viện. Mà nguyên tắc nghị viện là biểu quyết theo đa số. Nếu anh thuyết phục được Quốc hội thì Dự thảo của anh sẽ thành Luật, quan điểm của anh đạt yêu cầu. Việc đưa ra Dự thảo mới là có tính chất góp ý chứ không phải có tính thay thế, phủ định ban soạn thảo. Hay nói cách khác, “Tôi làm không công cho anh và tôi có quyền đưa ra cạnh tranh với anh”. Đây là một hình thức góp ý toàn diện, dư luận nên hoan nghênh, vì cái đó thể hiện sự dân chủ. Đến nay cá nhân tôi chưa thấy Dự thảo luật nào được góp ý một cách toàn diện đến mức đưa ra một văn bản mới như thế cả.

CHỈ ĐIỀU CHỈNH QUAN HỆ PHÁT SINH

Sau hơn 10 năm, Dự thảo lần thứ 8 Luật về Hội do Bộ Nội vụ trình có tới 9 Chương, 61 Điều. Thế nhưng Báo *Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh* đã thông tin, tại cuộc lấy ý kiến ngày 13/12 trước khi trình Chính phủ, Dự thảo vẫn vấp phải sự phản ứng gay gắt từ các chuyên gia, các nhà khoa học. Vì thế chỉ chưa đầy một tuần, các nhà khoa học thuộc VUSTA đã đề xuất một Dự thảo mới với 6 Chương, 58 Điều. Khác căn bản tại Dự thảo của VUSTA là coi Luật này chỉ *điều chỉnh các quan hệ phát sinh giữa Nhà nước và Hội* trong việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội. Trong khi đó, Dự thảo của Bộ Nội vụ xem xét Luật này là *công cụ để quản lý Hội*, cũng như quy định về thủ tục lập và hoạt động của Hội. Tuy nhiên, VUSTA cũng “tế nhị” đưa ra phương án 2 - bản chỉnh sửa trên cơ sở Dự thảo của Bộ Nội vụ.

Tiến sĩ Luật Hoàng Ngọc Giao, đại diện nhóm tác giả của VUSTA, cho rằng các chỉnh sửa của họ dựa theo nguyên tắc: Nhà nước công nhận quyền lập Hội của dân đã được quy định tại Hiến pháp. Vì thế các quy định về tổ chức và hoạt động Hội bớt đi nguy cơ hành chính hóa, khiến cho Hội hoạt động năng động hơn, phát huy nhiều sáng kiến hơn cho cộng đồng. Phân tích nguy cơ các Hội “không chính thức” như Hội bảo thọ, Hội đồng hương... dễ bị “hành”, ông Giao nói: “Dự thảo của Bộ Nội vụ chưa điều chỉnh nên VUSTA đề xuất căn công

nhận cả Hội có đăng ký và Hội không đăng ký. Tuy nhiên, Hội không đăng ký thì không được mở tài khoản với danh nghĩa Hội, không có con dấu, không giao dịch bằng pháp nhân Hội”.

Về thủ tục lập Hội, ông Giao nói đã sửa theo nguyên tắc đăng ký chứ không phải xin phép. Bộ Nội vụ cũng nói đăng ký nhưng về mặt thủ tục thì “rườm rà tới bốn bước, lại không rõ ràng”, thực chất là xin phép. Vì thế chúng tôi thiết kế là sau bao nhiêu ngày thông báo tới cơ quan nhà nước, ban sáng lập có quyền tổ chức đại hội mà không cần văn bản chấp thuận”. Ông Giao khẳng định “đăng ký chỉ nhằm đảm bảo đến cơ quan nhà nước nắm được thông tin về Hội” và nêu rõ cơ chế giải quyết tranh chấp là tòa án hành chính khi công chức lạm quyền đối với Hội.

NGOÀI NHỮNG ĐIỀU CẤM, HỘI ĐƯỢC LÀM MỌI VIỆC

Tiến sĩ Giao đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò quản lý của Nhà nước đối với hoạt động Hội “là phải theo pháp luật”. Như quy định hoạt động liên quan đến y tế, môi trường... thì phải theo quy định của các Bộ này. Mặt khác cũng phải thiết kế để tất cả những người làm việc tại Hội đều có thể chịu sự thanh kiểm tra của cơ quan nhà nước chuyên ngành. Nhóm tác giả cũng đề xuất là cần lập một danh bạ về Hội và danh bạ này phải thường xuyên công bố công khai hoặc đưa lên mạng Internet. “Như vậy các nhà tài trợ có thể biết các địa chỉ họ cần tìm, cán bộ nhà nước cũng nắm được bao nhiêu Hội hoạt động trong lĩnh vực của mình” - ông Giao nói.

Tiến sĩ Giao nói rằng thay vì các điều cấm chung chung “hoạt động trái luật gây phương hại đến lợi ích...”, các tác giả của VUSTA thiết kế cụ thể đến bảy hành vi bị nghiêm cấm. “Nếu cần có thể cho thêm nhưng đã nêu ra có nghĩa là ngoài những điều cấm này Hội được làm mọi việc khác. Nó khác với việc công chức chỉ được làm những gì luật quy định”.

Đặc biệt, các tác giả của VUSTA nói rõ phải nêu trong luật những dịch vụ công mà Nhà nước ủy quyền cho Hội thực hiện “phải theo nguyên tắc đấu thầu công khai. Nếu không nêu vấn đề này rất dễ tiêu cực vì nhiều khi chỉ có giao thôi, nhất là trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo...”.

Phó Chủ tịch VUSTA, PGS.TS. Hồ Uy Liêm, bổ sung nếu quy định không rõ ràng sẽ dẫn đến sự can thiệp tùy tiện của cơ quan nhà nước. “Tổng hội Y Dược học thuộc chúng tôi quản lý, song khi Đại hội, Bộ Y tế cử một Thứ trưởng sang ứng cử mà không hiệp thương với chúng tôi”. Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, họa sĩ Giáng Hương, nhất trí: “Đọc sơ bộ thấy luật các đồng chí viết có nhiều điều rất hợp lý. Trước nay chúng tôi phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin rất tốt, hai năm ký quy chế một lần. Chỉ khi làm gì thì theo luật, như đưa tranh ra nước ngoài triển lãm thì xin phép Bộ. Ngay việc bầu cử là theo sổ phiếu, chứ ngay người được lãnh đạo giới thiệu được tín nhiệm. Luật về Hội phải làm cho các Hội phát triển chứ không nên để các Bộ chỉ đạo hội”.

DỰ LUẬT PHẢI LẤY Ý KIẾN ĐỐI TƯỢNG BỊ TÁC ĐỘNG

Ông Phạm Tuấn Khải, Phó ban Xây dựng pháp luật Văn phòng Chính phủ, nói: “Tôi thấy cách làm của các đồng chí hôm nay rất tốt. Nếu luật nào cũng làm được thế này thì quá tốt. Nghị định 101 Chính phủ vừa ban hành nói rõ phải lấy ý kiến đối tượng bị tác động thế nào. Phải nói đọc những điều các đồng chí viết thấy rất tâm huyết. Về mặt khoa học, những góp ý này rất đúng tầm và đáng bàn”. Ông Khải hoàn toàn nhất trí với sáng kiến lập và công khai danh bạ Hội. “Tôi cũng rất hoan nghênh việc các đồng chí liệt kê các hành vi bị nghiêm cấm, càng cụ thể nữa thì càng tốt. Quan điểm chúng tôi là Luật này quy định về quyền lập Hội của công dân thôi, những điều cụ thể nên để trong điều lệ Hội”.

Bà Phạm Chi Lan, Ban Nghiên cứu của Thủ tướng, tuyên bố: “Cá nhân tôi thích bản Dự thảo của nhóm chuyên gia VUSTA đưa ra hơn là Dự thảo lần 8 của Bộ Nội vụ, bởi nó nói rõ hơn về các loại Hội mà lại bao quát hơn, hợp lý hơn, nhất là việc công nhận loại Hội không đăng ký vì đây là quyền chính đáng của dân”. Bà Lan nhắc lại ý kiến trước đây của mình về quy định quản lý nhà nước của Bộ chủ quản và Ủy ban Nhân dân “là không cần thiết”. Bà nói: “Tôi ở Phòng Thương mại bao nhiêu năm không bao giờ phải báo cáo quận Hoàn Kiếm và họ hiểu sao được hoạt động trên cả nước của chúng tôi. Ý chung nhất của tôi là tôn trọng cao nhất quyền tự do lập Hội, tạo điều kiện cho Hội hoạt động chứ không phải kiểm soát”.

Tiến sĩ Nguyễn Vi Khải, Ban Nghiên cứu của Thủ tướng, thốt lên: “Buổi làm việc hôm nay rất bổ ích!” bởi ông đã thấy rằng có Luật soạn thảo trong bốn bức tường, sau này đưa vào cuộc sống đã phải trả giá. Theo ông Khải, việc tiến tới xã hội dân sự bình đẳng là tất yếu, lịch sử sẽ sang trang. Ông hứa sau khi các thành viên Chính phủ góp ý kiến, Thủ tướng trước khi ký trình Thường vụ Quốc hội sẽ đề nghị Ban Nghiên cứu “gác gôn” thì các ông sẽ nêu ý kiến trao đổi.

Phát biểu kết thúc, PGS.TS. Hồ Uy Liêm nói rằng đã có một số điểm thống nhất cao, vài ba chỗ chưa thể thống nhất vì cách nghĩ rất khác nhau. Ông mong rằng trước khi đưa ra Quốc hội sẽ còn có nhiều dịp để trao đổi với cơ quan soạn thảo.

Phạm Lợi

(Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/12/2005)

CÁC CUỘC TOA ĐÀM DO HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM VÀ LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM TỔ CHỨC

Thực hiện nhiệm vụ tham gia xây dựng pháp luật và phản biện chính sách, được sự nhất trí của Bộ Nội vụ theo tinh thần Công văn 1674/BNV-TCPCP ngày 7/7/2005, Hội Luật gia Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) và Vụ Phi Chính phủ - Bộ Nội vụ đã phối hợp tổ chức ba cuộc hội thảo khoa học góp ý kiến cho dự thảo Luật về Hội tại ba khu vực:

- Khu vực miền Bắc: ngày 21/10/2005, tổ chức tại Chí Linh, Hải Dương.*
- Khu vực miền Trung: ngày 18/11/2005, tổ chức tại Thành phố Đà Nẵng.*
- Khu vực miền Nam: ngày 20/12/2005, tổ chức tại Biên Hòa, Đồng Nai.*

Tham dự các cuộc hội thảo có các đại biểu là thành viên Ban soạn thảo, Tổ Biên tập Luật về Hội; Ban Nội chính Trung ương Đảng, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Bộ Tài chính, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc; đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc, VUSTA và Hội Luật gia Việt Nam của 64 tỉnh, thành phố trên cả nước; các học giả, chuyên gia pháp lý có trình độ hiểu biết về lĩnh vực hoạt động Hội.

Dưới đây là trích dẫn một số bài phát biểu tại các cuộc hội thảo nói trên.

LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ VIỆT NAM

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CHO DỰ THẢO 6 LUẬT VỀ HỘI

I. Những hạn chế, bất cập của Dự thảo

Dự thảo có một số hạn chế rất cơ bản như sau:

1. Dự thảo đã không tạo ra được cơ sở pháp lý để đảm bảo sự thống nhất của phong trào nhân dân Việt Nam phục vụ cho mục tiêu đại đoàn kết dân tộc.

Việc “cắt lóp”, tách sáu đoàn thể chính trị - xã hội và các “Hội không có hội viên” ra khỏi đối tượng áp dụng của Luật đã *không cho phép tiếp cận tổng thể hệ thống các tổ chức nhân dân Việt Nam, xác định mối liên hệ giữa các tổ chức nhân dân, phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức chính trị - xã hội trong phong trào nhân dân Việt Nam*. Điều này còn là hệ quả của việc tiếp cận “cào bằng” đối với tất cả các tổ chức là đối tượng áp dụng quy định trong Dự thảo, không phân biệt vai trò, vị trí của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng tập hợp rộng rãi có cơ chế lãnh đạo của Đảng với các tổ chức khác.

Việc xác định thủ tục thành lập Hội như nêu tại Dự thảo còn tạo *nguy cơ đa nguyên hóa phong trào nhân dân Việt Nam*. Với các quy định này, một nhóm các cá nhân hoàn toàn có thể thành lập được một tổ chức thanh niên mới độc lập với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc thành lập một tổ chức hữu nghị mới độc lập với Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam, các tổ chức trí thức, nhà báo, nhà văn, luật gia, v.v. hoàn toàn độc lập với các tổ chức chính trị - xã hội hiện đang tồn tại và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Các quy định Hội nêu tại Dự thảo đã chưa tính tới việc chúng ta có nhiều tổ chức quần chúng mang tính hệ thống từ Trung ương đến địa phương, do đó điều kiện, thủ tục thành lập tại địa phương không giống như các Hội độc lập.

2. Nhiều quy định tại Dự thảo không phù hợp với thực tiễn và xu

thể đa dạng hóa hình thức tập hợp của quần chúng, nhân dân hiện nay.

Dự thảo chỉ đưa ra một khuôn mẫu tổ chức Hội với nhiều quy định quá cụ thể thuộc phạm vi công việc nội bộ của Hội (như Điều 14. Nội dung chính của điều lệ Hội; Điều 16. Nội dung chủ yếu trong đại hội thành lập Hội; Chương III về Hội viên; Điều 20. Hội viên của Hội; Điều 21. Hội viên chính thức; Điều 22. Hội viên liên kết; Điều 23. Hội viên danh dự; Điều 27. Cơ cấu tổ chức của Hội; Điều 27. Nội dung chủ yếu của đại hội nhiệm kỳ; Điều 30. Nguyên tắc biểu quyết; Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban lãnh đạo hội, v.v.).

Việc áp dụng cứng một mô hình tổ chức là không phù hợp với xu thế đa dạng hóa các hình thức tổ chức quần chúng hiện nay.

3. Việc xác định quan hệ giữa Nhà nước đối với Hội chưa đầy đủ và có những nội dung không phù hợp.

Dự thảo chưa đưa ra được cơ sở pháp lý để Nhà nước có thể phân loại các tổ chức nhân dân, xác lập các mức quan hệ khác nhau đối với các loại tổ chức khác nhau như loại tổ chức có cơ chế quan hệ đối tác ổn định, loại tổ chức có quan hệ đối tác theo chương trình, dự án, v.v. Việc tạo cơ sở pháp lý trên là hết sức cần thiết đối với yêu cầu củng cố hệ thống chính trị, tạo sự gắn bó giữa Nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội nòng cốt, phát huy vai trò của các tổ chức nhân dân trong các mặt đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Đây là biện pháp mà kể cả các nước phương Tây cũng áp dụng để duy trì và củng cố chế độ chính trị của mình.

Dự thảo chưa đưa ra cơ sở pháp lý để Nhà nước có thể chuyển giao một số chức năng cho một số tổ chức nhân dân đáp ứng yêu cầu, thực hiện một chủ trương xã hội hóa của Đảng và Nhà nước.

Quy định về việc Chính phủ phân công các Bộ thực hiện “quản lý nhà nước về tổ chức” của các Hội thực chất là thiết lập cơ chế chủ quan, không phù hợp với chủ trương phát huy vai trò đối tác, phản biện xã

hội của các tổ chức nhân dân, với thực tế là nhiều hội hoạt động trên nhiều lĩnh vực, tập hợp nhiều đối tượng, với chủ trương tinh giảm biên chế đối với bộ máy hành chính.

4. Dự thảo thiếu nhiều quy định, biện pháp chế tài rất cơ bản và cần thiết để đảm bảo ổn định, an toàn xã hội, lợi ích và an ninh quốc gia.

Dự thảo không quy định các loại Hội nào thì không được thành lập. Điều này là hết sức cần thiết để tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan chức năng các cấp xử lý vì chắc chắn sẽ nảy sinh rất nhiều tình huống phức tạp trên thực tế.

Dự thảo chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề quản lý nhà nước về tài chính của các Hội là vấn đề rất cốt yếu, được tất cả các nước phương Tây rất chú trọng, coi là công cụ hữu hiệu nhất để giám sát và quản lý hoạt động của các Hội.

Dự thảo chưa có các quy định cụ thể về quan hệ đối ngoại của các Hội: Ai được tiếp nhận tài trợ từ nước ngoài? Có thể tiếp nhận trong những điều kiện như thế nào? Sử dụng vào mục đích gì? Không được sử dụng vào các mục đích gì? Việc các hội gia nhập các tổ chức quốc tế theo nguyên tắc nào? Không được gia nhập các tổ chức quốc tế nào? Hội nào có quyền đại diện cho một tầng lớp nhân dân Việt Nam trong một cơ chế, tổ chức hoặc diễn đàn quốc tế đa phương nhất định?

Nội dung về việc thành lập Hội của người nước ngoài và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam còn quá đơn giản, không nêu được những nguyên tắc làm cơ sở pháp lý cho Chính phủ đề ra những quy định cụ thể về thủ tục thành lập, phạm vi, lĩnh vực hoạt động.

II. Một số đề xuất, kiến nghị

Việc ban hành Luật về Hội cần đáp ứng được các yêu cầu mang tính nguyên tắc sau:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động của các tổ chức nhân dân Việt Nam đáp ứng nhu cầu của quần chúng nhân dân.

- Đảm bảo sự thống nhất của phong trào nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng; đa dạng hóa nhưng không đa nguyên hóa; đảm bảo chủ quyền và an ninh quốc gia, không để các tổ chức và cá nhân nước ngoài can thiệp vào công việc nội bộ.

- Tạo điều kiện hình thành mối quan hệ đối tác giữa các tổ chức nhân dân với Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa thông qua việc phát huy vai trò của các tổ chức nhân dân trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước.

Từ nhận thức đó, chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị như sau:

1. Về đối tượng áp dụng: Nên là mọi công dân và tổ chức của công dân Việt Nam (có thể trừ các tổ chức tôn giáo nhưng không nên loại trừ các tổ chức chính trị - xã hội lớn và các tổ chức “phi chính phủ” Việt Nam). Chưa nên đưa người nước ngoài và tổ chức nước ngoài vào đối tượng của Luật này.

2. Khái niệm “Hội” chỉ nên căn cứ bốn dấu hiệu chính là tổ chức tự nguyện, có tư cách pháp nhân, hoạt động thường xuyên, không vì mục đích lợi nhuận. Không nên quy định cứng vắn đề lợi ích hội viên vì có những Hội không nhằm phục vụ, bảo vệ lợi ích hội viên.

Cần có điều quy định mang tính nguyên tắc: Hội là tổ chức có tư cách pháp nhân do các công dân Việt Nam tự nguyện thành lập xuất phát từ nhu cầu hoặc lợi ích hợp pháp của nhân dân Việt Nam, hoạt động thường xuyên không vì mục đích vụ lợi trong khuôn khổ Hiến pháp và luật pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. Cần có chương “Quan hệ giữa Nhà nước và các Hội” trong đó ngoài các điểm nêu tại Điều 6, nên có một số điều quy định như sau:

- Nhà nước công nhận các hội có quy mô tập hợp rộng rãi, có uy tín và ảnh hưởng lớn trong các tầng lớp quần chúng nhân dân, có năng lực và hoạt động có hiệu quả trong việc bảo vệ, thúc đẩy hoặc thể hiện, đáp ứng nguyện vọng, lợi ích của quần chúng là tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân trong quan hệ với Nhà nước.

- Nhà nước tham khảo ý kiến các tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân trước khi ban hành các quyết định, chính sách có tác động, ảnh hưởng đến lợi ích của tầng lớp nhân dân mà các tổ chức đó đại diện.

- Nhà nước có thể chuyển giao một số chức năng cho các tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân có năng lực phù hợp.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí và điều kiện cần thiết khác cho các tổ chức được công nhận là đại diện cho các tầng lớp nhân dân triển khai các hoạt động nhằm bảo vệ, thúc đẩy, thể hiện và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân.

- Nhà nước tạo điều kiện cho các Hội tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án phù hợp của Nhà nước, hỗ trợ kinh phí cho các Hội có hoạt động đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ của Nhà nước.

- Về trách nhiệm quản lý của các Bộ chỉ nên quy định việc đăng ký thành lập, quản lý hoạt động theo pháp luật. Không nên đặt vấn đề phân công các Bộ quản lý về tổ chức đối với các Hội.

4. Về thủ tục đăng ký thành lập, nên có điều quy định việc Nhà nước tham khảo ý kiến các tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân về việc thành lập các Hội hoạt động trong các đối tượng hoặc lĩnh vực liên quan. Cần quy định về các tổ chức không được phép thành lập.

5. Các quy định về Hội nên tập trung vào những quan hệ giữa Hội với Nhà nước, pháp luật, với cộng đồng, xã hội, không nên quy định những vấn đề thuần túy nội bộ của Hội. Trong đó cần bổ sung một số điều sau:

- Nhà nước khuyến khích các Hội hoạt động trong đối tượng quản chúng hoặc lĩnh vực nhất định phối hợp chặt chẽ với tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân trong đối tượng hoặc lĩnh vực đó để phát huy hiệu quả hoạt động phục vụ cho lợi ích, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân.

- Các Hội được vận động tài trợ của các cá nhân và tổ chức để phục vụ cho hoạt động theo tôn chỉ, mục đích của Hội, có trách nhiệm báo cáo về tài chính, tài sản với cơ quan quản lý tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ và hoạt động đối ngoại của Hội, cần có quy định về các điều kiện tiếp nhận viện trợ nước ngoài, việc sử dụng tài trợ của nước ngoài, quy định về việc gia nhập các tổ chức quốc tế và hoạt động quốc tế. Cần có quy định về việc chỉ có các tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân Việt Nam có tư cách đại diện cho nhân dân Việt Nam trong quan hệ đối ngoại với các tổ chức nhân dân các nước trong đối tượng, lĩnh vực liên quan.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT VỀ HỘI

PGS.TS. LÊ VĂN HÒE

Học viện Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Quyền lập Hội là quyền cơ bản của công dân được hầu hết các quốc gia dân chủ ghi nhận trong Hiến pháp. Các Hội theo kết quả của việc thực hiện quyền này ngày càng phát triển, trở thành một thiết chế không thể thiếu của cơ cấu tổ chức xã hội, có vị trí, vai trò to lớn trong xây dựng và phát triển nền dân chủ, thúc đẩy xã hội phát triển về mọi mặt. Do vai trò quan trọng đó mà các Nhà nước đều đặc biệt quan tâm đến Hội, thể hiện:

- Quy định dưới hình thức Luật hội trên cơ sở tự do lập Hội của công dân, thừa nhận tính tự quản của Hội, đồng thời giành về phần mình quyền giải tán Hội khi Hội vi phạm trật tự Hiến pháp và sự đoàn kết dân tộc. Các Luật về Hội ở các nước đều đưa ra quan niệm về Hội. Luật về Hiệp hội Cộng hòa Liên bang Đức (năm 1964) quan niệm: “Hội là mọi sự tập hợp tự nguyện của các cá nhân và pháp nhân với nhau cho một khoảng thời gian tương đối dài nhằm thực hiện mục đích chung và tuân theo một quy chế hình thành ý chí tập thể có tổ chức bất kể dưới hình thức pháp lý nào”. Với quan niệm này đối tượng áp dụng Luật là rất lớn, thậm chí các công ty đối với vốn, hợp tác xã, hiệp hội bảo hiểm hỗ trợ cũng là đối tượng áp dụng (Điều 17).

- Cùng với sự phát triển của xã hội và quá trình dân chủ hóa, quốc tế hóa Hội ngày càng phát triển không chỉ trong phạm vi quốc gia, mà

cả trên thế giới. Các Hội trong nước hoạt động ngày càng mang tính quốc tế, như một xu hướng tất yếu. Mặc dù vậy, việc thành lập Hội đều trên cơ sở tự nguyện, và thường theo những lợi ích nghề nghiệp, sở thích, sự quan tâm chung hoặc những mục tiêu chung của sự phát triển (bảo vệ môi trường, khuyến học...).

Ở Việt Nam, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, các quyền tự do, dân chủ của công dân - dân quyền, đã được thừa nhận, trong đó có quyền lập Hội. Ngày 22/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban bố Sắc lệnh số 52/SL quy định thể thức xin lập Hội (hoặc đoàn thể) của công dân Việt Nam. Đến ngày 9/11/1946, Quốc hội đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua Hiến pháp, trong đó tại Điều 10 quy định công dân Việt Nam có quyền:

- Tự do ngôn luận
- Tự do xuất bản sách
- Tự do tổ chức và lập Hội
- Tự do tín ngưỡng
- Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài.

Đến ngày 31/12/1959 Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp mới (Hiến pháp năm 1959), sửa đổi cơ bản Hiến pháp năm 1946. Tại Điều 25 thuộc Chương III về quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã quy định: Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có các quyền như quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập Hội và biểu tình. Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng quyền đó. Để cụ thể hóa Hiến pháp, Quốc hội đã ban hành Luật về Hội. Tiếp theo, các Hiến pháp năm 1980, năm 1992 đều quy định quyền lợi cơ bản của công dân trong tự do lập Hội (điều 67 Hiến pháp năm 1980, Điều 69 Hiến pháp năm 1992). Chính là trên cơ sở Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác quy định về Hội mà Hội ở nước ta đã ra đời, hoạt động tích cực, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ đổi mới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các Hội, Hiệp hội ở nước ta đã phát triển hết sức mạnh mẽ. Nhiều Hội, Hiệp hội đã có phạm vi hoạt động vượt ra ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia. Nhiều Hội đã có thâm niên thành lập, hoạt động ngót nửa thế kỷ. Nhiều Hội mới thành lập còn non trẻ song đã khẳng định được vai trò, vị trí của mình, trong khi nguyện vọng thành lập Hội mới của công dân tiếp tục gia tăng mục đích và hình thức hoạt động của Hội ngày càng đa dạng, phức tạp cũng không ít vấn đề sinh liên quan đến việc thành lập Hội, đến hoạt động quản lý nhà nước đối với Hội, đến việc giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong hoạt động của Hội... Trong bối cảnh đó, nhu cầu cần phải có một Luật về Hội, thay thế cho Nghị định của Chính phủ đã trở nên cần thiết và ngày càng bức xúc. Ngay từ Đại hội VIII (năm 1996), Đảng ta đã khẳng định: “Nhà nước cần ban hành Luật về lập Hội và tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của các đoàn thể nhân dân”. Đến Đại hội IX (năm 2001) Đảng tiếp tục khẳng định và hồi thúc: “Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện - nhân đạo... sớm ban hành Luật về Hội”.

Mặc dù chủ trương ban hành Luật về Hội của Đảng đã được gần 10 năm, trong khi thực tiễn tổ chức và hoạt động của các Hội, Hiệp hội ngày càng phức tạp, song Quốc hội vẫn chưa thông qua được Luật về Hội. Điều này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về nhận thức, dẫn đến quan điểm thiếu thống nhất về nhiều nội dung quy định của Luật, nhất là về đối tượng áp dụng của Luật (hay là đối tượng điều chỉnh của Luật). Theo chúng tôi điều đó liên quan đến các vấn đề sau:

Thứ nhất: Về mặt thuật ngữ, ngoài thuật ngữ “tổ chức chính trị - xã hội” để chỉ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, còn có thuật ngữ “tổ chức khác”. Trong Hiến pháp năm 1992, Điều 10, thuật

ngữ “tổ chức khác” được hiểu rất rộng, bao hàm tất cả các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức không phải tổ chức chính trị, đơn vị kinh tế. Ngay trong các tổ chức chính trị - xã hội trên cũng đã có ba tổ chức có tên là Hội. Thay thế cho thuật ngữ “tổ chức xã hội” còn có thuật ngữ “đoàn thể nhân dân”, “đoàn thể quần chúng”. Những thuật ngữ này thường được dùng trong các văn kiện Đảng. Văn kiện Đại hội VIII lại dùng thuật ngữ “đoàn thể chính trị - xã hội” (không kể Mặt trận Tổ quốc), trong khi Văn kiện Đại hội IX, ngoại trừ sáu tổ chức khác được xác định là “các đoàn thể nhân dân”, “các tổ chức xã hội”, “các hội nghề nghiệp, văn hóa, từ thiện - nhân đạo...”. Ngay trong các văn bản luật được ban hành sau khi Quốc hội sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 cũng sử dụng các thuật ngữ trên rất khác nhau, gây khó hiểu. Ví dụ, Luật Tổ chức chính phủ năm 2002 tại Điều 7 đã sử dụng thuật ngữ “đoàn thể nhân dân”, trong khi tại Điều 8, Khoản 2 lại liệt kê các tổ chức, gồm tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế. “Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc đại biểu Quốc hội tiếp công dân, tiếp nhận, chuyên đơn thư, đơn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại tố cáo và kiến nghị của công dân, tại Quyết nghị III, Điểm 1, Khoản C lại sử dụng thuật ngữ tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế... Như vậy, cả từ Hiến pháp, Luật các văn bản dưới Luật và các văn kiện của Đảng đều sử dụng các thuật ngữ hết sức khác nhau để chỉ các tổ chức đang hiện hữu ở nước ta. Điều quan trọng là việc sử dụng các thuật ngữ đó không thống nhất. Tổ chức chính trị tuy không được giải thích chính thức song đều được hiểu là các tổ chức Đảng. Rõ ràng việc sử dụng các thuật ngữ trên biểu thị, trong đó có khái niệm về Hội được làm rõ, chưa có sự thống nhất. Và đây cũng là điểm dẫn đến các quan điểm khác nhau trong việc xác định áp dụng của Luật về Hội. Vì lẽ đó, để xác định chính xác đối tượng áp dụng của Luật này thì trước hết phải xác định khái niệm về Hội phải chỉ rõ những đặc trưng của tổ chức này. Theo chúng tôi, đó là:

- Hội là tổ chức không có quyền lực công, tức không phải cơ quan Nhà nước, cơ quan công quyền.

- Hội không phải là tổ chức chính trị, tức không phải là tổ chức mà sự hình thành trên cơ sở liên kết của những cá nhân có chung một thể giới quan, hoạt động với mục tiêu khẳng định thể giới quan đó bằng con đường chính trị, tức là bằng việc tham dự vào việc thực hiện quyền lực và tranh giành quyền lực xã hội. Ở nước ta, tổ chức xã hội được mặc nhiên thừa nhận là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng lãnh đạo của hệ thống chính trị. Hệ thống này được hiểu là cơ chế thực hiện quyền lực của nhân dân.

+ Các tổ chức kinh tế được thành lập nhằm mục tiêu kinh doanh, lợi nhuận, trái ngược với tính chất phi lợi nhuận trong hoạt động của các Hội.

+ Tính chất tự nguyện trong sự liên kết của các công dân và tổ chức để hình thành Hội.

+ Hội hoạt động thường xuyên, ổn định nhằm mục tiêu chung của các hội viên trên cơ sở lợi ích nghề nghiệp, sở thích, nguyện vọng phát triển của hội viên.

+ Được định hướng theo một mục tiêu chung của phát triển xã hội, ở Việt Nam, đó là: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

+ Các Hội tham gia vào cơ chế phản biện xã hội đối với các hoạt động của Đảng chính trị và Nhà nước, bảo đảm cho các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của hội viên.

+ Hội được điều chỉnh bằng pháp luật và có tư cách pháp nhân.

Với những đặc trưng trên, Dự thảo lần thứ 6 Luật về Hội đưa ra định nghĩa tại Điều 4: “Hội là tổ chức tự nguyện, có tư cách pháp nhân, hoạt động thường xuyên, không vì mục đích lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của hội viên, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước” là chưa đủ, chưa chính xác. Hội không phải là tổ chức tự nguyện mà là sự tập hợp (liên kết) tự nguyện của công dân; cũng không chỉ là sự tập hợp của các cá nhân với nhau, mà còn là sự liên kết của Hội với Hội để trở thành Hiệp hội. Điều quan trọng của sự liên kết đó là sự

tự nguyện, tính bền vững trên cơ sở của sự đồng lợi ích, sở thích, tuân theo định hướng chung của sự phát triển xã hội, bằng phương thức hình thành và duy trì được ý chí chung của tập thể hội viên. Quan niệm về Hội theo chúng tôi phải thể hiện được các đặc trưng trên.

Thứ hai: Những tổ chức có các đặc trưng trên đều là đối tượng áp dụng của Luật về Hội. Tuy nhiên, do đặc thù của mỗi nước, nhất là đặc thù của hệ thống chính trị mà quan niệm về Hội không giống nhau hoàn toàn. Ở Việt Nam, hệ thống chính trị với tư cách là cơ chế thực hiện quyền lực của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà nước được xác định là trụ cột của hệ thống, các tổ chức chính trị - xã hội vừa tham gia vào việc thực hiện quyền lực xã hội, vừa là người giám sát, phản biện xã hội đối với việc đề ra và thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, trực tiếp ở tổ chức cho các giai tầng xã hội là thành viên của tổ chức thực hiện quyền lực Nhà nước. Ở góc độ này, các tổ chức chính trị - xã hội mang tính chính trị. Song, các tổ chức chính trị - xã hội còn mang tính xã hội, đại diện cho các giai tầng xã hội là thành viên, hoạt động nhằm chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các giai tầng đó, đồng thời cùng với các tổ chức khác theo đuổi mục tiêu tạo lập sự đồng thuận xã hội, vì một đất nước phồn thịnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thuộc tính chính trị và thuộc tính xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội trong đó điển hình là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, gắn kết chặt chẽ với nhau, có tính bền vững qua nhiều giai đoạn lịch sử, là yếu tố làm nên tính đặc thù và vai trò đặc biệt quan trọng của các tổ chức đó, và vì thế không thể làm phai giảm hoặc chia tách các thuộc tính đó được. Do đó, theo chúng tôi, Điều 3 của Dự thảo Luật về Hội lần thứ 6, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức tôn giáo là hợp lý. Tuy nhiên, như thế không có nghĩa là các tổ chức đó hoạt động ngoài khuôn khổ luật pháp. Hiện nay, Nhà nước ta đã có Luật Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam, trên cơ sở cụ thể hóa Điều 9 của Hiến pháp, với quan niệm Mặt trận Tổ quốc là sự liên minh chính trị liên hiệp tự nguyện của những cá nhân, tổ chức, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, hoạt động nhằm phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức nhà nước. Các tổ chức thành viên của Mặt trận trong đó có năm tổ chức chính trị - xã hội như kể trên vừa có vị trí, tính chất như của Mặt trận, vừa có vị trí, tính chất chính trị - xã hội phù hợp với các đặc thù của các giai tầng xã hội mà nó là đại biểu. Trong khi đó, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ yếu chỉ quy định chung về Mặt trận. Vì thế, nếu Luật về Hội không được áp dụng đối với các tổ chức chính trị - xã hội thì cần thiết phải bổ sung vào Luật Mặt trận Tổ quốc những quy định về các tổ chức chính trị - xã hội, hoặc là ban hành Luật về Tổ chức chính trị - xã hội thay cho Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

Thứ ba: Việt Nam đang trên con đường đổi mới, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế. Dưới tác động của cơ chế thị trường và xu thế quốc tế hóa, đồng thời với sự tác động mạnh mẽ của các thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ đã dẫn đến những biến động lớn về cơ cấu giai cấp xã hội, cơ cấu và cơ chế thực hiện lợi ích, về trạng thái tâm lý xã hội, lối sống... Tất cả những điều đó làm cho toàn bộ cơ chế điều chỉnh pháp luật, trong đó có thi hành pháp luật. Vì lẽ đó, việc đổi mới hoạt động lập pháp để thích ứng với trạng thái biến động trên là khách quan, trong đó cần phải tăng tính dự báo và tính định hướng ở tất cả các đạo luật. Điều quan trọng trong xử lý các vấn đề đó liên quan đến các thiết chế dân chủ, trong đó có Hội là phải tuân theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền: cá nhân, tổ chức được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm.

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VÀO DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

TS. PHẠM VĂN TÂN

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Dự thảo Luật về Hội là một công trình nghiên cứu công phu của tập thể nhóm biên soạn. Dự thảo Luật lần thứ 7 đã có một số chỉnh sửa trên cơ sở luật qua một số hội thảo do Bộ Nội vụ, Liên hiệp hội và các cơ quan có liên quan khác tổ chức hoặc ý kiến phát biểu trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tinh thần cầu thị, phát huy dân chủ trong việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, lắng nghe ý kiến từ phía các đối tượng thuộc diện điều chỉnh của văn bản pháp luật là cần thiết và rất đáng trân trọng.

Tuy nhiên, chúng tôi xin phát biểu một số ý kiến của mình xung quanh một số nội dung về Luật về Hội có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của các tổ chức chính trị - xã hội, như sau:

1. Nội dung chủ yếu của Luật về Hội vẫn là nội dung của Nghị định 88

Nghị định 88/2003/NĐ-CP ban hành ngày 30/7/2003 đã bộc lộ những mặt hạn chế đối với hoạt động của Liên hiệp hội cũng như đối với các tổ chức chính trị - xã hội do Đảng thành lập và chỉ đạo hoạt động.

Thứ nhất: Nghị định 88 đã tạo sự phân biệt đối xử giữa các tổ chức chính trị - xã hội. Trong các văn kiện chính thức của Đảng đã xác định rõ Liên hiệp hội là một tổ chức chính trị - xã hội của trí thức khoa học và công nghệ nhưng Nghị định 88 đã nhất thể hóa Liên hiệp hội, một tổ chức chính trị - xã hội của Đảng có chức năng tập hợp, đoàn kết lực

lượng trí thức đi theo Đảng với những tổ chức xã hội nghề nghiệp, nghề nghiệp thông thường.

Thứ hai: Khi quy định chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành đã được hiểu là tạo ra các cơ quan chủ quản đối với các Hội nghề nghiệp, lẫn vào giữa chức năng của các cơ quan này, đi tới xu hướng hành chính hóa hoạt động của hội như trong Nghị định xu thế xã hội hóa những hoạt động dịch vụ công cần chuyển từ các cơ quan nhà nước sang cho các tổ chức phi chính phủ, các Hội nghề nghiệp đang trông chờ vào quyết định của Chính phủ chuyển dần các dịch vụ công cộng sang cho các Hội nghề nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các Hội này theo hướng tự trang trải, tự chịu trách nhiệm và theo các quy định của luật pháp.

2. Phải bám sát các quan điểm chỉ đạo của Đảng về các tổ chức chính trị - xã hội trong việc xây dựng Luật về Hội

Trong góp ý kiến về dự thảo Luật về Hội nhiều nhà nghiên cứu, một số cán bộ lãnh đạo các cơ quan Đảng và Nhà nước đều có ý kiến cho rằng nhóm soạn thảo Luật chưa nghiên cứu kỹ các văn kiện chính thức của Đảng đề cập các tổ chức chính trị - xã hội như Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học và Nghệ thuật Việt Nam do Đảng lập ra và chỉ đạo hoạt động. Vì vậy vô hình chung trong Dự thảo Luật đã tước bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức là một trong ba lực lượng hình thành nên khối liên minh Công - Nông - Trí dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, cần phải nghiên cứu các văn kiện của Đảng và Nhà nước để thấy rõ sự xuyên suốt quan điểm của Đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong đó có Liên hiệp hội và chúng ta sẽ thấy rõ quá trình nhận thức của Đảng về vị trí, vai trò của Liên hiệp hội là một tổ chức đại diện cho đội ngũ trí thức nước ta.

Trong thực tế hoạt động của Liên hiệp hội đều do Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương mà trực tiếp là Ban Khoa giáo Trung ương chỉ đạo. Việc tổ chức Đại hội, lựa chọn người đứng đầu cơ quan Liên hiệp hội

và nhân sự Đại hội đều do Bộ Chính trị, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo cụ thể trên cơ sở đề xuất của Ban Tổ chức Trung ương. Bộ Chính trị chỉ định Đảng đoàn Liên hiệp hội để lãnh đạo Liên hiệp hội. Điều lệ Liên hiệp hội trình Chính phủ phê duyệt. Trước Đại hội, báo cáo tổng kết và Dự thảo Điều lệ Liên hiệp hội đã được trình Ban Bí thư về nội dung báo cáo cũng như dự thảo Điều lệ của Liên hiệp hội. Như vậy, tầm vóc của Liên hiệp hội đã vượt qua các quy định đối với một hội nghề nghiệp thông thường về tôn chỉ, mục đích hoạt động, điều kiện thành lập, về quản lý Liên hiệp hội. Đại diện Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn 932/BKHCN-KHCNN gửi Văn phòng Chính phủ) đều cho rằng Dự thảo Luật không phù hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, sai lệch với quan điểm của Đảng.

3. Phải xác định rõ khái niệm về Hội, phân loại các loại Hội được điều chỉnh trong Luật về Hội

Hội là một tổ chức không thuộc hệ thống các cơ quan công quyền, tức không phải là cơ quan hành chính nhà nước. Hội mang tính chất tự nguyện hoạt động thường xuyên và ổn định trên cơ sở lợi ích nghề nghiệp, sở thích nguyện vọng của Hội, được định hướng theo một mục tiêu chung của phát triển xã hội. Hội có quyền tham gia vào cơ chế phản biện và giám định xã hội đối với các hoạt động của Đảng và Nhà nước, bảo đảm cho các quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên. Hội không phải là một tổ chức chính trị, tức không phải là tổ chức mà sự hình thành trên cơ sở liên kết của những cá nhân có chung một thể giới quan, hoạt động với mục tiêu khẳng định thể giới quan đó bằng con đường chính trị, tức là bằng việc tham dự vào việc thực hiện quyền lực và tranh dành quyền lực xã hội. Ở nước ta chỉ có một tổ chức chính trị được mặc nhiên thừa nhận là Đảng Cộng sản Việt Nam. Các tổ chức kinh tế cũng không phải là Hội bởi các tổ chức này lập ra với mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận, trái ngược với tính chất phi lợi nhuận trong hoạt động của Hội. Vì vậy, Dự thảo Luật về Hội đưa ra định nghĩa về

Hội chưa đầy đủ, chưa chính xác. Hội là sự tập hợp tự nguyện của công dân, không chỉ là sự tập hợp của các cá nhân với nhau mà còn là sự liên kết của các Hội để trở thành Hiệp hội trên cơ sở tự nguyện, có cùng lợi ích, sở thích, tuân theo định hướng chung của sự phát triển của xã hội.

Những tổ chức đặc trưng nêu trên đều là đối tượng áp dụng của Luật về Hội. Tuy nhiên, ở nước ta hệ thống chính trị với tư cách là một cơ chế thực hiện quyền lực của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước quản lý, các tổ chức chính trị - xã hội vừa tham gia vào việc thực hiện quyền lực xã hội, vừa là tổ chức giám định, phản biện xã hội đối với việc đề ra và thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, trực tiếp tổ chức cho các giai tầng xã hội là thành viên của tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước. Thuộc tính chính trị và thuộc tính xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội khác hẳn với các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp cần phải nhìn nhận một cách khách quan trong việc nêu ra các quy định điều chỉnh nó trong Luật về Hội. Vì vậy, cần có sự phân loại về các loại Hội theo các quan điểm của Đảng và phù hợp với thông lệ chung cho tất cả các loại Hội. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội là các tổ chức đã được Đảng thành lập hoặc thừa nhận thì cần có những quy định chung về Hội. Các luật cá biệt đã ban hành điều chỉnh hoạt động của một tổ chức chính trị - xã hội, như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên, Luật Công đoàn sẽ được bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với Luật về Hội. Trường hợp Luật về Hội không áp dụng cho các tổ chức chính trị - xã hội thì cần thiết phải bổ sung vào Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam những quy định về các tổ chức chính trị - xã hội hoặc ban hành một Luật về các Tổ chức chính trị - xã hội thay thế Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Luật về Hội có thể được thay bằng tên: **Luật về các Tổ chức phi chính phủ**.

Một điểm nữa cần phải lưu ý, đó là hiện nay ở nước ta có rất nhiều Hội chính danh tức là có pháp nhân (có đăng ký hoạt động, có con dấu) và cũng vô cùng nhiều hội không chính danh. Cả hai loại hình đều tồn tại và hoạt động, vì vậy Luật về Hội cần phải tính đến thực

tế này, không thể không có những điều khoản cụ thể điều chỉnh hoạt động các loại hội không chính danh.

4. Về quản lý nhà nước với Hội

Ngoài Bộ Nội vụ và Ủy ban Nhân dân các tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước về Hội. Dự thảo còn dành cho các Bộ, ngành quyền quản lý đối với Hội. Điều đó có thể được hiểu là các Hội ít nhất chịu hai lần quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và Bộ chủ quản. Trong Dự thảo có sự lẫn lộn rất lớn giữa quản lý nhà nước và quản lý hành chính đối với Hội. Khi quy định chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành sẽ được hiểu là tạo ra các cơ quan chủ quản đối với các hội nghề nghiệp, lẫn vào giữa chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước là nhiệm vụ chủ quản của các cơ quan này, đi tới xu hướng hành chính hóa hoạt động của Hội. Song, trùng hoặc đa trùng quản lý chẳng những giảm đi sự chủ động, tự tin của các Hội mà còn làm cho chức năng giám định và phản biện xã hội của các hội bị thui chột, tính dân chủ chỉ còn lại là hình thức. Thêm nữa sẽ xuất hiện sự chồng chéo trong quản lý. Điều bất cập này đã xuất hiện khi thực hiện Nghị định 88/2003/NĐ-CP, gây khó khăn rất lớn cho hoạt động của các Hội trong thời gian qua.

Luật về Hội chủ yếu là một khung pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Hội, không cần can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của Hội. Nhà nước chỉ cần quy định các điều cấm, ấn định các quy tắc bắt buộc đòi hỏi các Hội phải tuân thủ sự quản lý hành chính Nhà nước. Nội dung các Điều quy định về Hội viên; Tổ chức, hoạt động của Hội; Liên hiệp hội, sáp nhập, chia tách và giải thể Hội; Quản lý nhà nước về Hội có thể đã can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của Hội làm cứng hóa về mặt tổ chức và hoạt động của Hội vốn rất khác nhau trong tổ chức và hoạt động. Hội rất đa dạng miễn là tổ chức và hoạt động tuân thủ pháp luật chứ không chỉ bó hẹp tuân thủ Luật về Hội. Vì vậy, rất cần có Luật về Hội, nhưng nội dung Luật phải phù hợp, khách quan, đúng quan điểm đường lối của Đảng và không thể thay thế cho tính tự quản của Hội.

MỘT SỐ Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

Luật gia TRẦN CÔNG ĐÁNG

Chủ tịch Hội Luật gia Thành phố Đà Nẵng

Qua nghiên cứu dự thảo Luật về Hội lần thứ 7, tôi xin đóng góp một số ý kiến cụ thể sau đây:

Điều 3: Đối tượng áp dụng - Nên sử dụng phương án 2. Vừa gọn vừa thuận lợi cho việc áp dụng sau này.

Điều 4: Điểm 1 - Đề nghị thêm từ “ổn định” vào sau cụm từ góp phần... góp phần ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 7 (Mục 3) và Điều 39 (Mục 1) - Quản lý nhà nước của Bộ - ngành không cần thiết, như vậy sẽ nhiều tầng nấc, và thực ra có nhiều Hội mà Bộ, ngành không thể nắm được hoặc có khi không trực thuộc Bộ, ngành nào như Hội Luật gia chẳng hạn.

Điều 9 (Mục 5): Yêu cầu có tài sản độc lập và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó sẽ không khả thi vì sau khi thành lập Hội mới có thể tạo được tài sản riêng cho mình thông qua hội phí hoặc vận động. Hơn nữa không quy định tài sản là những gì, giá trị bao nhiêu thì làm sao thực hiện? Có thể chỉ một vài chiếc bàn, vài cái máy vi tính cũng là tài sản.

Điều 9 (Mục 3); Điều 12 (Mục 5): Nên quy định cụ thể luôn số hội viên cần thiết cho việc lập Hội, không nên để chờ văn bản quy định của Chính phủ.

Điều 11 (Mục 1, Điểm a): Đề nghị thêm vào cuối mục a... thể hiện

được đặc trưng của Hội. Thông thường tên Hội bao giờ cũng gắn liền với đặc trưng, tính chất hoạt động của Hội đó.

Điều 12 (Mục 7) - bỏ từ “có”, từ này thừa. Câu sẽ được sửa lại là: Văn bản kê khai tài sản đảm bảo cho hoạt động Hội.

Điều 33, Mục 1, Điểm a: sửa lại - Là công dân Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên (thêm từ “đủ”). Thêm một tiêu chuẩn nữa: Phải là hội viên của Hội.

Điều 40, Mục 2: Việc gia nhập, rút khỏi là thành viên Liên hiệp hội... Bỏ từ ‘là’;

Điều 43 và 44 - Chia, tách Hội - Nên ghép lại làm một điều cho gọn, và thực chất chia tách cũng là một.

Điều 52 (Mục 4 và 5) - Xử lý tài sản khi chia tách Hội: Đề nghị cũng ghép lại làm một.

PHÂN BIỆT XÃ HỘI VỀ DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

Phản biện xã hội: Dự thảo lần 9

**CÁC HỘI CẦN PHẢI ĐƯỢC BÌNH ĐẲNG
TRƯỚC PHÁP LUẬT**

Toạ đàm tại Hà Tĩnh

Mùa xuân 2006

*Đừng vì luật mà để mất đi sự đoàn kết
Không tính đến tương lai thì sẽ ngày càng tụt hậu
Cần dung hòa để kế thừa những yếu tố tích cực*

GIỚI THIỆU

Ngay sau cuộc tọa đàm đóng góp ý kiến cho dự thảo Luật về Hội (Dự thảo lần thứ 9 do Bộ Nội vụ soạn thảo) do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức tại Hà Nội ngày 7/3/2006, ngày 9/3/2006, tại Hà Tĩnh lại diễn ra một cuộc hội thảo với cùng nội dung trên. Tham dự cuộc hội thảo này, ngoài Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Trung ương và Liên hiệp hội Hà Tĩnh là hai cơ quan tổ chức, còn có sự tham gia của đại diện các Liên hiệp hội và Hội Văn học và Nghệ thuật các tỉnh Hải Dương, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, cùng đại diện một số Sở, Ban, ngành của các tỉnh nói trên. Đặc biệt hội thảo còn có sự tham gia của một số đồng chí là Đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Tĩnh và lãnh đạo của Hội. Điều này chứng tỏ những vấn đề xung quanh Dự thảo Luật về Hội không những đã giành được sự quan tâm của các tổ chức Hội, là những đối tượng nằm trong phạm vi điều chỉnh của luật, mà ngay những người có trách nhiệm đối với công tác lập pháp cũng đã bắt đầu thực sự chú ý đến vấn đề này.

Mở đầu cuộc Hội thảo, sau một vài giới thiệu sơ bộ về sự phát triển kinh tế, xã hội của mảnh đất có núi Hồng, sông Lam này, TS. Trần Đình Đàn - Bí thư tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Tĩnh - đã nêu lên một số ý kiến của ông về Luật về Hội. Theo ông, xây dựng Nhà nước pháp quyền là một nhiệm vụ quan trọng trong thời đại ngày nay. Để thực hiện được mục tiêu đó cần phải có một hệ thống các đạo luật đồng bộ và hoàn thiện. Ông Đàn cũng cho rằng: *Hoạt động của các tổ chức nhân dân có vai trò quan trọng trong việc giám định, phản biện xã hội.*

Việc xây dựng các Hội và tổ chức cho người dân tham gia các hoạt động phát triển kinh tế, ổn định xã hội là một nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Với trách nhiệm của Đoàn đại biểu Quốc hội, ông hứa sẽ lắng nghe và mong muốn sẽ có một sự bứt phá trong quá trình phát triển của xã hội thông qua Luật về Hội: *Bản Dự thảo Luật về Hội cần thể hiện vai trò của Hội trong kiểm tra, giám sát, tư vấn, phản biện xã hội. Khi hoàn thiện Luật rồi, Hội sẽ là lực lượng hùng hậu nối kết dân với các doanh nghiệp. Đây cũng là dịp tốt để các nhà trí thức, nhà khoa học, tổ chức hội đưa ý kiến của mình đóng góp vào việc phát triển hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Thay cho lời phát biểu đề dẫn Hội thảo, GS.TS. Hồ Uy Liêm - Phó chủ tịch, Tổng thư ký Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam - đưa ra những đánh giá về vai trò của các tổ chức Hội trong tình hình hiện nay: *Hiện nay nước ta cũng như nhiều nước khác trên thế giới hay nói đến việc một số tổ chức quốc tế can thiệp vào nội bộ một số nước đang phát triển, gây nên những cuộc “cách mạng” xanh, đỏ, da cam... Chúng ta cần tỉnh táo trước thực tế này. Tuy nhiên, cũng cần nhận thức rõ nhân dân ta, các Hội của ta khác những nước khác. Ta có quá trình cách mạng lâu dài, Đảng có uy tín tuyệt đối, nhân dân thống nhất đi theo sự lãnh đạo của Đảng... và khẳng định: Đã có nhiều ý kiến góp ý cho Luật về Hội, nhưng không hề bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, mà chỉ góp ý cho Đảng mạnh hơn. Chính vì vậy, không nên lo nếu trao nhiều quyền cho Hội thì sẽ hạn chế vai trò lãnh đạo của Đảng, để nước ngoài can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của đất nước. Ngược lại, Đảng cần quan tâm phát triển Hội tốt hơn, đúng định hướng thì không có gì phải lo ngại.*

Đánh giá về Luật về Hội, ông cho rằng: *Mong muốn tính chất của một Nhà nước pháp quyền thể hiện mạnh trong Luật về Hội. 13 năm vừa rồi Bộ Nội vụ với Ban soạn thảo luật gồm nhiều ban ngành: Ban Khoa giáo, Mặt trận Tổ quốc, Ban đối ngoại, Ban Tổ chức Trung ương, Hội Luật gia... đã tiến hành soạn thảo một Dự thảo Luật về Hội. Tiền đề cho xây dựng Luật này là Nghị*

định 88, một mặt tạo điều kiện cho Hội thành lập, nhưng vẫn nặng về quản lý hành chính, có nhiều nội dung can thiệp sâu vào hoạt động của các Hội.

Ông Liêm cũng thông báo với các đại biểu: Đã từng có rất nhiều cuộc hội thảo đóng góp ý kiến để hoàn chỉnh Luật về Hội của nhiều Hội, nhiều cơ quan khác nhau. Ban soạn thảo có nghe, sửa đổi, bổ sung cho đến nay đã là Dự thảo 9. Song về cơ bản vẫn chưa đáp ứng được với nguyện vọng của đại đa số các tổ chức Hội và chưa phù hợp với xu thế phát triển của đất nước. Liên hiệp hội cũng đã có những biện pháp tích cực như thành lập ra một nhóm chuyên gia độc lập, tự nguyện xây dựng một bản Dự thảo Luật về Hội tương đối hoàn chỉnh để Ban Soạn thảo làm căn cứ tham khảo. Cho đến nay bản Dự thảo này cũng đã được chỉnh sửa, bổ sung đến lần thứ 7, và gần đây nhất, ngày 7/3/2006, Liên hiệp hội đã tổ chức một cuộc hội thảo đóng góp cho Dự thảo lần thứ 9 Luật về Hội của Bộ Nội vụ, có sự tham gia, chủ trì của các ông Lê Quang Bình, Nguyễn Văn Thuận, Lê Văn Riêu, là các thành viên nằm trong các Ủy ban Dân nguyện, Pháp luật và Các vấn đề xã hội của Quốc hội. Hy vọng những nỗ lực đó, trong đó có cả những ý kiến của buổi tọa đàm này sẽ được các Ủy ban của Quốc hội xem xét, đánh giá một cách đúng mức trong những phiên họp sắp tới.

VẤN ĐỀ CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC LÀ XÁC ĐỊNH RÕ NHỮNG QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC CHUNG CHO DỰ THẢO LUẬT

*Ông NGUYỄN XUÂN THIỀU
Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy Hà Tĩnh*

Dự thảo Luật về Hội đến nay đã qua chín lần điều chỉnh, bổ sung sau khi có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, của cán bộ các ngành, các lĩnh vực và nhiều người quan tâm đến tổ chức Hội. So với Dự thảo ban đầu thì Dự thảo lần thứ 9 khá đầy đủ và bao quát hơn, khắc phục được nhiều điểm bất hợp lý hơn; tuy vậy bản Dự thảo lần này vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, chưa thật sự đồng tình. Chúng ta rất mừng có một Dự thảo luật được nhiều người quan tâm. Lắng nghe, tiếp thu có chọn lọc để điều chỉnh những gì chưa thật hợp lý là hết sức cần thiết đối với Ban Soạn thảo, nhưng vấn đề quan trọng, có tính nguyên tắc là ở chỗ xác định rõ những quan điểm, nguyên tắc chung cho Dự thảo Luật.

1. Bước vào thời kỳ hội nhập và hợp tác quốc tế rộng mở, cùng với sự phát triển đa dạng của nền kinh tế thị trường, các Hội, Hiệp hội ở nước ta được hình thành, phát triển đa dạng. Nhiều Hội, Hiệp hội có phạm vi hoạt động trên khắp địa bàn toàn quốc, có Hội, hiệp Hội vươn ra ngoài lãnh thổ quốc gia, có Hội mới thành lập, còn non trẻ, có Hội đã có thâm niên hoạt động gần nửa thế kỷ... Nhu cầu thành lập Hội của công dân tiếp tục gia tăng, hình thức hoạt động của các Hội ngày càng đa dạng. Cũng đã có không ít vấn đề nảy sinh liên quan đến việc

thành lập Hội, đến việc giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong hoạt động của Hội, cũng như đến công tác quản lý của Nhà nước đối với Hội. Tình hình đó đặt ra việc ban hành Luật về Hội càng trở nên bức thiết.

2. Vấn đề đầu tiên chúng tôi trao đổi là khái niệm về Hội. Chúng ta đang bàn Luật về Hội, vậy phải cắt nghĩa khái niệm Hội một cách đầy đủ, rõ ràng. Hội là gì? Những tổ chức như thế nào được xem là Hội? Có những loại Hội nào?... Khi được xác định là Hội thì phải chịu sự điều chỉnh của Luật. Hội nào không đưa vào đối tượng điều chỉnh của Luật cần phải giải thích rõ vì sao như vậy để bảo đảm tính minh bạch của Luật trước mọi đối tượng và làm cho các tổ chức Hội khác không hiểu nhầm là mình bị phân biệt đối xử. Việc phân biệt rõ các loại Hội mới xây dựng được cơ chế quản lý tài chính rõ ràng; làm rõ được địa vị pháp lý, nghĩa vụ của các thành viên trong Hội.

3. Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định tại Điều 69: *Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập Hội, biểu tình theo quy định của pháp luật*. Luật về Hội trước tiên phải phù hợp với quy định của Hiến pháp, phải cụ thể hóa những quyền này thành những quy định cụ thể theo hướng tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho Hội hoạt động. Luật về Hội không thể có những quy định trái với các luật đã ban hành, đang thực thi trong đời sống xã hội. Để thực sự tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho Hội hoạt động thì Luật về Hội chủ yếu là tạo khung pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Hội, không nên đi vào chi tiết của Điều lệ và phương thức hoạt động, vì có rất nhiều loại hình Hội. Khái niệm Hội vốn rất đa dạng, có những Hội bản thân nó là những liên kết lỏng lẻo. Để một Hội có đầy đủ tư cách pháp nhân, nghĩa là được Nhà nước chính thức công nhận, là điều kiện pháp lý quan trọng để Hội có thể tham gia các quan hệ hành chính, dân sự, kinh tế.

4. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng là một trong những nội dung có nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng tất cả các

tổ chức Hội, trong đó có sáu tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ...) vẫn phải nằm trong đối tượng điều chỉnh của Luật, có như vậy mới công bằng và không phân biệt đối xử khác nhau với các Hội. Có ý kiến cho rằng không nên đưa sáu tổ chức này vào đối tượng điều chỉnh của Luật, vì sáu tổ chức này xét cho cùng là các tổ chức chính trị của Đảng, hoạt động mang tính chính trị nhiều hơn là hoạt động xã hội, dân sự và đã có luật, pháp luật, những quy định cụ thể của Đảng, Nhà nước. Đây là vấn đề nhạy cảm, cần được xem xét cẩn trọng. Theo chúng tôi, Dự thảo Luật trình hai phương án để Quốc hội xem xét và quyết định vì quyền tối cao vẫn là Quốc hội chứ tranh cãi mãi rất khó đi đến thống nhất.

5. Vấn đề quản lý nhà nước đối với Hội cũng còn những ý kiến khác nhau. Theo chúng tôi, bất kỳ một tổ chức xã hội nào được pháp luật thừa nhận thì đều phải được đặt dưới sự giám sát, quản lý của Nhà nước. Sự giám sát, quản lý của Nhà nước đối với các Hội không có nghĩa là gây cản trở, khó khăn cho Hội hoạt động, mà sự quản lý ấy trong đó có sự thừa nhận, tạo các điều kiện thuận lợi về các mặt, định hướng cho Hội hoạt động có hiệu quả, thực hiện đúng pháp luật, phòng ngừa và xử lý kịp thời những cá nhân, tổ chức lợi dụng tổ chức Hội làm trái pháp luật, đi ngược lại lợi ích của nhân dân, của dân tộc. Dù muốn hay không Hội cũng phải đặt mình trong sự quản lý Nhà nước, chứ không thể cần Nhà nước tạo điều kiện mà không muốn có Nhà nước quản lý. Tôi đồng ý với ý kiến của ông Hữu Thịnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam: *Hội cần Nhà nước ở chỗ kinh phí, việc làm, nhưng lại không thích Nhà nước ở chỗ quản lý. Đó là xung đột lợi ích giữa Nhà nước với Hội.* Nhưng giám sát, quản lý nhà nước đối với Hội khác với quản lý các cơ quan nhà nước đối với các doanh nghiệp. Quản lý nhà nước đối với Hội ở những mức độ, phạm vi, hình thức như thế nào cho phù hợp để phát huy vai trò năng động, sáng tạo của các tổ chức Hội trong đời sống xã hội, chứ Nhà nước không cần thiết và cũng không nên can thiệp sâu vào các hoạt động của Hội, để cho Hội độc lập, tự chủ và

tự quản, có thể tổ chức mọi hình thức hoạt động mà pháp luật không cấm. Những ý tưởng không muốn có sự giám sát, quản lý của Nhà nước rất khó có thể chấp nhận; những ý tưởng đề cao vai trò quản lý nhà nước đối với Hội, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Hội trong thời kỳ đổi mới, phát huy dân chủ, tôn trọng mọi quyền tự do công dân, xét thấy cũng không cần thiết và cũng không còn phù hợp trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Qua chín lần điều chỉnh, tổ chức lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo Luật về Hội, đã có rất nhiều ý kiến đóng góp; có ý kiến chỉ nêu lên những quan điểm chung, có ý kiến đề xuất sửa từng nội dung, câu chữ cụ thể, có không ít ý kiến chưa thống nhất được với nhau trên một số vấn đề, thậm chí có ý kiến trái ngược nhau... Tất cả đều cho thấy thực tiễn cuộc sống vô cùng phong phú, cây đời vốn xanh tươi nên dầu có cố gắng sửa chữa, điều chỉnh đến đâu, Luật cũng không ôm hết tất thảy mọi vấn đề. Quan trọng và quyết định đến chất lượng Dự thảo Luật, để khi Quốc hội bàn và đạt được sự nhất trí cao, các nhà soạn thảo Luật phải nghe ngóng, tiếp thu đầy đủ, sàng lọc để sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện dựa trên các quan điểm, nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt trong quyết định làm Luật.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ NGHỊ ĐỊNH 88 VÀ DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

Thạc sĩ NGUYỄN VĂN QUẾ

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thừa Thiên-Huế

1. Về Nghị định 88

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội (sau đây xin được gọi tắt là NĐ 88). Tiếp theo, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 01-2004/TT- BNV ngày 15/1/2004 hướng dẫn thực hiện một số điều của NĐ 88. Sau một thời gian thực hiện, hai văn bản này bộc lộ những ưu điểm, khuyết điểm nhất định.

Một là, thông qua NĐ 88, Nhà nước thể hiện quyết tâm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các Hội. NĐ 88 có hàng loạt quy định rất chi tiết về điều kiện, thủ tục thành lập Hội. Hội muốn thành lập phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 15, NĐ 88). Hội được tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý của Nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó. Trước khi tổ chức Đại hội, Ban Lãnh đạo Hội phải có văn bản báo cáo cơ quan nhà nước và báo cáo cho ngành chủ quản. Lập văn phòng đại diện của Hội ở đâu thì phải xin phép Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh nơi Hội đặt văn phòng. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực mà Hội hoạt động... (Điều 23,

NĐ 88). Theo đó, có biết bao nhiêu việc làm Hội phải xin phép, phải báo cáo. Ngoài ra, Hội còn chịu sự quản lý, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước, rồi cơ quan quản lý chuyên ngành (Điều 32).

Rõ ràng, trên thực tế NĐ 88 đã tỏ rõ là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng để quản lý Hội.

Hai là, NĐ 88 và Thông tư số 01 cũng có tác dụng hướng dẫn đối với Hội. Chẳng hạn, NĐ 88 chỉ ra việc cho Ban Vận động thành lập Hội phải làm gì, nội dung Điều lệ Hội phải gồm những gì, đại hội thành lập, đại hội định kỳ và đại hội đột xuất phải làm gì...? Theo tôi, điều này là cần thiết bởi vì như tôi được biết hầu hết cán bộ Hội chưa kinh qua trường lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội. Họ hoạt động Hội bằng lòng nhiệt tình, kinh nghiệm cá nhân. Việc nắm bắt các vấn đề như trình tự, thủ tục và nguyên tắc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội, quy định pháp luật về Hội còn hạn chế là điều tất yếu. Nhân đây, tôi xin đề nghị Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam nên mở trường lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ trong hệ thống tổ chức của mình. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trường Đại học Công đoàn, nhiều Bộ có trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ, tại sao ta lại không tính đến việc này?

Những điều vừa nêu trên chứng tỏ NĐ 88 có tác dụng nhất định. Nhờ có NĐ 88, nhiều Hội, tổ chức xã hội mới được thành lập, hoạt động, đóng góp đáng kể cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện NĐ 88 và các văn bản liên quan khác về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội, tổ chức xã hội, cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Xin đơn cử một số ý kiến về khó khăn và bất cập qua việc thực hiện NĐ 88. NĐ 88 đã quan tâm quá sâu vào các hoạt động của Hội, sẽ dẫn đến hai cái bất lợi.

Thứ nhất, cơ quan quản lý nhà nước buộc phải làm thêm một loạt công việc rất khó thực hiện. Thực tế, sau khi cấp quyết định cho phép

thành lập cho các tổ chức Hội thì các cơ quan quản lý nhà nước hầu như không quản lý gì được.

Thứ hai, nhiều Hội cấp tỉnh, lâu nay hoạt động theo điều lệ Hội cấp trên, thì bây giờ được cơ quan nhà nước, căn cứ vào ND 88, gọi đến yêu cầu xây dựng điều lệ riêng, do đó đã gặp phải không ít khó khăn. Rồi việc thành lập Hội cấp quận, huyện càng trở nên khó khăn. Trước ND 88, Hội cấp quận huyện do Ủy ban Nhân dân quận huyện cho phép thành lập, nay do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định cho phép thành lập, nên đã gây khó khăn phiền hà cho cả Hội cấp quận, huyện lẫn Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành. Được biết, Luật Doanh nghiệp quy định thoáng hơn. Cấp huyện vẫn được phân cấp trong việc thành lập và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho tổ chức sản xuất, kinh doanh (hộ gia đình, cơ sở nhỏ). Theo ND 88, một số thủ tục hành chính cũng như vấn đề quản lý nhà nước đối với hoạt động của Hội còn rất rườm rà, phức tạp, thủ tục thành lập Hội chưa thực sự được đơn giản, nhanh chóng, đòi hỏi cần đơn giản hơn nữa.

2. Về dự thảo lần thứ 9 Luật về Hội

Đối chiếu Dự thảo lần thứ 9 Luật về Hội với ND 88 và các Dự thảo trước, tôi nhận thấy, chúng không khác nhau là bao và vẫn chứa đựng rất nhiều khiếm khuyết. Mức độ tương tự nhau của ND 88 và Dự thảo 9 rất cao. Hai văn bản (ND 88 và dự thảo 9) đều toát lên một tinh thần cơ bản là thắt chặt quản lý nhà nước đối với Hội, với nhiều quy định rườm rà, phức tạp, nhiều tầng nấc, gây khó khăn cho cả Hội lẫn nhà quản lý. Nó chưa xứng đáng với tầm vóc một đạo luật. Theo tôi, Dự thảo Luật về Hội cần phải thông thoáng hơn, xứng tầm hơn. Đặc biệt là:

1. Dự thảo phải đi đúng đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền lập Hội. Từ ngày Đảng được thành lập cho đến nay, trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong công cuộc đổi mới, Đảng ta luôn luôn khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, cho nên

Đảng luôn chú ý tới việc tập hợp và phát triển các tổ chức quần chúng, tổ chức xã hội. Đảng ta cũng xác định liên minh công - nông - trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vì vậy, nhất thiết phải đảm bảo thể hiện đầy đủ quan điểm này trong Dự thảo Luật về Hội.

2. Dự thảo phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về Quyền lập Hội. Hiến pháp, luật pháp nước ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay (Hiến pháp năm 1946, năm 1959, năm 1980, năm 1992) đều quy định công dân có quyền lập Hội, Nhà nước đảm bảo những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng quyền lập Hội. ND 88 có quy định trách nhiệm của Nhà nước đối với Hội được công nhận là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí. Trong khi dự thảo Luật về Hội không thấy có quy định này.

3. Dự thảo Luật về Hội phải đảm bảo việc thực hiện nghiêm chỉnh Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị mà Nhà nước ta đã cam kết tôn trọng, và đảm bảo thực thi các quyền và tự do cơ bản của con người, trong đó có quyền lập Hội.

Tóm lại, việc xây dựng và hoàn thiện Luật về Hội là nhu cầu cần thiết cho hoạt động của xã hội dân sự, của công tác quản lý nhà nước đối với Hội, tổ chức xã hội, cũng như đòi hỏi của xu thế hội nhập quốc tế. Luật về Hội phải nhằm cụ thể hóa quan điểm của Đảng, hiến pháp, pháp luật của Nhà nước ta về quyền lập Hội của nhân dân, phát huy vai trò của xã hội dân sự. Mặt khác, đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước đối với Hội, tổ chức xã hội, hướng tới một Nhà nước pháp quyền. Đó cũng là nghĩa vụ pháp lý của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

Đi vào nội dung chi tiết của Dự thảo 9 Luật về Hội, tôi thấy còn có những chỗ bất hợp lý. Ví dụ, Dự thảo đưa phần quy định về nội dung quản lý nhà nước về Hội và cơ quan quản lý nhà nước về Hội vào Chương I: *Những quy định chung* là không hợp lý. Nên để các quy định này thành chương riêng ở phần sau (nên bố cục như ND 88) với

nội dung được thay đổi phù hợp và thực sự tôn trọng ý kiến góp ý của các Hội. Tôi nhận thấy Ban Soạn thảo vẫn muốn đặt nặng quản lý nhà nước đối với Hội chứ chưa tiếp thu ý kiến góp từ phía các Hội. Về cơ quan quản lý nhà nước đối với Hội, để gọn nhẹ, hiệu quả, nên theo hướng “một cửa”, ở Trung ương là Bộ Nội vụ, ở địa phương là Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quản lý Hội là đủ. Với bộ máy hùng hậu, công cụ quản lý hiện đại được tin học hóa, tôi tin các cơ quan này sẽ phối hợp tốt với các ngành trong quản lý Hội. Quy định như Khoản 3, Điều 7 Dự thảo dễ dẫn đến tình trạng cơ quan chủ quản đối với Hội, rồi một Hội phải báo cáo với rất nhiều cơ quan. Nên bỏ Khoản 3, Điều 7, Dự thảo 9 về Luật hội.

Tôi đề nghị nên sửa Khoản 4, Điều 39, Dự thảo 9 về Luật hội. Khi Hội lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở địa phương nào thì chỉ cần đăng ký hoặc báo cáo với chính quyền cấp cơ sở là đủ. Còn việc báo cáo lên chính quyền cấp trên hay cơ quan nào đó có thẩm quyền, nên giao cho chính quyền cấp cơ sở.

Tôi đã được đọc bản Dự thảo Luật về Hội do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức biên soạn. Tôi rất tâm đắc với bản Dự thảo này. Bởi bản Dự thảo này đã đáp ứng được đòi hỏi của những quan điểm và cơ sở pháp lý đã nêu trên.

LUẬT CẦN XÁC ĐỊNH RÕ VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC CỦA TỔ CHỨC HỘI TRONG THỜI KỲ MỚI

Ông *KHUONG BÁ TUÂN*

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

1. Chưa có quan điểm chiến lược về Hội

Lịch sử Hội đã có từ lâu, thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, một số tổ chức xã hội mang tính nghề nghiệp đã ra đời như: Hội những người thả diều, Hội đi săn, Hội câu cá và các Hội ngành nghề khác. Những Hội này gồm những người tâm huyết, có cùng sở thích, cùng chí hướng, trong đó có cả những nhân sĩ trí thức yêu nước, tự nguyện đứng ra lập Hội, lấy nội dung hoạt động mang tính nghề nghiệp, sở trường để tham gia hoạt động cách mạng và thực tế đã có nhiều đóng góp quan trọng vào thắng lợi của dân tộc, tiêu biểu là Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau Hiệp định Genève năm 1945 về lập lại hòa bình ở Đông Dương và kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Miền Bắc bắt đầu bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Ngày 20/5/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 102/SL-L004 ban hành luật quy định quyền lập Hội. Như vậy, về mặt pháp lý, các tổ chức Hội mang tính nghề nghiệp, xã hội và tự nguyện có tính pháp nhân được chính thức ra đời từ khi có Sắc lệnh số 102, ngày 20/5/1957 của Chủ tịch

nước. Từ đó đến nay, trên phạm vi cả nước, có nhiều tổ chức xã hội được ra đời và hoạt động trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhau theo tiến trình phát triển chung của đất nước, được hợp thành trong một tổ chức thống nhất là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Hoạt động của các Hội đã có nhiều đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng và phát triển xã hội. Một số công trình trọng điểm quốc gia, nhờ có vai trò hoạt động có trách nhiệm và hiệu quả của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý của các Hội thành viên thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam thông qua việc tổ chức hoạt động tư vấn phản biện mà đã khẳng định tính khả thi của một số dự án, công trình trọng điểm quốc gia đảm bảo tính hiệu quả và tiết kiệm nhiều tỷ đồng về chi phí đầu tư như công trình Nhà máy Xi măng Bim Sơn (Thanh Hóa), đường Hồ Chí Minh (đoạn đi qua Vườn quốc gia Cúc Phương - Ninh Bình), công trình nhà máy Thủy điện Sơn La và một số công trình khác...

Trong những năm vừa qua Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành, phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và các hội thành viên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của nước nhà.

Năm 1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá VI) đã có Chỉ thị 35-CT/TW về tăng cường lãnh đạo công tác Hội. Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Ban Bí thư, ngày 11/11/1998 Bộ Chính trị (Khoá VIII) tiếp tục ra Chỉ thị 45-CT/TW về đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Thực hiện Chỉ thị 45-CT/TW Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã tích cực tập hợp đoàn kết đội ngũ tri thức khoa học kỹ thuật trong cả nước, tổ chức Hội đã nhanh chóng phát triển, hoạt động của các Hội thành viên trong hệ thống Liên hiệp hội đã góp phần vào những thắng lợi to lớn của Đảng và Nhà nước. Tiếp theo Chỉ thị 45-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày

1/8/2000 Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị 14/2000/CT-TTg về việc triển khai thực hiện các biện pháp nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cũng đã khẳng định: Từ khi thành lập đến nay, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh về tổ chức và hoạt động có hiệu quả, góp phần tích cực vào việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đồng thời đã nhấn mạnh việc phát huy hơn nữa vai trò chính trị, xã hội và tiềm lực trí tuệ của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ nhà nước trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong lúc tổ chức Hội đang phát triển mạnh mẽ từ Trung ương đến địa phương, hoạt động của Hội đang có nhiều đóng góp tích cực trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, ngày 9/8/2004 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Thông báo kết luận về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 45-CT/TW đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2010 đã một lần nữa khẳng định qua năm năm thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, mặc dù còn một số hạn chế chưa tập hợp được đông đảo trí thức khoa học và công nghệ, chưa làm tốt vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học kỹ thuật. Hoạt động của tổ chức Hội ở các địa phương còn nhiều lúng túng, nhưng Hội đã có bước phát triển mới về tổ chức, các hoạt động về chính trị - xã hội, tư vấn phản biện và giám định xã hội ngày càng rõ nét. Vai trò vị trí và uy tín của Liên hiệp hội trong xã hội, ngày càng được nâng cao.

Nước ta đang phấn đấu để đến năm 2020 trở thành một nước công nghiệp, càng đòi hỏi phát huy vai trò của các Hội trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, việc soạn thảo và ban hành một đạo luật mới về Hội cho phù hợp với yêu cầu phát triển mới của đất nước là một tất yếu khách quan và thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động Hội. Thế nhưng các nhà soạn thảo Luật chưa đặt đúng vị trí chiến lược của tổ chức Hội, kể cả trước mắt, lâu dài và

xu thế hội nhập quốc tế, chưa xác định đầy đủ vai trò nòng cốt của tổ chức Hội và lực lượng đông đảo cán bộ khoa học, kỹ thuật trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa với ý nghĩa cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Vì vậy, Dự thảo Luật về Hội đã qua tám lần bổ sung chỉnh sửa nhưng cũng chưa hơn gì nhiều so với Sắc lệnh 102 năm 1957. Chúng tôi mong muốn các nhà soạn thảo luật cần xác định rõ hơn vị trí chiến lược của tổ chức Hội trong thời kỳ mới, không nên phân biệt giữa hội này với hội khác.

2. Việc lập Hội còn nhiều thủ tục hành chính phiền hà

Từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đề ra nhiều chủ trương biện pháp tích cực để thực hiện cuộc cách mạng về cải cách hành chính, trước hết là ở các cơ quan công quyền. Chính phủ đã đề ra chương trình hành động và lộ trình thực hiện cải cách hành chính đến năm 2010 nhằm thực hiện cơ chế một cửa, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, khắc phục những phiền hà khó khăn trong giải quyết công việc, cải tiến về kỹ thuật và kỹ năng ban hành văn bản pháp quy, văn bản luật...

Dự thảo Luật về Hội lần này (lần thứ 8), cũng đã có một số thay đổi sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp của các tổ chức Hội, các nhà khoa học như đã bỏ được Bộ chủ quản đối với các Hội, thay vì Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào thì chịu sự quản lý về mặt Nhà nước của lĩnh vực ấy, tức là Hội chỉ chịu trách nhiệm trước pháp luật chứ không chịu trách nhiệm trước Bộ. Thế nhưng mỗi Hội vẫn còn có hai cơ quan của Chính phủ quản lý. Đó là Bộ Nội vụ và Bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động, như vậy vẫn còn những vướng mắc. Nội dung văn bản Dự thảo luật có nhiều mâu thuẫn và nặng về hành chính hóa công tác quản lý hội, thừa câu, từ nhưng lại thiếu nội dung cụ thể. Xin nêu mấy vấn đề cụ thể:

- Toàn bộ Chương II về điều kiện và thủ tục thành lập Hội còn lắm thủ tục rườm rà không cần thiết, cần đơn giản hơn. Điều kiện thành

lập Hội yêu cầu phải có trụ sở, có tài sản độc lập với cá nhân và tổ chức khá là vô lý, vì trong lúc Hội chưa được thành lập, chưa có điều lệ, chưa hoạt động thì chưa thể có trụ sở và tài sản độc lập, quy định này gây khó khăn và cản trở cho việc lập Hội.

- Điều 12: Quy định về hồ sơ đăng ký thành lập Hội, Mục 7 yêu cầu phải có bản kê khai tài sản, tài chính. Quy định này trái với pháp luật vì Hội chưa ra đời tại sao lại có tài sản và tài chính, không hiểu các nhà soạn thảo luật căn cứ thế nào mà đề ra quy định này.

- Điều 14: Nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội, đề nghị nên giữ nguyên theo quy định trước đây, là nộp hồ sơ cho cấp có thẩm quyền ra quyết định cho phép thành lập Hội, thì tính pháp nhân của tổ chức được đề cao và phù hợp hơn, thay cho cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội. Vấn đề này cũng cần giảm bớt thủ tục.

- Điều 16, Mục 1 công bố giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội, đề nghị nên sửa lại là: Công bố quyết định cho phép thành lập Hội, như đã nói ở trên.

- Điều 34 quy định về nhiệm vụ quyền hạn của ban kiểm tra, Mục 1, kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Lãnh đạo Hội và người đứng đầu Hội, quy định này thiếu tính khả thi, khó thực hiện vì ban kiểm tra hoạt động dưới sự chủ đạo của Ban Lãnh đạo (tập thể) và người đứng đầu Hội. Nếu Ban Lãnh đạo và người đứng đầu Hội không có chủ trương, không tổ chức kiểm tra thì Ban Kiểm tra không thực hiện được công tác kiểm tra. Vì vậy, công tác kiểm tra là cần thiết, nhưng phải là cấp có thẩm quyền kiểm tra hoặc cấp trên của tổ chức đó tiến hành kiểm tra. Nếu giữ nguyên Dự thảo này thì sẽ không có hiệu lực, không đi vào cuộc sống khi Hội là một tổ chức tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính.

- Điều 37, Mục 1 - về pháp nhân của Hội: Đề nghị cần nói rõ pháp nhân của Hội cụ thể là thể nào: Ví dụ Hội được lập ra các Trung tâm,

các tổ chức khác có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản nhưng trực thuộc Hội và được quy định trong điều lệ của Hội.

- Điều 40 và 41 trùng nhau và không cần thiết, vì điều kiện lập Hội đã nói ở Chương II, thì không có nội dung ở Điều 40- 41, tức là không có tổ chức Hội trùng tên, trùng nội dung hoạt động. Các điều 42, 43 và 44 cũng không cần thiết. Nếu có sự kiện chia tỉnh, chia huyện thì có hướng dẫn và quy định riêng.

- Điều 47 về chính sách tài chính của Nhà nước đối với Hội. Đây là vấn đề lớn để Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho Hội hoạt động. Những năm vừa qua Nhà nước đã có nhiều chủ trương chính sách về cơ chế tài chính đối với Hội, nhưng việc thực hiện còn nan giải, khó khăn do chưa có nhận thức đầy đủ về vai trò vị trí của Hội trước hết từ cấp có thẩm quyền, sau đó là ngành tài chính, và cơ quan quản lý về mặt nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội. Các quyết định số 21 và 22 TTg của Chính phủ quy định rõ ràng nhưng chỉ mới thực hiện rất ít ở cấp Trung ương và Liên hiệp hội cấp tỉnh, còn các Hội thành viên hầu như chưa vào cuộc, vì không ai có yêu cầu phản biện, giám định xã hội hoặc chia sẻ công việc từ phía Nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động phù hợp để hoặc tiếp nhận được nguồn tài chính hỗ trợ của Nhà nước.

3. Dự thảo Luật vẫn còn can thiệp sâu vào công việc nội bộ của Hội

Pháp luật là công cụ quản lý chủ yếu của xã hội, điều chỉnh hầu hết các mối quan hệ và các đối tượng xã hội của Nhà nước pháp quyền. Hội là một tổ chức dân sự trong đời sống xã hội, là một thành phần và là đối tượng điều chỉnh của pháp luật thì phải được bình đẳng trước pháp luật và công bằng trong xã hội. Mọi tổ chức trong xã hội phải hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật. Hội phải được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, phải được tự do lập Hội và đề cao tính tự quản của Hội. Việc ban hành luật là rất cần thiết, nhưng Luật về Hội chỉ nên dừng lại ở khung pháp lý cho hoạt động của Hội nằm trong

khuôn khổ pháp luật, không can thiệp quá sâu vào hoạt động của Hội. Khung pháp lý chỉ nên đưa ra những điều cấm, những quy tắc bắt buộc theo quy định của pháp luật. Dự thảo Luật về Hội, chúng tôi thấy các Chương III, IV, V đều có sự can thiệp vào công việc nội bộ của Hội, thậm chí cả những nội dung không cần thiết đưa vào Luật.

Hội là tổ chức xã hội dân sự thể hiện trên ba quyền cơ bản là: Tự nguyện, tự quản và tự chủ về tài chính. Nhưng Luật chưa nói rõ quyền tự do lập Hội và nghiêm cấm các hoạt động cản trở việc lập Hội.

Các tổ chức xã hội dân sự có điểm khác với các tổ chức chính trị xã hội như: Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh... về tính chất và tổ chức, nhiệm vụ hoạt động, các tổ chức chính trị xã hội không bao gồm các hội viên tự nguyện và được tổ chức theo cấp hành chính, hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ chính trị được giao. Còn các Hội (tổ chức dân sự xã hội, nghề nghiệp xã hội...) bao gồm các hội viên tự nguyện, hoạt động theo cơ chế tự quản và tự chủ về tài chính. Tổ chức khác nhau thì phạm vi điều chỉnh của pháp luật cũng khác nhau. Do đó, đề nghị không nên đưa các tổ chức chính trị xã hội vào Luật về Hội. Tuy nhiên, tách ra thế nào cho hợp lý thì vẫn còn là vấn đề cần nghiên cứu lại...

Với tư cách là người làm khoa học và hoạt động công tác ở Hội, chúng tôi tâm huyết với tổ chức Hội và nung nấu với Dự thảo Luật về Hội, xin chân thành tham gia một cách vô tư các ý kiến như trên.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘI NÊN THEO NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ BẰNG PHÁP LUẬT

Ông LƯƠNG ĐỨC TRỤ

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hải Dương

Luật về Hội là một văn bản quy phạm pháp luật thể chế hóa quyền lập Hội của nhân dân, đã được Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ghi nhận. Tôi xin thảo luận một số vấn đề sau:

Phạm vi điều chỉnh: Luật này quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội, là phù hợp. Nếu chỉ hạn chế phạm vi điều chỉnh của Luật trong mối quan hệ Nhà nước và Hội trong việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội là mới chỉ đề cập đến khía cạnh “quản lý Hội”, còn các nội dung tổ chức và hoạt động còn thiếu.

Đối tượng áp dụng: Ở Việt Nam, cơ chế vận hành của hệ thống xã hội là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ.

Hiến pháp đã quy định quyền tự do hội họp, lập Hội của nhân dân, do đó trong thực tế hiện nay “Hội” theo nghĩa đầy đủ có ba đối tượng. Thứ nhất là các công dân đã tự nguyện lập Hội, hội họp không cần tư cách pháp nhân như Hội Đồng hương, Hội Đồng ngũ, Hội Khuyến học. Thứ hai là các Hội tự nguyện có tư cách pháp nhân, có điều lệ, trụ sở được cấp phép hoạt động. Đó là các Hội xã hội... Thứ ba là các tổ chức chính trị xã hội. Đây là một đặc điểm lịch sử của Việt Nam. Các tổ chức này do Đảng Cộng sản Việt Nam lập ra, lãnh đạo chặt chẽ về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhằm tập hợp các giai tầng trong xã hội để thực hiện mục tiêu bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế xã hội và thực

hiện quyền lãnh đạo của Đảng, đồng hành cùng với Đảng. Đó là các tổ chức gồm Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. Gần đây Đảng lập thêm các tổ chức chính trị - xã hội mới như Liên hiệp Thanh niên, Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị. Trong lịch sử Cách mạng Việt Nam còn hai tổ chức đó là Hội Văn học Nghệ thuật (tiền thân là Hội Văn hóa Cứu quốc) và Hội Nhà báo mặc dù là các Hội chính trị, xã hội, nghề nghiệp, nhưng cũng do Đảng lập ra. Tất cả những Hội này không phải “tự nguyện” hình thành mà là sự kết hợp giữa ý chí và sự lãnh đạo, tổ chức trực tiếp của Đảng với tính tự giác của quần chúng. Và có thể khẳng định rằng trong các giai đoạn vừa qua, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân cùng với đội ngũ trí thức là nòng cốt của Cách mạng Việt Nam. Điều đó đã được chứng minh trong thực tiễn và được khẳng định nhiều lần tại các văn kiện của Đảng.

Vì vậy, đối tượng áp dụng Luật của Hội (với các nội dung như Dự thảo 9) là hoàn toàn không phù hợp và không thể áp dụng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật, Hội Nhà báo và tổ chức tôn giáo. Có thể khái quát là: *Luật này không áp dụng đối với các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp và tổ chức tôn giáo.* Về cách diễn đạt, theo chúng tôi cần ghi cụ thể, rõ nghĩa như vậy chứ không nên ghi “Luật này không áp dụng đối với những tổ chức mà pháp luật có những quy định riêng” để dẫn đến cách hiểu khác nhau, vận dụng sẽ không thống nhất.

Quản lý nhà nước đối với Hội: Nên thể hiện theo nguyên tắc Nhà nước quản lý Hội theo pháp luật. Có các Hội hoạt động ở phạm vi toàn quốc - khu vực, tỉnh, thành phố, quận, huyện, xã, phường thì không lẽ chỉ Chính phủ (Bộ Nội vụ) với Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm hỗ trợ, quản lý ở quận huyện, xã phường thì không có trách nhiệm gì?... Xét cho đến cùng thì ngoài việc giúp đỡ hỗ trợ lẫn

nhau giữa các hội viên trong Hội, thì tất cả các hoạt động của Hội đều phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn cụ thể. Mọi vấn đề cũng nảy sinh từ cơ sở. Vì vậy, Chính phủ và các cấp chính quyền đều có trách nhiệm hỗ trợ, quản lý Hội. Việc đăng ký hoạt động nên đơn giản, thuận lợi và ở ba cấp là Bộ Nội vụ (đối với Hội Trung ương), Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố (đối với Hội ở tỉnh, thành phố) và Ủy ban Nhân dân quận, huyện (đối với Hội ở quận, huyện, xã).

Nói chung tôi thấy Dự thảo Luật về Hội (lần thứ 7) của các Hội (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức soạn thảo) là cơ bản đạt được các yêu cầu như Ban Soạn thảo đề ra, chỉ cần chỉnh sửa một số vấn đề lớn đã nêu ở trên.

MỤC TIÊU LÀ KHÔI DẬY VÀ PHÁT HUY HẾT TRÍ LỰC CỦA MỌI NGƯỜI DÂN

Kỹ sư PHẠM HỒNG THỰC

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Tĩnh

Là một người làm công tác Hội, tôi rất đồng tình chủ trương của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức các cuộc tọa đàm để những người làm công tác Hội ở địa phương có điều kiện nghiên cứu và đóng góp ý kiến cho Dự thảo Luật về Hội. Ý kiến của chúng tôi đề xuất rút ra từ hoạt động thực tiễn, có tham khảo ý kiến của các cuộc tọa đàm lần trước, nhằm góp ý vào nội dung bản Dự thảo lần thứ 9 của Ban Soạn thảo Luật về Hội, còn về mặt kết cấu, sửa chữa văn bản dự thảo cụ thể tôi xin nhường lại ý kiến cho các quý vị chuyên ngành luật.

Điểm thứ nhất - tại Điều 3: *Đối tượng áp dụng*. Để đảm bảo phạm vi điều chỉnh và thời gian điều chỉnh của luật trong đời sống xã hội, tôi thống nhất quan điểm không nên để Mục 2 ở Điều 3. “*Luật này không áp dụng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức tôn giáo*” mà sửa lại: “*Luật này áp dụng đối với các Hội có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền*” điều này đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài. Các tổ chức như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... đang hoạt động theo luật và pháp lệnh hiện hành tuy nhiên những vấn đề có liên quan sẽ được điều chỉnh theo Luật về Hội. Thực tế Hội hoạt động bị điều chỉnh bởi các bộ luật khác như Luật Khoa học công nghệ, Luật Doanh nghiệp, v.v. cho nên Luật về Hội có thể điều chỉnh

các tổ chức nói trên. Mặt khác khi nền dân chủ pháp quyền xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh nhất định, các tổ chức Hội nói trên có thể phải tuân thủ đăng ký theo luật mới được hoạt động. Để thực hiện điều này theo tôi Luật về Hội cần mang tính bao quát có tầm xa hơn, đòi hỏi Ban Soạn thảo cần phải lấy ý kiến của các tổ chức mang tính chất là Hội (kể cả Hội Phụ nữ, Hội Nông dân...) vì gần như hoạt động của các hội quần chúng đều mang tính chính trị, đều vì con người, phục vụ con người và vì Tổ quốc.

Điểm thứ hai - tại Điều 4: *Giải thích từ ngữ*. Tôi đồng tình với quan điểm thấy chưa hợp lý trong cách giải thích về “Không vì mục đích lợi nhuận”. Bởi vì theo thông tin tôi được biết các “Tổ chức phi chính phủ” trên thế giới đã sử dụng 15% nguồn lao động xã hội và đã góp phần tạo ra 10% tổng thu nhập quốc dân của các nước. Ở nước ta, các pháp nhân của Hội (trung tâm, công ty trách nhiệm hữu hạn...) nhiều nơi đã làm tốt công tác tư vấn kỹ thuật, tư vấn phản biện và giám định xã hội, thiết kế kỹ thuật, dịch vụ khoa học công nghệ, xóa đói giảm nghèo... rất có hiệu quả, đã thu được lợi nhuận để nâng cao đời sống hội viên và tích lũy cho hoạt động của Hội. Nếu thành lập Hội không vì lợi nhuận, không chia thành quả lao động cho thành viên bỏ công sức ra, theo tôi đó là điều không tưởng. Việc trả công cho các hội viên trong khi làm dịch vụ là điều đương nhiên, làm sao có thể rạch ròi được việc trả công với việc chia lợi nhuận. Theo tôi nên bổ sung: “Hội là một pháp nhân không thuộc Nhà nước” và bỏ nguyên tắc “không vì mục đích lợi nhuận”. Nếu để phân biệt Hội với các tổ chức khác thì nên thay nguyên tắc “không vì mục đích lợi nhuận” bằng “Không vì mục đích vụ lợi”. Vụ lợi có nghĩa là chỉ mưu cầu lợi ích cho riêng mình (Từ điển tiếng Việt - Viện Ngôn ngữ, 2001).

Điểm thứ ba - tại Điều 6: *Nội dung quản lý nhà nước về Hội*. Đây là những vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Nhà nước nhằm thực thi pháp luật, dưới luật còn có Nghị định của Chính phủ. Do vậy, nên đi vào nội dung tổng quát nhất định. Tại Điểm 3 cần bổ sung thêm: *Thanh*

tra, kiểm tra, việc tuân thủ pháp luật của Hội, khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật....

Điểm thứ tư - tại Điều 7: *Cơ quan quản lý nhà nước về Hội*. Theo tôi Hội là một pháp nhân không thuộc Nhà nước, hoạt động theo hiến pháp và pháp luật. Do vậy, Luật chỉ cần quy định: *Cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm cấp giấy cho phép Hội đăng ký hoạt động*. Với Điều 7 thì tôi đồng tình cần bỏ Điểm 3: *Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực được giao*. Vì trong thực tế có nhiều Hội hoạt động mang tính đa ngành (Liên hiệp hội địa phương, Hội vì cuộc sống bền vững, v.v.). Nếu quy định như vậy thì hoạt động của Hội sẽ mang tính chất bao cấp của Nhà nước, vai trò tư vấn phản biện và giám định xã hội của hội sẽ mất tính độc lập, như vậy không phát huy vai trò của Hội trong đời sống xã hội.

Điểm thứ năm - tại Điều 8: *Các hành vi nghiêm cấm*. Theo tôi điểm này các nhà soạn thảo luật nên đưa ra các vấn đề có thể diễn ra khi Luật về Hội được ban hành và đi vào cuộc sống, ở đây tôi xin đưa ra thí dụ *có nên để lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước tham gia Hội và giữ cương vị người đứng đầu trong các Hội hay không?* Điều này cần quan tâm vì có thể dẫn đến mất đi tính chất xã hội hóa hoạt động của Hội và có thể dẫn đến sự bất bình đẳng, cục bộ và tiêu cực trong quá trình tư vấn, dịch vụ và đấu thầu các đề tài khoa học.

Điểm thứ sáu - tại Điều 9: *Điều kiện thành lập Hội*. Theo tôi chỉ cần có Điểm 1. Các Điểm 3, 4 và 5 có thể sửa thành: *Có địa chỉ giao dịch*. Tôi đồng tình không cần đưa Điểm 2, *"Có cơ cấu tổ chức phù hợp"* Điểm 6 thành: *"Có tài sản độc lập"* khi Hội đang chuẩn bị thành lập.

Điểm thứ bảy - tại Điều 12 nên bỏ *"Dự kiến chương trình hoạt động"* vì điểm này đã xuyên suốt trong điều lệ Hội và có thể không cần thiết phải có *"bản kê khai tài chính của Hội"*.

Điểm thứ tám - tại Điều 13: *Nội dung của điều lệ Hội*. Đây là vấn đề cần quan tâm bởi vì đây là nội dung liên quan đến việc quản lý các Hội.

Luật Hội phạm vi điều chỉnh rất rộng như ta đã nói ở trên. Do vậy, Ban soạn thảo cần bao quát hết tất cả các nội dung, điều đó không có nghĩa phải liệt kê hết các vấn đề diễn ra của các Hội.

Điểm thứ chín - tại Điều 14, cần rút ngắn thời gian được trả lời cấp giấy đăng ký thành lập Hội *Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp giấy biên nhận, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội...* Điều này phù hợp với chủ trương cải cách hành chính của Nhà nước, bởi vì hiện nay các doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký kinh doanh tại các Sở Kế hoạch đầu tư các tỉnh chỉ cần 3-7 ngày là được cấp giấy phép đăng ký.

Điểm thứ 10 - Điều 17: Nên ghi lại tiêu đề là “*Công nhận điều lệ Hội*”. Trong nội dung của điều này có thể được chỉnh lại như sau:

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc đại hội thành lập Hội, ban lãnh đạo Hội phải gửi các văn bản sau đây cho cơ quan cho phép đăng ký thành lập Hội.

a. Nội dung điều lệ được thông qua.

b. Danh sách bầu Ban Lãnh đạo và Ban Kiểm tra, lý lịch người đứng đầu Hội.

2. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận điều lệ Hội cơ quan nhà nước cho phép đăng ký công nhận điều lệ Hội; nếu quá thời gian trên không được trả lời trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Hội có giấy phép và có điều lệ được công nhận mới trở thành pháp nhân hoạt động hợp pháp.

Theo tôi cần báo cáo nội dung điều lệ được thông qua và nội dung này phải đảm bảo phần cơ bản đúng theo dự thảo điều lệ khi cấp giấy phép. Cơ quan cấp giấy phép là cơ quan phê duyệt điều lệ, nếu nội dung cơ bản không đúng với điều lệ dự thảo, có các khoản vi phạm các điều cấm thì Tổ chức cấp giấy phép có thể rút đăng ký thành lập.

Điểm thứ 11 - tại Điều 38: *Quyền hạn của Hội* và Điều 39: *Nhiệm vụ của Hội*. Theo tôi đây là điều luật có vai trò quan trọng nhất để phát huy vai trò của Hội. Đây là nội dung quan trọng mà các Hội quan tâm để vận dụng nó đưa vào trong điều lệ Hội là cơ sở để cho các Hội vận hành đúng pháp luật.

Có thể sửa mục: *Hội được hưởng những quyền sau thành:*

1. *Tổ chức và hoạt động theo điều lệ Hội*
2. *Quảng bá về Hội*
3. *Bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên*
4. *Tư vấn, phản biện, giám định xã hội các chính sách, đề tài, dự án cho cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có yêu cầu*
5. *Thực hiện dịch vụ công do Nhà nước chuyển giao*
6. *Tham gia, vào quá trình xã hội hóa hoạt động khoa học, công nghệ đóng góp có hiệu quả các hoạt động khoa học, công nghệ, môi trường và các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội*
7. *Được hoạt động quyên góp nguồn nhân lực, tài lực nhằm mục đích phục vụ cho các hoạt động kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường... không vì mục đích lợi nhuận*
8. *Được tiếp nhận sự hỗ trợ tài chính từ các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước*
9. *Được duy trì và phát triển các quan hệ hợp tác với cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.*

Điểm thứ 12 - Điều 39: *Nhiệm vụ của Hội*. Có thể thay thế Điểm 1 với nội dung sau: *Hội và hội viên hoạt động trong khuôn khổ điều lệ Hội và pháp luật. Để nhằm xóa bỏ bao cấp tạo điều kiện cho Hội chủ động hoạt động, không nên để Hội chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó. Vấn đề này trong quá trình quản lý doanh nghiệp, Chính phủ cũng đã không áp dụng hình thức Sở chủ quản đối với doanh nghiệp.*

Điểm thứ 13 - tại Điều 40: *Liên hiệp hội*. Điểm 3 nên bổ sung nội dung các *Hội thành viên có trách nhiệm và nghĩa vụ trong hoạt động vì lợi ích chung của Liên hiệp hội*. Theo tôi cũng cần tăng cường vai trò “quản lý” Liên hiệp hội đối với các Hội thành viên bởi vì chỉ với *chức năng phối hợp, điều hòa và tổ chức hoạt động chung*... Hội là chức năng có tính chất chung chung, không có chỉ tiêu đánh giá mức độ. Luật về Hội cần tăng cường vai trò của Liên hiệp hội trong việc giúp Nhà nước “quản lý” các Hội, phối hợp điều hòa và tổ chức hoạt động theo pháp luật, trong một thể chế chính trị thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trên đây là một số ý kiến tham gia của bản thân nhằm nhấn mạnh một số vấn đề quan tâm trong dự thảo Luật về Hội, rất mong được Ban Soạn thảo Luật về Hội tham khảo.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NHƯ THẾ NÀO ĐỂ KHÔNG HẠN CHẾ ĐẾN QUYỀN LẬP HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP CỦA HỘI

Ông **TRẦN HUY LIỆU**

Sở Nội vụ Hà Tĩnh

Dự thảo Luật về Hội đã được nhiều cuộc hội thảo đóng góp ý kiến, đã được Ban soạn thảo dự thảo tới lần thứ 9. Nay tôi xin góp một vài ý kiến trực tiếp vào nội dung bản dự thảo.

Thứ nhất là về đối tượng điều chỉnh: Đây là nội dung có nhiều ý kiến tranh luận, theo tôi việc xác định 6 tổ chức chính trị - xã hội đó không thuộc đối tượng điều chỉnh là thuộc chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với các tổ chức này. Nhưng không nên quy định cụ thể như trong Dự thảo mà nên quy định: *Trừ các tổ chức có quy định riêng của pháp luật* như nhiều ý kiến góp ý trong các lần lấy ý kiến dự thảo của Bộ Nội vụ.

Thứ hai là nội dung quản lý nhà nước về Hội: Qua các ý kiến tham luận tại các cuộc hội thảo, có nhiều ý kiến cho rằng đưa nội dung quản lý nhà nước về Hội sẽ làm trói buộc, hạn chế việc thành lập và hoạt động của Hội, triệt tiêu chức năng phản biện xã hội của Hội. Tôi cho rằng lập luận như vậy là chưa thỏa đáng. Thực chất nhu cầu ban hành Luật về Hội đã được xác định sự cần thiết của công tác quản lý nhà nước về Hội, vì Nhà nước ta quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật. Vấn đề là quản lý nhà nước như thế nào để không hạn chế đến quyền lập Hội và hoạt động hợp pháp của Hội. Việc chuyển từ quy định xin phép cơ quan nhà nước hoạt động và phê duyệt điều lệ sang đăng ký

hoạt động và công nhận điều lệ Hội đã thể hiện rõ quan điểm đổi mới trong quản lý nhà nước về Hội. Dự thảo (tại Điều 6) quy định bảy nội dung quản lý nhà nước về Hội là nhằm bảo đảm cho Hội hoạt động đúng quy định của pháp luật và bảo đảm cho sự phát triển của Hội. Thực tế hiện nay cũng có những Hội nội bộ mất đoàn kết, hết nhiệm kỳ không tiến hành đại hội, bản thân nội bộ không giải quyết được, lúc này cần phải có sự can thiệp của Nhà nước. Riêng tại Khoản 3 Điều 7 quy định các Bộ chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước thì không cần thiết. Do đó, đề nghị bỏ khoản này.

Thứ ba là điều kiện thành lập Hội quy định như bản Dự thảo đã khá thông thoáng. Đề nghị điều chỉnh một số nội dung như: Khoản 1 Điều 9 chỉ cần nêu “*có mục đích hoạt động không trái pháp luật*” là đủ. Bỏ phần “*không trùng lặp về tên gọi...*” vì nội dung này đã được quy định tại Khoản 1 Điều 11, nếu ghi ở đây sẽ trùng lặp. Khoản 5 Điều 9 quy định điều kiện thành lập Hội phải có trụ sở, quy định như vậy dễ bị hiểu là phải có sở hữu về tài sản làm trụ sở, sẽ gây khó khăn không cần thiết cho việc thành lập Hội. Do đó, đề nghị sửa lại là “*có đăng ký nơi đặt trụ sở*”. Khoản 6 Điều 9 quy định điều kiện thành lập Hội phải có tài sản độc lập, theo tôi quy định như vậy là không đúng, vì quan niệm như vậy là coi Hội như tổ chức kinh tế, mặt khác khi thành lập Hội chưa thể có sẵn tài sản. Nếu quy định điều kiện này sẽ hạn chế rất lớn đến việc thành lập Hội. Do đó, tôi đề nghị bỏ khoản 6 Điều 9 và Khoản 7 Điều 12 trong bản Dự thảo.

Về thời hạn giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội và công nhận điều lệ Hội: Dự thảo quy định thời hạn 60 ngày là quá dài, nên quy định thời hạn ngắn hơn.

Nội dung cuối cùng là kết cấu một số điều còn trùng lặp, một số điều có thể ghép lại. Cụ thể là đề nghị bỏ Điều 20 - Hội viên của Hội, và Điều 45 - Giải thể Hội; Nhập Điều 43 - Chia Hội với Điều 44 - Tách Hội. Điều 31 - Ban Lãnh đạo Hội đề nghị thay bằng tên gọi khác, từ lãnh đạo thường dùng chung, có thể thay bằng Ban Thường trực Hội mới phù hợp với loại hình của Hội.

GÒ VỀ KHUÔN CHỦ QUẢN ĐỒNG NGHĨA VỚI VIỆC LÀM THUI CHỘT VAI TRÒ CHỦ ĐỘNG SÁNG TẠO CỦA HỘI

Nhà văn PHAN TRUNG HIẾU

Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Tĩnh

Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, ban hành một đạo luật riêng về Hội là việc làm cần thiết, nếu không muốn nói là muộn màng. Dự thảo Luật về Hội đã qua nhiều lần bổ sung chỉnh lý, nhưng vẫn còn gây không ít những ức chế, băn khoăn vì tính bất hợp lý ở một số điều khoản:

Thứ nhất: Dự thảo chưa thể chế hóa được những quan điểm đường lối của Đảng trong việc khẳng định vị trí vai trò của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, lực lượng lao động trí lực sáng tạo đang ngày có một địa vị quan trọng trong xã hội, trên con đường tiến tới một nền kinh tế tri thức, hội nhập và phát triển.

Quan điểm của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là *của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng xã hội do Đảng cộng sản lãnh đạo*. Việc đưa một số tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp cũng mang tính chất hội đoàn ra khỏi khu vực điều chỉnh của Luật thể hiện sự bất bình đẳng về địa lý, pháp lý với những đoàn thể chính trị - xã hội còn lại như Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật, Hội Hữu nghị... Đó là những tổ chức có hệ thống khá chặt chẽ rộng khắp với lịch sử truyền thống về

vang, luôn là đồng minh, công cụ đắc lực của Đảng. Nếu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là thành viên chiến lược của hệ thống chính trị, có chức năng tập hợp lực lượng rộng rãi, thì các tổ chức thành viên khác đều độc lập về tổ chức, bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm. Trong thời kỳ quá độ hiện nay, Luật về Hội nên dành một chương riêng quy định cho loại hình các tổ chức này.

Hạn chế của nhiều năm qua là chúng ta còn thiếu những khung pháp lý, những chính sách để giới trí thức, văn nghệ sĩ phát huy vai trò tích cực của mình đóng góp cho sự nghiệp cách mạng. Luật về Hội không thể tiếp tục tạo khoảng trống lơ lửng đối với họ. Lĩnh vực văn học nghệ thuật có một vai trò quan trọng trong hoạt động tinh thần của đời sống xã hội. V. I. Lenin cho rằng: *“Sự nghiệp văn học phải trở thành một bộ phận trong sự nghiệp của toàn thể giai cấp vô sản”*. Hồ Chủ tịch cũng đã dạy: *“Văn học nghệ thuật là một mặt trận và các văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy”*. Vai trò, vị trí của văn học nghệ thuật được khẳng định đề cao trong các văn kiện quan trọng của Đảng như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Trung ương (Khoá 8), văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, Chỉ thị 18 của Ban Bí thư, Kết luận hội nghị Trung ương 10 (Khoá IX)... Dự thảo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Khoá IX trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X thêm một lần nữa khẳng định và thể hiện sự quan tâm đặc biệt đối với lĩnh vực này.

Tuy nhiên, một sự thật đáng buồn là còn có khoảng cách giữa quan điểm, đường lối của Đảng với việc thể chế hóa của những luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước trong thời gian gần đây. Việc phá vỡ nguyên tắc đề cao tính Đảng trong xây dựng luật có thể mang lại sự chệch hướng trong việc xây dựng hệ thống chính trị, tạo vết rạn trong khối liên minh chính trị đang cố kết đấu tranh vì sự nghiệp của Đảng, nếu không muốn nói quá đi là tước bỏ quyền lãnh đạo của Đảng đối với các công cụ chiến lược của mình.

Thứ hai: Dự thảo Luật thiên về tạo dựng những khuôn phép quản lý chứ chưa quan tâm đến việc tạo điều kiện thông thoáng, cởi mở để

phát huy tính chủ động, quyền định đoạt của các tổ chức Hội. Nhiều điều khoản vẫn còn bộc lộ sự áp đặt, can thiệp quá mức cần thiết vào hoạt động của Hội. Một thiết chế của xã hội dân sự nếu đặt Hội thuộc quyền quản lý của các Bộ chuyên ngành, chủ quản thì làm sao các Hội có thể thực hiện chức năng tư vấn, phản biện và giám sát xã hội đối với các hoạt động quản lý. Hoạt động của Hội phải tách khỏi hành chính công quyền mặc dầu nó cũng có hệ thống tổ chức, hoạt động theo quy định của Điều lệ, trong khuôn khổ luật pháp.

Nắm vững tính đặc thù này, V.I. Lenin từng nhấn mạnh: *Không thể chối cãi được rằng trong lĩnh vực này cần phải tuyệt đối đảm bảo một phạm vi rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho thiên hướng cá nhân, cho tư duy, cho trí tưởng tượng, cho hình thức và nội dung.* Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khuyên các nhà quản lý: *“Chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo”*. Đảng ta cũng từng khẳng định *“Văn học nghệ thuật là một bộ phận quan trọng và nhạy cảm của văn hóa”* là chỉ ra cái hồn cốt, cái tinh túy của hoạt động văn học nghệ thuật trong nền văn hóa chứ không hàm chỉ mối liên hệ về mặt tổ chức. Cần đảm bảo sự tồn tại độc lập của tổ chức Hội trong sự phối hợp liên quan chặt chẽ với ngành văn hóa vì một mục đích chung, chứ không phải là kiểu quan hệ thứ bậc về hành chính, máy móc và khuôn phép. Tôi nhất trí về quan điểm đề nghị bỏ hẳn Khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 39 trong Dự luật. Gò Hội về khuôn chủ quản đồng nghĩa với việc làm thui chột vai trò chủ động sáng tạo của các Hội.

Thứ ba: Dự thảo luật về Hội chưa xác định rõ chức năng là đầu mối quản lý doanh nghiệp của Liên hiệp hội đối với các tổ chức thành viên. Rất cần xác định mối quan hệ dọc, ngang để Liên hiệp hội phát huy quyền và trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các tổ chức trong cùng lĩnh vực. Đây là mối quan hệ trong cùng một nhà, nhưng cũng cần định rõ thứ bậc: Trung ương, tỉnh, huyện và các tổ chức trực thuộc ngang cấp. Ví như Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam hiện nay đã có 10 hội chuyên ngành trung ương và 64 Hội của

các tỉnh, thành phố. Tất cả đều có đại diện chủ trì làm thành viên chính thức của Ủy ban liên hiệp theo tinh thần hiệp thương, dân chủ. Lâu nay, Liên hiệp hội Văn học Nghệ thuật dần trở thành đầu mối quan trọng trong việc tập hợp, tạo diễn đàn chung cho giới văn nghệ sĩ cả nước và có những hoạt động cụ thể tác động tích cực đến sự phát triển của các tổ chức thành viên. Trong phạm vi một địa phương, Liên hiệp hội Văn học Nghệ thuật tỉnh, thành phố lập ra các ban chuyên ngành, chuyên môn và các tổ chức trực thuộc như các Chi hội chuyên ngành... Nhiều nơi, các tổ chức câu lạc bộ văn nghệ cấp huyện thị, ngành cũng có chung nguyện vọng được trở thành thành viên chính thức của Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật cấp tỉnh, mặc dầu họ rất cần sự hỗ trợ tài chính của địa phương. Nếu Luật quy định rõ thêm về chức năng quyền hạn của Liên hiệp hội, mối quan hệ này sẽ thực sự tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phát triển?

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC KHÔNG ĐƯỢC KIÊM NHIỆM ĐỨNG ĐẦU HỘI CÙNG LĨNH VỰC

Nhà báo NGUYỄN QUỐC KHANH

Chủ tịch Hội nhà báo Hà Tĩnh

Nghiên cứu Dự thảo lần thứ 9 Luật về Hội, về cơ bản tôi nhất trí với nội dung các chương, điều, khoản, viết trong luật. Tuy nhiên tôi thấy còn một số vấn đề cần trao đổi như sau:

1. Ở Điều 3, Khoản 2 quy định Luật này không áp dụng với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh và tổ chức tôn giáo là không hợp lý. Theo tôi chỉ có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức tôn giáo là tổ chức có tính đặc biệt của nhà nước ta, do đó cần có quy định riêng, cao hơn cũng có thể có luật riêng. Còn các tổ chức còn lại không nên để ngoài sự điều chỉnh của luật này. Quan điểm này mang nặng tư tưởng bao cấp 100% cho các tổ chức được gọi là chính trị - xã hội này. Trong lúc đó nhiều Hội của tầng lớp trí thức như Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Hội Nhà báo... có vai trò quan trọng trong công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập toàn cầu, trong thời kỳ kinh tế tri thức, lại không thuộc các hội chính trị - xã hội, gây ra sự phản ứng của tầng lớp trí thức, cho rằng Nhà nước chưa thấy rõ vai trò của trí thức nên có sự phân biệt đối xử. Do đó, Luật về Hội như vậy không động viên được tầng lớp trí thức, gây ra cái chón không hay trong liên minh

công-nông. Mặt khác nếu một tổ chức chính trị - xã hội chỉ chịu sự điều chỉnh của các văn bản dưới luật cũng không có lý ở chỗ Nhà nước ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền, tất cả phải chịu sự điều chỉnh của luật pháp, mà mỗi đoàn thể ra một luật riêng thì quá nhiều luật, dẫn đến loạn luật. Loạn luật dẫn đến luật kém hiệu quả!

2. Ở Điều 7, Khoản 4: theo tôi cần ghi rõ các loại hình Hội:

a. Hội có hệ thống ngành dọc theo hệ tổ chức nhà nước đến một cấp nào đó

b. Hội không có hệ thống ngành dọc

c. Hội có đăng ký hoạt động và Hội không đăng ký hoạt động.

Với Hội có hệ thống ngành dọc và có đăng ký hoạt động, cần quy định rõ chịu sự quản lý nhà nước của chính quyền cùng cấp và sự hướng dẫn nghiệp vụ của Hội cấp trên trực tiếp. Với Hội không có hệ thống ngành dọc, nhưng cũng có đăng ký hoạt động thì chịu sự quản lý trực tiếp của cấp chính quyền địa bàn Hội đó hoạt động. Về nội dung hoạt động của các Hội không có ngành dọc thì các Hội này tự đề ra và tự chịu trách nhiệm. Đối với Hội không đăng ký hoạt động thì không có tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, tất cả các Hội đều phải chịu sự quản lý của Nhà nước, chịu trách nhiệm trước pháp luật, thậm chí có loại Hội phải cấm thành lập như Hội cờ bạc, Hội nghiện rượu, nghiện hút...

3. Tôi không tán thành Điều 39, Khoản 1, rằng Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào thì chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó. Vì như vậy sẽ dẫn đến:

a. Hành chính hóa vai trò, chức năng, hình thức hoạt động của Hội. Làm mất tính dân chủ rộng rãi của các Hội.

b. Vô hiệu hóa chức năng giám sát, giám định, phản biện của các Hội trên từng lĩnh vực.

c. Giảm sự gắn kết của hệ thống dọc các Hội, làm ảnh hưởng rất lớn đến việc trao đổi thông tin mang tính đặc trưng của từng Hội, sự giao

lưu giữa các Hội cùng cấp trong cả nước. Từ đó không ít Hội không biết hoạt động gì, hoạt động như thế nào.

d. Bản thân các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay vẫn chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ được giao, nên rất ít am hiểu về cách thức hoạt động mang tính tự nguyện, dân chủ, tự chịu trách nhiệm của các Hội. Nhập vào như Điều 39 chẳng khác gì trong một sở có hai phòng cùng làm một nhiệm vụ. Vậy ai làm quản lý và ai giám sát, phản biện? Bên phòng chuyên môn thì có biên chế, có ngân sách bao cấp, bên Hội thì không biên chế, ngân sách chỉ hỗ trợ một phần, hỏi ai coi Hội ra gì nữa!

4. Lâu nay do các cấp lãnh đạo chưa thật sự coi trọng vai trò, chức năng, tác dụng của các Hội. Mặt khác do cấp Ủy, chính quyền cùng cấp vẫn mang nặng quan điểm bao biện, bao cấp, nên khi chọn nhân sự vẫn dự định người đứng đầu các Hội trước, sau đó cho Đại hội bầu. Đây là dân chủ hình thức, sẽ dẫn đến tình trạng hầu hết người đứng đầu các Hội cũng là Giám đốc các Sở cùng lĩnh vực, vô hình chung biến Hội thành cái bóng của các Sở, đồng thời các Hội cũng lấy đó làm chỗ dựa dẫm về một số mặt, nhất là kinh phí.

Thực tế cho thấy một số nơi cử Phó giám đốc Sở, ngành kiêm đứng đầu tổ chức Hội cùng lĩnh vực. Mỗi một hoạt động của Hội đều phải trình xin ý kiến chỉ đạo của Giám đốc, qua đó xin bố trí thời gian, hội trường, kinh phí, v.v. Giám đốc quan tâm thì được tiến hành, nếu không quan tâm thì không cho phép. Vì thế, tiếng nói của Hội trở nên nhẹ ký trước hội viên. Từ đó rất ít Hội làm nổi chức năng giám sát, giám định, phản biện như Luật cho phép và đòi hỏi! Vì vậy, tôi đề xuất Luật về Hội nên quy định: *Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước không được kiêm nhiệm chức vụ đứng đầu tổ chức Hội cùng lĩnh vực.*

5. Điều 43 và điều 44, Khoản 3: Cần thêm “tạm thời” sau cụm từ “của Hội bị chia” và “của Hội bị tách”. Chỉ tạm thời thôi, bởi sau khi chia, tách các Hội đều phải tiến hành Đại hội, chính thức thảo luận, bỏ

sung, sửa đổi Điều lệ, và như vậy thì nhiều vấn đề sẽ thay đổi. Riêng các Liên hiệp hội tách ra thì các Hội sẽ có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có thể rất khác khi còn nằm trong Liên hiệp hội.

6. Tuy nhiên để hoạt động được, các Hội cần được phép thành lập các công ty trực thuộc thực hiện chức năng như dạy nghề, tư vấn, dịch vụ làm dự án... có thu, theo quy định của pháp luật. Các đơn vị này cần thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trước pháp luật, với sự xem xét, ưu đãi một mức độ nhất định chứ không thể như các công ty hoàn toàn làm việc sản xuất kinh doanh không gắn với một trách nhiệm xã hội nào đối với cộng đồng. Không có kinh phí thì không tổ chức nào hoạt động được. Do đó, để tránh gánh nặng ngân sách phải bao cấp thì phải cho các Hội làm kinh tế, chứ không thể hoạt động phi lợi nhuận. Không thể đòi hỏi các Hội, nhất là Hội nghề nghiệp, chỉ thực hiện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên và cộng đồng; góp phần phát triển đất nước như Khoản 1 Điều 4 được. Hoạt động của Hội mà không đem lại lợi ích vật chất cho hội viên là không có sức hút người ta vào Hội.

LUẬT VỀ HỘI PHẢI XÂY DỰNG BÌNH ĐẲNG TRÊN NGUYÊN TẮC LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ

PGS. TS. NGUYỄN NGỌC MINH

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thừa Thiên-Huế

Tôi đã đọc kỹ Dự thảo lần thứ 9 Luật về Hội do Bộ Nội vụ chủ trì soạn thảo và Dự thảo lần thứ 7 Luật về Hội do Liên hiệp hội và các tổ chức thành viên hình thành dưới dạng một bản Dự thảo về Hội. Nhìn chung, theo ý kiến tôi, cái nút của vấn đề chính là ở Điều 3 và về Đối tượng áp dụng trong Chương I: Những quy định chung. Còn các phần khác cũng không quan trọng lắm, vì hầu như tất cả đều bị chi phối bởi điều cốt yếu ấy.

Tôi xin tập trung đi thẳng vào Điều 3 và xin phát biểu một cách thẳng thắn.

Phải nói một cách trung thực là thời gian vừa qua, các khó khăn cho hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, và có thể với một số Hội Liên hiệp hoặc một số Hội khác có liên quan đến vai trò, vị trí và sự cần thiết của các tổ chức đó trong hệ thống chính trị ở Việt Nam. Cần phải tách bạch các Hội chính trị xã hội với Hội xã hội nghề nghiệp mà trong Điều 4 giải thích từ ngữ Phần 1 đã định nghĩa: *Hội là tổ chức tự nguyện, có tư cách pháp nhân, hoạt động thường xuyên, không vì mục đích lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên và cộng đồng, góp phần phát triển đất nước* (đúng với Hội xã hội, nghề nghiệp và Hội nghề nghiệp).

Như vậy rõ ra là Hội thuộc loại này được thành lập với mục đích

chính là để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên và cộng đồng, và đương nhiên có góp phần phát triển đất nước. Đó là một điều không bắt buộc, không nhất thiết phải có và muốn có phải xin để thành lập.

Còn Hội mang tính chất chính trị - xã hội thì do yêu cầu của thể chế chính trị, dựa trên nền tảng liên minh công nông và các tầng lớp trí thức, thì các Hội này mang ý nghĩa tập hợp lực lượng, cần có sự lãnh đạo thống nhất để thực hiện những nhiệm vụ chính trị là chủ yếu, sau đó sẽ là về xã hội, bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên.

Loại Hội này là do Nhà nước thành lập, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị. Vì thế đã có Hội của giai cấp công nhân (Tổng Liên đoàn Lao động và các Liên đoàn Lao động địa phương, ngành nghề), Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, của Mặt trận Tổ quốc... Vậy, tại sao Hội của tầng lớp trí thức lại không được áp dụng đúng theo vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nó trong cơ chế chính trị ở Việt Nam?

Phải nói thêm rằng Nghị định 88 trước đây chính là tiền thân của Luật về Hội, đã gây khó khăn không ít cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật (chúng tôi không phủ nhận là một số địa phương cũng đã có sự quan tâm giúp đỡ của các cấp Ủy Đảng, chính quyền, các sở chức năng...) mà thực ra là phải vận dụng, và cũng chính vì vận dụng nên có thể linh hoạt và không giống nhau, không theo một mô hình thống nhất về biên chế, kinh phí, trụ sở, phương tiện...

Cũng kỳ lạ là có những Hội không hề được xếp vào loại Hội đặc biệt nào, nhưng lại có tổ chức rất chặt chẽ bốn cấp từ Trung ương đến cơ sở và có bộ máy thống nhất, có trụ sở, có biên chế, có phương tiện, có phụ cấp đến tận cơ sở. Tôi cảm thấy Hội Chữ thập đỏ xứng đáng được nhận vinh dự ấy, vì cũng rất quan trọng.

Vậy chỉ cần thêm vào Khoản 2 của Điều 3 một hàng sau dòng *Tổ chức tôn giáo*, có một đoạn ngắn là *các tổ chức chính trị khác* là đủ (trong

tổ chức chính trị đó có thể là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật, Hội Nhà báo...).

Từ cái nút đó được giải quyết một cách minh bạch, nó sẽ mang đến một sự nhất quán về mặt chính trị, nhất quán về chủ trương của Đảng (Chỉ thị 45 của Ban Bí thư và Kết luận 145 của Ban Bí thư, tiếp tục coi Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, với sự điều hành về mặt nhà nước).

Nếu để Liên hiệp hội nằm trong đối tượng phải áp dụng trong Luật về Hội đang soạn thảo có nghĩa là đã mâu thuẫn với Chỉ thị 45 và Kết luận 145 là không coi trí thức là lực lượng gắn bó với liên minh công - nông - trí trong thể chế chính trị cơ bản của đất nước.

Các ý kiến được nhắc lại trong rất nhiều cuộc hội thảo về luật Hội đã được sự đồng tình cao của Liên hiệp hội địa phương, Liên hiệp hội ngành nghề và được kiến nghị như một đóng góp vào đề cương Đại hội X của Đảng. Một khi nó được nằm trong đối tượng không áp dụng trong Luật về Hội thì có lẽ sẽ không còn phải bàn thảo gì nhiều, và Luật về Hội là hoàn toàn phù hợp với các Hội xã hội, nghề nghiệp hay Hội nghề nghiệp.

Như vậy, Liên hiệp hội cũng không cần phải soạn thảo một Dự thảo Luật đến lần thứ 7, Bộ Nội vụ không phải soạn thảo đến lần thứ 9, và ắt hẳn cũng không cần phải có sự tốn kém về công sức, tiền của, tổ chức hội thảo, thời gian của không biết bao nhiêu tổ chức cá nhân các nhà nghiên cứu... như hiện nay...

LUẬT VỀ HỘI CẦN PHẢI CỎI MỎ HƠN

Ông NGUYỄN THANH VÂN

Hội Công nghệ Sinh học Thanh Hóa

Luật về Hội là để: Quản lý hoạt động của Hội, ghép các hoạt động đó vào khung khổ quản lý của Luật; Tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý cho các Hội hoạt động tự chủ hơn, năng động hơn góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Trên quan điểm đó, sau khi đọc kỹ bản thảo Luật về Hội, tôi nhận thấy:

1. Nước ta đang trên con đường hội nhập quốc tế, người làm luật Hội nên tham khảo Luật về Hội của các nước, kể cả các nước tiên tiến, đặc biệt là các nước trong khu vực để xây dựng luật Hội của nước ta để Luật của ta không lạc lõng, tụt hậu so với Luật Hội các nước khác.

2. Trước khi là hội viên, người hội viên đó đã là công dân của nước Việt Nam, mọi hoạt động phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật. Các cá nhân, tổ chức của nước ngoài hoạt động ở Việt Nam đều phải tuân theo pháp luật của Việt Nam. Khi tham gia Hội, hội viên chỉ cần tuân theo Luật Hội. Vì vậy, luật về Hội chỉ cần tạo ra một khung pháp lý, những điều cấm kỵ tối thiểu nhằm tạo dựng một môi trường pháp lý rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho Hội hoạt động như:

- Thực hiện đúng pháp luật và những quy định của Nhà nước
- Không vi phạm lợi ích dân tộc và an ninh quốc gia
- Không vi phạm lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cộng đồng và cá nhân khác.

Luật không nên can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của Hội, không nên làm thay điều lệ của Hội như quy định nhiệm kỳ, nội dung đại hội, nguyên tắc biểu quyết, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo Hội, v.v. Nhà nước can thiệp vào đó chỉ làm mất đi tính chủ động, tự chủ, tự quản và tính linh hoạt, năng động của Hội.

Nhà nước quản lý Hội chỉ theo một cửa. Chính phủ ra quyết định thành lập các Liên hiệp hội, các Hội ở Trung ương, Ủy ban Nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập các Hội ở địa phương. Để giúp Nhà nước quản lý Hội có thể giao cho Bộ Nội vụ và các Sở Nội vụ ở các tỉnh theo dõi, giúp đỡ và quản lý Hội. Nội dung quản lý cũng nên gọn nhẹ, chỉ cần các Hội báo cáo hàng năm xem họ hoạt động thế nào? Có gì cần Nhà nước hỗ trợ, có vi phạm pháp luật và Luật của Hội không? Không nên để Hội phải chịu sự quản lý của nhiều Bộ. Có nhiều bộ chủ quản sẽ gây nên sự pha trộn giữa quản lý Nhà nước, quản lý hành chính.

3. Để tạo sự bình đẳng, tạo thuận lợi cho các Hội hoạt động, trong chương quyền và nghĩa vụ của các Hội nên quy định rõ một số quyền, như:

- Quyền được tham gia hoạch định, phản biện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực hoạt động có liên quan đến Hội
- Quyền giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước có liên quan đến Hội (như một số tổ chức dân sự)
- Quyền được hoạt động dịch vụ, kinh doanh theo đúng pháp luật để tạo nguồn vốn mở rộng hoạt động của Hội
- Quyền được quan hệ quốc tế theo đúng pháp luật
- Quyền được nhận tài trợ trong và ngoài nước về mục đích hỗ trợ cho hoạt động của Hội
- Quyền được thực hiện các nhiệm vụ do Điều lệ Hội quy định.

4. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật là một tổ chức chính trị

xã hội. Liên hiệp hội tập hợp một đội ngũ trí thức rất lớn, cả những người đang công tác và người đã về hưu trong mọi hoạt động khoa học - công nghệ của cả nước. Trong Liên hiệp hội có nhiều Hội thành viên ở Trung ương và địa phương, có nhiều bộ phận trực thuộc, nhiều tờ báo. Nước ta chủ trương phát triển đất nước lấy khoa học - công nghệ làm động lực, coi đó là nhiệm vụ then chốt, hơn nữa chúng ta đang từng bước tiếp cận nền kinh tế tri thức. Vì vậy nên có sự bình đẳng, công bằng giữa Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật với các Hội khác. Nên đánh giá vai trò, vị trí, tầm quan trọng, quy mô hoạt động và đóng góp thiết thực, hiệu quả của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật vào sự nghiệp phát triển của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức hoạt động sử dụng tiềm năng và trí tuệ to lớn cống hiến cho đất nước.

Giao chủ quyền cho Liên hiệp hội và các Hội thành viên được phép thành lập các đơn vị trực thuộc, không cần phải xin phép mà chỉ cần đăng ký hoạt động cho từng lĩnh vực.

Rất mong sao cho khi Luật và Hội ra đời các Hội đều vui mừng: Từ nay hoạt động của Hội đã được Nhà nước bảo trợ, tạo điều kiện thuận lợi...

DỰ THẢO ĐANG NẶNG VỀ QUẢN LÝ MẶT TRÁI CỦA HỘI

Luật sư TRẦN KHẮC THUẬN

Phó chủ tịch thường trực Hội Luật gia Nghệ An

Qua bản Dự thảo Luật về Hội, có thể nhận thấy một điều là các nhà dự thảo luật chưa thấy được giá trị hoạt động của các tổ chức Hội ở Việt Nam. Thực tế hiện nay đang có hai xu hướng xây dựng Luật về Hội:

Xu hướng thứ nhất là Luật về Hội phải khai thác được tiềm năng của tổ chức Hội tham gia cùng Đảng và Nhà nước xây dựng xã hội Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Xu hướng tư tưởng và nhận thức thứ hai cho Hội không có tác dụng gì, ban hành luật là để quản lý những mặt trái có thể xảy ra có hại cho đất nước.

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan soạn thảo Luật về Hội cần có đánh giá đúng tác dụng hoạt động của các Hội trong sự nghiệp Đổi mới hiện nay của Đảng và Nhà nước

Tổ chức phi chính phủ hoạt động có hiệu quả cho công việc của chính phủ với một chi phí thấp nhất. Điều này được chứng minh bằng các yếu tố sau:

Hội là tổ chức thực hiện tốt nhất chủ trương của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội hiện nay bởi Hội có ba thế mạnh để đảm bảo xã hội hóa lĩnh vực công việc có liên quan đến tổ chức Hội.

Thế mạnh thứ nhất là có số lượng đông gấp trăm ngàn lần số biên chế của Nhà nước đang quản lý lĩnh vực chuyên môn tương ứng. Mâu thuẫn hiện nay là luật ban hành nhiều nhưng chuyển tải đến người dân và đưa pháp luật vào cuộc sống còn rất hạn chế. Tình trạng cán bộ công chức nhà nước quản lý nhà nước theo pháp luật nhưng không hiểu pháp luật. Người dân thực hiện khẩu hiệu *“Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật”* nhưng cơ quan nhà nước không đủ biên chế cán bộ để tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho dân, do đó người thực thi pháp luật cả cán bộ và nhân dân không biết, không hiểu nên tình trạng vi phạm pháp luật vẫn là phổ biến.

Hội Luật gia là một tổng hợp lực, tập hợp và điều hành phân công luật gia ở tất cả các cơ quan pháp luật của Nhà nước để thực hiện xã hội hóa một số hoạt động tư pháp mà các cơ quan riêng rẽ không có thẩm quyền điều hành cán bộ ngoài cơ quan mình.

Chỉ thị 56 của Bộ Chính trị nêu rõ: *“Để thực hiện chủ trương xã hội hóa một số hoạt động trong lĩnh vực tư pháp và phát huy vai trò của Hội Luật gia trong việc giữ vững chủ trương pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong xã hội. Hội Luật gia cần tập trung làm tốt công tác tư vấn pháp luật miễn phí cho người nghèo và những đối tượng chính sách, phấn đấu để Hội trở thành lực lượng nòng cốt trong công tác này”*.

Thế mạnh thứ hai là: Trí tuệ của hội viên các Hội. Hội viên các Hội tập hợp hầu hết là cán bộ nhà nước đã nghỉ hưu, số cán bộ này tuy nghỉ công việc nhà nước theo luật lao động, nhưng trí tuệ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp là ở đỉnh cao, thậm chí cao hơn cán bộ công chức nhà nước đang làm việc.

Thế mạnh thứ ba là: Hoạt động của hội viên hầu hết tự giác tự nguyện và không phải chi phí thù lao. Đặc tính của người về hưu là muốn có việc làm, lấy công việc làm vui nên các tổ chức Hội tập hợp, tạo việc làm cho hội viên để họ tiếp tục cống hiến cho xã hội là mục đích cao cả nhất, và lại họ đã có chế độ đãi ngộ của Nhà nước, nên họ không hội phải có chi phí nhưng họ vẫn làm việc hăng say.

2. Giá trị pháp lý và tư tưởng chủ đạo của Luật không được thấp hơn chỉ đạo cụ thể của Đảng và Nhà nước đối với các Hội

Ví dụ, Chỉ thị 19 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc lãnh đạo công tác của Hội Luật gia có nội dung: *Hội Luật gia Việt Nam là một tổ chức thống nhất của những người làm công tác pháp luật trong cả nước, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hoạt động của Hội có vị trí quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền, góp phần thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Hội có nhiệm vụ huy động giới luật gia tích cực tham gia nghiên cứu chuẩn bị các dự án luật, đáp ứng kịp thời công cuộc đổi mới, tuyên truyền phổ biến pháp luật, xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật và đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật, chống tham nhũng, buôn lậu và những tệ nạn xã hội khác.*

Điều lệ của Hội Luật gia được Bộ Nội vụ phê duyệt... tự nguyện hoạt động vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của nhân dân, góp phần xây dựng nền khoa học pháp lý, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

Trong khi đó các Dự thảo Luật về Hội chưa có điều khoản nào chủ đạo thể hiện chủ trương đường lối của Đảng và công tác Hội. Dự thảo lần thứ 9 chỉ đặt ý này ở Điều 4 là giải thích từ ngữ.

3. Cần phải phân loại Hội để Nhà nước có tác động tương ứng khuyến khích, tạo điều kiện cho những tổ chức Hội thực sự không thể thiếu được trong sự nghiệp xã hội hóa một số lĩnh vực trong đời sống xã hội, có lợi cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội.

Đối với một số Hội, ví dụ như Hội Luật gia, nếu không có sự tài trợ của Nhà nước là không thể hoạt động được. Nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười đã từng nói *"Hội Luật gia không phải là tổ chức kinh tế, không có chức năng kinh doanh nên Nhà nước cần có chính sách tài trợ cho Hội"*. Nội dung này chưa có trong dự thảo Luật về Hội.

Đối với một số Hội khác như Hội Khuyến học, Hội Người cao tuổi, Hội Làm vườn... cũng vậy, cần phải có sự xác định rõ vai trò của các Hội này trong sự ổn định và phát triển chung. Vấn đề này chưa có trong dự thảo.

Tóm lại: Dự thảo đang nặng về quản lý mặt trái của Hội, chưa có cơ chế động viên mặt tích cực, khai thác tiềm năng và thiếu cụ thể hóa, minh bạch về chính sách của Nhà nước về từng loại tổ chức Hội.

LUẬT VỀ HỘI HỢP LÝ, KHOA HỌC SẼ TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO CÁC HỘI PHÁT TRIỂN

Ông LÊ CÔNG LƯƠNG

Phó chủ tịch, Tổng thư ký

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Tĩnh

Từ khi khởi thảo đến nay, Dự thảo Luật về Hội đã thu hút được sự quan tâm của nhiều tổ chức và đông đảo các nhà khoa học, luật gia trong nước. Đây cũng là lần đầu tiên ngoài dự thảo của Ban Soạn thảo do Bộ Nội vụ chuẩn bị, còn có một Dự thảo Luật về Hội do các nhà khoa học, các luật gia dưới sự chủ trì của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cùng đưa ra để tham khảo, xem xét. Điều này một mặt nói lên sự dân chủ của xã hội ta, mặt khác đã nói lên tầm quan trọng và ảnh hưởng sâu rộng của Dự thảo Luật về Hội đối với nhiều tổ chức và cá nhân nằm trong đối tượng điều chỉnh của Luật. Sau đây tôi xin đóng góp một vài ý kiến cho hai dự thảo Luật.

1. Dự thảo Luật về Hội lần thứ 9 của Bộ Nội vụ chuẩn bị

Dự thảo do Bộ Nội vụ trình bày đã tới lần thứ 9, nhiều cuộc hội thảo lấy ý kiến của các tổ chức các nhà khoa học, các luật gia từ cấp cơ sở đến quốc gia đã được tổ chức. Tiếc rằng sau nhiều lần hội thảo góp ý, “*nhưng nội dung của bản Dự thảo về cơ bản vẫn được “kiên trì” giữ nguyên. Xem chừng Ban Soạn thảo bỏ ngoài tai những điều góp ý chân thành của các Liên hiệp hội, tổ chức Hội từ Trung ương tới địa phương, của các luật gia, của những người có tâm huyết với hoạt động Hội và sự phát triển của xã hội*”

(GS.TS. Nguyễn Hữu Tăng - Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật). Nhìn chung theo ý kiến của một số nhà khoa học, Dự thảo lần thứ 9 vẫn thể hiện tư duy cũ, bảo thủ và nặng về tính quản lý áp đặt của Nhà nước, thiếu tầm nhìn chiến lược không phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, đa phương hóa hiện nay. Điều này vừa không phù hợp với xu thế thời đại, vừa không thuận lợi cho các tổ chức Hội trong quan hệ hợp tác quốc tế. Đi sâu vào một số vấn đề cụ thể, tôi xin có một số ý kiến sau:

Về đối tượng áp dụng: Điều 3, Chương I

Đây là một vấn đề được các tổ chức lớn như Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật quan tâm và đã nhiều lần kiến nghị, nhưng Dự thảo lần thứ 9 vẫn không hề sửa đổi. Điều này vừa thể hiện không nhất quán với tư tưởng của Đảng (Chỉ thị 45-CT/TU của Bộ Chính trị Khoá VIII, đã khẳng định Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật là tổ chức chính trị - xã hội), vừa thể hiện sự thiếu bình đẳng giữa các Hội. TS. Phạm Hữu Nghị - Tổng biên tập *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* cho rằng: “Việc không đưa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức tôn giáo vào phạm vi điều chỉnh của Luật về Hội là chưa có sức thuyết phục. Phải chăng các tổ chức này được coi như là cơ quan nhà nước hoặc được coi là các tổ chức đặc biệt không mang tính chất của Hội? Nên không nói đến vấn đề này. Không nên có Khoản 2 Điều 3”.

Do vậy, chúng tôi tiếp tục kiến nghị: Tất cả các tổ chức chính trị - xã hội đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật về Hội hoặc đưa các Hội của trí thức ra khỏi phạm vi điều chỉnh như các tổ chức chính trị - xã hội khác. Chừng nào còn nói đến Liên minh công nhân - nông dân - trí thức thì không nên có sự phân biệt đối xử. Nói như GS.VS. Vũ Tuyên Hoàng: *Hội của trí thức phải được đặt ngang hàng với các Hội của Công - Nông.*

Về vấn đề quản lý nhà nước đối với Hội

Mặc dù đã có một vài điều chỉnh nhưng Dự luật lần thứ 9 vẫn nghiêng về quản lý nhà nước với Hội. Quá coi trọng vấn đề quản lý

nhà nước đối với Hội mà coi nhẹ quyền chủ động, quyền tự định đoạt, quyền quyết định của Hội sẽ là một điều bất cập. Luật chỉ nên quy định những phạm vi bị cấm, còn ngoài phạm vi đó ra thì nên để người ta chủ động làm mới là điều hợp lý. Điều 7 của Dự thảo luật mặc dù đã được góp ý nhưng vẫn không hề có sự thay đổi nào. Khoản 3 Điều 7 quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động Hội trong lĩnh vực được giao là gây khó khăn phiền phức cho các Hội, vì thực tế nhiều khi một Hội lại liên quan đến nhiều Bộ, ngành. Nếu như Bộ, ngành nào cũng đòi kiểm tra, báo cáo thì rất phức tạp. Khoản 4 Điều 7 thể hiện sự thiếu sâu sát của Ban Soạn thảo vì hiện nay ở nhiều địa phương Liên hiệp hội đã có mạng lưới đến huyện thị, phường xã. Nếu không phân cấp quản lý cho chính quyền cấp dưới thì Ủy ban Nhân dân tỉnh không thể xử lý xuế vì số lượng Hội quá đông.

2. Dự thảo về Luật Hội do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chuẩn bị

Đây là một cố gắng lớn của các nhà khoa học, các luật gia. Thực sự đây là một việc làm từ xưa đến nay chưa có tiền lệ. Người bị điều chỉnh bởi luật lại tự tham gia soạn thảo luật. Trong một thời gian ngắn, lại không được sự hỗ trợ kinh phí của chính phủ mà làm được như vậy là một sự cố gắng lớn. Tất cả cũng chính vì những góp ý của họ không được Ban Soạn thảo của Bộ Nội vụ tiếp thu. Họ phải làm vì họ. Nhưng quan trọng hơn là vì một sự công bằng dân chủ và hợp lý với hy vọng có một Luật về Hội phù hợp với thông lệ quốc tế, với xu thế thời đại, tạo điều kiện cho các Hội hoạt động thuận lợi, góp phần đắc lực vào sự phát triển chung của đất nước.

Dự thảo Luật về Hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã kế thừa và phát triển được những giá trị của *Sắc lệnh 102/SL/L004 ngày 20/5/1957*, về “*Quy định quyền lập Hội*” (Do Hồ Chủ tịch ký) và Điều 69 Hiến pháp năm 1992 của Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt

Nam: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập Hội, biểu tình theo quy định của pháp luật*”. Như vậy, hoạt động của Hội, của các tổ chức nhân dân, là Quyền Hiến định. Đặc biệt Hội đã thể hiện được sự bao quát chung đối với các loại hình Hội, từ các Hội quy mô toàn quốc cho đến các Hội cơ sở, Hội có đăng ký (ví dụ như Hội Khoa học và Kỹ thuật chuyên ngành...) và không đăng ký (ví dụ như Hội đồng niên, đồng khoa...), sự phân cấp quản lý cũng rõ ràng hơn, dễ quản lý hơn. Đặc biệt Dự thảo luật của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phù hợp với xu thế thời đại và bình đẳng dân chủ giữa các Hội.

Trên đây là một số vấn đề góp ý cho Dự thảo luật lần thứ 9 của Ban Soạn thảo do Bộ Nội vụ chủ trì và Dự thảo lần thứ 7 do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì. Vấn đề theo tôi là cần phải tìm ra được tiếng nói chung để có được một Dự thảo Luật hợp lý, khoa học, khách quan được các Hội chấp nhận trình ra Quốc hội. Tôi thiết nghĩ rằng soạn thảo, ban hành một dự luật cũng như xây dựng một ngôi nhà. Nếu ngôi nhà được thiết kế, xây dựng hợp lý, khoa học thì sẽ vừa đẹp vừa có thể sử dụng lâu dài, không phải sửa chữa. Ngược lại, nếu thiết kế không hợp lý, không khoa học, sinh hoạt không thuận tiện thì phải sửa chữa lại ngay hoặc không sử dụng được. Hy vọng rằng Ban Soạn thảo Luật của Bộ Nội vụ sẽ đổi mới tư duy, tiếp thu những ý kiến xác đáng của các nhà khoa học, các luật gia để hoàn thiện lại dự thảo trước khi trình Quốc hội, để luật đi vào lòng người, vào cuộc sống và có một sức sống lâu bền góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Hội trong công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Có hai ý kiến rất đáng chú ý trong cuộc hội thảo lần này, thứ nhất là ý kiến của bác sĩ Nguyễn Xuân Hương, Ủy viên Ủy ban các Vấn đề xã hội của Quốc hội, Chủ tịch Hội Đông Y Việt Nam. Không đề cập trực tiếp đến đối tượng điều chỉnh của luật, nhưng ông lại có những suy nghĩ rất thâm thúy:

“Luật về Hội ra đời là cần thiết để các Hội chúng ta được sống trong pháp luật. Chúng tôi hoan nghênh luật này ra đời. Nhưng đừng vì Luật Hội mà mất đi sự đoàn kết. Tách bạch các tổ chức chính trị - xã hội ra khỏi luật thì không hay...”. Tuy nhiên, khi phát biểu về những nội dung khác của Luật, ông lại rất thẳng thắn: “Tôi đã góp ý kiến nhiều cho Ban Soạn thảo, vậy nhưng chỉ thấy được chấp nhận vài điểm vặt vãnh. Đến Dự thảo 9 tôi vẫn thấy có mấy điểm chưa thống nhất. Về không vụ lợi, rồi nay lại không vì lợi nhuận. Xin lỗi, toàn nói những cái trái khoáy. Vì tự chủ (về tài chính) mà không vì vụ lợi thì như chúng tôi bán thuốc bắc mà không lấy tiền thì lấy gì ăn...?”

Tập trung mọi quan tâm vào vấn đề hết sức cụ thể: quyền và nhiệm vụ của Hội, bác sĩ Hướng đã tỏ ra là người nắm rất chắc về những nguyên tắc cơ bản khi xây dựng một bộ luật. Tuy nhiên, cũng chính vì vậy mà ông đã hết sức thất vọng: *“Tôi quan tâm nhất là Điều 38 và 39 của Dự thảo 9. Đây là những điều quan trọng, nhưng nói chung là vẫn không rõ ràng. Còn khen thưởng, tài chính, chia tách, sáp nhập... là chuyện vớ vẩn, không cần tốn quá nhiều công sức. Ở ta chia tách, sáp nhập lắm chuyện chứ trên thế giới không ai làm thế. Ví dụ, nhiệm vụ của chúng tôi là khám bệnh, thừa kế nghề truyền thống. Các Hội khác cũng có quyền, nghĩa vụ, như nhà báo, nhà văn có quyền viết... Miễn sao đừng chống lại Đảng, Nhà nước là được...”*

Việc quản lý nhà nước và quản lý hành chính, theo ông cũng cần phải xác định rõ là hai lĩnh vực khác nhau. Đề nghị nhà báo Nguyễn Quốc Khanh gửi cho các Ủy ban của Quốc hội tham luận của mình, ông tỏ ra rất tâm đắc với ý kiến này, vì theo ông thì: *“Chúng tôi quan tâm và hoan nghênh những bài viết như vậy, vì có thông tin tốt cho chúng tôi chỉnh sửa...”*

Kết luận như sau của một Ủy viên Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội quả đáng để cho các nhà soạn thảo luật nên suy nghĩ, tuy có thể có điều chưa vừa ý: *“Tôi chưa ưng ý nào trong Dự thảo luật này. Đọc Nghị định 88 đến giờ thấy Dự thảo, rồi Điều lệ của Hội cũng có một form (mẫu) như nhau, không có gì thay đổi cả. Ban Soạn thảo được cấp trên chỉ đạo phải làm thì phải tuân thủ, còn nếu tự làm thế này là không được...”*

Ý kiến đáng chú ý thứ hai là của TS. Lê Quang Ủy, Ủy viên đoàn Chủ tịch Liên hiệp hội Hà Tĩnh. Với cách lập luận sắc sảo và những so sánh rất cụ thể, ông đã đưa ra nhiều kết luận khá bất ngờ và táo bạo:

“Với bản Dự thảo Luật về Hội lần thứ 9 của Bộ Nội vụ đưa ra thì tôi khẳng định đây là một bản Điều lệ chứ không phải Luật. Đọc lại Sắc lệnh của Bác Hồ ký thấy còn toàn diện hơn. Chỉ có 12 điều thôi, nhưng nhất quán trong tư tưởng của Bác là xây dựng Nhà nước dân chủ của dân. Nay trong lúc xã hội dân chủ đang tiến lên mạnh, trở thành động lực phát triển xã hội mà chúng ta lại kẹp nó lại là không được. Làm luật để dân chủ hơn chứ không phải để trói buộc người ta lại...”

Ông Ủy cũng khẳng định Luật phải thể hiện sự công bằng. Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là kế thừa Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vì sự tiến bộ của dân. Trong một nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân từ vị trí thụ động được nâng lên vai trò tự quản. Chỉ trên cơ sở này xã hội mới phát triển bền vững, mới đứng vững trong nền kinh tế tri thức. Nhà nước pháp quyền, cơ chế thị trường, dân là gốc. Ba yếu tố này chính là điều kiện cho xã hội phát triển. Nếu không đảm bảo được sự phát triển, xã hội chắc chắn sẽ dẫn đến tình trạng tụt hậu.

Mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân, theo ông Ủy, có sự thống nhất về kinh tế, chính trị, an ninh. Lợi ích Nhà nước là phục vụ cho lợi ích của dân. Làm cho đội ngũ bị phân tán cũng có nghĩa là làm cho nguyên khí quốc gia chùng xuống, không hưng thịnh được. Điều này liên quan đến việc mọi tổ chức đều phải được bình đẳng trước pháp luật. Vậy, câu hỏi đặt ra là tại sao công bằng mà luật lại có sự phân biệt đối với các tổ chức trong nền tảng công, nông, dân, trí như vậy? Và ông đưa ra ý kiến cho rằng: *“Ban Soạn thảo cần phải soạn lại vì bản Dự thảo này chưa tuân thủ theo Hiến pháp, Điều 69 đã nói rất rõ về vấn đề này rồi. So với Hiến pháp 1946 thì bản Dự thảo này chưa là gì khi nói đến quyền dân chủ...”*. Ông còn khẳng định thêm: *“Nếu chỉ coi trọng quá khứ mà tạo nên sự phân biệt, không tính đến tương lai thì đất nước sẽ ngày càng tụt hậu...”*.

Vấn đề quản lý nhà nước cũng được đánh giá từ một góc độ tuy không mới, nhưng vẫn rất bất ngờ: “*Có cơ quan quản lý nhà nước thì cũng cần có cơ quan bảo vệ, quản lý pháp luật. Không đưa Hội vào Bộ nào là hợp lý vì Nhà nước nào, Bộ nào cũng mang yếu tố quan liêu, chủ quan. Chỉ dân mới là yếu tố khách quan. Vậy nên đưa Hội vào Bộ chủ quản là đưa chủ quan trói buộc khách quan lại, như vậy không hợp lý. Xưa Vua Trần Nhân Tông muốn đánh thắng quân Nguyên cũng cần Hội nghị Diên Hồng đấy thôi sao...*”. Ông Ủy kết luận: “*Nhà nước ngày càng thu hẹp, xã hội phát triển lên, đó là quá trình phát triển dân chủ. Soạn thảo luật mà không tham khảo và điều chỉnh kịp thời, hợp lý thì vô hình dung luật đã đưa Nhà nước vào thế trở thành cái khoá để khoá bánh xe lịch sử đang chạy lại...*”.

Với 19 ý kiến tham luận sôi nổi và đầy tinh thần trách nhiệm trong một ngày làm việc khẩn trương và hiệu quả, cuộc hội thảo đã được ông Lê Mạnh Hùng, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh, thay mặt cho các thành viên chủ trì, đánh giá là ***đã hoàn thành mục tiêu đề ra*** trong lời phát biểu tổng kết cuộc hội thảo. Điều này cũng đồng nghĩa với việc các ý kiến trên đây như vậy là đã được “lập trình” vào kế hoạch làm việc tiếp theo trong tiến trình hoàn chỉnh luật về hội ở các cấp độ cao hơn. Với tất cả những ai đã và đang còn quan tâm đến vấn đề này thì đây không chỉ đơn thuần là một tín hiệu đáng mừng, mà còn là cơ sở để củng cố thêm lòng tin của mình vào một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh theo đúng với mục tiêu mà Đảng và nhân dân đã từng lựa chọn...

PHÂN BIỆT XÃ HỘI VỀ DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

Phản biện xã hội Dự thảo lần 9:

LUẬT VỀ HỘI

Toạ đàm tại Thành phố Hồ Chí Minh

Mùa Xuân 2006

CẦN TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ ĐIỀU CHỈNH

Để góp phần đưa tiếng nói của giới trí thức, những người đã, đang và sẽ góp phần không nhỏ vào hoạt động của các tổ chức hội trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và sự phát triển tiến bộ của xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đến với đông đảo bạn đọc cả nước, sáng 30/3/2006, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tuần báo Văn nghệ, kết hợp với Liên hiệp Khoa học Dịch vụ công nghệ và sản xuất (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) đã tổ chức buổi tọa đàm Dự thảo Luật về Hội. Đây là lần thứ ba Báo Văn Nghệ cùng với các đơn vị thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đứng ra tổ chức diễn đàn này, với hy vọng tiếng nói của công luận sẽ là sự phản ánh kịp thời và trung thực, trên tinh thần xây dựng, về quan điểm, nhận thức và nguyện vọng của đông đảo thành viên trong các tổ chức hội, đối tượng sẽ được Luật về Hội điều chỉnh, giúp cho Ban soạn thảo có thêm những thông tin đầy đủ và cần thiết để có thể sớm hoàn thiện và đưa vào áp dụng trong đời sống một bộ luật văn minh, khoa học, khả thi...

Dự thảo Luật về Hội được đưa ra trưng cầu ý kiến bắt đầu từ Dự thảo 5, đến nay đã hơn nửa năm và đã bước sang Dự thảo 9. Sự đóng góp ý kiến cho dự thảo luật của các Hội trong nửa năm qua khá công phu và khoa học. Tuy nhiên, sự cố gắng đó vẫn chưa được thể hiện tại bản Dự thảo 9 được lấy làm trọng tâm của buổi tọa đàm này. Cụ thể vẫn còn nhiều ý kiến không đồng tình ở một số nội dung liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước đối với Hội, về quy trình đăng ký thành lập Hội và quyền hạn, trách nhiệm của Hội trong quá trình tổ chức hoạt động. Các ý kiến tham luận sau đây, đặc biệt là những kiến nghị sau buổi tọa đàm này thực sự là những bức xúc của các tổ chức Hội tại khu vực phía Nam.

Phản biện xã hội: Dự thảo lần 9

TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN

Diễn đàn tại Hà Nội

GIỚI THIỆU

Xây dựng Luật về Hội có nghĩa là tạo ra một cơ sở pháp lý cho một thể chế mà ở đó, vai trò của nhân dân được đề cập, phát huy một cách đầy đủ và tối đa, góp phần tập trung mọi nguồn lực phục vụ cho việc phát triển xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Một trong những mục tiêu mà Đảng ta đã đề ra trong chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Là một trong ba thành tố của một xã hội phát triển là nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự và nền kinh tế thị trường, tập trung dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ nhiều năm qua, các tổ chức Hội ở nước ta đã và đang phát triển vô cùng mạnh mẽ cả về số lượng cũng như chất lượng. Tính cho đến nay đã có trên 320 hội hoạt động trên phạm vi toàn quốc, và gần 2.200 hội cấp tỉnh, thành phố. Đó là chưa kể đến các đơn vị thành viên, những đối tượng đang có rất nhiều đóng góp vào việc xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân, thúc đẩy khoa học công nghệ, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội một cách văn minh, bền vững. Có thể nói việc thành lập và phát triển Hội đã thực sự trở thành nhu cầu của nhân dân và yêu cầu của cuộc sống...

Tất cả những thực tế đó cho thấy đã đến lúc thực sự cần có một hành lang pháp lý phù hợp và cởi mở, tạo điều kiện cho các Hội có thể hình thành, hoạt động và phát huy hiệu quả hơn nữa, đóng góp vào sự nghiệp Cách mạng của Đảng, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, trước vô vàn những vận hội, những nhu cầu mới của đất nước. Như vậy, việc ban hành Luật về Hội là một nhu cầu tất yếu. Điều này đã được Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX khẳng định: “Cần mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện, nhân đạo... Sớm ban hành Luật về Hội”.

Nhu cầu, chủ trương thì đã rõ ràng như vậy. Việc xây dựng Luật về Hội cũng đã được bắt đầu tiến hành từ năm 1992, cho đến nay đã bước sang Dự thảo lần thứ 9 với rất nhiều ý kiến đóng góp, xây dựng của nhiều cơ quan, tổ chức Hội, của các chuyên gia, các nhà khoa học tâm huyết... Các phương tiện thông tin đại chúng cũng đã phản ánh tương đối đầy đủ, trung thực nhiều vấn đề liên quan đến nội dung này. Song tiếc thay, cho đến khi Dự thảo Luật về Hội (Lần thứ 9) được đưa ra Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thảo luận (ngày 4/4/2006), thì vẫn còn có một khoảng cách rất lớn giữa nội dung của văn bản với thực tiễn của đời sống xã hội...

Đã từng có rất nhiều những nỗ lực nhằm loại bỏ đi khoảng cách này, ngay từ khi Dự thảo Luật về Hội bắt đầu được đưa ra tham khảo ý kiến của dư luận và các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của luật, theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Xung quanh các diễn đàn này đã từng có ý kiến đánh giá: “Chưa có một văn bản luật nào được sự quan tâm góp ý nhiều như vậy”. Thậm chí đã có cả một bản Dự thảo Luật về Hội do các tổ chức Hội đứng ra tổ chức soạn thảo để đưa ra tham khảo. Việc này đã được bình luận: “Việc đối tượng bị điều chỉnh đưa ra một dự thảo mới là một điều hiếm có trong lịch sử lập pháp”...

Quan tâm, sôi nổi, cởi mở và dân chủ đó là những điều dễ dàng nhận thấy từ những diễn đàn góp ý cho luật Hội. Song từ một góc nhìn khác, tất cả những điều đó lại đang phản ánh một sự chậm chạp, trì trệ trong việc tiếp thu để có những chuyển biến trong nội dung của Dự thảo. Chính vì vậy, khoảng cách giữa các bản Dự thảo Luật về Hội sau này vẫn chưa làm giảm đi được những khoảng cách với thực tiễn, điều đã được chỉ ra rất rõ ràng.

Sau cuốn kỷ yếu **Những vấn đề xung quanh Dự thảo Luật về Hội**, xuất bản tháng 1/2006, Tuần báo Văn nghệ tiếp tục tổ chức và tham gia thêm một số cuộc tọa đàm về nội dung này. Cuốn kỷ yếu này được tập hợp từ những diễn đàn nói trên, hy vọng phản ánh được phần nào những vấn đề còn chưa được giải quyết xung quanh Dự thảo Luật về Hội đang được Quốc hội xem xét, đánh giá.

TUẦN BÁO VĂN NGHỆ

CẦN PHẢI CÓ GIẢI PHÁP LỒNG GHÉP VÀ KẾ THỪA HIỆU QUẢ

Bà TRẦN THỊ LÀNH

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Năng lực Phụ nữ Dân tộc - TEW

Thế là Dự Luật về Hội cho đến nay tồn tại song song hai kiểu tư duy, hai thái độ, hai cách nhìn và hai cách hiểu về Hội, hiểu về vị thế và chức năng của Hội trong xu thế phát triển chung của Quốc gia. Tiếc rằng hai cách nhìn không giống nhau về cơ bản và cả về hình thức. Một là từ nhóm viết luật về Hội do Chính phủ phân công, và một bên là các thành viên tự nguyện của các Hội. Đây không chỉ là hội viên của Hội, mà còn là những luật gia, những chuyên gia tư vấn độc lập, đỉnh hôn tư tưởng và tình cảm của mình đối với triết lý của Hội, họ thấu hiểu hệ thống giá trị văn hóa, môi trường và sự khác nhau cơ bản giữa Hội và Nhà nước. Tuy không được phân công tham gia xây dựng luật một cách chính thức, song dư luận cho rằng Dự thảo Luật về Hội do các Luật gia và các chuyên gia tư vấn độc lập soạn thảo thể hiện tính thực tiễn và nhân văn, phù hợp với xu thế phát triển và đồng bộ với các văn bản luật pháp khác hiện hành.

Sau đây tôi xin được phép góp ý kiến về sự khác nhau của hai dự Luật.

Về Dự luật do Bộ Nội vụ đệ trình

1. Chưa tìm thấy chỉ số thể hiện tư tưởng khuyến khích sự phát triển của các tổ chức Hội

Tư duy về Hội thông qua dự Luật lần 8 do Bộ Nội vụ đệ trình thể hiện tư duy kiểu cũ, bảo thủ và quan liêu của thời bao cấp. Chức năng

và vai trò của Nhà nước cũng vì thế mà bị hạ thấp thông qua Dự Luật này bởi sự can thiệp quá tunc mủn và sự vụ. *“Hội không phải ở Luật mà vai trò quan trọng hơn là Điều lệ của các Hội. Bản dự Luật do Bộ Nội vụ đệ trình can thiệp quá sâu vào Điều lệ của các Hội là một điều chưa hợp lý (Những vấn đề xung quanh Dự thảo Luật về Hội - Nhà xuất bản Hội nhà văn), thậm chí có những điều không thể xem là một Điều của một dự Luật.*

Xem Hội là thành phần thứ yếu, đích thực của Hội là vi phạm vào chức năng phát triển tự nhiên của công dân. Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa, bằng các luật định của mình, cần xác định rõ chức năng tự nhiên này như một triết lý đóng góp cho sự tự do và nền độc lập của Quốc gia. TS. Nguyễn Chí Dũng - Văn phòng Quốc hội cảnh báo, một khi Luật cho phép cơ quan quản lý can thiệp cả vào nội dung Đại hội, Điều lệ Hội, sẽ tạo ra nhiều điều nguy hiểm (Báo Tiền phong số 26, ngày 6/2/2006).

Thiếu niềm tin đối với xã hội công dân, chính là tạo ra một hành lang hoài nghi, chứ không gọi là hành lang pháp lý và sẽ gây phương hại đến sự phát triển an toàn của quốc gia. Hoài nghi xã hội công dân chính thiếu bình đẳng, là đối tượng chịu sự kiểm soát theo cơ chế xin - cho trong xã hội thị trường là thiếu thực tiễn và chưa phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Ông Vũ Duy Thái, Chủ tịch Hiệp hội Công thương Hà Nội kể lể: *“Đến kỳ Đại hội rồi vẫn phải chờ, tổ chức Đại hội phải được phê chuẩn. Hiệp hội đã gửi báo cáo, điều lệ, dự kiến nhân sự. Hiếm nổi nhân sự chưa được cơ quan quản lý nhà nước thông qua, thế là, chín năm qua, Hiệp hội chưa tổ chức nổi Đại hội”* (Báo Tiền phong số 26, ngày 6/2/2006).

Can thiệp sâu vào tự do ý chí và các giá trị tự nguyện là sự tự hoài nghi chính bản thân Nhà nước. Quyền và lợi của mỗi công dân, của toàn xã hội công dân chính là quyền và lợi ích xã hội chủ nghĩa của nhà nước. Luật pháp không thể tách rời tương tác mặc nhiên đó. Tự do lành mạnh của xã hội công dân chỉ có được khi có được một hành lang pháp lý minh bạch và bình đẳng. Hành lang pháp lý minh bạch và bình đẳng là cơ sở của sáng tạo. Chỉ có sáng tạo, mới có thể thực hiện sứ mệnh pháp triển an toàn đúng nghĩa. Việc *“quá coi trọng vấn đề quản*

lý nhà nước đối với Hội, mà coi nhẹ quyền chủ động, quyền tự định đoạt, quyền quyết định của Hội sẽ là một điều bất cập” (Những vấn đề xung quanh Dự thảo Luật về Hội - Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2006).

Không chỉ dừng lại ở việc tiếp tục thể chế xin - cho của thời bao cấp, mà còn có ảnh hưởng lớn tới quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm được quy định tại Điều 5 (tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật) của chính Dự Luật này, ảnh hưởng đến chức năng phát triển của Hội - một chức năng không thể bị triệt tiêu chỉ vì tiếp tục một Dự Luật không từ bỏ tư duy và thái độ cũ kỹ, lối thời của cơ chế xin - cho tiếp tục trong xu thế mới. Nó mâu thuẫn hoàn toàn với một Nhà nước của dân, do dân và vì dân. *“Thủ tướng Chính phủ đã xác định: Luật Hội ra đời tuy phức tạp, nhưng phải làm sao để các Hội có được sự đồng tâm nhất trí và gắn liền được với Nhà nước, để làm được những việc lớn” (Những vấn đề xung quanh dự thảo Luật về Hội - Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2006).*

Đương nhiên xã hội dân sự Việt Nam trưởng thành và phát triển không thể tách rời vai trò quản lý của Nhà nước và mục tiêu chính trị của Đảng, nhưng như vậy không có nghĩa là thông qua những văn bản Pháp luật thiếu dân chủ và thiếu tính minh bạch.

Một Dự luật ra đời thể hiện tinh thần *“...Nhà nước muốn ôm toàn bộ, Hội muốn tuột khỏi tay Nhà nước”* là một Dự luật không mang tính khả thi. Điều đó sẽ làm cho hiệu lực và uy tín của pháp luật sẽ bị giảm.

2. Chưa thể hiện tính nhất quán trong hệ thống pháp luật

Không khó để nhận ra vẫn còn những Điểm và những Điều trong bản Dự luật này đang phủ định các văn bản hiện hành, ví dụ như Điều 38 (Quyền của Hội), Điểm 6 (Tư vấn, phản biện, giám định các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội). Điều này, vô hình chung, đã phủ nhận toàn bộ Quyết định số 22/2002/QĐ-TTG ngày 30/1/2002 qui định chức năng và vai trò tư vấn - phản biện và giám định các vấn đề về xã hội và các chương trình phát triển quốc gia của Thủ tướng Chính phủ.

Đây là một bất cập nghiêm trọng trong việc tôn trọng tính đồng bộ về chức năng phối kết hợp của các cơ quan tư vấn Luật của Chính phủ.

Những điểm, những điều thể hiện chỉ số xin - cho, gây giảm uy tín của Nhà nước đã đành như: Điều 39 (Nghĩa vụ của Hội), Điểm 2 (Hoạt động của Hội lĩnh vực nào chịu sự quản lý nhà nước lĩnh vực đó). *Nếu Luật quy định về sự quản lý của Nhà nước với hoạt động của các Hội như hiện nay thì không những thừa, mà còn làm mất đi hành lang pháp lý cho hoạt động của Hội* (Những vấn đề xung quanh dự thảo Luật về Hội - Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2006).

Điểm 3 của Điều 39 (Khi lập văn phòng đại diện phải xin phép), Điểm 4 (Khi lập chi hội phải xin phép), Điểm 5 (Khi thay đổi trụ sở phải xin phép), Điểm 6 (Đại hội tổ chức bất thường phải báo cáo với Nhà nước), những chỉ số trên đây thực hiểu: Hội thực sự là một “cái Đuôi” của Nhà nước! Trong khi tại Điều 5 lại đề cập nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội là: Tự nguyện; tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, tự quản, dân chủ, công khai và minh bạch. Trong khi toàn bộ 9 Chương, 61 Điều không tôn trọng nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội được quy định tại Điều 5 của Dự Luật này. Sự bất logic giữa các điều và các chương cũng vì vậy mà làm giảm uy tín của một Dự luật ngay trong khi đang dự thảo, chưa nói đến khi được thông qua.

Dự thảo Luật về Hội do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) tổ chức soạn thảo

1. Đã thể hiện tính thực tiễn của một bộ luật về Hội

Dự thảo Luật về Hội do VUSTA soạn thảo, mặc dù thời gian không dài, chỉ hơn 10 ngày, song thực sự là một dự Luật thể hiện được ý chí, nguyện vọng và tính tự chịu trách nhiệm của xã hội dân sự. Nó không chỉ dừng lại ở đó, mà là sự thể hiện quá trình tham gia dân chủ, sự am hiểu về pháp luật của các tổ chức Hội.

Tư duy và cách nhìn về Hội qua dự Luật do VUSTA soạn thảo thể hiện bản chất của nhà nước pháp quyền, mà ở đó xã hội dân sự được

bình đẳng và tự chủ, tự quyết trên tinh thần tự nguyện và tự chịu trách nhiệm trước luật pháp, thông qua Điều lệ của Hội. Điều lệ Hội chính là văn bản pháp lý cơ bản của Hội, Nhà nước quản lý việc thực hiện Điều lệ thông qua Luật định. Cơ chế xin - cho không xuất hiện trong dự luật do VUSTA soạn thảo. Đây là điểm mới. Nó khẳng định tư thế của Hội bình đẳng theo Hiến định, đồng thời thể hiện tính tôn trọng giá trị nhân văn của Hiến pháp. Chỉ có Hội và những người đứng trong hàng ngũ Hội mới hiểu rõ giá trị đích thực đó.

2. Thể hiện tính nhân văn và đồng bộ đối với hệ thống văn bản pháp luật hiện hành

Hoạt động và tổ chức của Hội được quy định tại Chương III. Tư duy của Chương này lấy triết lý hành động làm nền tảng, sau đó xây dựng cấu trúc tổ chức Hội, cụ thể tại Điều 33 (Một số quyền của Hội), Điểm 5 (Tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các chương trình, đề án, dự án, hoạt động kinh tế - xã hội do cơ quan nhà nước, doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức nào khác tiến hành). Điều này hoàn toàn phù hợp với Quyết định 22/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng quy định về chức năng tư vấn phản biện và giám định xã hội đối với Hội. Thể hiện tính bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh, văn minh giữa các thành phần kinh tế trong tham gia các chương trình phát triển chung của đất nước.

Trong khi đó, tại Chương IV về Tổ chức và hoạt động của Hội trong Dự luật do Bộ Nội vụ đệ trình (từ Điều 26 đến Điều 38) chỉ quan tâm đến cấu trúc hành chính sự vụ đơn thuần mà quên đi chiến lược hành động, thứ tự ưu tiên của các loại hình, nội dung hoạt động mà Hội có thể đảm đương. Không có hoạt động làm sao có được cấu trúc, tổ chức Hội. Đây chính là biểu hiện kiểu tư duy áp đặt, rập khuôn, thiếu tính sáng tạo và phi thực tiễn...

Chương IV (Quản lý Nhà nước đối với Hội), Điểm (e) của dự Luật do VUSTA soạn thảo quy định: Bộ Nội vụ thiết lập kênh đối thoại, diễn đàn với các Hội nhằm tạo sự tham gia của các Hội vào việc hoạch định,

đánh giá chính sách và hoàn thiện pháp luật đối với Hội. Điểm này đã thể hiện tính bình đẳng, dân chủ, trách nhiệm và tính phát triển của dự Luật.

3. Thể hiện đúng chức năng phát triển của Hội trong cơ chế thị trường

Điều 34 (Một số quyền của Hội), Điểm 6 (Tham gia đóng góp ý kiến trong việc hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, giám sát việc thực thi pháp luật và chính sách), Điểm 8 (Thực hiện dịch vụ công do Nhà nước chuyển giao), Điểm 11 (Được tiến hành các hoạt động dịch vụ kinh doanh tạo nguồn thu, không vì mục đích lợi nhuận, nhằm phục vụ cho hoạt động của Hội) thể hiện tính bình đẳng về quyền, về trách nhiệm trong xu thế phát triển chung. Tư duy không né tránh thị trường, mà dám đối mặt với thị trường để duy trì các giá trị của Hội thông qua các hoạt động dịch vụ, kinh doanh không vì vụ lợi. Đồng thời Điều 34 cũng thể hiện Hội không chỉ chịu sự giám sát của Nhà nước, ngược lại Hội cần có trách nhiệm đóng góp ý kiến trong xây dựng chính sách, thực thi chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Thiết nghĩ với thực tế vừa được phân tích trên đây, những người đang nắm vai trò quyết định đối với Luật về Hội hiện nay cần dành thời gian và sự quan tâm cần thiết để cân nhắc sự bất cập giữa hai Dự luật đang hiện hữu trong công chúng, để có giải pháp lồng ghép và kế thừa hiệu quả, đảm bảo tính khả thi và hiệu lực của một Dự luật đã dày công chuẩn bị hơn một thập kỷ qua, một khi được Quốc hội thông qua. Chừng nào tiến trình soạn thảo luật còn chưa đảm bảo được tinh thần công khai, dân chủ để dẫn đến tình trạng *Chúng tôi đánh giá thì Dự thảo này bộc lộ một chuyên môn kỹ thuật lập pháp kém, cần phải xây dựng lại từ đầu* theo như đánh giá của ông Phạm Công Lạc, Chủ nhiệm khoa Luật Dân sự - Đại học Luật Hà Nội (*Những vấn đề xung quanh dự thảo Luật về Hội* - Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2006), thì luật sẽ khó đi vào cuộc sống, một cuộc sống không còn như thời bao cấp, một cuộc sống của sự tự do sàng lọc và phát triển trong hội nhập.

LẤY Ý KIẾN LÀ CẦN THIẾT, NHƯNG QUAN TRỌNG HƠN LÀ CÁC Ý KIẾN ĐÓ PHẢI ĐƯỢC TIẾP NHẬN VỚI SỰ CẦU THỊ VÀ TRÂN TRỌNG

Luật sư TRẦN HỮU HUỲNH

Trưởng ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Trong một cuộc hội thảo Đóng góp ý kiến cho Dự thảo Luật về Hội thời gian vừa qua, có đại biểu đã đưa ra một nhận xét khá gay gắt, rằng bản Dự thảo 9 mà Bộ Nội vụ vừa đưa ra (và sẽ được Quốc hội xem xét, thẩm định trong kỳ họp sắp tới), thực chất chỉ là một bản điều lệ chứ không phải luật. Đánh giá này chính xác đến đâu thì chưa khẳng định, song hầu hết các ý kiến tham luận, không chỉ tại diễn đàn này, mà trong tất cả các diễn đàn đã được mở với cùng nội dung trên, kể từ khi bản Dự thảo 5 được đưa ra lấy ý kiến, đều cho rằng Dự thảo Luật về Hội do Bộ Nội vụ soạn thảo chưa đáp ứng được với tình hình thực tiễn và xu hướng phát triển của xã hội, chưa tạo được một hành lang pháp lý thích hợp để Hội phát huy được vai trò và thực hiện tốt chức năng của mình trong việc đóng góp xây dựng đất nước. Không những thế, có nhiều điểm còn mâu thuẫn với các văn bản luật đã được ban hành trước đó... Nhưng mặc dù vậy, điều gây ngạc nhiên nhất vẫn là qua những lần chỉnh sửa tiếp theo, hầu hết những ý kiến đó, cùng với nhiều biện pháp xây dựng, đóng góp khác vẫn chưa được Ban Soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh trong các dự thảo sau đó...

Chia sẻ mối quan tâm về vấn đề này, VNT đã có cuộc phỏng vấn ông Trần Hữu Huỳnh, Trưởng ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

PV: Cho đến nay, Luật về Hội đang tồn tại hai văn bản dự thảo: Dự thảo 9 do Bộ Nội vụ biên soạn, được coi là Dự thảo chính thức, sẽ được đưa ra Quốc hội thẩm định trong thời gian tới, và Dự thảo do Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức biên soạn (lần thứ 7), được coi là Dự thảo không chính thức, nhưng lại được dư luận, đặc biệt là trong các tổ chức Hội, đồng tình ủng hộ. Ông có đánh giá thế nào về việc này?

Luật sư Trần Hữu Huỳnh: Tôi cho rằng Dự thảo do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam soạn thảo là một điểm rất mới và rất khác biệt đối với quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phổ biến hiện nay. Cho đến nay, ngoại trừ Luật Giao dịch Điện tử do một ủy ban của Quốc hội (ủy ban Khoa học và Công nghệ) soạn thảo, còn lại hầu hết các dự án luật do các cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì soạn thảo.

Thực trạng hiện nay là quy trình soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật thường là một “vòng khép kín” trong các cơ quan nhà nước, từ cơ cấu của Ban Soạn thảo cho đến trình tự soạn thảo, lấy ý kiến, phản biện các ý kiến..., chưa đa dạng hóa các chủ thể thuộc nhiều tổ chức xã hội khác nhau tham gia soạn thảo hoặc góp ý. Còn nhiều nơi, nhiều lúc tồn tại quan niệm tuyệt đối hóa vai trò làm luật của các cơ quan nhà nước, coi quyền xây dựng pháp luật là “của riêng” các cơ quan này.

Mặc dù pháp luật đã cho phép nhưng các Hiệp hội, các đại biểu Quốc hội là doanh nhân chưa có điều kiện phát huy được vai trò chủ động của mình trong việc đưa ra các sáng kiến luật hoặc trực tiếp tham gia đóng góp vào chương trình xây dựng pháp luật.

PV: Điều 3, Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định:

1) *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân có quyền tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.*

2) *Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ vào tính chất và nội dung của dự án, cơ quan tổ chức hữu quan tạo điều kiện để cơ*

quan, tổ chức, cá nhân nói tại Khoản 1 của Điều này tham gia góp ý kiến và tiếp thu ý kiến đóng góp để xây dựng văn bản quy phạm pháp luật...

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 101 quy định rõ trách nhiệm của cơ quan soạn thảo luật phải tham khảo ý kiến của đối tượng bị Luật tác động. Theo quy định này, việc trong Ban Soạn thảo Luật về Hội do Bộ Nội vụ tổ chức không có sự tham gia của đại diện các tổ chức Hội, là những đối tượng nằm trong phạm vi điều chỉnh của luật, liệu có thể coi là một thiếu sót?

Luật sư Trần Hữu Huynh: Tôi muốn chia sẻ một kinh nghiệm của bản thân trong quá trình soạn thảo và ban hành Luật Doanh nghiệp 1999. Luật Doanh nghiệp 1999 được xem là một điển hình về sự tham gia sâu rộng của doanh nghiệp trong suốt quá trình soạn thảo và triển khai thực hiện. Từ Ban Soạn thảo Luật có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp (có đến hai thành viên) cho đến các lần góp ý Dự thảo Luật đều được lấy ý kiến rộng rãi của các doanh nghiệp trên khắp cả nước, có tổng kết và tiếp thu nghiêm túc. Sau khi thành lập Tổ công tác thi hành Luật Doanh nghiệp, đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp đều là những thành viên hoạt động rất tích cực. Sau hơn năm năm thực hiện, Luật Doanh nghiệp được cộng đồng doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các nhà tài trợ và các nước coi là một thành công mang tính đột phá của Việt Nam.

Tại sao lại luôn cần sự tham gia rộng rãi của đối tượng điều chỉnh từ thành phần Ban Soạn thảo?

Trước hết, bởi vì Nhà nước vốn mang sẵn trong mình ít nhiều bản chất “quan liêu”, ngay cả khi đó là Nhà nước tiến bộ và phát triển. Các cơ quan nhà nước thường không chỉ bị giới hạn về sự nhạy cảm thực tiễn mà còn có tâm lý tự vệ của “người gác cổng”, luôn muốn “tuyệt đối hóa” sự an toàn của xã hội. Ngoài ra, quá trình làm luật còn bị chi phối bởi lăng kính chủ quan của những nhà làm luật, trong một số ít trường hợp, không loại trừ nguy cơ của những toan tính cục bộ, đặc quyền, đặc lợi của một số công chức.

Bởi vậy, sự tham gia của nhân dân, của doanh nghiệp sẽ góp phần bảo đảm sự cân bằng và khách quan trong việc xây dựng pháp luật: có

bảo vệ và có phản biện, có nêu vấn đề và phản bác vấn đề, có vai trò của quản lý và bị quản lý, có quyền tự do kinh doanh và có trật tự công cộng, có lợi ích cá nhân và có an ninh cộng đồng.

Tôi cho rằng có mối quan hệ nhân quả giữa việc tham gia xây dựng pháp luật của người dân, của doanh nghiệp và hiệu quả thực hiện trên thực tế của văn bản quy phạm pháp luật đó. Văn bản quy phạm pháp luật nào mà trong quá trình xây dựng, ban hành thu hút được sự tham gia của người dân, của doanh nghiệp, của Hiệp hội càng nhiều, càng sâu rộng thì việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đó trên thực tiễn càng thuận lợi và càng có hiệu quả.

PV: Từ Dự thảo 5 Luật về Hội đã được đưa ra tham khảo, lấy ý kiến của các tổ chức hội và các cơ quan có liên quan. Rất nhiều ý kiến, kiến nghị đã được đưa ra để đóng góp xây dựng luật Hội. Vậy nhưng tất cả những ý kiến này đều chưa được thể hiện trong Dự thảo 9. Điều này có thể coi là vi phạm pháp luật nếu căn cứ theo Khoản 2 của Điều 3 Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật vừa nêu?

Luật sư Trần Hữu Huỳnh: GS. Stiglitz, người được giải thưởng Nobel về kinh tế, đã từng nhận xét rằng: “Đổi thay không thể theo lệnh hay bị ép buộc từ bên ngoài; nó phải xuất phát từ ngay bên trong và cách thức hiệu quả nhất để đảm bảo sao cho quá trình đổi thay xuống đến tận sâu trong xã hội là thông qua các hình thức thảo luận công khai, rộng rãi”.

Tôi cho rằng việc tổ chức lấy ý kiến là cần thiết, nhưng quan trọng hơn là các ý kiến đó phải được tiếp nhận với sự cầu thị và trân trọng cao nhất. Nếu không đồng ý thì phải lập luận, giải trình tại sao không đồng ý. Tức là phía cơ quan lấy ý kiến cần phải có sự trao đổi, thảo luận một cách công khai và rộng rãi. Còn nếu không đúng theo tinh thần này, những ý kiến đóng góp cứ như rơi vào “khoảng không im lặng đáng sợ” thì việc lấy ý kiến cũng chỉ là hình thức, lấy cho có, hay là “công khai nhưng không minh bạch”.

NHỮNG CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG LUẬT VỀ HỘI CỦA CÁC TỔ CHỨC HỘI

Luật sư, TS. HOÀNG NGỌC GIAO

Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Sự hình thành và phát triển các hình thức liên kết nhân dân (Hội) ở Việt Nam

Dân tộc Việt Nam có một truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời. Là dân tộc của nền văn minh lúa nước, đồng thời đã phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh dựng nước và giữ nước. Đây là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên những giá trị nhân văn quý giá trong xã hội Việt Nam, như: *đoàn kết, kiên cường, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, bầu ơi thương lấy bí cùng*, v.v. Những giá trị nhân văn này đã giúp dân tộc Việt Nam, dù nhỏ bé nhưng không khi nào chịu khuất phục trước mọi thủ đoạn áp bức, bành trướng, thôn tính của ngoại bang, giúp nhau vượt qua những khó khăn, thách thức của lịch sử.

Qua suốt chiều dài của lịch sử, có thể biết đến nhiều loại hình đoàn kết, liên kết trong nhân dân: *“Thời phong kiến, các Hội ra đời và hoạt động từ đơn giản đến phức tạp. Có loại xuất phát từ một dòng họ, hay vài dòng họ như phe, giáp. Có loại xuất phát từ việc thiện mà lập ra các Quỹ, các Hội, ví dụ như Hội hiếu, Hội hỷ, Quỹ nghĩa điền, Quỹ nghĩa thương, quy mô của các loại hội này thường bó hẹp trong một cộng đồng làng, xã.*

Ở thời kỳ này, bên cạnh các hội tập hợp việc thiện theo dòng họ đã tiến lên tập hợp theo ngành nghề, công việc, chẳng hạn như Phường vải, Phường nón,

mộc, Hội tương thân, tập hợp theo giới, ví dụ như: phụ lão, nhi đồng, v.v.; tập hợp theo tôn giáo, tín ngưỡng. Các làng xã đã lập ra các quỹ ruộng, quỹ thóc để trợ cấp cho bà goá, con cô, hoặc lập ra nghĩa điền là loại quỹ do những người hảo tâm tặng, cấp để giúp đỡ những người nghèo khó (Vai trò của các Hội trong Đổi mới và Phát triển đất nước - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002).

Những hội, phường hoạt động theo giới, ngành, sở thích, v.v. rất đa dạng và phong phú. Nhiều Hội phường đã phát triển hoạt động tới hàng tỉnh. Bên cạnh những Hội, Phường như vậy, dưới ách cai trị của thực dân Pháp, đã hình thành những phong trào, hội, phường hoạt động vì nền độc lập chính trị, sự phục hưng của dân tộc Việt Nam. Những Hội, như Hội Duy tân, Việt Nam Quang phục hội, do các nhà yêu nước lớn Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh thành lập nên, đã để lại những dấu ấn lịch sử sáng lạn trong ký ức của dân tộc.

Trong thời kỳ 1930-1945, phát động đấu tranh giành độc lập dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam, một mặt, phát huy tinh thần yêu nước, chống thực dân của các hội truyền thống sẵn có, mặt khác đã chủ động lập ra nhiều Hội, đoàn quần chúng nhằm tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân vào mục tiêu giải phóng dân tộc, như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Thanh niên, Hội Nhi đồng, v.v. Các hội này đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và trở thành lực lượng nòng cốt của Đảng.

Hiện nay, trong bối cảnh Đổi mới và hội nhập quốc tế, tính đa dạng về hình thức tổ chức và hoạt động của các Hội, các tổ chức xã hội đã và đang phát huy tối đa các nguồn lực xã hội, các sáng kiến cộng đồng, cùng với Nhà nước giải quyết nhiều vấn đề xã hội và phát triển. Nhu cầu lập Hội ngày một gia tăng là một xu thế phát triển khách quan. Tính đến tháng 6/2005, có 320 Hội có phạm vi hoạt động toàn quốc và hơn 2.150 Hội có phạm vi hoạt động ở cấp địa phương, dưới các hình thức tổ chức đa dạng như: Hội, Liên hiệp hội, Hiệp hội, Tổng hội, Trung tâm, Viện, Câu lạc bộ, Quỹ, v.v. Nhìn chung, sự đóng góp của các Hội, tổ chức xã hội dưới nhiều hình thức vào sự nghiệp Đổi mới, phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo, hội nhập kinh tế quốc

tế - đang ngày càng gia tăng, và được xã hội công nhận là một nhân tố không thể thiếu nhằm phát huy nội lực, trí tuệ trong nhân dân, thúc đẩy sáng kiến cộng đồng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

2. Những đóng góp của các tổ chức xã hội vào sự nghiệp Đổi mới, phát triển đất nước

1. Tính đến cuối năm 2004, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có 53 hội thành viên, trong đó 38 hội thành viên là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Liên hiệp hội hoạt động rộng rãi trong việc phổ biến kiến thức khoa học và kỹ thuật cho các hội viên và quần chúng nhân dân. Tiếng nói của Liên hiệp hội được thể hiện qua Tạp chí *Khoa học và Tổ quốc*, báo *Khoa học và đời sống*, các báo, tạp chí, bản tin của các Hội thành viên ở các thành phố lớn. Đã xuất bản nhiều đầu sách khoa học có giá trị được nhiều người ưa thích, số lượng đầu sách xuất bản hàng năm trên các lĩnh vực này ngày càng tăng. Với mạng lưới hơn 40 câu lạc bộ, thực hiện truyền thông qua các triển lãm về khoa học, Liên hiệp hội còn phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam mở các chuyên mục về hỏi đáp khoa học kỹ thuật phục vụ cộng đồng.

Bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho hội viên và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và khuyến khích giúp đỡ các tài năng trẻ là mối quan tâm đặc biệt của Liên hiệp hội. Đến nay đã có ba trường đại học và bốn trường phổ thông dân lập các cấp ra đời dưới sự bảo trợ hoặc quản lý của các hội thành viên Liên hiệp hội. Nhiều hoạt động hỗ trợ tích cực đã được duy trì như cấp học bổng cho các học sinh sinh viên nghèo vượt khó, học giỏi, trao nhiều phần thưởng cho các tập thể và cá nhân đoạt giải tại các kỳ thi quốc tế về toán học và tin học, phối hợp với Bộ Giáo dục Đào tạo và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức xét chọn và trao giải cho các đồ án tốt nghiệp xuất sắc của sinh viên các ngành xây dựng và kiến trúc; tổ chức đều đặn “tuần lễ tin học” và triển lãm “công nghệ thông tin” luân phiên tại thành phố Hà Nội

và Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra Liên hiệp hội và các hội thành viên đã tham gia nhiều công trình nghiên cứu khoa học và triểm khai công nghệ thuộc nhiều lĩnh vực. Đã thành lập Quỹ Hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC) nhằm thưởng cho các công trình sáng tạo kỹ thuật xuất sắc.

Liên hiệp hội và các Hội thành viên đã tổ chức nghiên cứu, góp ý kiến đánh giá, phản biện, giám định xã hội về nhiều khía cạnh khác nhau của dự án và công trình trọng điểm của Đảng và Nhà nước (Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, Dự án tiền khả thi công trình thủy điện Sơn La; Luận chứng kinh tế kỹ thuật nhà máy điện Phả Lại II; Dự án quy hoạch cảng biển Việt Nam; Dự án quy hoạch khu công nghệ cao Láng - Hòa Lạc); liên tục đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế trong nhiều lĩnh vực.

2. Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam gồm có 10 hội chuyên ngành và 63 Hội Văn học Nghệ thuật các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các hội chuyên ngành cho đến nay đều trở thành những tổ chức lớn, hoạt động trên quy mô toàn quốc, là nòng cốt của phong trào văn nghệ các vùng, miền trong cả nước và có quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng. Hoạt động chính của các Hội được tập trung vào việc tạo điều kiện sáng tác, giúp đỡ các văn nghệ sĩ đi thực tế, đi sâu rộng và đi sâu vào các lĩnh vực của công cuộc xây dựng kinh tế - văn hóa và bảo vệ tổ quốc trên các vùng miền đất nước.

Quan tâm và thực hiện công tác nghiên cứu lý luận phê bình, Liên hiệp hội và các Hội thành viên đã tổ chức những cuộc hội thảo, những cuộc tranh luận trên báo chí về những vấn đề quan điểm nghệ thuật và những vấn đề xây dựng nghề nghiệp, đầu tư tài trợ cho một số công trình nghiên cứu trọng điểm. Các Hội thành viên đều có cơ quan ngôn luận, một số Hội có nhà xuất bản hoạt động hiệu quả. Hội Nhiếp ảnh, Hội Mỹ thuật, v.v. đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm trong nước và quốc tế, được nhận nhiều huy chương vàng và bạc. Các tờ báo và tạp chí văn nghệ của các tỉnh và thành phố được xuất bản với số lượng ngày một tăng, tiến bộ về nội dung và hình thức thể hiện

Các Hội thành viên đóng góp nhiều ý kiến với các cơ quan nhà nước về các vấn đề quan trọng của nghề nghiệp: Hội nhà văn góp ý về việc sửa sách giáo khoa về văn học và việc lập một bảo tàng văn học; Hội Nhạc sĩ đề nghị Nhà nước về việc dạy nhạc từ mẫu giáo đến các trường phổ thông. Hội Kiến trúc sư đóng góp với cơ quan nhà nước về vấn đề quy hoạch và phát triển đô thị, các vấn đề về luật pháp, chứng chỉ hành nghề và chức năng tư vấn của Hội trong các công trình về kiến trúc của Nhà nước... Hầu hết các hội thành viên đều có kiến nghị với Đảng và Nhà nước xem xét vấn đề quyền tác giả.

Các Hội địa phương cũng ngày càng mở rộng và đã rất chú ý khuyến khích sáng tác và nghiên cứu lịch sử dân tộc, về các danh nhân đánh giặc, danh nhân văn hóa ở địa phương. Những hồi ký về cách mạng và hai cuộc kháng chiến tiếp tục ra đời ở các tỉnh thành, cùng với nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết đã cho thế hệ sau thấy đầy đủ hơn, rõ ràng hơn về hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

3. Có 60 Hội Hữu nghị ở Trung ương và 32 Hội Hữu nghị tỉnh là thành viên hoạt động với tôn chỉ mục đích vì mục tiêu đấu tranh cho hòa bình, xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân trên toàn thế giới. Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị hoạt động theo đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường sự hiểu biết và tranh thủ sự ủng hộ về mọi mặt trong giao lưu, hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội...

Công tác viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã được Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam và các hội thành viên tập trung quan tâm. Đến nay giá trị viện trợ phi chính phủ hàng năm đạt khoảng 100 triệu đô-la Mỹ, đóng góp đáng kể vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước.

4. Các Hội Thể dục thể thao, Hội Chữ thập Đỏ, các Hiệp hội của các tổ chức kinh tế... cũng đã có nhiều hoạt động và đóng góp tích cực trong phạm vi hoạt động của mình, như xây dựng phong trào thể dục

thể thao thành phong trào mang tính nhân dân rộng rãi, góp phần nâng cao thành tích thể thao Việt Nam trong các cuộc thi đấu quốc tế (các Hội thể dục thể thao); Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống sức khỏe và hoạt động nhân đạo phục vụ nhân dân, góp phần quan trọng trong việc thực hiện chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, làm giảm bớt nỗi đau khổ, bất hạnh của hàng triệu người. Đặc biệt khơi dậy và phát huy truyền thống nhân ái tốt đẹp của dân tộc, đưa hoạt động nhân đạo dần trở thành ý thức, tình cảm và xu thế của xã hội hiện nay với ý nghĩa chính trị và xã hội to lớn (Hội Chữ thập Đỏ Việt Nam); Thiết lập được mối quan hệ hợp tác, liên kết hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp, làm tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các doanh nghiệp thành viên và của cộng đồng trên các diễn đàn trong nước, khu vực và thế giới, qua đó nâng cao uy tín doanh nghiệp, làm cơ sở liên kết liên doanh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Phản ánh với Nhà nước các vấn đề có liên quan đến các chính sách, luật pháp, chiến lược phát triển, v.v., tạo nên một kênh thông tin tư vấn cho Đảng và Nhà nước, cho địa phương đưa ra những quyết sách sát thực hơn, lợi ích hơn (các Hiệp hội của các tổ chức kinh tế). Đặc biệt là Hội Luật gia Việt Nam, trong những năm đổi mới vừa qua đã có nhiều đóng góp rất tích cực cho sự nghiệp xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam, phát huy quyền làm chủ nhân dân.

5. Một số Hội ở địa phương ngày càng thu hút được đông đảo hội viên, tập hợp quần chúng vào các hoạt động hướng nghiệp, sở thích, nhân đạo, v.v. góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Ngoài những tổ chức chính thống được phép thành lập, ở mọi miền của đất nước còn có thể thấy được sự hoạt động không ghi danh của rất nhiều Hội, Tổ, Nhóm, Phường, v.v. tự nguyện của nhân dân, thể hiện tính đa dạng, phong phú của xã hội dân sự, của văn hóa Việt Nam.

Ông Thang Văn Phúc - Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ông Nguyễn Văn Lâm - Vụ trưởng Vụ các Tổ chức phi chính phủ, Bộ Nội vụ, cùng một số tác giả đã nhận xét như sau về vai trò và sự đóng góp của các tổ chức Hội:

“Tóm lại, chỉ mới thông qua hoạt động của một số tổ chức hội ở Trung ương và địa phương, chúng ta thấy rằng cùng với hoạt động của kinh tế thị trường và sự nỗ lực cao độ của quản lý nhà nước, hoạt động các Hội trong những năm qua đã đóng góp không nhỏ thúc đẩy sự phát triển không ngừng của đất nước. Các Hội ra đời lại tăng thêm bầu không khí sôi nổi, dân chủ của xã hội. Tuy không liệt kê hết hoạt động của các Hội nhưng qua đây chúng ta có thể rút ra những nhận xét sau:

Một là: Các Hội đã đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy công cuộc đổi mới đất nước một cách toàn diện, thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Phát huy lợi thế riêng của mình mỗi Hội có những đóng góp thiết thực và hiệu quả.

Hai là: Các hoạt động của hội quần chúng trong những năm qua đã hỗ trợ rất đắc lực cho công cuộc xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị, giúp cho hệ thống chính trị của nước ta ngày càng vững mạnh.

Ba là: Hoạt động của các Hội trong thời gian qua đã góp phần không nhỏ vào việc phát triển con người mới một cách toàn diện, các hoạt động của Hội là môi trường xã hội giáo dục mở mang trí tuệ và tập luyện tinh thần tự giác, tự chủ, năng động sáng tạo và không ỷ lại, cũng là nơi rèn luyện thực hành dân chủ cho công dân. Hoạt động các Hội phản ánh chân thực trình độ phát triển của nền dân chủ xã hội, trạng thái thực của dân chủ hóa; sự phát triển ổn định, lành mạnh của hội cũng là cơ sở cho sự đảm bảo về ổn định, an toàn xã hội.

Bốn là: Hoạt động đối ngoại của các Hội, mở ra con đường đối ngoại nhân dân rất hiệu quả. Cùng với các hội hữu nghị chuyên sâu về lĩnh vực đối ngoại nhân dân, có thể nói gần như tất cả các Hội khác đều có hoạt động đối ngoại. Hoạt động đối ngoại của các Hội luôn giữ vững quan điểm độc lập, tự chủ, bình đẳng cùng có lợi. Hoạt động đối ngoại hợp tác của các Hội mở rộng đa phương, song phương, tăng cường tình hữu nghị hợp tác giữa nhân dân ta với nhân dân các nước trên toàn thế giới, tất cả vì mục tiêu hòa bình và phát triển (Sđđ).

3. Quyền lập Hội, quan điểm và cơ sở luật pháp

a. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền lập Hội

Ngay từ những năm 1930, khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, nhiều Hội, Phường - những liên kết, tập hợp quần chúng nhân dân đã tích cực hưởng ứng đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc do Đảng chủ trương. Hàng trăm, ngàn Hội nhỏ của dân chúng thị thành, nông thôn hoạt động trong các lĩnh vực xã hội, nhân đạo, từ thiện, sở thích, v.v. ngày càng giác ngộ và ý thức được nổi nhục mất nước, đã ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã tập hợp được rộng rãi quần chúng thông qua việc thành lập các tổ chức chính trị - quần chúng, như là *Mặt trận Đồng minh phản đế Đông Dương* năm 1930, *Mặt trận Dân chủ* (1936-1939), *Mặt trận Việt minh* (1942-1946), *Mặt trận Liên Việt* (1946-1954), v.v.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, hòa bình và thống nhất đất nước năm 1975, sự khởi sắc phát triển của đất nước Việt Nam trong những năm của thời kỳ Đổi mới - là những mốc lịch sử minh chứng về sự đóng góp, cống hiến vô cùng to lớn của các tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp giữ nước và dựng nước, trong đó các Hội, tổ chức xã hội đã có vai trò rất quan trọng.

Từ khi thành lập tới nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định *“Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”*, cho nên đã luôn chú ý tới việc tập hợp và phát triển các tổ chức quần chúng, tổ chức xã hội.

Nghị quyết 88-NQ/HNTW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI ngày 27/3/1996 đã nêu rõ: *“Trong giai đoạn mới cần thành lập các Hội đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống của nhân dân hoạt động theo hướng ích nước, lợi nhà, tương thân, tương ái. Các tổ chức Hội quần chúng được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải về tài chính trong khuôn khổ pháp luật”*.

Cũng trên tinh thần đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt Chính

phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh số 52, ngày 22/4/1946 quy định về quyền lập Hội.

Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua ngày 9/11/1946 quy định về quyền lập hội của công dân như sau: “*Công dân Việt Nam có quyền: - tự do ngôn luận; - tự do xuất bản; - tự do tổ chức và hội họp; - tự do tín ngưỡng; - tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài*” (Điều 10).

Ngày 20/5/1957, văn bản pháp luật đầy đủ đầu tiên về quyền lập Hội của nhân dân Việt Nam, được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký. Sắc lệnh số 102, ban hành dưới hình thức một đạo luật quy định về quyền lập Hội.

Điều 1 của đạo luật này quy định: “*Quyền lập Hội của nhân dân được tôn trọng và bảo đảm. Lập Hội phải có mục đích chính đáng, phù hợp với lợi ích nhân dân, có tác dụng đoàn kết nhân dân, để góp phần xây dựng chế độ dân chủ nhân dân của nước ta. Quy định này chính quyết của Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện nhân đạo*” (Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia 2001).

b. Pháp luật Việt Nam về Quyền lập Hội.

Ngay sau khi cách mạng tháng Tám Nhà nước chính thức khẳng định cam kết của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyền lập hội của nhân dân. Đồng thời cũng chỉ rõ một số điều kiện thực thi quyền lập Hội. Đó là: a) mục đích phải rõ ràng, chính đáng, phù hợp với lợi ích của nhân dân; b) hoạt động của Hội phải có tác dụng đoàn kết nhân dân; c) hoạt động của Hội phải nhằm xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.

Điều 2 của đạo luật năm 1957 cũng quy định chi tiết một số quyền của công dân khi thực thi quyền lập Hội: “*Mọi người đều có quyền lập Hội, trừ những người mất quyền công dân hoặc đang bị truy tố trước pháp*

luật. Mọi người có quyền tự do vào Hội thành lập hợp pháp, và có quyền tự do ra Hội. Không ai được xâm phạm quyền lập Hội và quyền tự do vào Hội, ra Hội của người khác...”.

Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được thông qua ngày 31/12/1959, quy định về quyền lập Hội của công dân như sau: *“Công dân nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa có các quyền và tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập Hội và biểu tình. Nhà nước đảm bảo những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó”* (Điều 25).

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 18/12/1980, quy định về quyền lập Hội của công dân như sau: *“Công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập Hội, tự do biểu tình, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân. Nhà nước tạo điều kiện vật chất cần thiết để công dân sử dụng các quyền đó. Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân”* (Điều 67).

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 15/4/1992, quy định về quyền lập Hội của công dân như sau: *“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập Hội, biểu tình theo quy định của pháp luật”* (Điều 69).

Dưới góc độ lịch sử lập Hiến và lập pháp của Việt Nam, liên quan tới quyền lập Hội của nhân dân, có thể khẳng định rằng từ khi dành được nền độc lập chính trị khỏi chế độ thực dân Pháp cho đến nay, quyền lập Hội vẫn luôn được Nhà nước Việt Nam chính thức công nhận như một trong những quyền và tự do cơ bản, quan trọng của nhân dân.

Trong quan hệ quốc tế, Nhà nước Việt Nam cũng đã cam kết tôn trọng và đảm bảo thực thi các quyền và tự do cơ bản của con người, trong đó có quyền lập Hội. Việt Nam đã tham gia nhiều Công ước quốc tế về Nhân quyền, trong đó Công ước quan trọng nhất, được hầu hết các quốc gia trên thế giới cam kết tuân thủ là Công ước quốc tế về các quyền dân sự và

chính trị, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 16/12/1966. Điều 22 của Công ước này quy định về quyền lập Hội như sau:

“1) Mọi người có quyền tự do lập Hội với những người khác, kể cả quyền lập và gia nhập các nghiệp đoàn để bảo vệ lợi ích của mình.

2) Việc thực hiện quyền này không bị hạn chế, trừ trường hợp do pháp luật quy định và những hạn chế này là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, để bảo vệ sức khoẻ hoặc đạo đức của công chúng, hoặc các quyền và tự do của các người khác...”.

Với tư cách là thành viên tham gia Công ước năm 1966 về các quyền dân sự và chính trị, Nhà nước Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý quốc tế liên quan đến việc thực thi quyền lập Hội trên lãnh thổ Việt Nam. Như vậy, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền lập Hội của nhân dân, không chỉ thuần túy nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, nhằm cụ thể hóa quyền Hiến định về tự do lập Hội được Hiến pháp Việt Nam công nhận. Việc xây dựng pháp luật về quyền lập Hội còn là một việc cần phải làm, là một nghĩa vụ pháp lý của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

3. Luật về Hội phải là một khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh

Trong xu thế hội nhập quốc tế, tiếp tục thực thi chính sách Đổi mới, Chính phủ Việt Nam đã quan tâm tới việc xây dựng pháp luật về quyền lập Hội. Đầu những năm 1990, Bộ Nội vụ là cơ quan của Chính phủ được giao trách nhiệm soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật về Hội. Ngày 30/7/2003 Chính phủ đã ban hành Nghị định 88/2003/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội. Tiếp theo, ngày 15/1/2004, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 01/2004/TT-BNV hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 88/2003/NĐ-CP.

Với việc ban hành và áp dụng Nghị định 88/2003/NĐ-CP cũng như Thông tư 01/2004/TT-BNV, đã có nhiều Hội, tổ chức xã hội mới được thành lập, hoạt động, đóng góp đáng kể cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị định 88 và các văn bản liên quan khác về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, tổ chức xã hội, cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Xin đơn cử một số ý kiến về khó khăn và bất cập qua việc thực hiện Nghị định 88 như dưới đây.

- Ý kiến của Sở Nội vụ Hà Nội (Trích từ Báo cáo Kết quả nghiên cứu, khảo sát việc thực thi Nghị định 88 từ phía các cơ quan quản lý nước do Hội Luật gia Việt Nam và Trung tâm Thông tin và Phát triển cộng đồng (CICD) tiến hành).

“Riêng việc quản lý nhà nước ở thành phố hiện nay, sau khi cấp phép thành lập cho các tổ chức Hội thì hầu như không quản lý gì được”.

- Ý kiến của 28 Hội - Tổ chức phi chính phủ (Trích từ: Báo cáo Đánh giá tác động của Nghị định 88 - vấn đề và kiến nghị, do CICD thực hiện)

“Hầu hết các Hội cấp tỉnh đều có chung ý kiến rằng Nghị định 88 đã gây khó khăn cho việc thành lập Hội cấp quận huyện, vì trước Nghị định 88 cấp quận huyện do Ủy ban Nhân dân quận huyện cho phép thành lập, nay do Ủy ban Nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc TW quyết định, nên đã gây khó khăn phiền hà cho cả hội quận huyện lẫn Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành...”.

- Một số cơ quan nhà nước khi nói về về những khó khăn, bất cập sau hai năm thực hiện Nghị định 88 trong báo cáo kết quả nghiên cứu, khảo sát việc thực thi Nghị định 88 từ phía các cơ quan quản lý nước hầu hết cũng đều đưa ra ý kiến cần đơn giản hơn nữa về một số thủ tục hành chính cũng như vấn đề quản lý nhà nước đối với hoạt động của hội. Còn các tác giả của bản báo cáo thì đánh giá: *“Thực tế cho thấy, việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước vào quá trình cấp phép như hiện nay còn nhiều hạn chế... Vấn đề này Nghị định 88 chưa giải quyết triệt để dẫn đến thủ tục thành lập Hội chưa thực sự được đơn giản, nhanh chóng”.*

Một thực tế nữa là trong quá trình thực thi Nghị định 88, quan điểm của một số địa phương do không hiểu hết hoặc là do Nghị định 88 không quy định nên áp dụng quá máy móc gây khó khăn cho các tổ chức Hội...”.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên đây, có lẽ một phần cũng là do khi tiến hành soạn thảo Nghị định 88, cơ quan soạn thảo đã không tiến hành tham vấn ý kiến của các tổ chức Hội, là những đối tượng chịu tác động của Nghị định. Nội dung của Nghị định 88, vì thế mà xa rời thực tế, không khả thi. Do vậy, khuôn khổ pháp luật về Hội cần phải được sửa đổi, hoàn chỉnh.

Đồng thời, nhu cầu hoạt động của xã hội dân sự, vai trò quản lý nhà nước đối với hội, tổ chức xã hội, cũng như đòi hoàn chỉnh, tạo nên một môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thực thi quyền lập Hội của nhân dân đã được Nhà nước Việt Nam ghi nhận và bảo đảm trong Hiến pháp. Trong mối quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức nhân dân, về cơ bản phát sinh hai mối quan tâm không giống nhau. Nhà nước thì luôn quan tâm tới việc đảm bảo ổn định chính trị, trật tự - an toàn xã hội, an ninh quốc gia nên hay có sự lo ngại rằng hoạt động của các tổ chức nhân dân có thể vượt quá tầm kiểm soát hỏi của xu thế hội nhập quốc tế đang là những yếu tố có tính thời sự cao, khẳng định sự cần thiết phải ban hành một khuôn khổ pháp lý tương đối hoàn chỉnh, dưới hình thức một đạo luật, nhằm một mặt thực thi đầy đủ quyền lập Hội của nhân dân, phát huy vai trò của xã hội dân sự, và mặt khác đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước đối với Hội, tổ chức xã hội, hướng tới một Nhà nước pháp quyền. Trong bối cảnh này, Bộ Nội vụ đã được Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì đề án xây dựng Luật về Hội.

4. Những tư tưởng chỉ đạo

Luật về Hội là một văn bản quy phạm pháp luật của mình. Vì thế, Nhà nước rất quan tâm tới việc quản lý chặt chẽ các Hội. Mặt khác, đối với các tổ chức nhân dân, các Hội, xu thế luôn khẳng định quyền tự do lập Hội như một nhu cầu tự nhiên của con người và đồng thời là quyền hiến định. Họ không mong muốn bị kiểm soát chặt chẽ, bị phụ thuộc. Do vậy, tư tưởng chỉ đạo đối với nhà soạn thảo Luật về Hội, trước hết phải là: đảm bảo và đáp ứng được những mối quan tâm như đã nêu của Nhà nước và của các tổ chức nhân dân. Nghĩa là, nội dung của

Luật về Hội không thể chỉ là những đảm bảo về quyền tự do lập Hội và hoạt động Hội. Nội dung của Luật, đồng thời, phải đảm bảo một cơ chế hợp lý để Nhà nước có thể giám sát, quản lý được các tổ chức nhân dân, tổ chức Hội vì trật tự công cộng, an toàn xã hội, an ninh quốc gia, sức khoẻ cộng đồng.

a. Những nguyên tắc chủ yếu trong việc hoạt động của Hội, việc xây dựng Luật về Hội phải dựa trên sự đảm bảo và tôn trọng tự do ý chí của các cá nhân, tổ chức trong việc liên kết. Pháp luật chỉ nên định ra những khuôn khổ pháp lý chủ yếu, nhằm, tạo dựng một môi trường pháp lý rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Hội, đồng thời đảm bảo sao cho Hội, tổ chức nhân dân không hoạt động phương hại lợi ích chung của xã hội, hạn chế quyền và lợi ích của cá nhân và tổ chức khác trong xã hội.

Thứ nhất: Đảm bảo nguyên tắc tự do ý chí của cá nhân, tổ chức trong việc liên kết, hợp nhất.

Một trong những đặc điểm cơ bản của các Hội, tổ chức nhân dân là sự liên kết, hoạt động trên cơ sở tự nguyện giữa các thành viên. Điều này có nghĩa là quan hệ pháp lý phát sinh do sự hình thành và hoạt động của Hội là đối tượng điều chỉnh của Luật về Hội, mang tính chất tư (riêng tư giữa các hội viên). Xuất phát từ tính chất tư của quan hệ phát sinh do sự hình thành.

Thứ hai: Soạn thảo Luật về Hội nghĩa là soạn thảo những quy định pháp luật nhằm cụ thể hóa quyền lập Hội được khẳng định trong Hiến pháp Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Hoạt động của Hội, của các tổ chức nhân dân, là biểu hiện sự thực thi một trong những quyền tự do cơ bản của con người đó là quyền tự do lập Hội, tự do hội họp. Luật về Hội cần phải quán triệt tư tưởng rằng: *mọi quy định pháp luật được soạn thảo và ghi nhận trong các bộ luật, đạo luật, hay bất kỳ một văn bản pháp luật nào khác không được mâu thuẫn với tinh thần và lời văn của điều luật được ghi nhận trong Hiến pháp.*

Thứ ba: Quyền tự do lập Hội là một trong những quyền tự do cơ bản của con người, mà Nhà nước Việt Nam cam kết với cộng đồng quốc tế trong việc tôn trọng và đảm bảo thi hành.

Quyền tự do lập Hội là một trong những quyền cơ bản của con người, được hầu hết các quốc gia trên thế giới trình trọng công nhận trong tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948 và đã được ghi nhận trong Công ước quốc tế về các quyền chính trị và dân sự năm 1966. Luật về Hội cần phải thể hiện các cam kết quốc tế phát sinh từ Công ước này.

Thứ 4: Quyền tự do lập Hội không tách rời chức năng quản lý của Nhà nước.

Vai trò quản lý của Nhà nước trong việc thực thi quyền tự do lập Hội được thể hiện ở một số chức năng chủ yếu như: công nhận quyền tự do lập Hội của nhân dân; công nhận tư cách pháp nhân của Hội; theo dõi, giám sát hoạt động của Hội thông qua chế độ báo cáo, thanh tra, kiểm soát ngành; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động của Hội; cảnh giới và xử lý vi phạm pháp luật từ phía Hội và giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của Hội bằng các biện pháp hành chính hoặc tư pháp.

Thứ 5: Quyền tự do lập Hội có thể bị Nhà nước hạn chế.

Nhà nước có thể quy định những trường hợp hạn chế quyền tự do lập Hội trong những trường hợp xét thấy việc thành lập, hoạt động của tổ chức xã hội có thể dẫn tới những vi phạm như: *xâm hại tới lợi ích an ninh quốc gia; xâm hại tới trật tự an toàn công cộng; trật tự xã hội; làm ảnh hưởng tới sức khoẻ hoặc đạo đức cộng đồng; làm ảnh hưởng tới việc thực hiện hoặc bảo vệ các quyền và tự do của người khác.* Đây là những hạn chế quyền tự do lập Hội, mà Công ước quốc tế năm 1966 về các quyền dân sự và chính trị cho phép các quốc gia thành viên vận dụng vào pháp luật quốc gia nhằm đảm bảo yếu tố chủ quyền quốc gia (Điều 22).

Thứ 6: Hoạt động của Hội phải được khuyến khích vì một xã hội đa dạng, dân chủ và phát triển bền vững.

Tính đa dạng về hình thức tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội đã và đang phát huy tối đa các nguồn lực xã hội, các sáng kiến cộng đồng, cùng với Nhà nước giải quyết nhiều vấn đề xã hội và phát triển. Sự tham gia của các tổ chức xã hội vào những công việc, lĩnh vực mà Nhà nước đang thực hiện có thể được coi như một sự chia sẻ gánh nặng trách nhiệm từ Nhà nước sang cho xã hội dân sự. Nhận thức được tầm quan trọng và khả năng đóng góp của các tổ chức xã hội, Nhà nước Việt Nam có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện xã hội dân sự tham gia công việc nhà nước như Nghị định 86/2003/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ, Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg ngày 30/1/2002 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động tư vấn, phân biệt và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Với một chính sách ưu đãi của Nhà nước Việt Nam dành cho các tổ chức Hội như đã nêu trên, Luật về Hội cần phải quán triệt và thể hiện trong các điều khoản của Luật.

b. Một số nội dung chính

Dự thảo Luật về Hội của các tổ chức Hội soạn thảo gồm 6 Chương, 55 Điều.

Chương 1: Những quy định chung (từ Điều 1 - Điều 7)

Chương 2: Điều kiện thủ tục đăng ký thành lập Hội (từ Điều 8 - Điều 20)

Chương 3: Hoạt động và tổ chức của Hội (Từ Điều 21 - Điều 45)

Chương 4: Quản lý nhà nước đối với Hội (từ Điều 46 - Điều 48)

Chương 5: Tài chính của Hội (từ Điều 49 - Điều 53)

Chương 6: Điều khoản thi hành (Điều 54, Điều 55)

Những nội dung cơ bản của có sáu vấn đề được đề cập, gồm:

Thứ nhất: Phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Luật.

Đối tượng điều chỉnh của Luật là mối quan hệ giữa Nhà nước và Hội trong việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội.

Do đặc thù về hoàn cảnh chính trị - xã hội của Việt Nam, có một số tổ chức, mặc dù tính chất hoạt động cũng tương tự như các tổ chức quần chúng, nhưng có vai trò riêng biệt trong hệ thống chính trị của Việt Nam, nên không nhất thiết phải đưa vào thuộc đối tượng áp dụng của Luật về Hội. Tuy nhiên, Dự thảo Luật không nêu đích danh những tổ chức này (sáu tổ chức) ra khỏi phạm vi áp dụng của Luật. Lý do là nhằm đảm bảo tính tiên liệu của Dự luật cho những trường hợp trong tương lai, khi một hoặc một vài những tổ chức này có thể trở thành thực sự là tổ chức Hội, như các Hội khác.

Các tổ chức tôn giáo không thuộc phạm vi áp dụng của Luật về Hội. Pháp lệnh về tôn giáo đã được ban hành.

Các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO) hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay cũng chưa nên thuộc phạm vi áp dụng của Luật về Hội. Đầu mỗi quản lý nhà nước đối với các INGO hiện nay là VUFO, PACOM, dựa trên một số văn bản pháp luật do Chính phủ ban hành. Trong tương lai, có thể cũng giống như Luật Đầu tư, sẽ có Luật về Hội chung áp dụng cho cả các tổ chức Hội trong nước và các INGO tại Việt Nam.

Phù hợp với xu thế Đổi mới và hội nhập quốc tế, Dự thảo Luật ghi nhận quyền lập hội của cả người Việt Nam mang quốc tịch nước ngoài, cũng như của cá nhân, tổ chức nước ngoài đang cư trú và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Tiêu chí *tư cách pháp nhân* của Hội chính là điều kiện để Hội có thể tham gia các quan hệ pháp lý về hành chính, dân sự, kinh tế, v.v. Đồng thời cũng là điều kiện pháp lý quan trọng trong việc quản lý nhà nước đối với Hội. Vì vậy, Dự thảo Luật về Hội đã ghi nhận các quy định về

thủ tục đăng ký thành lập Hội, để một tổ chức có thể được coi là chính thức, *có tư cách pháp nhân*. Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay, ở nhiều nơi trên phạm vi cả nước, quyền lập Hội, hội họp vẫn được các công dân sử dụng mà không cần tới *tư cách pháp nhân* như: Hội đồng hương, Hội bảo thọ, Hội khuyến học, v.v. là những tổ chức được thành lập trên cơ sở tự nguyện. Luật về Hội vẫn phải công nhận sự tồn tại của những tổ chức này. Chỉ trừ những quy định liên quan tới việc đăng ký thành lập với cơ quan nhà nước, phần lớn các quy định của Luật về Hội vẫn có ý nghĩa ràng buộc đối với những tổ chức không chính thức.

Các tổ chức trực thuộc Hội cũng thuộc phạm vi áp dụng Luật về Hội ở mức độ chịu sự điều chỉnh trước hết của Điều lệ Hội lớn, quy chế hội viên và điều lệ của tổ chức trực thuộc đã được Hội phê duyệt.

Thứ hai: Thủ tục thành lập Hội.

Những Hội chính thức, cần có tư cách pháp nhân, thì phải làm thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các quy định của Dự thảo Luật về thủ tục đăng ký thành lập Hội - đảm bảo đúng tinh thần dân chủ, minh bạch, tự nguyện. Thủ tục đăng ký đơn giản, rõ ràng, tránh sự lạm quyền của cá nhân, cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký, hoàn toàn loại bỏ khả năng gây khó khăn theo cơ chế xin cho.

Thứ ba: Hoạt động và tổ chức của Hội.

Hoạt động và tổ chức của Hội, chủ yếu được quy định trong Điều lệ Hội, Quy chế hoạt động của Hội, trên cơ sở ý chí tự nguyện của các hội viên. Các quy định của Luật về Hội không can thiệp sâu vào việc tổ chức và hoạt động của Hội.

Trong Dự thảo Luật, Hội được công nhận quyền *được làm những gì mà pháp luật không cấm*. Và có quy định cụ thể những điều Nhà nước cấm Hội vi phạm (một số quy định cụ thể). Về quyền và nghĩa vụ của Hội, cơ bản Dự thảo Luật về Hội công nhận Điều lệ Hội là văn kiện pháp lý cơ bản cho tổ chức và hoạt động của Hội. Tuy nhiên, Dự thảo Luật về Hội cũng quy định một số quyền của Hội, mà việc thực thi

chúng gắn liền với trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan nhà nước. Về nghĩa vụ của Hội, Dự thảo Luật về Hội đặc biệt chú ý tới những nghĩa vụ của Hội nhằm giúp cho công tác của Nhà nước trở nên thuận lợi và hiệu quả.

Việc Hội giải thể là một vấn đề tương đối phức tạp, làm phát sinh quan hệ giữa Ban lãnh đạo Hội với hội viên, với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và với các cá nhân, tổ chức thuộc bên thứ ba có liên quan. Để xử lý vấn đề giải thể của Hội, Dự thảo Luật về Hội có phân biệt phương thức *tự giải thể* và phương thức *bị buộc giải thể*. Dự luật cũng đã đưa ra cơ sở để xác định cũng như quy định những căn cứ để giải quyết cụ thể đối với từng phương thức giải thể Hội.

Thứ tư: Quản lý nhà nước đối với Hội

Khi bàn đến quản lý nhà nước, cần giải đáp một cách rõ ràng, cụ thể một số câu hỏi như sau: Ai (cơ quan nào) thực hiện sự quản lý? Nội dung quản lý là gì (làm những việc gì)?... Các quy định của Dự thảo Luật về Hội thể hiện nguyên tắc *Nhà nước quản lý Hội theo pháp luật*.

Mặc dù có quy định quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ ngành đối với Hội, Dự thảo Luật về Hội chỉ dừng lại ở chỗ công nhận các quyền thanh tra, kiểm tra ngành của những cơ quan này đối với Hội, cũng như đối với bất kỳ pháp nhân, thể nhân nào khác, và chỉ được thực hiện với sự tuân thủ đầy đủ các quy định về thủ tục do luật quy định.

Phù hợp với cải cách hành chính, phân, phân quyền, Dự thảo Luật về Hội đã phân cấp cơ quan quản lý Hội là Bộ Nội vụ, Ủy ban Nhân dân tỉnh và huyện. Việc phân cấp như vậy, một mặt vừa tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong việc quản lý, giám sát hội theo đơn vị lãnh thổ hành chính, giám tài công việc; mặt khác, tạo thuận lợi cho các việc thành lập, hoạt động, báo cáo của các tổ chức Hội, nhất là những tổ chức Hội ở cấp huyện, xã.

Nhằm tránh tình trạng hiểu không thống nhất về khái niệm *quản lý nhà nước*, để dẫn đến sự lạm quyền khi thực thi, Dự thảo Luật cũng

đã đưa ra chín quy định cụ thể về nội dung quản lý nhà nước đối với Hội. Ngoài ngoài việc sử dụng công cụ thanh tra, kiểm tra, Dự thảo Luật về Hội còn dành cho cơ quan có thẩm quyền thêm một công cụ nữa để thực hiện sự giám sát, quản lý đối với Hội đó là cơ chế báo cáo định kỳ về hoạt động của Hội.

Danh bạ Đăng ký các Hội ở cả ba cấp (Bộ Nội vụ, Ủy ban Nhân dân huyện, Ủy ban Nhân dân xã) được đưa vào Dự thảo Luật về Hội, như một phương tiện giám sát và quản lý hoạt động của các Hội. Đây vừa là công cụ quản lý tiện ích của Nhà nước, nhưng cũng vừa là phương tiện minh bạch hóa hoạt động của các Hội, giúp cho công chúng và nhà tài trợ tiếp cận với các Hội một cách dễ dàng hơn.

Thứ 5: Vấn đề giải quyết tranh chấp

Phải khẳng định rằng mối quan hệ giữa Nhà nước với Hội là mối quan hệ giữa hai chủ thể bình đẳng với nhau trước pháp luật. Pháp luật là tối thượng không chỉ đối với người dân, với các tổ chức của nhân dân, mà còn đối với cả cơ quan nhà nước, và cá nhân từng công chức.

Dự thảo Luật về Hội quy định một số trường hợp giải quyết tranh chấp bằng cơ quan tư pháp. Đối với các tranh chấp phát sinh giữa Hội về tài sản, tài chính với cá nhân hoặc pháp nhân khác, Dự thảo Luật về Hội quy định phải giải quyết bằng tòa án.

Thứ 6: Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của Hội vì lợi ích cộng đồng

Dự thảo Luật về Hội, với các nội dung ghép và kế thừa hiệu quả về quyền và nghĩa vụ của Hội, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, đã thể hiện được chính sách của Nhà nước đối với các tổ chức Hội thông qua năm điểm cụ thể. Về tài chính, Dự thảo Luật cũng có ba quy định rõ chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các cá nhân và doanh nghiệp có những đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức Hội

hoạt động công ích. Ngoài ra, nhằm mục đích tạo điều kiện cho các tổ chức Hội tự chủ về tài chính, phát huy các nguồn lực trí tuệ và khả năng của các Hội, Dự thảo Luật về Hội cũng có quy định rõ quyền của Hội được hoạt động kinh doanh, dịch vụ. Đối với những người làm việc trong các bộ máy, cơ quan của Hội, Dự thảo Luật chính thức các quyền thu nhập và chế độ hợp pháp của họ.

LUẬT VỀ HỘI CẦN PHẢN ÁNH VÀ ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA THỰC TIỄN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

TS. NGUYỄN THỊ HẬU

Phó Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

Trong lịch sử hình thành và phát triển xã hội loài người có *ba nguyên lý cơ bản tập hợp con người thành xã hội*, khiến cho con người - “động vật cao cấp nhất” đồng thời trở thành “*sinh vật có tính xã hội cao nhất*”:

Nguyên lý cùng huyết thống hay cùng cội nguồn. Đây là mối quan hệ tự nhiên xuất hiện ngay từ buổi đầu hình thành xã hội loài người. Từ mối quan hệ huyết thống về bên mẹ gia trong giai đoạn công xã thị tộc mẫu hệ đến các bộ lạc phụ hệ - phụ quyền theo quan hệ huyết thống về bên cha... dần hình thành mối quan hệ: Gia đình hạt nhân (ông bà, cha mẹ, anh chị em ruột) - Gia đình mở rộng (họ hàng bên bố, họ hàng bên mẹ, họ hàng bên ông bà nội, ông bà ngoại... họ hàng bên chồng/vợ...). Nguyên lý này mở rộng dần theo thời gian.

Nguyên lý cùng địa vực cư trú, hay quan hệ “hàng xóm láng giềng”, “đồng hương”: người cùng xóm làng, huyện tỉnh, cùng phường, thành phố, quốc gia, châu lục... Nguyên lý này mở rộng dần theo không gian.

Nguyên lý cùng lợi ích: Đây là nguyên lý của các mối quan hệ xã hội của những người cùng giai cấp, tầng lớp, nghề nghiệp, giới tính, lứa tuổi, có cùng sở thích, nhu cầu, khả năng, sự quan tâm... Nguyên lý này mở rộng dần theo sự phát triển ngày càng đa dạng, phức tạp của xã hội.

Ở các xã hội cổ truyền ba nguyên lý này gắn bó chặt chẽ với nhau, thường đan xen và trùng lặp vào nhau. Nhưng trong xã hội hiện

đại nguyên lý thứ ba ngày càng có vai trò quan trọng vì mối quan hệ cùng lợi ích ngày càng phổ biến, mỗi cá nhân đều ở trong một / nhiều mối quan hệ. Việc tham gia vào quan hệ này hay quan hệ khác, hay đồng thời nhiều quan hệ... là tùy thuộc vào những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Chính vì vậy, *“trong tính hiện thực của nó, con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”*. Sự ra đời và phát triển của các tổ chức xã hội ngoài nhà nước là sự thể hiện một nhu cầu tất yếu và chính đáng của con người để được bảo vệ quyền lợi vật chất và tinh thần của mình, đồng thời đóng góp cho sự phát triển xã hội. Các tổ chức ngoài nhà nước trở thành một thiết chế xã hội quan trọng nhưng bản thân nó không tồn tại một cách bất biến mà sẽ thay đổi phụ thuộc vào sự phát triển của xã hội cũng như vào sự vận hành của chính nó.

Ngược lại, sự tồn tại và phát triển các tổ chức “phi chính phủ” phản ánh thực trạng của xã hội “nhà nước hóa” hay “xã hội dân sự”. Tất nhiên, không thể coi mối quan hệ giữa “xã hội dân sự” và Nhà nước là đối lập nhau mà cần quan niệm rằng, Nhà nước là người quản lý xã hội, định hướng và tạo điều kiện cho sự phát triển, còn động lực của sự phát triển chính là “xã hội dân sự” - theo nghĩa rộng nhất bao gồm cả những thiết chế và hoạt động trong và ngoài Nhà nước. Xem xét hệ thống luật pháp của một quốc gia ta có thể nhận biết quan niệm của Nhà nước đó như thế nào về mối quan hệ ấy trong từng lĩnh vực cụ thể của xã hội.

Việc cho ra đời Luật về Hội chính là cụ thể hóa Hiến pháp nước ta về quyền của nhân dân được lập Hội theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tinh thần của Dự luật này, theo tôi, vẫn còn nặng tư duy “nhà nước hóa” đối với việc thành lập và hoạt động của Hội, về phương thức tổ chức và quản lý hội vẫn theo mô hình “bao cấp”. Nguyên nhân chủ yếu là do nước ta đã trải qua một thời gian dài trong mô hình nền kinh tế bao cấp, thiết chế xã hội hầu như bị “nhà nước hóa” gồm các cơ quan nhà nước và một số tổ chức xã hội tồn tại dựa vào sự bao cấp của nhà nước về nhân sự, kinh phí và cả nội dung hoạt động.

Bước vào thời kỳ đổi mới, trong những năm qua đã xuất hiện nhiều thiết chế xã hội mới mang tính chất “xã hội hóa” khá đa dạng, thể hiện một thực tế là Nhà nước đã dần để cho xã hội tự mình đảm đương trong nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội dưới sự quản lý của Nhà nước chủ yếu về mặt chính sách và hành chính.

Tuy nhiên, nếu trong lĩnh vực kinh tế quá trình “xã hội hóa” để thoát dần khỏi mô hình “Nhà nước bao cấp” khá nhanh chóng thì trong nhiều lĩnh vực xã hội khác quá trình này còn khá chậm chạp. Để chuyển từ xã hội “nhà nước hóa” sang “xã hội dân sự” thì điều quan trọng là phải thiết lập cơ chế pháp lý thuận lợi cho việc thành lập và phát triển các tổ chức ngoài nhà nước theo nhu cầu của xã hội. Luật về Hội của nước ta ra đời trong thời điểm này cần phải phản ánh và đáp ứng những điều kiện cho một “xã hội dân sự” phát triển lành mạnh.

Xuất phát từ quan niệm như vậy, trên cơ sở bản Dự thảo lần thứ 9 Luật về Hội, tôi có một vài ý kiến sau đây.

Chương I, Điều 3: Đối với các tổ chức trong điều này nếu đã liệt kê cụ thể thì cần nói rõ đó là những tổ chức sẽ chịu sự điều chỉnh của các bộ luật khác. Trừ tổ chức tôn giáo, có thể định danh các tổ chức trong điều này là “tổ chức chính trị - xã hội” được không, để phân biệt với các “tổ chức xã hội - nghề nghiệp” là đối tượng điều chỉnh của Luật về Hội.

Điều 4: Tiêu đề điều này nên là “Giải thích khái niệm” (hoặc “Giải thích từ, cụm từ”) thì chính xác hơn.

Điều 7 Khoản 3: Tôi hiểu nội dung điều này là quy định phải có một cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về sự thành lập và hoạt động của Hội - một tổ chức xã hội. Điều này dẫn đến một số bất cập và khó khăn cho sự thành lập Hội như: Nếu cơ quan nhà nước không / khó có thể thực hiện việc quản lý (do không đủ năng lực hay do lĩnh vực xã hội đó còn mới mẻ hay quá phức tạp, cán bộ cơ quan nhà nước được phân công quản lý không am hiểu, chuyên môn không phù hợp lĩnh vực hoạt động cụ thể của Hội...) thì khó có thể đồng thuận, thậm chí

còn có ý kiến không đồng thuận cho việc thành lập hội dựa vào lý do “sự phức tạp” của lĩnh vực mà hội hoạt động. Một mặt, không thành lập được Hội trong một lĩnh vực nào đó mà xã hội có nhu cầu thực sự, chính nhà nước cũng gặp khó khăn trong việc quản lý lĩnh vực đó. Mặt khác, nó tạo cho Hội sự lệ thuộc vào cơ quan nhà nước và do vậy, Hội dễ bị “nhà nước hóa”.

Chương II: Điều 9, Khoản 3: Không nên quy định cụ thể số hội viên tham gia vì nếu có nhu cầu thành lập Hội nhưng không đủ số hội viên cần thiết thì: 1) Ghi tên thêm cho đủ (tất nhiên, sẽ có một số người không có nhu cầu vào Hội thật sự, khi trở thành hội viên sẽ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình), hoặc 2) Không thành lập được Hội, những người có nhu cầu không có tổ chức để hoạt động, sinh hoạt sẽ thiệt thòi về quyền lợi (tinh thần và vật chất). Cả hai tình huống này đều không có lợi cho xã hội. Nếu cần phải có quy định này thì nên đưa ra số lượng cụ thể, đồng thời có thêm điều khoản cho một số trường hợp đặc thù (như Hội của những người bị một bệnh tật nào đó chẳng hạn...). Khoản 6: Trong thực tế nhiều Hội khi thành lập, hay trong quá trình làm thủ tục thành lập Hội đã không có /chưa có tài sản riêng.

Điều 11, Khoản 3: Địa chỉ trụ sở của Hội đã có trong hồ sơ đăng ký thành lập tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền (tỉnh, thành phố). Vì vậy, không cần thiết phải đăng ký với địa phương nơi Hội đặt trụ sở.

Điều 12, Khoản 1: Danh mục hồ sơ đầu tiên cần thay “Đơn” bằng “*Bản đăng ký thành lập Hội*” để thể hiện tính chất tự nguyện của chủ thể thành lập Hội cũng như sự tôn trọng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với một quyền hợp pháp của nhân dân. Đồng thời cho thấy trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan nhà nước trong việc thực thi Hiến pháp. Khoản 7 về tài sản, tài chính cần ghi thêm “nếu có”.

Điều 17, Khoản 1, Mục C: Không cần thiết phải gửi các “biên bản bầu Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội”. Cơ quan nhà nước có thể kiểm tra trong hồ sơ lưu của Hội khi cần thiết.

Điều 39, Khoản 1: Nên bỏ vì quan hệ giữa Hội và cơ quan nhà nước cùng lĩnh vực là mối quan hệ hỗ trợ, hợp tác, giúp đỡ về chuyên môn khi cần thiết cả về hai phía. Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý bằng luật pháp và theo Điều lệ Hội. Thực tế hiện nay nhiều Hội có người đứng đầu đang/đã là thủ trưởng các cơ quan cùng lĩnh vực chuyên môn với Hội nên có khả năng và điều kiện hỗ trợ cho hoạt động của Hội. Tuy nhiên, lãnh đạo Hội và lãnh đạo cơ quan nhà nước cần phải được xem là hai lĩnh vực khác nhau, vì vậy, nếu để điều này trong luật dễ dẫn đến việc quan liêu hóa tổ chức hội, Hội khó có thể độc lập trong các hoạt động cũng như trong việc thực hiện các quyền hạn của mình.

Chương VI: Theo Dự luật này thì nội dung Điều 55 đã “vô hiệu hóa” các điều trên. Vì vậy, không cần thiết có Chương VI mà ngay trong Chương I, Điều 3 “Đối tượng áp dụng” nên quy định: “Chính phủ có quy định riêng đối với người nước ngoài và tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam”.

Từ góc độ người tham gia công tác Hội và là thành viên của một số Hội xã hội - nghề nghiệp, tôi hy vọng Dự thảo Luật về Hội sẽ được bổ sung, sửa chữa để có thể phù hợp hơn với đối tượng điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn và sự phát triển xã hội, góp phần xây dựng xã hội ngày càng dân chủ.

LUẬT VỀ HỘI CẦN BÌNH ĐẲNG GIỮA HỘI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ HỘI PHI CHÍNH PHỦ

Ông TRẦN CÔNG HOÀNG QUỐC TRANG

Phó Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã tham gia nhiều lần góp ý cho Dự thảo Luật về Hội do Bộ Nội vụ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam... tổ chức, tuy nhiên các ý kiến góp ý của chúng tôi cũng như nhiều Hội đoàn khác vẫn chưa thấy có bổ sung sửa đổi. Nay xin tiếp tục góp ý.

1. Về các trọng tâm, chúng tôi đồng tình và kiến nghị quá trình Dự thảo Luật về Hội chưa có sự tham gia từ đầu của các tổ chức Hội là người thực hiện Luật, như vậy dẫn tới Luật thiếu tính dân chủ, xa rời thực tế và càng không phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế. Thiếu sót này cần được bổ sung bằng việc tham khảo công khai, rộng rãi trong cộng đồng.

2. Đối chiếu Công pháp quốc tế, Hội đoàn ngoài tổ chức thuộc Đảng và Nhà nước quản lý mà Điều 3.2 của Luật về Hội đã nêu, tức là tổ chức phi chính phủ (NGO) cần được nói rõ trong Điều 3 đối tượng áp dụng. Do đó, cần bổ sung Hội là NGO trong Điều 4.1 cho phù hợp với Công pháp quốc tế và Luật về Hội của các nước. Chúng tôi đã tiếp xúc nhiều tổ chức chính phủ, phi chính phủ các nước, họ đều quan tâm tới Hội NGO. Tại Bộ Nội vụ đã có Vụ Phi chính phủ để quản lý các Hội như chúng ta, thế thì tại sao Luật không dùng được từ “phi chính phủ” để danh chính ngôn thuận trong quan hệ quốc tế? Như vậy, còn cần phải xem xét thêm các điều kiện thủ tục thành lập Hội tại Chương

II cũng như quản lý nhà nước về Hội tại Điều 6 và 7 cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

3. Tham vấn 9 chương quy định của Luật về Hội, chúng tôi có cảm giác như sao y bản gốc có thêm thắt chút ít Sắc lệnh 102 từ năm 1957, bởi vì chưa thấy có những yếu tố mới khi chúng ta đứng trước ngưỡng cửa hội nhập, cần phải mời thêm các chuyên gia về công pháp quốc tế và luật đối chiếu để hiệu chỉnh cho phù hợp với luật pháp quốc tế.

4. Về nội dung, chúng tôi có ý kiến bổ sung như sau:

Việc phân cấp quản lý Hội tại Điều 7 chỉ phù hợp với cơ chế quản lý nhà nước của Chính phủ, nhưng đối với hoạt động của Hội không thể phân khúc cho dễ quản lý. Hoạt động Hội là không ranh giới địa phương, lãnh thổ trong quốc gia kể cả quan hệ quốc tế. Đồng thời hoạt động Hội không hạn chế trong phạm vi ngành nghề và không ai cấm được Hội này liên kết với Hội kia để hoạt động. Đã là tổ chức tự nguyện thì mối quan hệ trong nước, quốc tế cũng là tự nguyện đến với nhau, hợp tác với nhau. Thực trạng hiện nay, quản lý nhà nước về Hội có quá nhiều bất cập, thể hiện qua việc các cơ quan quản lý nhà nước ngành dọc, ngang điều có quyền quản lý Hội, có thể hình dung như chia cắt miếng bánh ra nhiều mảnh nhỏ để quản? Cần phải rạch ròi các mối quan hệ của Hội.

4.1. Quan hệ về cơ chế: Cơ chế của Hội khác hẳn cơ chế hành chính nhà nước, cấp trên của Hội là Luật về Hội và chỉ cần một cơ quan chính phủ quản lý nhà nước là đủ. Việc phân cấp quản lý là của nhà nước không thể ép Hội phải theo để dễ quản lý.

4.2. Quan hệ về hệ thống dọc, ngang của Hội: Là mối quan hệ tự nguyện, liên kết sao cho có lợi cho cộng đồng và quyền lợi hội viên. Không thể quy định ép buộc phải vào hệ thống dọc, ngang, đó chỉ ràng buộc, bó tay thêm cho hoạt động của Hội.

4.3. Quan hệ về con người lãnh đạo: Ban Lãnh đạo, lãnh đạo Hội và người có đủ năng lực, uy tín, điều kiện làm việc cho Hội, do hội viên

trong Đại hội đồng bầu ra, không nên chỉ đạo và duyệt nhân sự như trước nay đã làm. Lãnh đạo Hội là Đảng viên càng tốt, nếu không cũng không nên ép, cần xem lại tổ chức Đảng Đoàn trong Hội là NGO. Ngoài ra, hội viên có quyền đề cử, ứng cử người tham gia lãnh đạo là Việt kiều hoặc người nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam, như các nước đã làm.

4.4. Quan hệ về thủ tục: Quy định về thủ tục tại Chương II cần phải thực hiện theo chế độ một cửa cải cách hành chính. Thực tế hiện nay, muốn thành lập một Hội mới phải mất một năm, bầu lại nhiệm kỳ mới phải mất sáu tháng, chưa kể có một trục trặc nhỏ còn kéo dài thêm. Cơ quan quản lý nhà nước không cấp ngân sách cho Hội hoạt động nhưng cứ coi như Hội là con đẻ của mình và quản lý như quản trẻ con.

5. Về quan hệ quốc tế chúng tôi muốn góp ý thành một điểm riêng bởi vì mối quan hệ quốc tế của Hội trong tiến trình tiền và hậu hội nhập điều quan trọng đối với Hội. Sắc lệnh cũ và Luật mới điều không ghi rõ quan hệ quốc tế cho Hội và vì thực tế Hội vướng cơ chế Trung ương - địa phương; dọc - ngang và cơ chế tập quyền, phân quyền không được quan hệ quốc tế, đã hạn chế hoạt động Hội trong hợp tác quốc tế hoặc tiếp nhận tài trợ quốc tế của các NGO. Điều 36 Luật về Hội có nêu về văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài của Hội, đây là điều mở của Luật mới nhưng đương nhiên doanh nghiệp được thì Hội của doanh nghiệp cũng được. Vấn đề ở đây là phải bổ sung Điều 36 là Hội được phép quan hệ đối ngoại để hợp tác liên kết quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế.

6. Luật về Hội cần bổ sung một chương mới quy định về tổ chức Hội quốc tế, Hội nước ngoài muốn hoạt động tại Việt Nam. Trong tiến trình hội nhập, nhiều tổ chức Hội quốc tế, Hội ở nước ngoài muốn vào hoạt động tại Việt Nam điều không có Luật để hướng dẫn, bên cạnh đó các Hội trong nước muốn tham gia Hội quốc tế cũng chưa được hướng dẫn tại Luật về Hội.

7. Luật về Hội cần nói rõ về sự bình đẳng giữa Hội của Chính phủ

và Hội phi Chính phủ, giữa Hội phi Chính phủ với nhau. Trong quan hệ xã hội, Hội là người thực hiện những gì mà Chính phủ không làm để thúc đẩy quan hệ xã hội, thực hiện luật pháp, góp phần xây dựng đất nước. Như vậy, luật về Hội cần nói rõ trách nhiệm và quyền lợi của Hội trước Chính phủ, Chính phủ phải tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của Hội là đại diện cho cộng đồng. Đối với nước ngoài, vai trò của Hội được thể chế hóa bằng Luật và chủ trương của Chính phủ. Do đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức, công dân nước ngoài họ rất tin tưởng tổ chức Hội, còn ở Việt Nam họ rất ngán ngại vì tổ chức Hội chưa rõ ràng, tham gia Hội chỉ thêm vướng víu cho hoạt động của mình.

ĐỀ NGHỊ THẬT SỰ CẦU THỊ

TS. TRƯƠNG VĂN ĐÀ

Ủy viên thường vụ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố

Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Mông Cổ - Thành phố Hồ Chí Minh

Phó Chủ tịch Hội VAC Thành phố Hồ Chí Minh

Trong thời gian qua đã có nhiều cuộc hội thảo lấy ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Luật về Hội, sẽ trình Quốc hội thông qua trong thời gian tới. Tôi đã nghiên cứu ý kiến phát biểu của nhiều anh chị. Trong đó tôi quan tâm nhiều ý kiến của TS. Phạm Tuấn Khải - Phó Trưởng ban Xây dựng Pháp luật của Chính phủ, Tiến sĩ luật học Hoàng Ngọc Giao, và một số ý kiến phát biểu trong cuộc tọa đàm tại Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam...

Về Dự thảo 9, tôi xin có mấy ý kiến đóng góp như sau:

1. Về nội dung, Luật về Hội và Nghị định 88 của Chính phủ không khác nhau mấy. Với nội dung này thể hiện trong một nghị định của Chính phủ về quản lý nhà nước đối với lập Hội, quản lý hoạt động của Hội còn có thể chấp nhận được, tuy cũng có nhiều ý kiến không tán thành ở điểm này, điểm khác. Thậm chí có người còn nói rằng đây là “hai cái còng số 8” gây rất nhiều khó khăn cho việc lập Hội và hoạt động Hội.

Việc đưa toàn bộ nội dung Nghị định 88 thành “Luật về Hội”, tôi cho là không phản ánh được tính nhất quán của đường lối mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước ta, bởi một số nội dung can thiệp quá

sâu vào việc lập Hội và hoạt động của Hội, luật làm thay chức năng của những người sáng lập Hội.

Ví dụ: Chương II thể hiện ở các Điều:

Điều 13: Nội dung chính của Điều lệ Hội.

Dự thảo Luật quy định cụ thể gồm 15 điểm. Có cần quy định cụ thể như vậy không? Điều lệ hội thể hiện mục đích và ý nguyện của tập thể hội viên nếu không trái với luật pháp của Nhà nước thì Hội được hoạt động.

Điều 16: Nội dung chủ yếu trong đại hội thành lập Hội.

Điều 19, Điểm 3: Toàn bộ Chương IV, đặc biệt là Điều 39, Điểm 6 về việc thực hiện các quy định về kế toán, kiểm toán, thống kê.

Chương III (Hội viên): Nội dung chương này có sáu điều (20-25) quy định quá cụ thể về hội viên là không cần thiết. Có mấy loại hội viên là do tính chất và đặc điểm của từng loại Hội mà ra.

2. Dự thảo luật thể hiện sự thiếu công bằng và không phù hợp với thực tế, gây khó khăn cho việc hoạt động của một số tổ chức. Cụ thể:

Điều 3: Đối tượng áp dụng:

Vì sao có sáu tổ chức hội được hoạt động ngoài vòng pháp luật, trong khi đó Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam được xác định là một tổ chức chính trị - xã hội, cũng do Đảng lập ra, có Đảng đoàn hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng? Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị, các Hội hữu nghị... cũng do Đảng lập ra để làm nhiệm vụ ngoại giao nhân dân, lãnh đạo của các tổ chức này phần lớn là các đồng chí lãnh đạo Nhà nước, Đảng cử sang làm nhiệm vụ lãnh đạo Hội, lại nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật về Hội?...

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cũng tự khẳng định rằng Đảng hoạt động theo pháp luật! Có lý gì sáu hội quy định ở Điều

3 lại hoạt động ngoài khuôn khổ Luật về Hội, nếu luật này được Quốc hội thông qua? Nếu luật này chỉ áp dụng đối với các Tổ chức phi chính phủ (NGO) thì phải nói rõ. Hoặc Luật về Hội là luật chung thì nội dung của luật phải có một số điều khoản nói riêng về hoạt động của các Hội chính trị - xã hội do Đảng lập ra.

Tóm lại, theo tôi Dự thảo Luật này chưa nên trình ra Quốc hội và nếu trình thì Quốc hội chớ có thông qua.

Đề nghị thật sự cầu thị, nghiên cứu Dự thảo luật do các nhà khoa học (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật và Hội Luật gia) đã soạn thảo để bổ sung dự thảo của Bộ Nội vụ.

ĐẢNG: HOA TIÊU NHÀ NƯỚC: CẦM LÁI NHÂN DÂN: BƠI CHÈO

KS. PHAN PHÙNG SANH

Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kỹ thuật Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến vừa giành được độc lập, lại phải trải qua 30 năm chiến tranh ác liệt, với đường lối “chiến tranh nhân dân” chúng ta đã chiến thắng những đế quốc hùng mạnh, chứng minh cho câu nói bất hủ của lãnh tụ “đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong” - bài học “chiến tranh nhân dân” mãi mãi còn đó không những với dân tộc ta, mà cả nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Hòa bình lập lại, đất nước thống nhất, bao khó khăn chồng chất, nhiều nước xã hội chủ nghĩa tan rã... trước thực trạng vô cùng bi đát đó, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời “chủ trương đổi mới toàn diện” giữ cho chủ nghĩa xã hội đứng vững và đạt được những thành tựu cực kỳ to lớn làm cho nhiều nước trên thế giới phải khâm phục. Ông cha ta đã dạy: “thắng không kêu, bại không nản”, thắng lợi là to lớn song vẫn còn có nhiều tồn tại mà chúng ta cần phải khắc phục.

Hiện nay bộ máy tổ chức quản lý nhà nước ta từ trung ương đến địa phương quá công kênh, trùng lặp chức năng, “nếu chỉ có tiền lương thôi” thì không đủ sống, các tổ chức hoặc cá nhân phải xoay sở nhiều nguồn “hợp pháp và phi pháp” để bù đắp.

Tình trạng lãng phí, tham nhũng... đã trở thành quốc nạn chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả bởi Nhà nước còn dính quá nhiều hoạt động kinh tế.

Sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức... của một số cán bộ, Đảng viên xảy ra gần như ở tất cả các cấp, làm mất lòng tin đối với nhân dân, phải cương quyết khắc phục. Bài học đắt giá về sự tan rã của các nước xã hội chủ nghĩa luôn luôn nhắc nhở Đảng và nhà nước ta không được lơ là và mất cảnh giác.

Trước đây trong thời kỳ khó khăn, một chính trị gia nước ngoài sang thăm nước ta, ông ta nói: “Trong chiến tranh các anh có một bài học vô cùng quý báu đó là “chiến tranh nhân dân”, giờ đây trong xây dựng kinh tế (hòa bình) sao không đem bài học đó ra mà áp dụng?”.

Thành quả của hơn 20 năm đổi mới, chính là thành quả của việc phát động “toàn dân tham gia bơi chèo” không những trong lĩnh vực kinh tế mà nhiều lĩnh vực khác trong xã hội, từng bước xã hội hóa nhiều mặt hoạt động mà trước đây do Nhà nước, Quốc doanh hoặc Hợp tác xã đảm nhiệm.

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã cho phép thành lập nhiều Hội, Hiệp hội... mang tính chất “phi chính phủ”, đó là yêu cầu khách quan khi hội nhập vào nền kinh tế thế giới, đồng thời cũng là điều kiện để Nhà nước chuyển giao những chức năng mà từ trước đến nay do Nhà nước (hoặc Đảng) đảm nhiệm. Nếu Đảng trở thành người hoa tiêu chỉ đúng đường, Nhà nước là người cầm lái vững chắc, không phải bao biện, làm thay cho nhân dân, nhân dân là lực lượng hùng hậu nhất, chịu trách nhiệm bơi chèo... thì bộ máy quản lý nhà nước sẽ gọn nhẹ hơn, tránh vấp vấp, sai phạm về kinh tế, con thuyền của đất nước sẽ đi nhanh hơn và đúng hướng.

Các Hội, Hiệp hội ra đời... là nguyện vọng của những người đang hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau trong xã hội, bởi ai cũng biết “buôn có bạn, bán có phường”, dù ngành gì, nghề gì cũng phải có bạn, có phường (hội), nếu không sẽ khó phát triển và dễ thất bại do không cạnh nổi với thị trường. Ra đời Hội, Hiệp hội... cũng là vì mục đích: dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, cho nên Luật về Hội phải thoáng thì mới có thể tập hợp được nhiều người tham gia Hội.

Phải sớm kết thúc vai trò quản lý của Bộ (Sở) chủ quản đã tồn tại từ ngày nước ta độc lập đến nay, vì đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình để các doanh nghiệp tự chủ, hoạt động theo luật pháp. Các doanh nghiệp sẽ không còn chỗ dựa dẫm, ỷ lại và cũng chấm dứt “cơ chế xin cho”. Nếu doanh nghiệp không có Bộ (Sở) chủ quản, thì tại sao Hội, Hiệp hội lại phải có các Bộ (Sở) chủ quản (?). Chỉ cần giao cho một cơ quan có thẩm quyền duyệt điều lệ hoạt động của Hội, Hiệp hội, cho phép thành lập và theo dõi, kiểm tra hoạt động của Hội.

Dự thảo Luật về Hội khá thiên về quản lý mà không chú trọng về mặt đưa ra định hướng cho hội hoạt động có hiệu quả, đúng pháp luật. Vậy, Nhà nước nên quản lý về mặt gì? Theo chúng tôi, quan trọng nhất là “điều lệ hoạt động của Hội”, lý lịch trích ngang của những người tham gia sáng lập...

Các Hội, Hiệp hội thành lập không khó khăn lắm khi làm thủ tục, nhưng làm thế nào để tập hợp được nhiều hội viên tham gia và gắn bó với hoạt động của Hội trong điều kiện hiện nay là rất khó khăn, bởi để trả lời cho câu hỏi: Hội sẽ đem lại lợi ích gì cho hội viên trong thực tế cuộc sống, chứ không phải là trên lý thuyết! Đề xuất của chúng tôi là:

Từng bước Nhà nước chuyển hẳn một số chức năng, nhiệm vụ có thể chuyển giao được hiện nay do Bộ (Sở) đảm nhiệm sang cho các Hội, Hiệp hội gánh vác, nếu Nhà nước vẫn tiếp tục ôm đồm, lại cho ra đời những bộ phận dịch vụ công ích “có thu” thì có lẽ chẳng nên cho ra đời các Hội làm gì.

Hội, Hiệp hội là các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp... có khả năng tập hợp các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội lại ít chịu áp lực của các cấp có thẩm quyền, vì vậy, chức năng “tư vấn, phản biện và giám định xã hội” các dự án, công trình... sẽ được các Hội sẽ thực hiện hiệu quả nhất, dù có mất thời gian và tốn thêm chi phí, song sẽ tránh được lãng phí lớn như đã từng xảy ra đối với các dự án lớn đã thực hiện trước đây, tránh phản biện hình thức, phụ họa theo

ý kiến lãnh đạo, nói thật dễ mất lòng (kể cả mất chức) song sẽ vô cùng cần thiết cho sự nghiệp chung.

Các trường công lập, tư thực chịu trách nhiệm đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp, khi không còn Bộ (Sở) chủ quản... các doanh nghiệp phải tham gia sinh hoạt với các Hội, Hiệp hội ngành nghề. Hội, Hiệp hội có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và xác nhận “trình độ nghề nghiệp” (có thời hạn), có giá trị như là “giấy phép hành nghề”. Tất nhiên, người xác nhận phải hoàn toàn chịu trách nhiệm với chữ ký của mình.

Đối với các Hội có quá trình hoạt động lâu năm, đủ năng lực, Nhà nước nên cho vay vốn ưu đãi và cho thuê đất với giá ưu đãi để làm trụ sở hoạt động, phục vụ cho việc tập huấn, bồi dưỡng ngắn ngày, hội thảo... nhằm truyền đạt những công nghệ, kỹ thuật, vật liệu mới... rất cần cho hội viên theo phương thức “lấy thu bù chi”, vì nếu phải đi thuê hội trường với giá như hiện nay thì khả năng bù chi rất khó, nhất là những chuyên đề cần mời thầy ở xa, chứ chưa nói đến thầy là người nước ngoài.

Tổ chức của Hội, Hiệp hội không vì lợi ích lợi nhuận để chia cho hội viên, chứ không phải là không có lợi nhuận, phải có tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật... và còn phải trả lương cho những người hoạt động chuyên trách của Hội, ít ra ở mức trung bình khá so với xã hội thì mới hy vọng tìm được người trẻ, có trình độ... an tâm làm công tác hội. Nếu không hoạt động, Hội chỉ toàn những người già, về hưu... về nghỉ ở nhà buồn, đi làm việc cho vui thì bao giờ Hội mới phát triển được.

Trước mắt, ngân sách nhà nước tài trợ cho một số Hội là cần thiết, song cần công bố lộ trình đến bao giờ sẽ không nhận được tài trợ nữa, bởi đã là “tổ chức phi chính phủ” mà ngân sách phải đòi thọ thì quá vô lý!

Ngoài ra cũng cần lập những đoàn cán bộ có trình độ để đi nghiên cứu, khảo sát... việc tổ chức Hội, Hiệp hội... ở các nước phát triển, xem

họ tổ chức ra sao, làm thế nào để cân đối được thu chi tài chính để vận dụng vào hoàn cảnh của nước ta. Ngoài ra, rất cần tìm hiểu xem việc ra đời hàng loạt tổ chức phi chính phủ ở các nước xã hội chủ nghĩa đã từng bị các thế lực thù địch của thế giới lợi dụng như thế nào để chống lại các thế lực tiến bộ, nhằm có biện pháp ngăn ngừa ở nước ta.

SỰ PHÂN BIỆT CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI SẼ TẠO NÊN SỰ BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ MẶT PHÁP LÝ GIỮA CÁC TỔ CHỨC HỘI

Luật sư NGUYỄN TRẦN KHANH

Phó Tổng giám đốc thứ I - Invest Conssult Group

1. Về đối tượng áp dụng: Thực tế ở Việt Nam hiện nay, có rất nhiều các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phát triển, tổ chức cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội... đều hoạt động dưới những tiêu chí chung như: trên cơ sở tự nguyện, không vì mục đích lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp của các hội viên và cộng đồng, góp phần phát triển đất nước. Vì vậy, sự phân biệt với các tổ chức chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam...) như nêu ra tại Phương án 1/ Điều 3 của Dự thảo là không cần thiết và tạo nên sự bất bình đẳng về mặt pháp lý giữa các tổ chức “Hội”.

2. Về quản lý nhà nước đối với Hội: Việc soạn thảo Luật về Hội có những nét na ná, tương tự như Luật Doanh nghiệp ở các nội dung quy định về thủ tục đăng ký thành lập (cơ quan quản lý thông qua Điều lệ, nộp văn bản kê khai có tài sản đảm bảo cho hoạt động Hội...), vì thế, là không phù hợp với hoạt động cũng như tính chất của Hội. Cần đưa ra những quy định, chính sách quản lý Hội khác hẳn với quản lý doanh nghiệp. Trên cơ sở:

- Hội là một tổ chức xã hội tự nguyện, tự quản;
- Hội viên phải chịu sự điều chỉnh của Điều lệ Hội;

- Hội là tổ chức không nhằm tìm kiếm lợi nhuận. Tuy nhiên, Hội lại được quyền thành lập doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh của mình dưới dạng đầu tư, thương mại hoặc dịch vụ phù hợp với các luật và quy định liên quan.

Nhà nước cần quản lý Hội bằng pháp luật, chính sách là chính chứ không nên đưa ra cơ chế quản lý theo kiểu Sở, Bộ quản lý các doanh nghiệp. Có thể hình dung nghĩa vụ quản lý của Nhà nước chỉ ở mức độ tạo ra luật chơi trong đó Hội được thừa nhận là một pháp nhân trong “sân chơi” chung, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, mọi quy định can thiệp quá sâu vào tổ chức, công việc nội bộ của Hội sẽ làm mất đi bản chất vốn dĩ của Hội.

3. Về điều kiện, thủ tục thành lập Hội: Như đề cập ở trên, Hội là một tổ chức “tự quản” theo Điều lệ Hội. Do đó, có thể xem Điều lệ Hội là “hiến pháp” của Hội, những đối tượng muốn tham gia Hội phải đồng ý và tuân thủ Điều lệ Hội thì mới trở thành hội viên. Vì vậy, việc cấp phép thành lập Hội nên theo trình tự sau:

- Xét đơn và ra thông báo cho phép tổ chức Đại hội thông qua Điều lệ;

- Căn cứ Điều lệ Hội và biên bản đại hội, cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội.

Việc tách thành hai quy trình riêng như trên sẽ thể hiện rõ tính ưu việt của chính sách và pháp luật của Nhà nước đối với Hội, vừa bảo đảm tính tự nguyện, tự chủ của Hội mà vẫn bảo đảm sự quản lý của Nhà nước đối với Hội.

Về cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội, kiến nghị như sau:

- Đối với Hội có phạm vi hoạt động vượt ra ngoài tỉnh, thành phố thuộc Trung ương (hội viên ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau): Bộ Công an là cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

- Đối với Hội có phạm vi hoạt động vượt ra ngoài một quận, huyện nhưng trong phạm vi một tỉnh, thành phố thuộc Trung ương (hội viên ở nhiều quận, huyện khác nhau trong một tỉnh, thành phố đó): Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Hội có trụ sở chính.

- Đối với Hội có phạm vi hoạt động trong phạm vi một quận, huyện (hội viên trong cùng quận, huyện): Ủy ban Nhân dân quận, huyện nơi Hội có trụ sở chính.

Cũng trong buổi tọa đàm đóng góp ý kiến cho Dự thảo lần thứ 9 Luật về Hội tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng tình với kiến nghị của TS. Trương Văn Đa còn có hai ý kiến khác, một là của Nhà văn Dạ Ngân (Tuần báo *Văn nghệ*), và hai là của Luật gia Phạm Vĩnh Thái - Phó Chủ tịch Hội Luật gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Không phải là người nghiên cứu nhiều về luật pháp, song bằng những cảm nhận trực giác, cùng với những so sánh trên cơ sở ngôn ngữ đối với các văn bản luật khác, Nhà văn Dạ Ngân cho rằng Dự thảo 9 Luật về Hội chưa đảm bảo ngôn ngữ của một văn bản quy phạm pháp luật. Còn về nội dung, bà Dạ Ngân đưa ra nhận xét:

"Tôi cho rằng Luật phải là một bầu trời, đảm bảo bình đẳng cho mọi đối tượng ở dưới đó. Nhưng nay thấy Luật Hội giống như một đường ống, khiến cho người ta cảm thấy tù túng, ngột ngạt. Việc đặt sáu tổ chức xã hội ra ngoài như đang quy định hiện nay là bất hợp lý..."

Rồi sau đó cũng bằng những suy luận của mình, nhà văn Dạ Ngân cảnh báo:

"Luật cũng mang dấu ấn của thời đại, của xã hội. Ta đã chia tay với xã hội bao cấp lâu rồi, nhưng Luật Hội của ta chưa thể hiện được vấn đề đó. Chính vì vậy mà chưa đưa ra đã lạc hậu. Lạc hậu thì người ta sẽ không làm theo luật, Luật sẽ không chỉ không hiệu quả, mà còn có nguy cơ tạo ra một sự giả dối trong xã hội".

Còn luật gia Phạm Vĩnh Thái thì lại đứng hoàn toàn từ góc độ của

người nghiên cứu để tập trung chỉ ra một vài điểm cơ bản cần giải quyết. Ông cho rằng:

“Muốn có một Dự thảo Luật về Hội tốt thì Ban Soạn thảo hay ai đó được giao nhiệm vụ này phải đặt ra được mục đích của việc xây dựng luật này là gì...”. Cụ thể theo ông, “thứ nhất là phải làm rõ được mục đích bảo đảm quyền tự do lập Hội và hoạt động Hội của nhân dân”. Và điều thứ hai là “Nhà nước luôn xu hướng e ngại ai đó lợi dụng quyền lập Hội, hoạt động Hội để làm việc này việc kia. Sự e ngại cũng là điều bình thường, nhưng từ cái e ngại đó mà lại thiết kế một bộ luật bóp nghẹt quyền tự do lập Hội thì không nên...”. Cuối cùng, ông cũng đi đến kết luận là với nội dung như của Dự thảo 9 hiện nay thì chưa nên đưa ra để Quốc hội xem xét. Hơn thế nữa, ông còn đề nghị ban tổ chức của buổi tọa đàm này phải tổng hợp lại đầy đủ các ý kiến đã được nêu ra ở đây để chuyển lên Quốc hội khi các đại biểu cần thiết phải tiếp cận với bản Dự thảo này...

Kết thúc buổi tọa đàm, Ban tổ chức đã tổng hợp lại một số kiến nghị mà các đại biểu đã đề xuất. Hy vọng từ buổi tọa đàm này là với tinh thần thẳng thắn, cởi mở và xây dựng, xuất phát từ những nhu cầu và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn tại một thành phố đã và đang phát triển mạnh mẽ về nhiều mặt, các ý kiến đóng góp, xây dựng, những kiến nghị đã được nêu ra ở đây sẽ được tiếp thu và sử dụng một cách xứng đáng, cũng trên tinh thần xây dựng và cầu thị...

Phản biện xã hội: Dự thảo Luật về Hội

CHUYÊN ĐỀ TRÊN *THỜI BÁO KINH TẾ SÀI GÒN*

KHÓ KHĂN CHUYỆN LẬP HỘI

Nhân kỷ niệm 13 năm thành lập (3/1993) Saigon Times Club tổ chức cuộc hội thảo với chủ đề “Phát huy vai trò của hội để tiến tới một xã hội dân sự” với sự tham gia của gần 30 đại biểu, trong đó hơn một nửa là đại diện các Hiệp hội, câu lạc bộ ngành nghề. Trong khi đó, một cuộc hội thảo khác cũng nhằm góp ý cho Dự thảo lần 9 Luật về Hội cũng đã được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh vào cuối tuần rồi. Thời báo Kinh tế Sài Gòn lược ghi ý kiến đóng góp cho Dự thảo này cũng như một số vấn đề liên quan đến vai trò của Hội trong một xã hội dân sự.

VẤN NHÀ NƯỚC HÓA, HÀNH CHÍNH HÓA

Khi Hội bị nhà nước hóa

Từ sau đổi mới, đặc biệt là từ khi chủ trương xã hội hóa được đẩy mạnh, các tổ chức hội quần chúng ra đời ngày càng nhiều và đã đóng góp nhất định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường mối liên kết cộng đồng. Tuy nhiên, theo nhận xét chung, phần lớn các hội quần chúng còn rất yếu kém về mặt tổ chức, hoạt động, chưa phát huy đầy đủ tác dụng trong xã hội. Nhiều Hội chỉ có cái vỏ hình thức, còn sinh hoạt thì hầu như không thấy. Một số hội bị lợi dụng danh nghĩa để kinh doanh, làm dịch vụ vì lợi ích của một nhóm nhỏ. Cũng có những Hội lập ra không vì nhu cầu thực sự của quần chúng mà do áp đặt từ Hội cấp trên, cho đủ bốn cấp như trong hệ thống chính quyền... Có ý kiến còn cho rằng những yếu kém của các Hiệp hội ngành nghề mà dư luận đã nêu ra từ nhiều năm trước đến nay vẫn tồn tại.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất, theo ông Nguyễn Phú Bình - Trưởng phòng Hội đoàn, Ban dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh - là do tính chất xã hội dân sự và nguyên tắc tự quản của Hội chưa thật sự được chú trọng. Hoặc nói như nhà nghiên cứu xã hội học Trần Hữu Quang, các tổ chức, đoàn thể quần chúng đã bị hành chính hóa, nhà nước hóa. Xu hướng hành chính hóa, nhà nước hóa này bắt nguồn từ quan điểm từ thời bao cấp cho rằng Hội đoàn quần chúng là cánh tay nối dài của Đảng và Nhà nước do vậy cần được quản lý, chỉ đạo như một đơn vị trong bộ máy công quyền, một cơ quan hành chính! Người ta sợ không

nắm được Hội, chính vì vậy mới có cơ quan chủ quản, duyệt nhân sự lãnh đạo hội, cấp kinh phí hoạt động, trả lương... Tính chất tự nguyện, tự quản mất đi, ý nghĩa và vai trò đã bị nhà nước hóa thì tác dụng và sự thu hút của hội đối với quần chúng cũng bị giảm sút rất nhiều.

Hội là tổ chức dân sự

Để chấn chỉnh, phát huy vai trò của Hội, điều quan trọng trước nhất là cần xác định rõ tổ chức hội là gì và xã hội có cần đến Hội hay không?

Dự thảo Luật về Hội (lần thứ 9) đã giải thích Hội là tổ chức tự nguyện, có tư cách pháp nhân, hoạt động thường xuyên, “không vì mục đích lợi nhuận”, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên và cộng đồng góp phần phát triển đất nước. Cụm từ không vì mục đích lợi nhuận còn được nói rõ thêm là: không nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận để chia cho hội viên mà sử dụng lợi nhuận đó cho hoạt động của Hội theo điều lệ (Khoản 1 và 2, Điều 4). Trong sáu nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội mà Dự thảo nêu ra cũng nhắc lại các nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, tự chủ về tài chính...

Như vậy, dự thảo Luật về Hội đã xác định những tính chất cơ bản của Hội. Tuy nhiên, có nhiều ý kiến thắc mắc vì sao Luật không nói rõ Hội là tổ chức phi chính phủ (NGO) như quốc tế vẫn sử dụng.

Theo ông Trần Hữu Quang, cần xác định Hội - đoàn thể quần chúng nói chung - là một định chế nằm trong xã hội dân sự, bên cạnh những định chế khác như nhà trường, giáo hội, truyền thông báo chí... Hội không phải là chính đảng, cũng không là đơn vị nằm trong bộ máy nhà nước mà là một tổ chức dân sự ra đời nhằm đáp ứng các nhu cầu về văn hóa - xã hội của người dân. Nhu cầu này vô cùng đa dạng, vì thế cũng có nhiều loại hình tổ chức hội. Thông qua các hoạt động của mình, Hội góp phần cùng Nhà nước làm cho xã hội phát triển bởi vì

thực tế cho thấy, Nhà nước không thể làm hết mọi việc. Khi Hội phát triển mạnh thì xã hội càng mạnh lên.

Theo ông Quang, có thể định nghĩa Hội theo bốn tính chất căn bản là: tổ chức tự quản, độc lập, tập hợp những người tự nguyện tham gia và hoạt động nhằm một mục tiêu chung nào đó (từ thiện, nghề nghiệp, giải trí, văn nghệ... và tất nhiên phải trong khuôn khổ pháp luật cho phép).

Gọi đúng là Luật về Quyền lập Hội

Về quyền lập Hội, Dự thảo Luật về Hội công nhận quyền lập Hội và tự do quyết định vào Hội, ra Hội của công dân (Điều 1). Theo luật sư Trương Thị Hòa, so với Luật quy định quyền lập Hội (ngày 24/1/1957), thì Dự thảo Luật về Hội có sự phát triển, đó là cho phép người nước ngoài thường trú hợp pháp tại Việt Nam (từ 24 tháng trở lên) và tổ chức nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được thành lập Hội (thủ tục do Chính phủ quy định) (Điều 53, 54 và 55).

Tuy nhiên, luật sư Hòa nhận xét rằng Luật năm 1957 nói rõ ràng hơn về quyền lập Hội so với Dự thảo Luật lần này. Luật năm 1957 không những công nhận: “Mọi người đều có quyền lập Hội, trừ những người mất quyền công dân hoặc đang bị truy tố trước pháp luật” mà còn nhấn mạnh: “Quyền lập Hội của nhân dân được tôn trọng và bảo đảm, không ai được xâm phạm quyền lập Hội và tự do vào Hội, ra Hội của người khác” và xác định: ...lập Hội là để góp phần xây dựng chế độ dân chủ nhân dân của nước ta.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của quyền tự do lập Hội, luật sư Hòa cho rằng Dự thảo có tên Luật về Hội là không đúng; cần phải gọi là Luật về Quyền lập Hội. Nhiều ý kiến tại hội thảo tán đồng điều này.

Liên quan đến thủ tục thành lập Hội, tại cuộc hội thảo do Liên hiệp Khoa học Dịch vụ Công nghệ và Sản xuất phối hợp với tuần báo *Văn Nghệ* tổ chức vào cuối tuần rồi, TS. Phạm Hữu Nghị - Tổng biên tập tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, cho rằng Dự thảo vẫn đặt ra quá nhiều điều

kiện để được thành lập Hội, thậm chí điều lệ của Hội cũng phải được làm theo mẫu quy định. Trong khi đó, Điều lệ là những cam kết của các hội viên tham gia, là tôn chỉ mục đích hoạt động của mỗi tổ chức hội nên không thể Hội nào cũng giống Hội nào được. Nhà nước không nên can thiệp vào nội dung chi tiết của Điều lệ, miễn sao tôn chỉ mục đích hoạt động của hội không vi phạm vào hiến pháp, pháp luật cũng như các hoạt động bị cấm, ông Nghị đề nghị.

Chủ quản của Hội là Luật

Dự thảo Luật về Hội lần 9 vẫn tiếp tục giữ mô hình quản lý nhà nước đối với các Hội là: “Bộ Nội vụ quản lý nhà nước...; Bộ chuyên ngành quản lý nhà nước về các hoạt động của Hội trong lĩnh vực được giao”. Nhiều ý kiến cho rằng Bộ Nội vụ được Chính phủ giao quản lý nhà nước đối với Hội thì chỉ cần cơ quan này quản lý nhà nước là đủ. Trong quá trình hoạt động, Hội tuân thủ luật và điều lệ hội cũng như các luật khác, không nên bắt Hội lại phải chịu sự quản lý của các Bộ chuyên ngành có liên quan khác.

Hầu hết các ý kiến tại cuộc hội thảo do *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* tổ chức cũng cho rằng nội dung Dự thảo Luật lần này tập trung vào vấn đề quản lý nhà nước đối với Hội mà ít nói đến vai trò, quyền hạn của Hội và sự hỗ trợ, tạo điều kiện cho Hội phát triển. Ông Nguyễn Trọng Xuất, Phó chủ tịch Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh, cho rằng: “Quản lý là để phát triển, là tạo mọi điều kiện cho công dân phát huy khả năng của mình, trong khi trước nay lại có cách hiểu quản lý theo kiểu chần dốt trẻ con như có người đã phát biểu. Theo nhận xét của ông, Dự thảo Luật về Hội chẳng khác nào quy chế hành chính của một cơ quan nhà nước chứ không phải là luật! Luật cũng chưa thể hiện sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan nhà nước khi không quy định rõ nếu có sự bất đồng giữa công dân và cơ quan quản lý trong việc lập Hội thì người dân có được kiện hay không và tòa nào sẽ giải quyết? Quy định rõ như thế mới ra xã hội dân sự.

Ngoài ra, theo ông Xuất, cần bãi bỏ cơ chế chủ quản đối với Hội.

Tán đồng quan điểm này, ông Phan Phùng Sanh - Hội Khoa học kỹ thuật Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh - lập luận: đã là tổ chức tập hợp quần chúng thì phải thoáng, không thể cứ chăm chăm lo quản lý cho chặt như trong Dự thảo Luật và nếu doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp không có Bộ (Sở) chủ quản thì tại sao Hiệp hội lại phải có Bộ (Sở) chủ quản? Theo ông Sanh, “Nhà nước cần tin dân, giao cho dân, thay vì ôm hết mọi việc.

Nói chung, các ý kiến đều cho rằng cần phải để cho Hội tự chủ, độc lập trong khuôn khổ luật pháp. Có ý kiến khẳng định cấp trên chủ quản của hội chính là luật pháp. Hoặc nói như ông Lê Hiếu Đằng, Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh: “Hội hoạt động theo luật pháp, không việc gì phải có chủ quản!”.

Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là xóa bỏ sự quản lý về mặt nhà nước đối với Hội. Hầu hết ý kiến đều thống nhất rằng Hội phải đăng ký hoạt động và Nhà nước cần có cơ quan theo dõi, giám sát, kiểm tra các hoạt động của Hội và xử lý những trường hợp vi phạm luật như trong Dự thảo Luật. Vấn đề là cần thực hiện theo chế độ một cửa, một đầu mối và thủ tục dễ dàng.

Chưa bao quát hết thực tiễn

Giống như các lần dự thảo trước, Dự thảo lần 9 tiếp tục đặt sáu tổ chức gồm Mặt trận Tổ quốc, Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ ra khỏi phạm vi điều chỉnh của luật. Đồng thời Dự thảo cũng chỉ có những quy định điều chỉnh các tổ chức hội có tư cách pháp nhân.

Trong cuộc hội thảo do Liên hiệp Khoa học Dịch vụ Công nghệ và Sản xuất phối hợp với tuần báo *Văn nghệ* tổ chức, Phó chủ tịch Hội Làm vườn Trương Văn Đa cho rằng nếu đặt sáu tổ chức này ra khỏi phạm vi điều chỉnh của luật là thiếu công bằng và không phù hợp thực tế bởi về thực chất đây cũng là các tổ chức hội và họ cũng có những mối quan

hệ với các tổ chức hội khác. Mặc dù sáu tổ chức này có những nhiệm vụ đặc thù được Đảng và Nhà nước giao và được gọi là những tổ chức chính trị xã hội, khác với các hội khác là tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhưng họ cũng là đối tượng chi phối của Luật này. Tuy nhiên, trong một số hoạt động đặc thù, họ sẽ bị chi phối thêm bởi các quy định riêng.

Tiến sĩ luật Hoàng Ngọc Giao - Đại học Quốc gia Hà Nội - cho rằng do tính chất đặc thù, trước mắt sáu tổ chức này còn được điều chỉnh bởi các quy định riêng nhưng dự luật cần tiên liệu là trong tương lai, các tổ chức này sẽ thực sự là những tổ chức hội. Điều này cũng giống như việc hợp nhất một luật cho tất cả mọi loại hình doanh nghiệp hiện nay.

Về phạm vi điều chỉnh của Dự thảo luật, TS. Giao nêu vấn đề: hiện có hàng trăm loại Hội không chính thức trong cả nước được hình thành từ rất nhiều năm nay như Hội đồng hương, các Hội tương thân tương ái... được hình thành rất tự nhiên và rất có ích cho xã hội mà không cần phải có tư cách pháp nhân. Nếu theo Dự thảo Luật, hoạt động của các Hội này bị coi là vi phạm pháp luật. Nếu bắt họ phải đi đăng ký hoạt động thì sẽ không ổn vì đây là sự tồn tại tự nhiên của xã hội và đã có từ lâu. Do vậy, Luật phải bao quát được thực tiễn này, ông Giao nói.

Theo ghi nhận của ông Nguyễn Phú Bình, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 170 Hội được cấp phép hoạt động chính thức và khoảng 1.000 Hội, Nhóm tự phát của quần chúng (như Hội đồng hương, đồng tộc, Hội ái hữu cựu học sinh...) mà pháp luật chưa điều chỉnh. Ông Bình đề nghị Luật nên quy định rõ và thừa nhận hai loại Hội: Hội chính thức (bắt buộc phải xin phép thành lập, có pháp nhân) và Hội không chính thức (pháp luật mặc nhiên thừa nhận, không cần pháp nhân hóa - như ở các nước, chỉ áp dụng chế độ đăng ký khi hội họp, sinh hoạt) đối với dạng Hội, Nhóm tự phát như đồng hương, ái hữu...

CÔNG THẮNG - CAO CƯƠNG ghi

NGƯỜI DÂN CÓ QUYỀN LẬP HỘI

Ông LÊ HIẾU ĐĂNG

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh

Theo tôi, Luật về Hội phải ghi là Luật về quyền lập Hội. Người dân có Quyền lập Hội và Nhà nước phải tạo điều kiện cho người dân lập Hội. Đó là yêu cầu của một xã hội dân sự và cũng vì sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, để có thể làm được như vậy, điều kiện quan trọng là phải thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng, nếu không thể chế hóa một cách rõ ràng sẽ dễ dẫn đến lạm quyền.

Do đâu một anh Phó Bí thư Thành Đoàn, không phải là sinh viên lại làm Chủ tịch Hội Sinh viên? Hoặc Hướng đạo là một tổ chức tốt đối với việc giáo dục thanh niên, từng có nhiều huynh trưởng tham gia cách mạng, nay muốn phục hồi hoạt động lại không được cho phép? Phải chăng chỉ có Đoàn Thanh niên được độc quyền hoạt động?

LẬP HỘI - SAO MÀ KHÓ!

Ông NGUYỄN CHƠN TRUNG

Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài

Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Trung nhận xét rằng Dự thảo không có điều nào nói về việc kiều bào được tham gia các Hội ở trong nước hoặc đứng ra thành lập Hội liên quan đến quyền lợi của mình. Điều này là không hợp tình hợp lý khi mà Nghị quyết 36 của Đảng đã nhìn nhận Việt kiều là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc, là một nguồn lực góp phần vào sự phát triển đất nước.

Ông Trung cũng cho biết, gần đây Hội Luật gia Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản đề nghị Nhà nước cho luật sư Việt kiều tham gia hội này nhưng chưa được vì vướng Nghị định 88 (Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, trong phần hội viên, chưa có quy định cho phép Việt kiều gia nhập Hội). Cũng vì lý do này mà Hiệp hội Khoa học kỹ thuật Việt kiều không thành lập được. Rốt cuộc phải lách bằng cách thành lập câu lạc bộ. Hẳn nhiên, tính chất, vị thế và tầm hoạt động của một Hiệp hội rất khác với một câu lạc bộ.

HỘI SOẠN LUẬT - TẠI SAO KHÔNG?

NGUYỄN TẤN

Tháng 12 năm ngoái (2005), Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) đã gây sốc khi đưa ra một bản Dự thảo Luật về Hội do chính mình soạn thảo sau khi Liên hiệp hội không đồng tình với Dự thảo Luật về Hội do Bộ Nội vụ đưa ra. Dự thảo Luật của VUSTA có 6 Chương, 56 Điều và được soạn chỉ trong vòng 10 ngày ngay sau khi bản Dự thảo Luật về Hội (lần thứ 8) của Bộ Nội vụ được công bố và bị các nhà khoa học phản ứng gay gắt. Dự án Luật về Hội đã được Bộ Nội vụ thực hiện hơn chục năm nay nhưng vẫn không đạt yêu cầu. Các ý kiến đóng góp hầu như không được tiếp thu. Trước tình hình đó, chúng tôi thống nhất là đóng góp cho Dự án Luật bằng một Dự án Luật do chúng tôi soạn thảo – TS. Hoàng Ngọc Giao, đại diện nhóm chủ biên, kể lại.

Khác biệt cơ bản, theo TS. Giao, nếu như Dự thảo của Bộ Nội vụ chủ yếu như một công cụ quản lý hành chính đối với Hội thì Dự thảo của VUSTA có đặc điểm vừa đảm bảo mọi hoạt động của Hội tuân thủ đúng pháp luật, vừa tạo điều kiện cho Hội hoạt động thuận lợi. Một trong những điểm đáng chú ý là Dự thảo của VUSTA đề xuất công nhận cả những Hội không đăng ký. Quyền lập Hội đã được Hiến pháp quy định. Như vậy, dù có hay chưa có luật thì một số hình thức như Hội đồng hương, Hội bảo trợ, Hội khuyến học... vẫn được Nhà nước mặc nhiên công nhận mà không cần quan tâm nhiều đến tư cách pháp nhân của chúng. Tuy nhiên, Hội không đăng ký thì không có tư cách pháp nhân.

Về thủ tục lập Hội, VUSTA thiết kế theo hướng chỉ cần sau một thời hạn đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền là ban vận động có quyền tổ chức đại hội để thành lập Hội mà không cần văn bản chấp thuận. Ngoài ra, người xin thành lập Hội có quyền khởi kiện cơ quan nhà nước ra tòa nếu việc đăng ký bị từ chối hoặc Điều lệ Hội không được công nhận hoặc Hội bị giải thể. Ông Giao cho rằng Dự thảo của Bộ Nội vụ dù nói đã sửa theo hướng đăng ký nhưng bản chất vẫn là cơ chế xin - cho vì có nhiều khâu còn phải xin phép. Mặt khác, ở đây cũng không có cơ chế để bảo vệ quyền lập Hội trong những trường hợp như trên.

VUSTA đề xuất sáu hành vi bị nghiêm cấm nhằm thực hiện quản lý nhà nước đối với Hội. Ngoài những điều cấm này thì Hội được làm tất cả. Một công cụ quản lý khác được đưa ra là lập một danh bạ về Hội và danh bạ này phải thường xuyên được công bố rộng rãi dưới hình thức kỷ yếu định kỳ hoặc đưa lên mạng Internet. Theo TS. Giao, những phương thức quản lý nói trên không chỉ tạo điều kiện hoạt động cho Hội mà còn góp phần giảm thiểu sự tùy tiện, tiêu cực và đờn hao tổn nguồn nhân lực từ phía cơ quan nhà nước.

Việc một tổ chức xã hội - nghề nghiệp đề xuất một Dự luật song song với Dự luật mà cơ quan nhà nước đang soạn thảo không chỉ gây thích thú mà còn được đánh giá cao trong giới chuyên môn. Ông Trần Quốc Thuận, Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ngạc nhiên nói rằng từ trước đến nay chưa thấy một Dự thảo Luật nào được góp ý toàn diện đến mức đưa ra một văn bản mới như thế cả. Còn theo ông Phạm Tuấn Khải - Phó ban Xây dựng pháp luật (Văn phòng Chính phủ), những góp ý này rất đúng tầm và đáng bàn. Đặc biệt, ông rất tâm đắc với sáng kiến lập và công khai danh bạ Hội. Bà Phạm Chi Lan, thành viên Ban Nghiên cứu của Thủ tướng, cũng nhận xét là thích bản Dự thảo của VUSTA hơn Dự thảo của Bộ Nội vụ vì nó bao quát, đầy đủ hơn, nhất là việc công nhận cả loại Hội không đăng ký.

Tiếc là cho đến nay, theo ông Giao, toàn bộ góp ý trong bản Dự thảo đã không được tiếp thu. Cũng có sửa vài chỗ nhưng chỉ là câu chữ mà thôi - ông Giao nói. Vậy, VUSTA có thể trình ra Quốc hội như một sáng kiến luật? Ông Giao cho biết điều này là không thể được vì theo quy định ngoài một số tổ chức, cơ quan nhà nước chỉ có đại biểu Quốc hội mới có quyền làm việc đó. Trong khi đó, việc tiếp cận với đại biểu Quốc hội để trình bày vấn đề này cũng không phải dễ dàng do chưa có tiền lệ, cơ chế.

CẢ NƯỚC CÓ ĐẾN HÀNG NGÀN HỘI TỪ CẤP QUẬN TRỞ LÊN

Thời báo Kinh tế Sài Gòn ngày 6/4/2006

Theo tờ trình của Chính phủ, tính đến tháng 6/2005, có 320 Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc. Trong đó, có những Hội lớn như Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam với 53 Hội thành viên hoặc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật gồm 10 Hội chuyên ngành và 61 Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật cấp tỉnh. Ngoài ra còn có 2.155 Hội cấp tỉnh và cấp quận (do Ủy ban Nhân dân tỉnh và quận phê duyệt thành lập). PGS.TS. Đinh Văn Mậu - Học viện Hành chính Quốc gia - cho rằng hiện tượng tăng số lượng hội kể từ thập niên 1990 đến nay cho thấy nền kinh tế thị trường đã kích thích nhiều nhóm có lợi ích chung xuất hiện và họ cần được bảo đảm, bảo vệ bằng một tổ chức có tính chất hội.

XUNG QUANH DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI CỦA CÁC TỔ CHỨC HỘI

Theo quy định pháp luật hiện hành về quy trình xây dựng luật, Chính phủ là cơ quan chịu trách nhiệm soạn thảo hầu hết các Luật và Pháp lệnh để trình Quốc hội. Dự thảo Luật về Hội đã được giao cho Bộ Nội vụ trực tiếp tiến hành soạn thảo, với sự tham gia của một số cơ quan của Chính phủ.

Trong quá trình soạn thảo Luật, cũng như khi Dự thảo Luật đã hoàn chỉnh, việc lấy ý kiến của nhân dân, các tổ chức xã hội, các đối tượng chịu tác động của Luật là một yêu cầu pháp định của quá trình lập pháp (Điều 3, Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đã quy định rõ về vấn đề này, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 101 quy định rõ trách nhiệm của cơ quan soạn thảo luật phải tham khảo ý kiến của đối tượng bị luật tác động). Thực hiện quy định này, sau khi biên soạn xong Dự thảo 3 Luật về Hội, Vụ các Tổ chức phi chính phủ, Bộ Nội vụ, bắt đầu tiến hành nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo với các Hội, các tổ chức xã hội để lấy ý kiến. Tại các cuộc tọa đàm này (từ Dự thảo 3 đến Dự thảo 8), đã có rất nhiều ý kiến đóng góp tâm huyết, thực tế, khách quan và khoa học của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia hoạt động hàng chục năm ở các Hội, nhiều chuyên gia ở các cơ quan Chính phủ, ban, ngành của Đảng, Quốc hội. Song, điều đáng tiếc là cho đến hai tuần trước khi trình Chính phủ, tại cuộc Tọa đàm Dự thảo Luật về Hội do Ban Xây dựng pháp luật, Văn phòng Chính phủ tổ chức ngày 13/12/2005, Dự thảo 8 do Bộ Nội vụ chuẩn bị vẫn gây nhiều thắc mắc về những nội dung cơ bản.

Kết luận buổi tọa đàm, các đại biểu đã đề xuất ý kiến về việc tổ chức một nhóm chuyên gia soạn thảo mới một Dự thảo Luật về Hội để làm căn cứ tham khảo, được cùng làm việc với Ban Soạn thảo để có một Dự thảo Luật về Hội thực sự hoàn chỉnh.

Thực hiện đề xuất nêu trên, đồng thời được sự ủng hộ và khuyến khích của ông Vụ trưởng Vụ các Tổ chức phi Chính phủ, Bộ Nội vụ, người đã từng phát biểu đề nghị tại các cuộc hội thảo góp ý kiến cho Dự thảo Luật về Hội rằng: mong muốn nhận được những đóng góp ý kiến bằng những dự thảo điều khoản cụ thể cho bản Dự thảo Luật về Hội, không nên chỉ dừng ở những nhận xét chung chung, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam cùng một số tổ chức hội đã tiến hành tổ chức một nhóm nghiên

cứu tiến hành soạn thảo một văn bản tổng hợp ý kiến và nguyện vọng của các Hội, tổ chức xã hội đã được trình bày tại các cuộc hội thảo, tọa đàm góp ý kiến cho Dự thảo Luật về Hội do Bộ Nội vụ soạn thảo, dưới hình thức là một Dự thảo Luật về Hội.

Ngày 23/12/2005, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã tổ chức tọa đàm, giới thiệu ý kiến và nguyện vọng của các tổ chức Hội liên quan tới nội dung của dự thảo Luật về Hội, dưới hình thức góp ý bằng một bản Dự thảo đầy đủ Luật về Hội (tạm gọi là Dự thảo Luật về Hội của các tổ chức Hội). Mặc dù, đây không là văn bản dự thảo luật chính thức, nhưng các tổ chức Hội mong muốn nội dung của bản Dự thảo này được xem xét, tiếp thu và được phản ánh trong Dự thảo chính thức Luật về Hội do Bộ Nội vụ trình. Nhận xét về việc làm này của các tổ chức Hội, ông Trần Quốc Thuận, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội nói: “Việc các nhà khoa học nói rằng Luật về Hội viết không đạt yêu cầu, họ tự viết một Dự thảo khác là rất đáng hoan nghênh. Điều đó phải được đánh giá là sự góp ý tích cực... Đây là một hình thức góp ý toàn diện, dư luận nên hoan nghênh, vì cái đó thể hiện sự dân chủ. Đến nay cá nhân tôi chưa thấy Dự thảo Luật nào được góp ý một cách toàn diện đến mức đưa ra một văn bản mới như thế cả”.

*Với ý nghĩa, và tinh thần nêu trên, bản Dự thảo Luật về Hội do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức biên soạn được coi là **dự thảo Luật về Hội của các tổ chức Hội**. Bản Dự thảo này đã được gửi đi xin ý kiến của một số chuyên gia, các nhà nghiên cứu, và một số tổ chức Hội, đã chỉnh sửa đến lần thứ 7 và trình tại Hội nghị Khoa học ngày 23/1/2006, trước một số đại biểu Quốc hội, các nhà nghiên cứu, các ban ngành, cơ quan của Đảng, Nhà nước và một số tổ chức Hội.*

LUẬT VỀ HỘI LÀ QUY ĐỊNH PHÁP LÝ VỀ QUYỀN TỰ DO LẬP HỘI ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG HIẾN PHÁP

GS.TS. NGUYỄN HỮU TĂNG

Phó Chủ tịch chuyên trách

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Tuy đã có nhiều hội thảo được tổ chức ở Trung ương cũng như ở các địa phương, nhưng nội dung của bản Dự thảo Luật về Hội về cơ bản vẫn được “kiên trì” giữ nguyên. Xem chừng Ban Soạn thảo bỏ ngoài tai những điều góp ý chân thành của các Liên hiệp hội, tổ chức hội từ Trung ương tới địa phương, của các luật gia, của những người có tâm huyết với hoạt động hội và sự phát triển của xã hội. Theo tôi, xét cho cùng, có sự khác biệt về quan điểm xây dựng Luật về Hội của người soạn thảo và người góp ý, nên mới có hiện tượng như vậy. Dự thảo Luật về Hội của Ban Soạn thảo thể hiện rõ quan điểm cần quản lý chặt hoạt động hội (Hội phải xin phép và báo cáo chính quyền nhiều thứ quá, bị ít ra hai cơ quan nhà nước quản lý, thậm chí có thể hiểu là Bộ chủ quản). Hội phải thực hiện nhiều nghĩa vụ quá, trong khi quyền cơ bản của Hội chẳng được xác định là bao. Bản Dự thảo có những điểm can thiệp quá sâu vào hoạt động nội bộ Hội làm cho Hội rất khó hoạt động.

Luật về Hội là một bản quy định mang tính pháp lý về quyền tự do lập Hội, được xác định trong Hiến pháp nước ta (Điều 69). Giải quyết vấn đề này có nghĩa là giải quyết mối quan hệ giữa các cơ quan quản

lý nhà nước và Hội. Nếu nội dung quản lý càng ít thì tính tự do càng cao. Luật phải giải quyết vấn đề này sao cho bảo đảm sự hài hòa giữa quản lý và tự do hoạt động của Hội. Đó là nội dung cơ bản của Luật. Theo tôi, quan điểm xây dựng Luật về Hội cần bảo đảm các vấn đề sau:

1. Bảo đảm tính bình đẳng giữa các Hội cùng có chung tính chất

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động... nên các tổ chức này cần được đối xử bình đẳng như nhau. Hơn nữa, Đảng ta đã xác định liên minh công - nông - trí là nền tảng của cách mạng nước ta, nên Luật về Hội không thể đối xử thiếu công bằng đối với tổ chức đại diện cho trí thức.

Do còn có những vướng mắc như vậy, tôi đề nghị Luật này chưa nên chi phối các tổ chức Hội có tính chất chính trị - xã hội.

2. Nhà nước cần bảo đảm quyền tự do cao (hay cao nhất) cho lập Hội và giải thể Hội của công dân

Thủ tục lập Hội, giải thể Hội cần đơn giản tới mức tối đa. Cơ quan quản lý nhà nước chỉ cần biết ban đầu các nội dung: Ban vận động thành lập Hội (tối thiểu ba người) đủ năng lực, hành vi dân sự, lĩnh vực Hội hoạt động không trùng hoàn toàn với Hội đã có, là cho phép tổ chức Đại hội thành lập Hội (điều này chỉ cần trong 10 ngày). Cơ quan quản lý nhà nước cần yêu cầu Hội báo cáo sau Đại hội: Điều lệ Hội, Ban Lãnh đạo, trụ sở chính, đăng ký tài sản và tài chính. Sau khi kiểm tra, không có gì vi phạm pháp luật (trong vòng 45 ngày), cơ quan quản lý nhà nước cấp giấy đăng ký Hội hoạt động.

Đối với việc giải thể Hội, cơ quan quản lý nhà nước chỉ cần quan tâm tới hai việc: Vi phạm pháp luật tới mức buộc phải giải thể và việc phân chia tài sản. Việc phân chia tài sản giao cho tòa án hành chính. Nếu theo Điều lệ Hội mà không thể chia tài sản được thì khi giải thể Hội, tài sản đó được sung vào công quỹ.

Luật không nên can thiệp quá sâu vào tổ chức nội bộ Hội (Đại hội nhiệm kỳ, nội dung của Đại hội, nguyên tắc biểu quyết, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Lãnh đạo...) làm mất tính tự chủ, tự quản, năng động trong hoạt động xã hội.

Những điều đó dành cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Hội trong việc xây dựng Điều lệ, điều hành khi hoạt động, mà không nên đưa vào Luật. Với cách suy nghĩ vậy thì chúng ta có thể bỏ hàng chục Điều quy định trong Dự thảo Luật về Hội.

3. Hội là một tổ chức cần được bình đẳng như mọi tổ chức khác của xã hội trong cùng lĩnh vực hoạt động, do đó cần có chương riêng về quyền và nghĩa vụ của Hội trong xã hội.

Theo tôi, Hội cần có các quyền cơ bản sau (không thể chỉ có một số quyền có tính chất nội bộ như trong Điều 38 của Dự thảo):

- Quyền tham gia hoạch định chính sách, pháp luật trong lĩnh vực hoạt động có liên quan, vì Hội là một tổ chức nhân dân, mà chính quyền là của dân;

- Quyền bình đẳng tham gia các lĩnh vực hoạt động đã đăng ký, như các tổ chức khác (kể cả tổ chức của Nhà nước) như: nghiên cứu, dịch vụ khoa học và kỹ thuật, các chương trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...;

- Quyền giám sát (như một tổ chức của dân) các hoạt động của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực đăng ký;

- Quyền hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật để tạo nguồn thu cho Hội; quyền nhận tài trợ từ trong nước và nước ngoài và quyền tài trợ cho các tổ chức khác vì mục đích từ thiện, nhân đạo và hỗ trợ trong cùng lĩnh vực hoạt động;

- Quyền quan hệ quốc tế theo đúng pháp luật;

- Quyền thực hiện các nhiệm vụ do Điều lệ Hội quy định.

Hội thực hiện các nghĩa vụ cơ bản sau:

- Thực hiện đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước;
- Không vi phạm lợi ích dân tộc và an ninh quốc gia;
- Không vi phạm lợi ích của các tổ chức xã hội khác;

4. Quản lý nhà nước đối với Hội là nhằm mục đích tạo điều kiện cho Hội hoạt động theo đúng hành lang pháp luật trên phương châm minh bạch và thuận tiện.

- Nhà nước quản lý Hội chỉ theo một cửa. Chính phủ không có điều kiện thì chỉ giao cho một Bộ hoặc Ủy ban Nhân dân. Nội dung quản lý chỉ trong phạm vi cần thiết đối với một tổ chức đăng ký hoạt động (báo cáo hàng năm để biết họ hoạt động ra sao, sự biến động về nhân sự, tài sản, tài chính cần đăng ký lại; xem xét họ có vi phạm pháp luật không). Nhà nước không can thiệp vào nội bộ Hội. Hội tự nguyện nhận sự lãnh đạo của tổ chức nào là quyền của họ.

- Nhà nước tháo gỡ những cơ chế để tạo điều kiện cho Hội hoạt động. Nhà nước có quyền hỗ trợ các mặt cho một Hội nào đó nếu hoạt động của Hội đó có lợi ích nhiều cho xã hội. Nhà nước có thể tặng thưởng vật chất cho một Hội vì một hoạt động nào đó có hiệu quả lớn.

- Nhà nước nên sớm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của Hội hơn là để Hội vi phạm rồi xử lý. Điều đó thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước vì dân.

Với những quan điểm như vậy, tôi tin rằng Luật về Hội sẽ thông thoáng, bảo đảm quyền tự do lập Hội (là một điều không thể thiếu được trong xã hội hiện đại), góp phần tiến tới một xã hội văn minh, hội nhập quốc tế.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI THẢO LUẬN DỰ ÁN LUẬT VỀ HỘI

HƯƠNG GIANG

Báo Hà Nội Mới, ngày 5/4/2006

Không có ngoại lệ cho những Hội ‘đặc biệt’

Sáng 4/4/2006, Ủy ban Thường vụ của Quốc hội (UBTVQH) đã nghe Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Quang Trung đọc tờ trình về Dự án Luật về Hội. Bộ trưởng nhấn mạnh, Luật về Hội được xây dựng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 Khoá IX của Đảng; “Cụ thể hóa quyền lập Hội của công dân; tạo cơ sở pháp lý và điều kiện hoạt động cho Hội; phát huy tính sáng tạo của mọi thành phần xã hội”. Do đó, trong nội dung đã có nhiều điểm tiến bộ của UBTVQH đánh giá cao như: mở rộng các đối tượng hội viên (hội viên liên kết, hội viên danh dự); cho phép các cá nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được thành lập Hội...

Tuy nhiên, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Vũ Đức Khiển đã lưu ý với Ban Soạn thảo về điều kiện và thủ tục thành lập Hội trong Dự luật còn khá rườm rà, phức tạp, chưa phù hợp với nội dung cải cách hành chính; cần hạn chế tối đa các thủ tục không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập Hội. Nhiều ý kiến cũng không tán thành với việc dự luật “đặt ra ngoài lề” sáu tổ chức chính trị xã hội lớn ở nước ta, gồm: Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông

dân và Hội Cựu chiến binh “không dám” coi đây là những Hội thông thường. Các đại biểu đề nghị phải đưa cả sáu tổ chức này vào phạm vi điều chỉnh của Luật để bảo đảm sự công bằng, công khai, minh bạch của các Hội nói chung và khắc phục tình trạng hành chính hóa tổ chức, hoạt động của một số Hội “đặc biệt” như hiện nay.

THỦ TỤC THÀNH LẬP CÒN RUỒM RÀ

LÊ SƠN

Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh ngày 5/4/2006

- Dự án luật vẫn nặng về tư duy quản lý “chặt” các Hội
- Chưa cho phép thành lập Hội của người nước ngoài và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

BỎ CƠ CHẾ “CHỦ QUẢN” HỘI?

“Hội sau khi lập ra thì ai quản lý, quản lý thế nào...?” Đây là những câu hỏi “nóng” của các thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi thảo luận dự án Luật về Hội.

Nhiều ý kiến bày tỏ sự không hài lòng với Dự thảo khi đặt ra nhiều quy định quản lý quá chặt chẽ. Cơ quan quản lý nhà nước không nên can thiệp quá sâu vào nhân sự, đại diện Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đưa ra yêu cầu. Ông kể một ví dụ về sự kiện đại hội của Tổng hội Y học Việt Nam. Khi đó Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế muốn giới thiệu người khác vào một trong các chức danh đứng đầu nhưng anh em người ta không chịu. Vì thế Luật về Hội lần này cần phải thay đổi triệt để tư duy cũ kỹ, ông nói, và không thể biến Hội thành một bộ phận của bộ, ngành, bởi nếu vậy thì Hội chỉ là cái đuôi cho cơ quan công quyền mà thôi. Gợi ý này được nhiều ý kiến ủng hộ. Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, ông Vũ Đức Khiển, cho rằng cần tránh sự chòng chẹo về phạm vi quản lý, đồng thời tránh tư tưởng quản

lý theo cơ chế “Bộ chủ quản”. Tuy nhiên, nội dung này có vẻ không được ban soạn thảo mặn mà lắm. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ông Đỗ Quang Trung, nói rõ ràng là Chính phủ không tán thành với loại ý kiến không nên quy định nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với hoạt động của Hội trong lĩnh vực cơ quan đó quản lý.

Cũng tương tự như vậy, quy định về điều kiện và thủ tục thành lập Hội đã vấp phải nhiều ý kiến phê phán khá gay gắt. Trước quá nhiều thủ tục được đặt ra, ông Khiển cho rằng thủ tục quy định như vậy là quá rườm rà, phức tạp, chưa phù hợp với nội dung cải cách hành chính. Bên cạnh đó, ông Khiển cũng lưu ý việc đặt ra nhiều bước như vậy không những làm khó khăn cho cá nhân khi tiến hành thành lập Hội mà còn gây quá tải ngay cho cơ quan quản lý nhà nước.

ĐỪNG TẠO RA CÁCH BIỆT GIỮA CÁC HỘI

Riêng việc Dự thảo Luật không đưa sáu tổ chức chính trị - xã hội là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh vào phạm vi điều chỉnh đã tạo nên phản ứng khá mạnh mẽ ngay trong giới làm luật. Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội, bà Trần Thị Tâm Đan, nhận xét quy định như vậy là không hợp lý, sẽ tạo nên mâu thuẫn, dẫn tới mất đoàn kết. Theo bà Tâm Đan, nếu Luật về Hội có điều chỉnh cả sáu tổ chức này thì những cơ quan đó cũng không nên nghĩ rằng vị thế của mình sẽ bị hạ thấp đi. Đại diện của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cũng bày tỏ sự đồng ý với cách tiếp cận vấn đề của bà Tâm Đan. Theo ông, để như vậy là bất bình đẳng, có thể dẫn tới sự bất mãn của tầng lớp trí thức. Đồng tình với những ý kiến trên, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội, ông Nguyễn Đức Kiên, phê phán Ban Soạn thảo không nên tạo ra cách biệt giữa các Hội tự lo lắng mọi thứ với những Hội được Nhà nước cung cấp kinh phí. Riêng Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, ông Bùi Ngọc Thanh, thì gay gắt hơn vạch ra những

nhược điểm hết sức lạ lùng của Dự thảo. “Hiện giờ một số tổ chức đã mang tên là Hội rồi thì sao không đưa vào Luật về Hội?”, ông hỏi.

Tiền nong cũng là vấn đề được nhiều đại biểu xối đào khá kỹ. Ông Vũ Đức Khiển cho rằng Dự thảo không nên nói là ngân sách sẽ là một nguồn hỗ trợ, vì như vậy dễ dẫn tới quan hệ xin cho và tâm lý ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước. Người đứng đầu Ủy ban Pháp luật Quốc hội nhấn mạnh quy định như vậy là không phù hợp với mục đích thành lập, cũng như nguyên tắc hoạt động của các Hội. Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, ông Bùi Ngọc Thanh, cũng phản ứng trước vấn đề này khi thấy nhiều Hội cứ xin tiền, xin biên chế hay xin trụ sở. Với nội dung này, chỉ có một điểm được nhiều đại biểu nhất trí là cần quy định thật chặt chẽ việc nhận tài trợ của nước ngoài. Cũng liên quan đến yếu tố nước ngoài, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí là chưa nên cho phép thành lập Hội của người nước ngoài và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC LẬP HỘI TẠI VIỆT NAM

VĂN TIẾN

Người nước ngoài thường trú hợp pháp tại Việt Nam từ 24 tháng trở lên, tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được phép thành lập Hội. Hội trong nước được kết nạp người nước ngoài làm thành viên liên kết, danh dự. Đây là những điểm mới trong dự thảo Luật về Hội, lần đầu tiên trình ra xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên làm việc sáng 4/4/2006. Dự thảo này được “mang nặng” đến lần thứ 9, nhưng dường như “khó sinh” vì còn nhiều quan điểm trái ngược nhau về những vấn đề nhạy cảm này.

LUẬT RA ĐỜI... GÂY MẤT ĐOÀN KẾT

Theo Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Quang Trung, Trưởng ban Soạn thảo, Dự luật không áp dụng điều chỉnh đối với Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội cựu chiến binh.

Lý do là “các tổ chức này có vị trí, vai trò lịch sử trong cách mạng Việt Nam, được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động như các cơ quan nhà nước, đa số các tổ chức này đã có luật, hoặc pháp lệnh quy định riêng...”.

Tuy nhiên, thẩm tra dự án luật, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Vũ Đức Khiển cho biết nhiều ý kiến trong Ủy ban không đồng tình. Các tổ chức này dù quan trọng nhưng “không phải là cơ quan nhà nước”,

cần đưa vào một “sân chơi chung” để đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa Giáo dục Thanh niên Thiếu niên và Nhi đồng Trần Thị Tâm Đan nhìn nhận, suy cho cùng, các hội đều có tính chất chính trị nên không thể lấy “tính chính trị” để phân biệt đối xử giữa các Hội.

“Ra luật như thế thì gây mất đoàn kết chứ không hay ho gì! Tôi đề nghị đưa tất cả các Hội vào Luật này. Các tổ chức nói trên phải coi mình là nòng cốt chứ đừng nghĩ đưa vào luật bị hạ thấp đi”, bà nói thẳng.

“Rõ ràng mang tên “Hội...”, tại sao không công nhận mình là Hội”, là điểm phi lý mà Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Bùi Ngọc Thanh nêu ra. Ông tán thành có một luật chung về Hội, còn tùy đặc thù từng Hội sẽ do điều lệ riêng hoặc luật riêng điều chỉnh.

Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Đỗ Duy Thường kiến nghị Dự luật có điều khoản riêng quy định về loại Hội thành lập và hoạt động ở cơ sở, không có tư cách pháp nhân như Hội đồng hương, đồng môn, đồng tuế, Hội chơi gà... hoạt động vì mục tiêu sở thích, tương thân, tương ái trong cộng đồng.

NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC PHÉP LẬP HỘI?

Dự thảo Luật về Hội có điểm mới rất đáng lưu ý: Người nước ngoài thường trú hợp pháp tại Việt Nam từ 24 tháng trở lên, tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được phép thành lập Hội. Lĩnh vực hoạt động do Chính phủ quy định.

Theo Bộ trưởng Đỗ Quang Trung, thực tế hiện nay đã có gần 30 Hiệp hội của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được thành lập theo Nghị định 08/1998 của Chính phủ. Qua công tác quản lý cho thấy các Hiệp hội này hoạt động đúng pháp luật.

Năm 1986, Việt Nam đã tham gia Công ước về quyền con người,

trong đó quy định mọi người được quyền tự do hội họp, lập Hội. Vì vậy, nghĩa vụ của ta cần thực hiện những cam kết quốc tế. Việc Luật về Hội điều chỉnh cả đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài cũng phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về chủ động hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, một số ý kiến thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho rằng chưa nên đưa vào Luật vì đây là vấn đề mới, khá nhạy cảm trong khi chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý.

Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Vũ Đức Khiển bày tỏ quan điểm, trước mắt nên giữ như hiện nay, cho phép thành lập các Hội của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, có tính chất đầu tư, thương mại, dịch vụ.

Có ý kiến đề nghị nên có riêng một Luật về Hội do người nước ngoài thành lập, giao cho Bộ Ngoại giao dự thảo.

HỘI TRONG NƯỚC ĐƯỢC KẾT NẠP NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bộ trưởng Đỗ Quang Trung nói Chính phủ tán thành quan điểm: “Cho phép Hội Việt Nam được kết nạp người nước ngoài làm hội viên liên kết. Vì với xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, các Hội phải có giao lưu quốc tế để tranh thủ kinh nghiệm, chuyên môn của người nước ngoài”.

Bên cạnh đó, Dự thảo Luật quy định hội viên liên kết, hội viên danh dự có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức nhưng không được tham gia bầu cử, ứng cử vào các chức danh lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội và không biểu quyết các vấn đề của Hội.

Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến lo ngại việc cho phép Hội trong nước kết nạp người nước ngoài làm thành viên.

“Nhiều giáo sư của Việt Nam là thành viên danh dự của các Hội nước ngoài, tại sao chúng ta lại không cho Hội trong nước kết nạp người nước ngoài làm thành viên để tranh thủ chất xám, kinh nghiệm của họ”, Bộ trưởng Đỗ Quang Trung thuyết phục.

LO NGẠI HỘI BỊ LỢI DỤNG DO NHẬN TÀI TRỢ CỦA NƯỚC NGOÀI

Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Bùi Ngọc Thanh đưa ra con số thăm dò do các Sở Nội vụ tiến hành: 82% các Hội muốn Nhà nước rút kinh phí, 70% muốn được giao biên chế, giao cho dịch vụ công. “Nhà nước bao kinh phí cho các Hội theo cách này rất gay go!”, ông nói.

“Mối quan hệ giữa Nhà nước và Hội không phải là mối quan hệ hành chính, cấp trên - cấp dưới. Dự thảo quy định một trong các nguồn thu của Hội từ ngân sách dễ dẫn tới quan hệ xin - cho và tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, không phù hợp với mục đích thành lập cũng như nguyên tắc hoạt động của Hội”, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Vũ Đức Kiên nói.

Để trang trải kinh phí cho hoạt động của Hội, ông Đỗ Duy Thường kiến nghị cho phép Hội được nhận quà tặng, cho, tài trợ của người nước ngoài; được xuất bản sách báo, ấn phẩm, biểu diễn văn nghệ, lập công ty theo luật công ty, lập các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng...

Thượng tướng Nguyễn Văn Hưởng, Thứ trưởng Bộ Công an lưu ý cần quy định rõ: Hội nào được đặt quan hệ quốc tế, nhận tài trợ quốc tế? Lý do là các Hội có thể bị lợi dụng vì đằng sau khoản tiền viện trợ là những tổ chức “dân chủ, nhân quyền”, thậm chí có âm mưu chống phá chế độ.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất đưa Dự án Luật về Hội ra bàn tại kỳ họp Quốc hội dự kiến khai mạc vào 16/5 tới.

THỦ TỤC THÀNH LẬP HỘI RỪNG RÀ, PHỨC TẠP

Theo Dự thảo Luật, muốn thành lập Hội, các sáng lập viên (ít nhất phải có 5 sáng lập viên) phải thành lập Ban vận động. Ban này có nhiệm vụ lập hồ sơ đăng ký thành lập Hội gửi lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước sau khi nhận hồ sơ sẽ cấp giấy biên nhận và trong thời hạn chậm nhất 60 ngày sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội, Ban vận động tổ chức đại hội thành lập. Thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Lãnh đạo phải gửi báo cáo kết quả đại hội, điều lệ, nghị quyết thông qua điều lệ, biên bản bầu Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra hội, lý lịch người đứng đầu Hội, chương trình hoạt động của Hội, nghị quyết Đại hội tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được các văn bản trên, cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận công nhận điều lệ hội. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày điều lệ hội có hiệu lực, Ban Lãnh đạo phải công bố việc thành lập Hội trên ba số báo liên tiếp.

Ủy ban Pháp luật cho rằng, thủ tục thành lập Hội như vậy là khá rườm rà, phức tạp, chưa phù hợp với nội dung cải cách hành chính, giảm tới mức tối đa những thủ tục không cần thiết. Một mặt gây khó khăn cho cá nhân khi tiến hành thủ tục thành lập Hội, mặt khác sẽ gây quá tải cho cơ quan nhà nước khi số lượng xin đăng ký thành lập Hội quá nhiều. Ủy ban này đề nghị thủ tục thành lập Hội phải đơn giản hơn nữa, bảo đảm cho công dân thực hiện quyền lập Hội một cách thuận lợi.

Theo VietnamNet, 5/4/2006

Phản biện xã hội:

**DỰ THẢO ĐÓNG GÓP BỞI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
NĂNG LỰC PHỤ NỮ DÂN TỘC (TEW)**

LUẬT PHẢI XẤT PHÁT TỪ DÂN, BỞI DÂN VÀ VÌ DÂN

BẢN ĐÓNG GÓP VÀO DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI DO TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHỤ NỮ DÂN TỘC (TEW) ĐÓNG GÓP

Hà Nội ngày 28/2/2006

LUẬT VỀ HỘI

Căn cứ Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về Hội.

CHƯƠNG I - NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Quyền lập Hội

1. Công dân, tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có quyền lập Hội, quyền tự do vào Hội, ra Hội, trừ những người mất quyền công dân hoặc đang bị truy tố trước pháp luật.

2. Không ai được xâm phạm quyền lập Hội và quyền tự do vào Hội, ra Hội của người khác.

3. Nhà nước quản lý hoạt động của Hội trên cơ sở bảo đảm quyền lập Hội của công dân được Hiến pháp công nhận. Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Hội tham gia các hoạt động, các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, vì lợi ích của toàn xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tất cả các tổ chức Hội được thành lập hợp pháp, trừ các tổ chức Hội mà pháp luật có những quy định riêng.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội

Điều 4. Hội và Liên hiệp hội

1. “**Hội**” là tổ chức liên kết tự nguyện của công dân xây dựng theo nguyên tắc tự quản, hoạt động thường xuyên, nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị xã hội, bản sắc văn hóa truyền thống của Dân tộc, thúc đẩy tiến bộ xã hội trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, dân sự, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật và công nghệ, vì sự phát triển bền vững của dân tộc và lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên.

“**Hội được thành lập hợp pháp**” là Hội được Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập.

2. **Liên hiệp hội** là một hình thức do nhiều hội tự nguyện liên kết cùng mối quan tâm và triết lý phát triển hợp pháp. Liên hiệp hội có quy mô tổ chức và hoạt động trên địa bàn liên tỉnh, toàn quốc hoặc quốc tế (tùy từng Liên hiệp hội).

Các Hội thành viên trong Liên hiệp hội giữ tư cách pháp nhân riêng, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoạt động theo Điều lệ của Hội mình, phù hợp với Điều lệ Liên hiệp hội.

Liên hiệp hội có tên gọi khác nhau: Liên hiệp hội, Hội liên hiệp, Liên minh các Hội, Tổng hội, Hiệp hội, Liên đoàn, v.v.

Việc gia nhập, rút khỏi Liên hiệp hội được thực hiện theo quy định của Điều lệ Liên hiệp hội, thỏa thuận giữa Liên hiệp hội và Hội thành viên hoặc tổ chức liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự chủ về tài chính.

2. Hoạt động thường xuyên không vì mục đích lợi nhuận.
3. Dân chủ, công khai, minh bạch.

CHƯƠNG II - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 6. Quyền của Hội

1. Quyền hoạt động theo Điều lệ Hội.
2. Quyền thu hội phí từ Hội viên, quyền nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
3. Quyền mua bán, đổi chác tài sản cần thiết cho hoạt động của Hội.
4. Quyền tổ chức sản xuất - kinh doanh, thực hiện các dịch vụ theo luật định, trên nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận.
5. Quyền bình đẳng tham gia đấu thầu các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và các tổ chức khác.
6. Quyền tư vấn, phản biện, giám định xã hội trong các lĩnh vực hoạt động của Hội.
7. Quyền tham gia, tư vấn, phản biện xã hội và giám sát đối với việc xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
8. Quyền kiến nghị việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các văn bản pháp luật khác của Nhà nước.
9. Quyền hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.
10. Quyền tố cáo, khởi kiện trước tòa án đối với các hành vi vi phạm đến quyền lập Hội, quyền tự do vào Hội, ra Hội và quyền hoạt động theo Điều lệ Hội.
11. Quyền kháng án đối với quyết định buộc giải thể Hội do tòa án ban hành.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hội

1. Thực hiện đúng Điều lệ của Hội.
2. Thực hiện đúng quy định của pháp luật, và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.
3. Minh bạch, dân chủ, công khai về báo cáo chuyên môn tài chính, kế toán.

Điều 8. Tư cách pháp nhân của Hội

1. Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội là Hội có tư cách pháp nhân. Tư cách pháp nhân của Hội có trách nhiệm hữu hạn.
2. Tư cách pháp nhân của Hội bình đẳng với các pháp nhân khác trước tòa án, trước cơ quan giải quyết tranh chấp và trong các giao dịch pháp lý.
3. Pháp nhân trực thuộc Hội, Hội thành viên trong Liên hiệp hội có tư cách pháp nhân độc lập, phù hợp với Điều lệ của mình.

CHƯƠNG III - QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘI

Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Hội

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hợp nhất, chia tách Hội, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội khi Hội giải thể theo quyết định của Tòa án.
2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật về Hội.
3. Giám sát, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của Hội, khởi kiện khi Hội có hành vi vi phạm pháp luật.
4. Xét xử và định tội các vi phạm pháp luật của Hội theo Luật định.

Điều 10. Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước đối với Hội

1. Bộ Nội vụ có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành

lập, hợp nhất, chia tách Hội, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội khi Hội giải thể - đối với Hội hoạt động trên phạm vi liên tỉnh, toàn quốc và quốc tế. Sở Nội vụ có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, vùng, và thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Các Bộ - ngành chịu trách nhiệm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật về Hội thuộc lĩnh vực do Bộ - ngành đảm đương.

3. Các Bộ - ngành và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Hội, giám sát, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của Hội, khởi kiện Hội ra Tòa án khi có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền xét xử và định tội các vi phạm pháp luật của Hội theo Luật định.

CHƯƠNG IV - LẬP HỘI

Điều 11. Điều kiện lập Hội

1. Có Hội viên tự nguyện liên kết.
2. Có triết lý hành động.
3. Có định hướng chiến lược và mục tiêu rõ ràng.
4. Có Dự thảo điều lệ hoạt động do các Hội viên tham gia soạn.
5. Có đủ các điều kiện cơ bản để Hội viên duy trì hoạt động và phát triển Hội, mà các điều kiện cơ bản đó được các Hội viên chấp nhận.

Điều 12. Ban sáng lập Hội

Ban sáng lập Hội là những người được các Hội viên bầu ra, chịu trách nhiệm trước các Hội viên định hướng liên kết, tư vấn việc tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký thành lập Hội với cơ quan thẩm quyền của Nhà nước quy định tại Điều 10 của Luật này.

Điều 13. Nội dung Điều lệ Hội

Nội dung Điều lệ Hội phải thể hiện được những nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên Hội.
2. Biểu tượng Hội (nếu có).
3. Trụ sở liên hệ (điện thoại, e-mail, fax, website của Hội nếu có) .
4. Mục tiêu, định hướng chiến lược, chức năng phát triển, đối tượng ưu tiên, lĩnh vực hoạt động của Hội.
5. Nhân sự, nhu cầu về nhân sự của Hội.
6. Cấu trúc tổ chức, quản lý, điều phối các hoạt động của Hội.
7. Thủ tục bầu, bổ nhiệm và miễn nhiệm người đứng đầu Hội và Ban lãnh đạo Hội.
8. Quy chế Hội viên (quyền và nghĩa vụ của Hội viên, thủ tục gia nhập, rút khỏi Hội)
9. Quy chế quy định về hội phí, về đóng góp tự nguyện, về tiếp nhận các khoản viện trợ, về các hợp đồng đầu thầu, tư vấn - phản biện, giám định xã hội hợp pháp của Hội.
10. Quy chế quy định về nguyên tắc thu, chi từ các nguồn thu của Hội theo quy định tại Điểm 9 của Điều này.
11. Quy chế xử lý tài sản, tài chính trong các trường hợp tách, nhập hoặc giải thể Hội.
12. Quy chế giải quyết tranh chấp giữa các thành viên trong Hội và giữa các Hội thành viên liên quan đến tách, nhập và giải thể Hội.
13. Quy chế sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
14. Điều khoản thi hành

Điều 14. Tên và biểu tượng của Hội

1. Không trùng lặp với tên của Hội khác đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập, đang hoạt động và đã giải thể.

2. Tên Hội viết bằng tiếng Việt.
3. Trong trường hợp tên Hội có sử dụng tiếng nước ngoài để giao dịch thì viết sau tên tiếng Việt.
4. Biểu tượng của Hội không được trùng lặp với biểu tượng của các tổ chức khác đang hoạt động và đã giải thể.
5. Trụ sở chính của Hội đặt tại Việt Nam.
6. Hội có con dấu riêng và tài khoản đứng tên Hội tại Ngân hàng.

Điều 15. Đăng ký thành lập Hội

1. Khi nhận đủ hồ sơ đăng ký thành lập Hội, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này cấp giấy biên nhận hồ sơ.
2. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cấp giấy biên nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội.
3. Sau 30 ngày kể từ khi nhận giấy biên nhận hồ sơ, nếu Hội không nhận được giấy đăng ký thành lập Hội, hoặc Hội không nhận được văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Hội với các lý do cụ thể bằng văn bản chính thức, Ban sáng lập Hội có quyền tiến hành Đại hội thành lập Hội.

Điều 16. Đại hội thành lập Hội

Ban sáng lập Hội điều hành Đại hội thành lập Hội với những nội dung sau:

1. Công bố chứng nhận đăng ký thành lập Hội.
2. Thảo luận dân chủ và biểu quyết thông qua Điều lệ Hội.
3. Bầu ban lãnh đạo Hội.
4. Thông qua Nghị quyết của Đại hội.
5. Quyết định phê duyệt cấu trúc tổ chức, nhân sự, cơ chế quản lý, vận hành và phát triển Hội.

6. Trong trường hợp xảy ra tại Điểm 3, Điều 15 của Luật này, Ban sáng lập Hội công bố kết quả Đại hội và gửi báo cáo kết quả của Đại hội lên cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này.

Điều 17. Thủ tục pháp lý sau Đại hội thành lập Hội

1. Sau 15 ngày kể từ ngày tổ chức Đại hội thành lập Hội, người đứng đầu Hội gửi các văn bản sau đây đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này:

- a. Điều lệ Hội đã được Đại hội phê chuẩn.
- b. Ban lãnh đạo Hội, người đứng đầu Hội và danh sách Hội viên (tùy từng loại Hội).
- c. Nghị quyết của Đại hội.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này có quyền không công nhận kết quả Đại hội thành lập Hội.

3. Trường hợp không công nhận kết quả Đại hội thành lập Hội, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả Đại hội thành lập Hội, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo chính thức bằng văn bản về lý do không công nhận kết quả Đại hội thành lập Hội.

4. Hội có quyền không đồng ý và khởi kiện trước Tòa án hành chính việc không công nhận kết quả Đại hội thành lập Hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này.

Điều 18. Việc thành lập Hội của cá nhân và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

1. Cá nhân và tổ chức nước ngoài cư trú và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Việt kiều cư trú và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có quyền lập Hội.

2. Chính phủ quy định cụ thể các thủ tục, điều kiện lập Hội cho các đối tượng tại Điểm 1 của Điều này.

Điều 19. Danh bạ đăng ký các Hội

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này có trách nhiệm xây dựng và cập nhật Danh bạ đăng ký các tổ chức Hội.
2. Đăng ký thành lập các Hội được cập nhật trên Danh bạ Hội, trên trang chủ (website) của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này.

CHƯƠNG V - TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 20. Hội viên

1. Hội viên của Hội là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Điều lệ Hội.
2. Điều lệ Hội quy định cụ thể các tiêu chuẩn, quy chế về Hội viên.

Điều 21. Những việc Hội không được làm

1. Hoạt động làm ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng, gây thiệt hại đến tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường sống.

Chính phủ quy định chi tiết các chỉ số và mức độ gây thiệt hại đến tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường bằng các văn bản dưới Luật.

2. Những hành vi vi phạm đến quyền và tự do cá nhân, vi phạm lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân tộc và lợi ích liên quốc gia.

Chính phủ quy định chi tiết các hành vi vi phạm pháp luật dựa vào những nguyên tắc phát triển bền vững của quốc gia và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

3. Hoạt động gây hại đến an ninh quốc gia, chống phá nhà nước.

Điều 22. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Hội

1. Ban Lãnh đạo Hội.

2. Phòng, Ban chuyên môn và bộ phận quản lý hành chính giúp việc.
3. Pháp nhân trực thuộc.
4. Chi nhánh, Văn phòng Đại diện.
5. Cơ quan kiểm tra.
6. Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường.
7. Điều lệ Hội quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức Hội.

Điều 23. Đại hội nhiệm kỳ

1. Đại hội nhiệm kỳ thông qua Nghị quyết và các văn bản khác mang tính quyết định của Hội.
2. Đại biểu dự Đại hội nhiệm kỳ được bầu dân chủ, công khai theo quy định của Điều lệ Hội.
3. Điều lệ Hội quy định nhiệm kỳ Đại hội, nội dung và thể thức tiến hành.

Điều 24. Đại hội bất thường

Điều lệ Hội quy định các trường hợp triệu tập Đại hội bất thường.

Điều 25. Ban Lãnh đạo Hội

1. Ban Lãnh đạo Hội điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.
2. Nhiệm kỳ của Ban Lãnh đạo Hội theo nhiệm kỳ của Đại hội.
3. Điều lệ Hội, Nghị quyết của Đại hội quyết định cấu trúc tổ chức, cơ chế quản lý, trách nhiệm và quyền hạn của Ban Lãnh đạo Hội.
4. Điều lệ Hội quy định tiêu chuẩn về trình độ, năng lực, đạo đức của những thành viên tham gia Ban Lãnh đạo Hội.

Điều 26. Trách nhiệm và quyền hạn của Người đứng đầu Hội

1. Là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

2. Định hướng chiến lược và các hoạt động ưu tiên của Hội theo quy định của Điều lệ Hội, và hợp pháp.

Điều 27. Cơ quan kiểm tra Hội

Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Hội theo Điều lệ và Nghị quyết đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước quy định tại Điều 10 của Luật này phê duyệt.

Điều 28. Pháp nhân trực thuộc Hội

1. Hội được lập pháp nhân trực thuộc Hội. Việc thành lập pháp nhân trực thuộc Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này chịu trách nhiệm cập nhật các pháp nhân trực thuộc Hội vào Danh bạ đăng ký các Hội.

Điều 29. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Hội

1. Hội được lập văn phòng đại diện, chi nhánh của Hội ở các địa phương và ở nước ngoài. Việc thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh của Hội phải được các địa phương và các nước sở tại đồng ý, và phù hợp với pháp luật.

2. Khi Hội mở Văn phòng đại diện, chi nhánh tại các địa phương hoặc các nước sở tại, Hội có trách nhiệm thông báo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này, mà không phải làm thủ tục đăng ký.

Điều 30. Chia tách và sáp nhập Hội

1. Chia tách và sáp nhập Hội theo quy định của Điều lệ Hội, Nghị quyết Hội của các bên liên quan đến chia tách và sáp nhập.

2. Quyền và nghĩa vụ giữa các Hội tham gia chia tách và sáp nhập phải tuân theo Điều lệ và Nghị quyết của các Hội tham gia chia tách và sáp nhập.

3. Quá trình chia tách, sáp nhập Hội thực hiện minh bạch, công

khai và dân chủ giữa các Hội tham gia chia tách, sáp nhập. Việc chia tách và sáp nhập giữa các Hội không được vi phạm đến quyền lợi chính đáng của Hội viên đã được quy định tại Điều lệ của các Hội tham gia chia tách, sáp nhập.

4. Sau khi chia tách, sáp nhập và hoàn chỉnh thủ tục, Hội có trách nhiệm đăng ký thủ tục kịp thời với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 của Luật này. Cơ quan có thẩm quyền qui định tại Điều 10 của Luật này chịu trách nhiệm cập nhật tên Hội mới vào Danh bạ các Hội.

Điều 31. Giải thể Hội

Hội giải thể trong các trường hợp sau:

1. Tự giải thể.
2. Bị giải thể bằng quyết định hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền sau khi có quyết định của Tòa án.

Điều 32. Hội tự giải thể

1. Lớn hơn $\frac{1}{2}$ tổng số hội viên của Hội mong muốn giải thể Hội.
2. Không có năng lực chuyên môn và không thể định hướng chiến lược tiếp theo và khả năng thu hút các giá trị tự nguyện tham gia của Hội viên để tiếp tục hoạt động.
3. Không đủ năng lực về tài chính.
4. Hết thời hạn hoạt động theo quy định của Điều lệ Hội mà không có nhu cầu tiếp tục hoạt động.

Điều 33. Trách nhiệm của Người đứng đầu và Ban Lãnh đạo Hội khi Hội tự giải thể

1. Báo cáo về việc Hội tự giải thể các nội dung sau:
 - Phương thức xử lý quyền và lợi ích của hội viên theo quy định của Điều lệ Hội;

- Thanh quyết toán theo đúng quy chế và Điều lệ Hội các khoản tài sản, tài chính, các khoản nợ đối với hội viên, cá nhân, tổ chức và Nhà nước (nếu có);

2. Nghị quyết giải thể Hội, hồ sơ và tài liệu tự giải thể Hội.

a) Báo cáo việc tự giải thể Hội đến hết ngày thứ 15 mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này không trả lời, trách nhiệm của Người đứng đầu Hội chấm dứt.

b) Hội có nghĩa vụ đơn phương công bố trên các cơ quan công luận Trung ương và địa phương việc giải thể Hội, tối thiểu là ba lần.

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm xóa ngay tên Hội, địa chỉ Hội trong Danh bạ đăng ký Hội.

Điều 34. Tự giải thể Hội tại Tòa án

1. Tự giải thể Hội gây tranh chấp về tài sản, tài chính giữa Hội với Hội viên, cá nhân hoặc pháp nhân khác, thì tư cách pháp nhân của Hội chỉ được chấm dứt sau khi có quyết định của Tòa án.

2. Người đứng đầu Hội hết trách nhiệm khi Tòa án công nhận việc tự giải thể của Hội.

3. Người đứng đầu Hội báo cáo Quyết định của Tòa án về việc giải thể Hội, và các văn bản liên quan đến xử lý các vấn đề tài sản, tài chính phát sinh đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này.

Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi Hội tự giải thể

1. Báo cáo tự giải thể Hội chỉ được coi là hợp pháp khi:

a) Được toàn thể Hội viên nhất trí thông qua

b) Không có tranh chấp và không vi phạm đến lợi ích của từng hội viên

c) Thanh quyết toán minh bạch, công khai, dân chủ các quyền lợi của mọi hội viên

2. Sau khi nhận được toàn bộ hồ sơ đảm bảo đầy đủ các điều kiện quy định tại Điểm 1 của Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này chịu trách nhiệm xóa tên Hội khỏi Danh bạ đăng ký các Hội, và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng ít nhất ba lần.

Điều 36. Hội bị buộc giải thể

Hội bị buộc giải thể trong các trường hợp sau:

1. Không hoạt động trong vòng 24 tháng liên tục mà không nêu rõ lý do hợp pháp.

2. Nghị quyết của Đại hội quyết định việc tự giải thể mà Ban Lãnh đạo Hội không chấp hành.

3. Hoạt động của Hội vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội.

4. Hoạt động của Hội vi phạm pháp luật.

Điều 37. Quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với Hội bị buộc giải thể

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này chịu trách nhiệm ban hành Quyết định buộc giải thể Hội đối với các trường hợp nêu tại Điều 37 của Luật này.

2. Tòa án giải quyết những tranh chấp về tài chính, tài sản của Hội khi bị buộc giải thể.

3. Hội có quyền khiếu nại trước tòa án về Quyết định hành chính buộc Hội bị giải thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này ban hành.

Điều 38. Hội bị buộc giải thể bằng quyết định của tòa án

1. Nếu hoạt động của Hội vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội và

các quy định của pháp luật, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này có quyền khởi kiện Hội ra trước tòa án.

2. Nếu hoạt động của Hội vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật do Người đứng đầu Hội và Ban lãnh đạo Hội gây ra, thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này khởi kiện người đứng đầu Hội và Ban lãnh đạo Hội trước tòa án.

3. Hội không bị giải thể trong trường hợp nêu tại Điểm 2 của Điều này.

4. Hội có quyền kháng án trước quyết định buộc bị giải thể do tòa án ban hành.

Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này khi Hội bị buộc giải thể

Sau khi ban hành Quyết định hành chính buộc Hội giải thể, hoặc sau khi có quyết định của tòa án buộc Hội giải thể, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 của Luật này chịu trách nhiệm xóa tên Hội buộc bị giải thể khỏi Danh bạ đăng ký các Hội, và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng ít nhất ba lần.

CHƯƠNG VI - TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 40. Nguồn thu của Hội

Hội có các nguồn thu như sau:

1. Hội phí.
2. Đóng góp tự nguyện của hội viên.
3. Tài trợ của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và ngoài nước.
4. Tài trợ từ nguồn ngân sách nhà nước dưới các hình thức hợp đồng kinh tế, chỉ định thầu, đấu thầu, tư vấn - phản biện, giám định xã hội hợp pháp.

5. Các khoản thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ không vì mục đích lợi nhuận của Hội.

Điều 41. Chế độ đối với Hội viên

Hội viên của Hội hưởng các chế độ theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, tiền công, các loại phụ cấp. Các chế độ của hội viên được quy định theo Quy chế của từng loại Hội, trên nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự nguyện, dân chủ, công khai, minh bạch và hợp pháp.

Điều 42. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Hội

1. Hội được phép hoạt động kinh doanh, dịch vụ không vì mục đích lợi nhuận nhằm tạo nguồn thu và chi cho việc tổ chức, quản lý, duy trì và phát triển Hội.

2. Hoạt động từ thiện, nhân đạo, vì lợi ích công do Hội tổ chức thực hiện thì được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để Hội tham gia đấu thầu các đề án nghiên cứu khoa học, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc bình đẳng và cơ chế minh bạch với các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.

Điều 43. Khuyến khích hoạt động quyên góp nhân đạo, từ thiện do Hội tổ chức

1. Cá nhân đóng góp cho hoạt động cứu trợ nhân đạo, từ thiện do Hội tổ chức thì được tính trừ vào thu nhập phải chịu thuế của cá nhân.

2. Doanh nghiệp đóng góp cho hoạt động cứu trợ nhân đạo, từ thiện do Hội tổ chức thì được tính trừ vào chi phí phải chịu thuế của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp tài trợ cho các hoạt động vì lợi ích công cộng trong các lĩnh vực công do Hội tổ chức thì được tính trừ vào chi phí phải chịu thuế của doanh nghiệp.

Điều 44. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

Hội quản lý, sử dụng và phát triển nguồn vốn, tài sản và tài chính theo quy định của Điều lệ Hội và các quy chế quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính hợp pháp của Hội.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm
2. Luật này thay thế Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20/5/1957 và các văn bản pháp luật liên quan đến Hội
3. Hội thành lập hợp pháp trước ngày Luật này có hiệu lực không phải làm lại thủ tục thành lập theo quy định của Luật này.

Điều 46. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định cơ quan chịu trách nhiệm ban hành các văn bản dưới luật hướng dẫn Hội thi hành Luật này./.

PHẢN BIỆN XÃ HỘI VỀ DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

53 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel: (84-4) 3944 7279 - (84-4) 3945 4661 | Fax: (84-4) 3945 4660

Website: www.nxbtrithuc.com.vn | www.nxbtrithuc.vn

Email: lienhe@nxbtrithuc.com.vn

VIỆN NGHIÊN CỨU

SINH THÁI CHÍNH SÁCH XÃ HỘI (SPERI)

PHẢN BIỆN XÃ HỘI VỀ DỰ THẢO LUẬT VỀ HỘI

Sự tham gia của xã hội
trong tiến trình soạn thảo Luật về Hội (2005-2006)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

CHU HẢO

Biên tập: NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Trình bày bìa và nội dung: TRẦN THỊ TUYẾT

Đối tác liên kết:

Viện Nghiên cứu Sinh thái Chính sách Xã hội (SPERI)

Địa chỉ: 12C, Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội.

In 500 bản, khuôn khổ 16x24cm.

Tại Xí nghiệp in Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.

Đăng ký Kế hoạch xuất bản số: 2555-2014/CXB/2-45/TrT.

Quyết định xuất bản số: 63/QĐLK - NXB TrT, ngày 12/12/2014.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2014.